

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Ngôn ngữ Trung Quốc
Chương trình đào tạo : 4 năm
Loại hình đào tạo : Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 645/QĐ-ĐHTĐHN ngày 18 tháng 06 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ đô Hà Nội)

KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP

TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 1 (Tên tiếng Anh: General Chinese 1)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4
- Lý thuyết: 30 tiết
- Bài tập, thảo luận nhóm: 30 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 120 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Khoa: Ngoại ngữ

+ Bộ môn: tiếng Trung Quốc

- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886 Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Vũ Thị Anh Thơ

Số điện thoại: 0906139386 Email: vtatho@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong2@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- **Phẩm chất:**

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.

- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.

- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.

- **Năng lực:**

- Nắm vững kiến thức chuẩn về ngữ âm. Tích lũy một vốn từ nhất định trong các lớp từ về số đếm, nghề nghiệp, quốc tịch, hoa quả, đồ ăn, thức uống,.... Nắm vững kiến thức về một số khái niệm ngữ pháp đơn giản (một số loại câu đơn và dạng câu hỏi đơn giản như: câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ, câu hỏi chính phủ, câu hỏi với trợ từ nghi vấn “吗”, câu hỏi với các đại từ nghi vấn,...) để có thể đặt câu đúng, phát hiện được lỗi sai và sửa được các lỗi sai về câu.

- Nghe nhanh, đúng, chính xác, phân biệt được các cặp thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu dễ nhầm, nắm vững nguyên tắc trọng âm và biến điệu. Nghe hiểu được nghĩa cơ bản của các câu, đoạn văn ngắn, hội thoại ngắn.

- Vận dụng thành thạo các lớp từ về số đếm, nghề nghiệp, quốc tịch, hoa quả, đồ ăn thức uống, tiền tệ, mua bán ... để đặt câu và lập hội thoại.

- Vận dụng thành thạo một số mẫu câu cơ bản đơn giản như câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ, câu hỏi chính phủ, câu hỏi với trợ từ nghi vấn “吗”, câu hỏi với các đại từ nghi vấn,...

- Giao tiếp hội thoại xoay quanh các chủ đề đơn giản như chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, hỏi thăm sức khỏe, tên tuổi, quốc tịch, nơi ở, số điện thoại,...
- Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học.
- Lập được hội thoại đơn giản về các chủ đề đã học trong học phần.
- Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
		2	2	1	1	2	1	1	1	1	1		

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương/Bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
Bài 1: 你好!	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách phát âm của nhóm thanh mẫu b - p - m - f, d - t - l - n, g - k - h và nhóm vận mẫu a - o - e - i - u - ü - ai - ao - ei - ou - Nắm được các quy luật biến âm trong phiên âm tiếng Hán. - Hiểu được từ vựng chủ đề chào hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm được nhóm thanh mẫu b - p - m - f, d - t - l - n, g - k - h và nhóm vận mẫu a - o - e - i - u - ü - ai - ao - ei - ou. - Vận dụng tốt các quy luật biến âm trong phiên âm tiếng Hán. - Sử dụng được từ vựng chủ đề chào hỏi. 	Có thể hội thoại đơn giản theo chủ đề chào hỏi.
Bài 2: 汉语不太难	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách phát âm của nhóm vận mẫu an - ang - en - eng - ong - Nắm được các quy luật biến âm trong phiên âm tiếng Hán. - Hiểu được từ vựng chủ đề hỏi học phần khó không và công việc bận không. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm được nhóm vận mẫu an - ang - en - eng - ong - Vận dụng tốt các quy luật biến âm trong phiên âm tiếng Hán. - Sử dụng được từ vựng chủ đề hỏi học phần khó không và công việc bận không. 	Có thể hội thoại đơn giản theo chủ đề hỏi học phần khó không và công việc bận không.
Bài 3: 谢谢!	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách phát âm của nhóm thanh mẫu j - q - x và nhóm vận mẫu bắt đầu bằng - i và bắt đầu bằng - ü 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm được nhóm thanh mẫu j - q - x và nhóm vận mẫu bắt đầu bằng - i và bắt đầu bằng - ü. 	Có thể hội thoại đơn giản theo các chủ đề cảm ơn.

	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các quy luật biến âm trong phiên âm tiếng Hán. - Hiểu được từ vựng các chủ đề cảm ơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng tốt các quy luật biến âm trong phiên âm tiếng Hán. - Sử dụng được từ vựng các chủ đề cảm ơn. 	
Bài 4: 你去哪儿?	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách phát âm của nhóm thanh mẫu z – c – s, nhóm vận mẫu bắt đầu bằng – u và hiện tượng er hóa - Nắm được các quy luật biến âm trong phiên âm tiếng Hán. - Hiểu được từ vựng chủ đề hỏi thứ trong tuần và hỏi đi đâu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm được nhóm thanh mẫu z – c – s, nhóm vận mẫu bắt đầu bằng – u và hiện tượng er hóa - Vận dụng tốt các quy luật biến âm trong phiên âm tiếng Hán. - Sử dụng được từ vựng chủ đề hỏi thứ trong tuần và hỏi đi đâu. 	Có thể hội thoại đơn giản theo chủ đề hỏi thứ trong tuần và hỏi đi đâu.
Bài 5: 这是什么书?	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách phát âm của nhóm thanh mẫu zh – sh – ch- r. - Nắm được các quy luật biến âm trong phiên âm tiếng Hán. - Hiểu được từ vựng chủ đề giới thiệu người, đồ vật ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm được nhóm thanh mẫu zh – sh – ch- r - Vận dụng tốt các quy luật biến âm trong phiên âm tiếng Hán. - Sử dụng được từ vựng chủ đề giới thiệu người, đồ vật ... 	Có thể hội thoại đơn giản chủ đề giới thiệu người, đồ vật ...
Bài 6: 这是王老师	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách phát âm của toàn bộ hệ thống phiên âm tiếng Hán. - Nắm được các quy luật biến âm trong phiên âm tiếng Hán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm được hệ thống phiên âm tiếng Hán. - Vận dụng tốt các quy luật biến âm trong phiên âm tiếng Hán. 	Có thể hội thoại đơn giản theo chủ đề uống gì.

	- Hiểu được từ vựng chủ đề hỏi uống gì.	- Sử dụng được từ vựng chủ đề uống gì.	
Bài 7: 我学习汉语	- Hiểu cách đọc trọng âm của từ 2 âm tiết và 3 âm tiết. - Hiểu được từ vựng chủ đề học tập.	- Đọc được trọng âm của từ 2 âm tiết và 3 âm tiết. - Sử dụng được từ vựng chủ đề học tập.	Có thể hội thoại đơn giản theo chủ đề học tập.
Bài 8: 你吃什么?	- Hiểu cách đọc trọng âm của từ 2 âm tiết và 3 âm tiết. - Hiểu được từ vựng chủ đề ăn gì.	- Đọc được trọng âm của từ 2 âm tiết và 3 âm tiết. - Sử dụng được từ vựng chủ đề ăn gì.	Có thể hội thoại đơn giản theo chủ đề ăn gì.
Bài 9: 苹果一斤多少钱?	- Hiểu cách đọc trọng âm của từ 2 âm tiết và 3 âm tiết. - Hiểu được từ vựng chủ đề mua bán.	- Đọc được trọng âm của từ 2 âm tiết và 3 âm tiết. - Sử dụng được từ vựng chủ đề mua bán.	Có thể hội thoại đơn giản theo chủ đề mua bán.
Bài 10: 我换人民币	- Hiểu cách đọc trọng âm của từ 2 âm tiết và 3 âm tiết. - Hiểu được từ vựng chủ đề đổi tiền.	- Đọc được trọng âm của từ 2 âm tiết và 3 âm tiết. - Sử dụng được từ vựng chủ đề đổi tiền.	Có thể hội thoại đơn giản theo chủ đề đổi tiền.
Bài 11: 他住在哪儿?	- Hiểu cách đọc trọng âm của của thành phần câu và câu. - Hiểu được từ vựng chủ đề hỏi nơi	- Hiểu cách đọc trọng âm của của thành phần câu và câu. - Sử dụng được từ vựng chủ đề hỏi	Có thể hội thoại đơn giản theo chủ đề hỏi nơi ở.

	ở.	nơi ở.	
Bài 12: 你身体好吗?	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách đọc trọng âm của của thành phần câu và câu. - Hiểu được từ vựng chủ đề hỏi sức khỏe và tình hình lâu không gặp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách đọc trọng âm của của thành phần câu và câu. - Sử dụng được từ vựng chủ đề hỏi sức khỏe và tình hình lâu không gặp. 	Có thể hội thoại đơn giản theo chủ đề hỏi sức khỏe và tình hình lâu không gặp.
Bài 13: 我们都是留学生	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách đọc trọng âm của của thành phần câu và câu. - Hiểu được từ vựng chủ đề nghề nghiệp. - Hiểu được câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách đọc trọng âm của của thành phần câu và câu. - Sử dụng được từ vựng chủ đề nghề nghiệp. - Sử dụng được câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể hội thoại đơn giản theo chủ đề nghề nghiệp. - Vận dụng được kiến thức về câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ để làm các bài tập liên quan.
Bài 14: 你在哪儿学习?	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách đọc trọng âm của của thành phần câu và câu. - Hiểu được từ vựng chủ đề học tập và các học phần liên quan. - Hiểu được câu hỏi dùng trợ từ nghi vấn 吗, câu hỏi chính phủ 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách đọc trọng âm của của thành phần câu và câu. - Sử dụng được từ vựng chủ đề học tập và các học phần liên quan. - Sử dụng được câu hỏi dùng trợ từ nghi vấn 吗, câu hỏi chính phủ 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể hội thoại đơn giản theo chủ đề học tập và các học phần liên quan. - Vận dụng được kiến thức về câu hỏi dùng trợ từ nghi vấn 吗, câu hỏi chính phủ để làm các bài tập liên quan.
Bài 15: 这个箱子很重	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách đọc trọng âm của của thành phần câu và câu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách đọc trọng âm của của thành phần câu và câu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể hội thoại đơn giản theo chủ đề hỏi khi qua hải

	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được từ vựng chủ đề hỏi khi qua hải quan. - Hiểu được câu hỏi với các đại từ nghi vấn, định ngữ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được từ vựng chủ đề hỏi khi qua hải quan. - Sử dụng được câu hỏi với các đại từ nghi vấn, định ngữ... 	<p>quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được kiến thức về câu hỏi với các đại từ nghi vấn, định ngữ để làm các bài tập liên quan.
Bài 16: 你的车是新的还是旧的?	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách đọc ngữ điệu trong câu hỏi lựa chọn, ngữ điệu trong câu tỉnh lược. - Hiểu được các từ chỉ màu sắc và tính chất - Hiểu về câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi lựa chọn dùng 还是, câu hỏi tỉnh lược dùng 呢. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng ngữ điệu trong câu hỏi lựa chọn, ngữ điệu trong câu tỉnh lược. - Sử dụng được các từ chỉ màu sắc và tính chất - Sử dụng được Câu vị ngữ chủ vị, Câu hỏi lựa chọn dùng 还是, Câu hỏi tỉnh lược dùng 呢. 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm được Hội thoại hỏi về vấn đề lựa chọn - Vận dụng được kiến thức về Câu vị ngữ chủ vị, Câu hỏi lựa chọn dùng 还是, Câu hỏi tỉnh lược dùng 呢 để làm được các bài tập liên quan.
Bài 17: 你们公司有多少职员?	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách đọc trọng âm của câu có định ngữ. - Nắm được vốn từ chỉ nghề nghiệp, quan hệ gia đình - Hiểu về Câu chữ 有, cách đọc các con số, bước đầu làm quen với Lượng từ 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng trọng âm của câu có định ngữ. - Sử dụng được vốn từ chỉ nghề nghiệp, quan hệ gia đình - Sử dụng được Câu chữ 有, biết cách đọc các con số, sử dụng đúng các lượng từ 	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được về số người trong các tập thể như gia đình, lớp học, trường học, công ty... - Vận dụng được kiến thức về câu chữ 有, lượng từ để làm các bài tập liên quan
Bài 18: 我的房间	Biết các từ mới về đồ đạc trong	Sử dụng được các từ mới về đồ đạc	Có thể giới thiệu căn phòng

	phòng và các lượng từ liên quan	trong phòng và các lượng từ liên quan	
Bài 19: 你常去图书馆吗?	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách đọc trọng âm của trạng ngữ, trọng âm và ngữ điệu trong câu hỏi dùng 好吗? - Nắm được các từ chỉ hoạt động, chỉ tần suất - Hiểu về từ ngữ chỉ thời gian làm trạng ngữ, phân biệt 还是 và 或者. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng trọng âm của trạng ngữ, trọng âm và ngữ điệu trong câu hỏi dùng 好吗? - Sử dụng được các từ chỉ hoạt động, chỉ tần suất - Sử dụng được từ ngữ chỉ thời gian làm trạng ngữ, Phân biệt được 还是 và 或者. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được về thói quen của bản thân. - Làm được các bài tập liên quan đến từ ngữ chỉ thời gian làm trạng ngữ, 还是 và 或者.
Bài 20: 他在做什么?	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được cách đọc trọng âm trong câu song tân, ngữ điệu trong câu dùng 吧. - Hiểu được các từ chỉ hoạt động, học phân. - Hiểu về các vấn đề ngữ pháp: Sự tiến hành của động tác, Câu song tân, phó từ 怎么 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng trọng âm trong câu song tân, ngữ điệu trong câu dùng 吧. - Sử dụng được các từ chỉ hoạt động, học phân. - Sử dụng được các vấn đề ngữ pháp: Sự tiến hành của động tác, Câu song tân, phó từ 怎么 	<ul style="list-style-type: none"> Thể hiện được hai hành động xảy ra đồng thời. Thể hiện được cách thể hiện mục đích, phương thức

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Tiếng quốc tổng hợp 1** bao gồm 20 bài trong cuốn Giáo trình Hán ngữ tập 1 – quyển thượng và quyển hạ. Học phần tập trung giảng dạy và luyện tập ngữ âm cơ bản của tiếng Hán. Bên cạnh đó, học phần bước đầu giới thiệu quy tắc viết và các nét cơ bản của tiếng Hán, từ đó giúp người học dễ dàng làm quen với chữ Hán, tiếp nhận lượng từ vựng học phần đưa ra. Từ vựng của học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1 chủ yếu về các chủ đề giao tiếp thường nhật, hỏi nghề nghiệp, quốc tịch, mua bán, tiền tệ, thói quen ăn uống... Học phần Tiếng quốc tổng hợp 1 ban đầu đưa ra một số khái niệm ngữ pháp đơn giản như: câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi lựa chọn dùng 还是, câu hỏi tình lược dùng 呢, câu hỏi dùng trợ từ nghi vấn “吗”, câu hỏi chính phủ, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn...từ đó giúp người học làm quen dần với cách thành lập câu và xây dựng hội thoại, đoạn văn.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. Trần Thị Thanh Liêm; *Giáo trình Hán ngữ tập 1 – quyển thượng*; NXB Đại học sư phạm, 2003. (kèm đĩa CD)

[4.1.2]. Trần Thị Thanh Liêm; *Giáo trình Hán ngữ tập 1 – quyển hạ*; NXB Đại học sư phạm, 2003 (kèm đĩa CD)

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. Trần Thị Thanh Liêm; *Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa*; NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2004

[4.2.2]. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục. *Sổ tay người học tiếng Hoa*; NXB khoa học xã hội, 2012

[4.2.3]. Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Trung Quốc – Đại học Ngoại ngữ, *Bài tập tiếng Trung Quốc cơ sở*, tập 1-2, NXB Đại học quốc gia Hà Nội

[4.2.4]. “*Bài tập luyện viết chữ Hán*”, Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Trung Quốc – Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN.

[4.2.5]. Các trang web về hướng dẫn học: <http://gongfubb.com/>; <http://www.skycn.com/soft/57544.html...>

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội

dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên

- Hoàn thành các bài tập được giao:

+ Bài tập về nhà

+ Chuẩn bị bài mới

+ Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học

+ Bài tập thảo luận nhóm

+ Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Linh hoạt chọn lựa kết hợp 1 trong các hình thức sau: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp/ Bài tập lớn, viết các đoạn văn theo chủ đề đã học/ Quay video hội thoại về các chủ đề đã học/ Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

.

6. Nội dung chi tiết học phần, phương pháp và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
Bài 1: 你好 1. Ngữ âm Thanh mẫu: b p m f d t n l g	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn lý thuyết về hệ thống ngữ âm, quy tắc viết chữ Hán, từ vựng và bài hội thoại chủ đề chào hỏi. - Dạy học theo phương pháp hướng	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài	Lí thuyết	1,5	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0,5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>k h Vận mẫu: a o e i u ü ai ei ao ou Thanh điệu: Thanh 1, 2, 3, 4 Biến điệu của thanh 3 2. Từ mới 3. Bài khóa: Chào hỏi 4. Bài tập</p>	<p>đẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh, giảng viên làm mẫu và cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề chào hỏi</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề chào hỏi, kiểm tra viết chữ Hán.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	<p>[4.2.4] [4.2.5]</p>
<p>Bài 2: 汉语不太难 Ngữ âm Vận mẫu: an en ang engong Thanh điệu: + Thanh nhẹ</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn lý thuyết về hệ thống ngữ âm, quy luật biến âm, từ vựng và bài hội thoại chủ đề hỏi thăm về công việc và việc học tiếng Hán.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1,5 1 0,5 0 0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>+ Nửa thanh 3</p> <p>2. Từ mới</p> <p>3. Bài khóa: 汉语不太难</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh, giảng viên làm mẫu và cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề hỏi thăm việc học tiếng Hán có khó không và hỏi thăm công việc có bận không.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề đề hỏi thăm việc học tiếng Hán có khó không và hỏi thăm công việc có bận không, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra vở bài tập về nhà.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	<p>[4.2.4] [4.2.5]</p>
<p>Bài 3: 谢谢!</p> <p>1. Ngữ âm</p> <p>Thanh mẫu:</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn lý thuyết về hệ thống ngữ âm, quy luật biến âm, từ vựng và bài hội thoại chủ đề</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>1,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1]</p>

<p>j q</p> <p>Vận mẫu:</p> <p>i ia ie</p> <p>iao iou (iu)</p> <p>ian iang in</p> <p>ing iong ü</p> <p>üe üan ün</p> <p>Biến điệu của 不 (bù)</p> <p>2. Từ mới</p> <p>3. Bài khóa: Cảm ơn</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>hỏi thăm đi đâu và cảm ơn, tạm biệt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh, giảng viên làm mẫu và cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề hỏi thăm đi đâu và cảm ơn, tạm biệt.</p>	<p>các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề hỏi thăm đi đâu và cảm ơn, tạm biệt, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra vở bài tập về nhà.</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>	<p>[4.2.2]</p>
			<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	<p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p> <p>[4.2.5]</p>
<p>Bài 4: 你去哪儿?</p> <p>1. Ngữ âm</p> <p>Thanh mẫu:</p> <p>z c s</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn lý thuyết về hệ thống ngữ âm, quy luật biến âm, từ vựng và bài hội thoại chủ đề</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>1,5</p>	<p>TL chính:</p>
			<p>Bài tập</p>	<p>1</p>	<p>[4.1.1]</p>
			<p>Thảo luận</p>	<p>0,5</p>	<p>TLTK:</p>
			<p>Thực hành</p>	<p>0</p>	<p>[4.2.1]</p>

<p>Vận mẫu: i er ua uo uai uei(ui) uan uen(un) uang ueng er hóa</p> <p>2. Từ mới 3. Bài khóa: Bạn đi đâu? 4. Bài tập</p>	<p>hỏi thăm ngày tháng, hỏi thăm đi đâu.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh, giảng viên làm mẫu và cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề hỏi thăm ngày tháng, hỏi thăm đi đâu.</p>	<p>các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề hỏi thăm ngày tháng, hỏi thăm đi đâu, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra vở bài tập về nhà.</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>0</p> <p>6</p>	<p>[4.2.2] [4.2.3] [4.2.4] [4.2.5]</p>
<p>Bài 5: 这是什么书? 1. Ngữ âm Thanh mẫu:</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn lý thuyết về hệ thống ngữ âm, quy luật biến âm, dạy từ vựng và bài hội thoại</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>1,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1]</p>

<p>zh ch sh r</p> <p>Vận mẫu: i</p> <p>2. Từ mới</p> <p>3. Bài khóa: Đây là sách gì? 这是什么书?</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>chủ đề giới thiệu làm quen, hỏi thăm về sách báo tạp chí.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh, giảng viên làm mẫu và cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề giới thiệu làm quen, hỏi thăm về sách báo tạp chí.</p>	<p>các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc bảng tổng hợp ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề giới thiệu làm quen, hỏi thăm về sách báo tạp chí, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra vở bài tập về nhà.</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>0</p> <p>6</p>	<p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p> <p>[4.2.5]</p>
<p>Bài 6: 这是王老师</p> <p>1. Ngữ âm: ôn luyện ngữ âm</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về đồ uống và bài hội thoại chủ đề tiếp khách.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>1,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p>

<p>2. Từ mới</p> <p>3. Bài khóa: Đây là thầy Vương</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh, giảng viên làm mẫu và cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề tiếp khách.</p>	<p>các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề tiếp khách, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra vở bài tập về nhà, kiểm tra sinh viên thực hành quay video tiếp khách.</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>0</p> <p>6</p>	<p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p> <p>[4.2.5]</p>
<p>Bài 7: 我学习汉语</p> <p>1. Ngữ âm: ôn luyện ngữ âm</p> <p>2. Từ mới</p> <p>3. Bài khóa: Hỏi họ tên và quốc tịch</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về họ tên, quốc tịch, ngôn ngữ và bài hội thoại chủ đề hỏi thăm họ tên, quốc tịch, học ngoại ngữ gì.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

<p>4. Bài tập</p>	<p>dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video hội thoại hỏi thăm họ tên, quốc tịch, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề hỏi thăm họ tên, quốc tịch, học ngoại ngữ gì.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng từ vựng, mẫu câu, kiểm tra viết chữ Hán, hội thoại bài khóa theo chủ đề hỏi thăm họ tên, quốc tịch, học ngoại ngữ gì, kiểm tra vở bài tập về nhà, kiểm tra sinh viên thực hành quay video hỏi thăm họ tên, quốc tịch, học hành, kiểm tra viết đoạn văn giới thiệu bản thân.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	<p>[4.2.4] [4.2.5]</p>
<p>Bài 8: 你吃什么? 1. Ngữ âm: biến điệu của yi (一) 2. Từ mới 3. Bài khóa: Đây là sách</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về đồ ăn và bài hội thoại chủ đề về ăn uống.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1,5 1 0,5 0 0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>gì? 你吃什么?</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video hội thoại về ăn uống, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề ăn uống.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng từ vựng, mẫu câu, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra vở bài tập về nhà, hội thoại bài khóa theo chủ đề ăn uống, kiểm tra sinh viên thực hành quay video hội thoại về ăn uống.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	<p>[4.2.4] [4.2.5]</p>
<p>Bài 9: 苹果一斤多少钱?</p> <p>1. Ngữ âm: trọng âm của từ 3 âm tiết</p> <p>2. Từ mới</p> <p>3. Bài khóa: Một cân táo bao nhiêu tiền?</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về hoa quả, đơn vị tiền tệ Trung Quốc và bài hội thoại chủ đề về mua hoa quả.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>4. Bài tập</p>	<p>dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video hội thoại về mua hoa quả, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề mua hoa quả.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng từ vựng, mẫu câu, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra vở bài tập về nhà, hội thoại bài khóa theo chủ đề mua hoa quả, kiểm tra sinh viên thực hành quay video mua hoa quả.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	<p>[4.2.4] [4.2.5]</p>
<p>Bài 10: 我换人民币</p> <p>1. Ngữ âm: Biến điệu của 3 thanh 3 liên nhau</p> <p>2. Từ mới</p> <p>3. Bài khóa: Tôi đổi tiền nhân dân tệ</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về tiền tệ các nước và bài hội thoại chủ đề đổi tiền.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>4. Bài tập</p>	<p>giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video hội thoại về đôi tiên, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề đôi tiên</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng từ vựng, mẫu câu, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra vở bài tập về nhà, hội thoại bài khóa theo chủ đề đôi tiên, kiểm tra sinh viên thực hành quay video hội thoại đôi tiên.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	<p>[4.2.4] [4.2.5]</p>
<p>Bài 11: 他住在哪儿? 1. Từ mới 2. Ngữ pháp: - Thứ tự thành phần câu trong câu tiếng Hán.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng và hội thoại hỏi thăm địa chỉ và số điện thoại.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1,5 1 0,5 0 0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>- Câu vị ngữ động từ. - Cách đọc các loại số</p> <p>3. Bài khóa: Ông ấy đang sống ở đâu?</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video hội thoại hỏi thăm địa chỉ và số điện thoại, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề hỏi thăm địa chỉ và số điện thoại.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐG: Kiểm tra miệng từ vựng, mẫu câu, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra vở bài tập về nhà, kiểm tra hội thoại tự do theo chủ đề hỏi thăm địa chỉ và số điện thoại.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	<p>[4.2.4] [4.2.5]</p>
<p>Bài 12: 你身体好吗? + KTGK</p> <p>1. Ngữ âm: Tổng hợp.</p> <p>2. Từ mới</p> <p>3. Bài khóa: Bạn có khỏe</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng và hội thoại hỏi thăm sức khỏe và hội thoại mua đồ.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>không?</p> <p>4. Bài tập</p> <p>5. Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút.</p>	<p>giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video hội thoại hỏi thăm sức khỏe và video mua đồ, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề hỏi thăm sức khỏe và hội thoại mua đồ.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng từ vựng, mẫu câu, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra vở bài tập về nhà, kiểm tra hội thoại tự do theo chủ đề hỏi thăm sức khỏe và hội thoại mua đồ.</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	<p>[4.2.4] [4.2.5]</p>
<p>Bài 13: 我们都是留学生</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ âm:</p> <p>- Trọng âm của câu</p> <p>- Ngữ điệu</p> <p>3. Ngữ pháp:</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về tên nước, nghề nghiệp và hội thoại giao tiếp giới thiệu về tên tuổi, nghề nghiệp, quốc tịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>- Hỏi như thế nào? - Trạng ngữ - Phó từ “也” và “都” làm trạng ngữ 4. Bài khóa: Chúng tôi đều là lưu hs. 5. Bài tập</p>	<p>đẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video hội thoại giao tiếp giới thiệu về tên tuổi, nghề nghiệp, quốc tịch, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề giao tiếp giới thiệu về tên tuổi, nghề nghiệp, quốc tịch.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng từ vựng, mẫu câu, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra vở bài tập về nhà, kiểm tra hội thoại tự do theo chủ đề giao tiếp giới thiệu về tên tuổi, nghề nghiệp, quốc tịch.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	<p>[4.2.4] [4.2.5]</p>
<p>Bài 14: 你在哪儿学习? 1. Ngữ âm: - Trọng âm của câu - Ngữ điệu 2. Từ mới 3. Ngữ pháp:</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về môn học và hội thoại giao tiếp giới thiệu về thầy cô, bạn bè và môn học. - Dạy học theo phương pháp hướng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1,5 1 0,5 0 0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>- Hỏi như thế nào? (1): Đại từ nghi vấn</p> <p>- Định ngữ và trợ từ kết cấu “的”</p> <p>- Giới từ “在” và “给”</p> <p>4. Bài khóa: Bạn học ở đâu?</p> <p>5. Bài tập</p>	<p>đẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video hội thoại giao tiếp giới thiệu về thầy cô, bạn bè và môn học, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề giao tiếp giới thiệu về thầy cô, bạn bè và môn học.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng từ vựng, mẫu câu, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra vở bài tập về nhà, kiểm tra hội thoại tự do theo chủ đề giới thiệu về thầy cô, bạn bè và môn học.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	<p>[4.2.4] [4.2.5]</p>
<p>Bài 15: 这个箱子很重</p> <p>1. Ngữ âm:</p> <p>- Trọng âm</p> <p>- Ngữ điệu câu hỏi chính phủn</p> <p>2. Từ mới</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về lượng từ và đồ dùng hàng ngày và hội thoại giao tiếp hàng ngày, khai báo hải quan.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>3. Ngữ pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu vị ngữ hình dung từ - Câu hỏi chính phủ - Từ tổ chữ “的” <p>4. Bài khóa: Cái vali này rất nặng</p> <p>5. Bài tập</p>	<p>đẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video hội thoại giao tiếp giới thiệu về thầy cô, bạn bè và môn học, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề hội thoại giao tiếp hàng ngày, khai báo hải quan.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng từ vựng, mẫu câu, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra bài tập tổng hợp trắc nghiệm tự luận kết hợp, kiểm tra vở bài tập về nhà, kiểm tra hội thoại giao tiếp hàng ngày, khai báo hải quan.</p>	Tự học, NC	6	[4.2.4] [4.2.5]
<p>Bài 16: 你的车是新的还是旧的?</p> <p>1. Ngữ âm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngữ điệu trong câu hỏi lựa chọn 	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về màu sắc, xe cộ và hội thoại giao tiếp hàng ngày hỏi thăm về màu sắc và xe cộ.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.2]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

<p>- Ngữ điệu trong câu tỉnh lược</p> <p>2. Từ mới</p> <p>3. Ngữ pháp:</p> <p>- Câu vị ngữ chủ vị</p> <p>- Hỏi như thế nào?</p> <p>- Câu hỏi lựa chọn (..... 还是...?)</p> <p>- Hỏi như thế nào?</p> <p>- Câu hỏi tỉnh lược (..... 呢...?)</p> <p>4. Bài khóa: Xe của bạn mới hay cũ?</p> <p>5. Bài tập</p>	<p>đẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video hội thoại giao tiếp hàng ngày hỏi thăm về màu sắc và xe cộ, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề hội thoại giao tiếp hàng ngày hỏi thăm về màu sắc và xe cộ.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng từ vựng, mẫu câu, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra vở bài tập về nhà, kiểm tra hội thoại giao tiếp hàng ngày hỏi thăm về màu sắc và xe cộ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	<p>[4.2.4] [4.2.5]</p>
<p>Bài 17: 你们公司有多少职员?</p> <p>1. Ngữ âm: ôn luyện ngữ âm tổng hợp.</p> <p>2. Từ mới</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về các loại nghề nghiệp và hội thoại giao tiếp hàng ngày hỏi thăm về gia đình, công ty.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.2] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>3. Ngữ pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu chữ “有” - Cách đọc các con số - Hỏi số lượng “几” và “多少” <p>4. Bài khóa: Công ty của ông có bao nhiêu nhân viên?</p> <p>5. Bài tập</p>	<p>dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video hội thoại giao tiếp hàng ngày hỏi thăm về gia đình, công ty, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề hội thoại giao tiếp hàng ngày hỏi thăm về gia đình, công ty.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng từ vựng, mẫu câu, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra vở bài tập về nhà, kiểm tra hội thoại giao tiếp hàng ngày hỏi thăm về gia đình, công ty.</p>	Tự học, NC		<p>[4.2.4]</p> <p>[4.2.5]</p>
<p>Bài 18: 我的房间</p> <p>1. Ngữ âm: ôn tập ngữ âm</p> <p>2. Từ mới</p> <p>3. Bài khóa: Căn phòng của tôi.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về đồ dùng trong phòng và viết đoạn văn miêu tả căn phòng.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.2]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

<p>4. Bài tập</p>	<p>giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video giới thiệu phòng ở, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề hội thoại giao tiếp hàng ngày hỏi thăm về căn phòng của bạn</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm, làm bài tập viết đoạn văn...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng từ vựng, mẫu câu, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra vở bài tập về nhà, kiểm tra bài tập luyện viết đoạn văn miêu tả về căn phòng của bạn.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	<p>[4.2.4] [4.2.5]</p>
<p>Bài 19: 你常去图书馆吗? 1. Ngữ âm: Trọng âm câu 2. Từ mới 3. Ngữ pháp: - Từ ngữ chỉ thời gian làm</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng và hội thoại hỏi thăm về hoạt động hàng ngày.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1,5 1 0,5 0 0</p>	<p>TL chính: [4.1.2] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>trạng ngữ</p> <p>- So sánh “还是” và “或者”</p> <p>4. Bài khóa: Bạn có thường xuyên đến thư viện không?</p> <p>5. Bài tập</p>	<p>giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video giới thiệu hoạt động một ngày, hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề hội thoại hỏi thăm thói quen, hoạt động trong ngày.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm, làm bài tập viết đoạn văn...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng từ vựng, mẫu câu, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra vở bài tập về nhà, kiểm tra hội thoại hỏi thăm về thói quen, hoạt động hàng ngày, kiểm tra bài tập luyện viết về một ngày của em.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	<p>[4.2.4] [4.2.5]</p>
<p>Bài 20: 他在做什么?</p> <p>1. Ngữ âm: ôn luyện ngữ âm tổng hợp.</p> <p>2. Từ mới</p> <p>3. Ngữ pháp:</p> <p>- Sự tiến hành của động</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng và hội thoại hỏi thăm về thói quen, hoạt động hàng ngày (bạn đang làm gì).</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.2] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu có hai tân ngữ - Hỏi phương thức của hành vi động tác “怎么” + động từ (V) <p>4. Bài khóa: Bạn ấy đang làm gì thế?</p> <p>5. Bài tập</p>	<p>đẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video giới thiệu thói quen, hoạt động một ngày (bạn đang làm gì), hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề hội thoại hỏi thăm thói quen, hoạt động trong ngày (bạn đang làm gì).</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm, làm bài tập viết đoạn văn...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng từ vựng, mẫu câu, kiểm tra viết chữ Hán, kiểm tra vở bài tập về nhà, kiểm tra hội thoại hỏi thăm về thói quen, hoạt động hàng ngày (đang làm gì), kiểm tra bài tập trắc nghiệm tự luận kết hợp liên quan đến toàn bộ kiến thức thức tiếng đã được học trong học phần TQTH1.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	<p>[4.2.4] [4.2.5]</p>
--	---	--	-------------------	----------	----------------------------

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), viết đoạn văn, quay video, làm slide 	<p>10 %</p>	<p>Đánh giá thường xuyên</p>	<p>Giảng viên</p>

	thuyết trình,...			
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá qua quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

	<p>dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 90 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học trong học phần TQTH1.</p>			
--	--	--	--	--

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 2

(Tên tiếng Anh: General Chinese 2)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4
- Lý thuyết: 30 tiết
- Bài tập, thảo luận nhóm: 30 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 120 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Lê Thị Thanh Tú

Số điện thoại: 0964850728 Email: ltttu@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Vũ Thị Anh Thơ

Số điện thoại: 0906139386 Email: vtatho@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Đinh Thị Thảo

Số điện thoại: 0987092698 Email: dtthao@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.
 - Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.

- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.

- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Nghiêm túc trong học tập, luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.

• Năng lực:

- Nắm vững kiến thức chuẩn về ngữ âm. Mở rộng nâng cao vốn từ về các lĩnh vực trường học, y học, ẩm thực, văn hóa, nghệ thuật, du lịch. Nắm vững kiến thức về một số khái niệm ngữ pháp phức tạp như: câu kiêm ngữ, động từ năng nguyện, trợ từ ngữ khí, câu so sánh, câu bị động, bổ ngữ trạng thái, bổ ngữ kết quả, bổ ngữ số lượng, bổ ngữ xu hướng đơn, bổ ngữ động lượng, các kết cấu ngữ pháp ... để có thể đặt câu và nghe hiểu đúng nghĩa.

- Nghe nhanh, đúng, chính xác, phân biệt thanh mẫu, vận mẫu thanh điệu, trọng âm và biến điệu. Vận dụng thành thạo các lớp từ về các lĩnh vực trường học, y học, ẩm thực, văn hóa, nghệ thuật, du lịch, ... Vận dụng thành thạo một số các mẫu câu và cấu trúc ngữ pháp phức tạp hơn như câu kiêm ngữ, động từ năng nguyện, trợ từ ngữ khí, câu so sánh, câu bị động, bổ ngữ trạng thái, bổ ngữ kết quả, bổ ngữ số lượng, bổ ngữ xu hướng đơn, bổ ngữ động lượng, các kết cấu ngữ pháp

- Giao tiếp hội thoại xoay quanh các chủ đề về cuộc sống sinh hoạt, ẩm thực, văn hóa, nghệ thuật, du lịch, y học, giao tiếp ứng xử, tình cảm,...

- Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học.

• Kết quả học tập mong đợi của học phần

- 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.

- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
		2	2	1	1	2	1	1	1	1	1	2	1

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương/Bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
Bài 21: 我去邮局寄包裹	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu về Trọng âm logic - Nắm vững vốn từ chủ đề “bưu điện” - Hiểu được Câu liên động 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng Trọng âm logic - Sử dụng được vốn từ chủ đề “bưu điện” - Sử dụng được Câu liên động 	Lập được hội thoại xoay quanh chủ đề “bưu điện”
Bài 22: 我看看皮大衣	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được trọng âm từ với động từ lặp lại, Ngữ điệu trong câu cảm thán. - Có vốn từ chủ đề mua bán - Hiểu về Động từ lặp lại, Kết cấu 又.... 又...., 一点儿 và 有点儿. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng trọng âm từ với động từ lặp lại, ngữ điệu trong câu cảm thán. - Sử dụng được từ vựng chủ đề mua bán. - Sử dụng được vấn đề Động từ lặp lại, Kết cấu 又.... 又...., phân biệt được 一点儿 và 有点儿. 	Thực hiện được hội thoại chủ đề mua quần áo
Bài 23: 你的生日是几月几号?	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được ngữ điệu trong câu hỏi. - Nắm được từ vựng về thời gian - Hiểu được Câu vị ngữ danh từ, Câu hỏi dùng ngữ điệu nghi vấn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng ngữ điệu trong câu hỏi. - Sử dụng được các từ về thời gian. - Sử dụng được: Câu vị ngữ 1 danh từ, Câu hỏi dùng ngữ điệu nghi vấn. 	Hội thoại được hỏi các vấn đề thời gian như hỏi ngày, tháng, năm, ngày sinh nhật, năm sinh...
Bài 24: 我的学习生	Hiểu được từ vựng chỉ hoạt động trong	Sử dụng được từ vựng chỉ hoạt	Nói được về các hoạt động

活	ngày.	động trong ngày.	trong một ngày
Bài 25: 我们七点一刻出发	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được về cách đọc trọng âm và lượng từ, trọng âm và câu hỏi dùng 几. - Biết cách hỏi và biểu thị giờ. Hiểu về thứ tự biểu đạt thời gian trong tiếng Hán và đặc điểm ngữ pháp của từ chỉ thời gian. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc được trọng âm và lượng từ, trọng âm và câu hỏi dùng 几. - Làm được các BT liên quan về hỏi và biểu thị giờ, cũng như các thời gian khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể hỏi và biểu thị giờ. - Có thể giới thiệu về hoạt động một ngày của mình.
Bài 26: 我打算请老师教京剧	<ul style="list-style-type: none"> - Nhớ được từ vựng chỉ một số bộ môn nghệ thuật, môn thể thao... - Hiểu các vấn đề ngữ pháp: <ul style="list-style-type: none"> + 以前 “yǐ qián” và 以后 “yǐ hòu” + Kết cấu “对 谁... 感兴趣 感兴趣” (có hứng với + Câu kiêm ngữ 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng đặt câu được vốn từ về toàn bộ các bộ môn nghệ thuật, thể thao - Vận dụng thành thạo và làm được các bài tập liên quan về các vấn đề ngữ pháp: <ul style="list-style-type: none"> + 以前 “yǐ qián” và 以后 “yǐ hòu” + Kết cấu “对 谁... 感兴趣 感兴趣” (có hứng với + Câu kiêm ngữ 	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng vốn từ về các bộ môn nghệ thuật, thể thao - lập được hội thoại và viết được một đoạn văn ngắn đơn giản về chủ đề thể thao cũng như nói về dự định của mình.
Bài 27: 学校里边有邮局	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được từ vựng cơ bản liên quan đến vị trí, khoảng cách, khoảng thời gian (phải, trái, trước, sau, trên, dưới, bên cạnh, cách bao xa, trong bao lâu...) - Nắm được các vấn đề ngữ pháp: 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và đặt được câu đúng với các giới từ và từ phương vị đã học - Vận dụng thành thạo các vấn đề ngữ pháp đã học. Làm được các bài tập liên quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Lập được hội thoại về chủ đề “hỏi đường” - kể được về 1 lần bị lạc đường

	<ul style="list-style-type: none"> + Trợ từ ngữ khí 呢“ne” + Phương vị từ + Biểu đạt sự tồn tại + Câu hỏi dùng phó từ 多“duō” + Giới từ “离 lí, 从 cóng, 往 wǎng” 		
Bài 28: 我想学太极拳	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các từ vựng cơ bản chỉ môn thể thao và tình trạng sức khỏe - Nắm được các vấn đề trọng điểm sau: <ul style="list-style-type: none"> + Phó từ 再“zài” + Kết cấu “从 cóng.....到 dào.....” (từ..... đến.....) + Động từ năng nguyện + Câu hỏi nguyên nhân dùng 怎么“zen me” 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tốt các từ vựng cơ bản chỉ môn thể thao, võ, văn hóa nghệ thuật...; Tình trạng sức khỏe và sở thích, mong muốn của mình - Vận dụng thành thạo các yếu tố ngữ pháp đã học. Làm được các bài tập liên quan. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lập được hội thoại biểu đạt mong muốn tham gia một hoạt động nào đó - viết được một đoạn văn ngắn về chủ đề sức khỏe và việc tập luyện một môn thể thao nào đó
Bài 29: 她学得很好	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các từ chỉ năng lực, trình độ - Biết cách nói khách khí khi đáp lại lời khen ngợi của người khác. - Biết cách biểu thị tầm tàm: dùng 还可以 “hái kě yǐ” + Hiểu về bổ ngữ chỉ trạng thái 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tốt cách biểu đạt về trình độ - Sử dụng thành thạo các câu đơn giản về khen/chê và đáp lại lời khen/chê 	<ul style="list-style-type: none"> - Lập được hội thoại hỏi về năng lực, trình độ trong lĩnh vực cụ thể - Viết được một đoạn văn ngắn giới thiệu về năng lực, trình độ của mình ở các lĩnh vực học hành, thể thao...
Bài 30: 我的同学	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các từ vựng chỉ đặc điểm, tính 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được từ vựng trong các 	<ul style="list-style-type: none"> - Lập được hội thoại, viết được

	cách, phẩm chất của con người	câu đơn giản chỉ đặc điểm, tính cách, phẩm chất của con người - Biết sử dụng các câu đơn giản để miêu tả một người nào đó.	đoạn văn nói về đặc điểm, tính cách, phẩm chất của con người.
Bài 31: 田芳去哪儿了?	- Biết sử dụng các từ vựng giao tiếp thông thường: hỏi ai, ở đâu, làm gì - Hiểu và sử dụng được các vấn đề ngữ pháp: Trợ từ ngữ khí 了, phân biệt 再 và 又	- Biết sử dụng các câu giao tiếp đơn giản theo chủ đề hỏi ai, ở đâu, làm gì - Sử dụng được các vấn đề ngữ pháp: Trợ từ ngữ khí 了, phân biệt 再 và 又..Làm được các bài tập liên quan.	- Thực hiện được hội thoại chủ đề: gọi điện thoại
Bài 32: 玛丽哭了	- Nắm được các từ vựng về cảm xúc: vui, buồn, cáu giận, khóc, cười... - Hiểu và sử dụng được các vấn đề ngữ pháp: Trợ từ động thái 了, 因为...所以...	- Sử dụng được các từ vựng miêu tả về cảm xúc: vui, buồn, cáu giận, khóc, cười... - Biết sử dụng các câu đơn giản miêu tả cảm xúc - nắm vững và sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học. Làm được các bài tập liên quan.	- Viết được đoạn văn ngắn miêu tả về trạng thái cảm xúc.
Bài 33: 我下了班就去看房子了	- Nắm được các từ vựng về chủ đề tìm và thuê nhà (diện tích, rộng hẹp, xa gần, số	- Sử dụng kết hợp được các từ vựng về chủ đề tìm và thuê nhà	- Lập được hội thoại chủ đề tìm và thuê phòng

	phòng, giá cả, thanh toán,...) - Hiểu được các vấn đề ngữ pháp: 要是... (的话), 就...; 虽然...但是...; phân biệt 就 và 才	- sử dụng được các vấn đề ngữ pháp: 要是... (的话), 就...; 虽然...但是...; phân biệt 就 và 才. Làm được các bài tập liên quan.	- Viết đoạn văn kể về 1 lần tìm và thuê phòng
Bài 34: 我都做完了	- Nắm được một số động từ và tính từ thường làm bổ ngữ kết quả. - Hiểu và sử dụng được bổ ngữ kết quả.	- Biết cách nói về sự kết quả của động tác.	- Lập được hội thoại, viết được đoạn văn miêu tả về sự hoàn thành của động tác
Bài 35: 我来中国两个多月了	- Nắm vốn từ vựng về khoảng thời gian, và các động từ miêu tả hoạt động - Hiểu và sử dụng được các vấn đề ngữ pháp: bổ ngữ thời lượng, động từ li hợp, số khái quát.	- Sử dụng tốt từ vựng về thời gian, miêu tả hoạt động - Biết cách nói về các hoạt động trong ngày và thời lượng của các hoạt động đó	- Thảo luận thành thạo, viết được đoạn văn miêu tả về các hoạt động trong ngày và thời lượng của các hoạt động đó
Bài 36: 逛公园	- Nắm các từ vựng miêu tả về thời gian, địa điểm, các hoạt động vui chơi	- Sử dụng tốt các từ vựng miêu tả về thời gian, địa điểm, các hoạt động vui chơi	- kể được về một lần đi chơi
Bài 37: 我比你更喜欢音乐	- Nắm các từ vựng miêu tả về sở thích, khí hậu - Hiểu và sử dụng được câu so sánh hơn, câu cảm thán, bổ ngữ số lượng.	- Biết cách nói về sở thích và miêu tả khí hậu.	- Lập được hội thoại, viết đoạn văn miêu tả sở thích, khí hậu có vận dụng các câu so sánh, cảm thán, bổ ngữ số lượng

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Tiếng quốc tổng hợp 2 bao gồm 10 bài (từ bài 20 đến bài 30) trong cuốn Giáo trình Hán ngữ tập 1 – quyển hạ và 7 bài (từ bài 31 đến bài 37) trong cuốn Giáo trình Hán ngữ tập 2 – quyển thượng. **Tiếng quốc tổng hợp 2** cung cấp cho người học những từ vựng, kiến thức về các chủ đề y học, trường học, ẩm thực, văn hóa, nghệ thuật, du lịch,... Đồng thời, học phần này yêu cầu người học lĩnh hội những ngữ pháp phức tạp như câu kiêm ngữ, động từ năng nguyện, trợ từ ngữ khí, câu so sánh, câu bị động, bổ ngữ trạng thái, bổ ngữ kết quả, bổ ngữ thời lượng, bổ ngữ xu hướng đơn, bổ ngữ động lượng, các kết cấu ngữ pháp... Hệ thống ngữ pháp và từ vựng được triển khai trong bài khóa góp phần giúp người học làm quen và rèn luyện, nâng cao bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; rèn luyện khả năng giao tiếp và miêu tả diễn đạt đặc điểm, tính chất, trạng thái của con người, sự vật, sự việc...

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. Trần Thị Thanh Liêm; *Giáo trình Hán ngữ tập 1 – quyển hạ*; NXB Đại học sư phạm, 2003. (kèm đĩa CD)

[4.1.2]. Trần Thị Thanh Liêm; *Giáo trình Hán ngữ tập 2 – quyển thượng*; NXB Đại học sư phạm, 2003. (kèm đĩa CD)

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. Trần Thị Thanh Liêm, *Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2004

[4.2.2]. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục. *Sổ tay người học tiếng Hoa*; NXB khoa học xã hội, 2012

[4.2.3]. Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Trung Quốc – Đại học Ngoại ngữ, *Bài tập tiếng Trung Quốc cơ sở*, tập 2, NXB Đại học quốc gia Hà Nội

[4.2.4] Các trang web về hướng dẫn học: <http://gongfubb.com/>;
<http://www.skycn.com/soft/57544.html...>

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.
 - Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
 - Hoàn thành các bài tập được giao:
- + Bài tập về nhà

- + Chuẩn bị bài mới
- + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
- + Bài tập thảo luận nhóm
- + Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm
 - Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:
- + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....
- + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK có thể linh hoạt chọn lựa 1 trong các hình thức sau: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp/ Bài tập lớn, viết các đoạn văn theo chủ đề đã học/ Quay video hội thoại về các chủ đề đã học/ Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...
- + Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.
 - Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần, phương pháp và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
Bài 21: 我去邮局寄包裹 1. Ngữ âm: - Trọng âm logic 2. Từ mới 3. Ngữ pháp: - Cách biểu đạt mục đích và phương thức của hành vi động tác: Câu liên động. 4. Bài khóa: Tôi đến bưu điện gửi bưu phẩm 5. Bài tập	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn lý thuyết về trọng âm, từ vựng và hội thoại chủ đề đi bưu điện, ngữ pháp câu liên động. - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video chủ đề đi bưu điện. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề đi bưu điện.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, mẫu câu liên động, hội thoại bài khóa theo chủ đề bưu điện, thuật lại bài khóa, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.	Lí thuyết	1,5	TL chính: [4.1.1] [4.1.2] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0,5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 22: 我看看皮大衣	- Dạy học theo phương pháp thuyết	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên	Lí thuyết	1,5	TL chính:

<p>1. Ngữ âm: - Trọng âm từ. - Ngữ điệu.</p> <p>2. Từ mới</p> <p>3. Ngữ pháp: - Động từ lấy lại. - Cấu trúc câu: 又...又... Vừa... vừa... - So sánh “一点儿” và “有（一）点儿”</p> <p>4. Bài khóa: Tôi xem áo khoác da một chút</p> <p>5. Bài tập</p>	<p>giảng, hỏi đáp, hướng dẫn lý thuyết về trọng âm, ngữ điệu, từ vựng và hội thoại chủ đề mua quần áo, ngữ pháp Động từ lấy lại; Cấu trúc câu: 又...又... Vừa... vừa...; So sánh “一点儿” và “有（一）点儿”.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video chủ đề đi mua quần áo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề đi mua quần áo.</p>	<p>thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, mẫu câu sử dụng Động từ lấy lại; Cấu trúc câu: 又...又... Vừa... vừa...; So sánh “一点儿” và “有（一）点儿”., hội thoại bài khóa theo chủ đề đi mua quần áo, thuật lại bài khóa, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	Bài tập	1	[4.1.1]
			Thảo luận	0,5	[4.1.2]
			Thực hành	0	TLTK:
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.1]
			Tự học, NC	6	[4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]
<p>Bài 23: 你的生日是几月几号?</p> <p>1. Ngữ âm:</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn luyện đọc ngữ điệu, từ vựng và hội thoại chủ đề hỏi thời gian như hỏi ngày, tháng, năm,</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ</p>	Lí thuyết	1,5	TL chính:
			Bài tập	1	[4.1.1]
			Thảo luận	0,5	[4.1.2]
			Thực hành	0	TLTK:

<p>- Ngữ điệu.</p> <p>2. Từ mới:</p> <p>3. Ngữ pháp:</p> <p>- Câu vị ngữ danh từ.</p> <p>- Ngày, tháng, năm.</p> <p>- Hỏi như thế nào (6): Ngữ điệu nghi vấn</p> <p>4. Bài khóa: Sinh nhật của bạn vào ngày tháng nào?</p> <p>5. Bài tập</p>	<p>ngày sinh nhật, năm sinh..., ngữ pháp về Câu vị ngữ danh từ; cách diễn đạt Ngày, tháng, năm; cách sử dụng Ngữ điệu nghi vấn hỏi như thế nào.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video chủ đề hỏi thời gian như hỏi ngày, tháng, năm, ngày sinh nhật, năm sinh...</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề hỏi thời gian như hỏi ngày, tháng, năm, ngày sinh nhật, năm sinh...</p>	<p>vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, mẫu câu sử dụng Câu vị ngữ danh từ; cách diễn đạt Ngày, tháng, năm; cách sử dụng Ngữ điệu nghi vấn hỏi như thế nào, hội thoại bài khóa theo chủ đề hỏi thời gian như hỏi ngày, tháng, năm, ngày sinh nhật, năm sinh..., thuật lại bài khóa, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>0</p> <p>6</p>	<p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>
<p>Bài 24: 我的学习生活</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài khóa: Cuộc sống học tập của tôi</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng và bài khóa chủ đề Cuộc sống học tập của tôi.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>1,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>[4.1.2]</p> <p>TLTK:</p>

<p>3. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video chủ đề Cuộc sống học tập của tôi</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do, chủ đề hỏi đáp, miêu tả Cuộc sống học tập của tôi.</p>	<p>vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, kiểm tra đọc dịch bài khóa, viết đoạn văn, quay video giới thiệu về Cuộc sống học tập của tôi, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>0</p> <p>6</p>	<p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>
<p>Bài 25: 我们七点一刻出发</p> <p>1. Ngữ âm</p> <p>- Quy tắc trọng âm của cụm từ chỉ số lượng và</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn luyện đọc trọng âm của cụm từ chỉ số lượng và trọng âm trong câu hỏi dùng “几”; từ vựng và hội thoại chủ đề giới thiệu về</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>[4.1.2]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

<p>trọng âm trong câu hỏi dùng “几”;</p> <p>2. Từ mới</p> <p>3. Ngữ pháp</p> <p>- Hỏi và biểu thị giờ.</p> <p>- Thứ tự biểu đạt thời gian trong tiếng Hán</p> <p>- Đặc điểm ngữ pháp của từ chỉ thời gian.</p> <p>4. Bài khóa: Chúng tôi 7giờ15 phút xuất phát</p> <p>5. Bài tập</p>	<p>hoạt động một ngày của bạn; ngữ pháp Hỏi và biểu thị giờ, Thứ tự biểu đạt thời gian trong tiếng Hán, Đặc điểm của từ chỉ thời gian.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video giới thiệu về hoạt động một ngày của bạn.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề giới thiệu về hoạt động một ngày</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, mẫu câu Hỏi và biểu thị giờ, Thứ tự biểu đạt thời gian trong tiếng Hán, Đặc điểm của từ chỉ thời gian, đọc dịch bài khóa, thuật lại bài khóa, viết đoạn văn, quay video theo chủ đề giới thiệu về hoạt động một ngày của bạn, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	Tự học, NC	6	[4.2.3] [4.2.4]
<p>Bài 26: 这是王老师</p> <p>1. Ngữ âm: ôn luyện ngữ âm</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về các bộ môn nghệ thuật, thể thao và hội thoại chủ đề về nghệ thuật, thể thao và</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>1,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>[4.1.2]</p> <p>TLTK:</p>

<p>2. Từ mới</p> <p>3. Ngữ pháp</p> <p>+ 以前 “yǐ qián” và 以后 “yǐ hòu”</p> <p>+ Kết cấu “对 duì... 感兴趣 gǎn xìng qù” (có hứng với)</p> <p>+ Câu kiêm ngữ</p> <p>4. Bài khóa: Tôì định mời giáo viên dạy kinh kịch</p> <p>5. Bài tập</p>	<p>kế hoạch dự định; các vấn đề ngữ pháp liên quan đến 以前 “yǐ qián” và 以后 “;”</p> <p>Kết cấu “对 duì... 感兴趣 gǎn xìng qù” (có hứng với) và câu kiêm ngữ.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video giới thiệu về nghệ thuật, thể thao và kế hoạch dự định.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề về nghệ thuật, thể thao và kế hoạch dự định</p>	<p>vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, mẫu câu Hỏi và biểu thị giờ, Thứ tự biểu đạt thời gian trong tiếng Hán, Đặc điểm của từ chỉ thời gian, đọc dịch bài khóa, thuật lại bài khóa, viết đoạn văn, quay video theo chủ đề giới thiệu các môn thể thao nghệ thuật cũng như nói về dự định của mình, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.1]
			Tự học, NC	6	[4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]
<p>Bài 27: 学校里边有邮局</p> <p>1. Từ mới</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về phương vị từ và hội thoại chủ đề hỏi</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ</p>	Lí thuyết	1,5	TL chính: [4.1.1] [4.1.2]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0,5	

<p>2. Ngữ pháp</p> <p>+ Trợ từ ngữ khí 呢“ne”</p> <p>+ Phương vị từ</p> <p>+ Biểu đạt sự tồn tại</p> <p>+ Câu hỏi dùng phó từ 多“duō”</p> <p>+ Giới từ “离 lí, 从 cóng, 往 wǎng”</p> <p>3. Bài khóa: Trong trường học có bưu điện</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>đường; các vấn đề ngữ pháp liên quan đến Trợ từ ngữ khí 呢“ne”; Phương vị từ; Biểu đạt sự tồn tại; Câu hỏi dùng phó từ 多“duō”; Giới từ “离 lí, 从 cóng, 往 wǎng”.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video chủ đề hỏi đường.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề hỏi đường.</p>	<p>lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, ngữ pháp về Trợ từ ngữ khí 呢“ne”; Phương vị từ; Biểu đạt sự tồn tại; Câu hỏi dùng phó từ 多“duō”; Giới từ “离 lí, 从 cóng, 往 wǎng; Luyện hội thoại, đọc dịch bài khóa, thuật lại bài khóa; nhìn tranh chỉ đường, quay video theo chủ đề hỏi đường, viết đoạn văn ngắn kể về một lần lạc đường, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	Thực hành	0	<p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
<p>Bài 28: 我想学太极拳</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về các môn thể thao và tình trạng sức khỏe; hội thoại chủ đề hỏi thăm sức</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm</p>	Lí thuyết	1,5	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>[4.1.2]</p> <p>TLTK:</p>
Bài tập	1				
Thảo luận	0,5				
Thực hành	0				

<p>+ Phó từ 再“zài”</p> <p>+ Kết cấu “从 cóng..... 到 dào....”</p> <p>+ Động từ năng nguyện</p> <p>+ Câu hỏi nguyên nhân dùng 怎么“zen me”</p> <p>3. Bài khóa: Tôi muốn học Thái cực quyền</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>khỏe và việc tập luyện một môn thể thao nào đó; các vấn đề ngữ pháp liên quan đến Phó từ 再“zài”, Kết cấu “从 cóng.....到 dào....”, Động từ năng nguyện, Câu hỏi nguyên nhân dùng 怎么“zen me”.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video giới thiệu thái cực quyền của TQ.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ hỏi thăm sức khỏe và việc tập luyện một môn thể thao nào đó.</p>	<p>vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, ngữ pháp về Phó từ 再“zài”, Kết cấu “从 cóng..... 到 dào....”, Động từ năng nguyện, Câu hỏi nguyên nhân dùng 怎么“zen me”.; Luyện hội thoại, đọc dịch bài khóa, thuật lại bài khóa; viết một đoạn văn ngắn về chủ đề sức khỏe và việc tập luyện một môn thể thao nào đó, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.1]
			Tự học, NC	6	[4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]
<p>Bài 29: 她学得很好?</p> <p>1. Từ mới</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng chỉ năng lực, trình độ; hội thoại chủ đề hỏi</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ</p>	Lí thuyết	1,5	TL chính:
			Bài tập	1	[4.1.1]
			Thảo luận	0,5	[4.1.2]

2. Ngữ pháp + Cách dùng 还可以 “hái kẻ yĩ” + Bỏ ngữ chỉ trạng thái 3. Bài khóa: Cô ấy học rất giỏi 4. Bài tập	về năng lực, trình độ trong lĩnh vực cụ thể ; các vấn đề ngữ pháp liên quan Cách dùng 还可以 “hái kẻ yĩ” và Bỏ ngữ chỉ trạng thái. - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video giao tiếp hỏi về năng lực, trình độ trong lĩnh vực cụ thể. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ hỏi thăm về năng lực, trình độ trong lĩnh vực cụ thể.	lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, ngữ pháp về bỏ ngữ trạng thái, sử dụng các câu đơn giản về khen/chê và đáp lại lời khen/chê; các câu đơn giản chỉ đặc điểm, tính cách, phẩm chất của con người; các câu đơn giản để miêu tả một người nào đó; Luyện hội thoại, đọc dịch bài khóa, thuật lại bài khóa; viết một đoạn văn ngắn về nói về đặc điểm, tính cách, phẩm chất của con người, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.	Thực hành	0	TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 30: 我的同学 1. Từ mới	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng chỉ đặc điểm, tính cách, phẩm chất của con	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ	Lí thuyết	1,5	TL chính: [4.1.1] [4.1.2]
			Bài tập	2	
			Thảo luận	1,5	

<p>2. Bài khóa: Bạn học của tôi</p> <p>3. Bài tập</p> <p>4. Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút.</p>	<p>người; bài khóa miêu tả bạn học.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh, giảng viên đọc mẫu, cho nghe băng bài khóa và hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề hỏi thăm về một người bạn, tập miêu tả một người bạn trong nhóm và đoán đáp án là ai.</p>	<p>lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, Sử dụng được từ vựng trong các câu đơn giản chỉ đặc điểm, tính cách, phẩm chất của con người và sử dụng các câu đơn giản để miêu tả một người nào đó.; Luyện đọc dịch bài khóa, thuật lại bài khóa; viết một đoạn văn ngắn miêu tả một người bạn học, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p> <p>- KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	Thực hành	0	<p>TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]</p>
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	10	

<p>Bài 31: 田芳去哪儿了 ?</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: Trợ từ ngữ khí “了”; Phó từ “再” và “又”</p> <p>3. Bài khóa: Điền Phương đi đâu?</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; hội thoại chủ đề giao tiếp thông thường: hỏi ai, ở đâu, làm gì; Các vấn đề ngữ pháp: Trợ từ ngữ khí 了, phân biệt 再 và 又</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có liên quan chủ đề bài học để sinh viên mô phỏng, làm theo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề gọi điện thoại.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, ngữ pháp, sử dụng các câu giao tiếp đơn giản theo chủ đề hỏi ai, ở đâu, làm gì; Luyện hội thoại, đọc dịch bài khóa, thuật lại bài khóa; quay video gọi điện thoại cho một ai đó, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>[4.1.2]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>
			Bài tập	1	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	8	
<p>Bài 32: 玛丽哭了</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: + Phương</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về cảm xúc: vui, buồn, cáu giận, khóc, cười, hướng dẫn đọc, dịch, luyện thực</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>[4.1.2]</p> <p>TLTK:</p>
			Bài tập	1	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	

<p>thức biểu đạt sự hoàn thành của động tác; + Kết cấu nhân quả "因为...所以....."</p> <p>3. Bài khóa: Mary khóc</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>hành bài khóa và sử dụng các vấn đề ngữ pháp: Trợ từ động thái 了, 因为... 所以...</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có liên quan chủ đề bài học để sinh viên mô phỏng, làm theo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề về cảm xúc của con người.</p>	<p>vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng các câu đơn giản miêu tả cảm xúc; thực hành sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học; Luyện hội thoại, đọc dịch bài khóa, thuật lại bài khóa; viết đoạn văn ngắn để miêu tả cảm xúc của bản thân, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.1] [4.2.2]
			Tự học, NC	8	[4.2.3] [4.2.4]
<p>Bài 33: 我下了班就去看房子了</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: + Phó từ</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng chủ đề tìm và thuê nhà (diện tích, rộng hẹp, xa gần, số phòng, giá cả, thanh toán,...),</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính: [4.1.1] [4.1.2] TLTK:</p>
			Bài tập	1	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	

<p>就 và 才; + Kết cấu “要是...(的话), 就”; “虽然...但是...”</p> <p>3. Bài khóa: Tôi vừa đi làm về liền đi xem căn hộ</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>hướng dẫn đọc, dịch, luyện thực hành bài khóa và sử dụng các vấn đề ngữ pháp Phó từ 就 và 才; Kết cấu “要是...(的话),就”; “虽然...但是...”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có liên quan chủ đề bài học để sinh viên mô phỏng, làm theo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề tìm và thuê phòng.</p>	<p>vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện hội thoại, đọc dịch bài khóa, thuật lại bài khóa; viết đoạn văn ngắn kể về 1 lần tìm và thuê phòng, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>0</p> <p>8</p>	<p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>
<p>Bài 34: 我都做完了</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: + Bổ ngữ</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng, hướng dẫn đọc, dịch, luyện thực hành bài khóa và sử dụng các vấn đề ngữ</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>[4.1.2]</p> <p>TLTK:</p>

<p>kết quả; + Cụm từ chủ vị làm định ngữ</p> <p>3. Bài khóa: Tôi đều làm hết rồi.</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>pháp về Bồ ngữ kết quả; cụm từ chủ vị làm định ngữ.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có liên quan chủ đề bài học để sinh viên mô phỏng, làm theo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề nói về sự kết quả của động tác.</p>	<p>vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện hội thoại, đọc dịch bài khóa, thuật lại bài khóa; viết đoạn văn ngắn miêu tả sự hoàn thành của động tác/ công việc, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.1] [4.2.2]
			Tự học, NC	8	[4.2.3] [4.2.4]
<p>Bài 35: 我来中国两个多月了</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: + Bồ ngữ thời lượng;</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về khoảng thời gian và các động từ miêu tả hoạt động, hướng dẫn đọc, dịch, luyện thực hành bài khóa và sử dụng các vấn đề ngữ pháp về Bồ ngữ thời lượng;</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	Lí thuyết	2	TL chính: [4.1.1]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	1	TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>+ Phương thức biểu thị con số ước lượng; + Động từ li hợp</p> <p>3. Bài khóa: Tôi đến Trung Quốc đã được hơn hai tháng</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>phương thức biểu thị con số ước lượng; động từ li hợp.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có liên quan chủ đề bài học để sinh viên mô phỏng, làm theo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề nói về hoạt động trong ngày và thời lượng của các hoạt động đó.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện hội thoại, đọc dịch bài khóa, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn miêu tả hoạt động trong ngày và thời lượng của các hoạt động đó, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	<p>[4.2.3] [4.2.4]</p>
<p>Bài 36: 逛公园</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: Ôn tập lại các ngữ pháp đã học</p> <p>3. Bài khóa: Đi dạo công viên</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về thời gian, địa điểm, các hoạt động vui chơi, hướng dẫn đọc, dịch, luyện thực hành bài khóa.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] [4.1.2] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>

<p>4. Bài tập</p>	<p>đẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có liên quan chủ đề bài học để sinh viên mô phỏng, làm theo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề nói về hoạt động một lần đi chơi.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện hội thoại, đọc dịch bài khóa, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn kể về một lần đi chơi, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	<p>[4.2.3] [4.2.4]</p>
<p>Bài 37: 我比你更喜欢音乐</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: + Câu so sánh hơn;</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng về thời gian, địa điểm, các hoạt động vui chơi và các từ vựng miêu tả về sở thích, khí hậu; hướng dẫn đọc, dịch, luyện thực hành bài khóa, cách sử dụng Câu</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] [4.1.2] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>

<p>+ Câu cảm thán; + Bỏ ngữ số lượng.</p> <p>3. Bài khóa: Tôi thích âm nhạc hơn bạn</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>so sánh; Câu cảm thán; Bỏ ngữ số lượng.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có liên quan chủ đề bài học để sinh viên mô phỏng, làm theo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề nói về sở thích và miêu tả khí hậu.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện hội thoại, đọc dịch bài khóa, thuật lại bài khóa; viết đoạn văn ngắn miêu tả sở thích, khí hậu có vận dụng các câu so sánh, cảm thán, bỏ ngữ số lượng, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	<p>[4.2.3] [4.2.4]</p>
---	---	--	-------------------	----------	----------------------------

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), viết đoạn văn, quay video, viết đoạn văn, 	<p>10 %</p>	<p>Đánh giá thường xuyên</p>	<p>Giảng viên</p>

	làm slide thuyết trình,...			
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá trình quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học 	Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

phần.	yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 90 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học trong học phần TQTH2.			
-------	--	--	--	--

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 3
(Tên tiếng Anh: General Chinese 3)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4
- Lý thuyết: 30 tiết
- Bài tập, thảo luận nhóm: 30 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 120 tiết.
- Loại học phần: **Bắt buộc**

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghị vụ <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Đinh Thị Thảo

Số điện thoại: 0987092698 Email: dtthao@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Vũ Thị Anh Thơ

Số điện thoại: 0906139386 Email: vtatho@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.
 - Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.

- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập, luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Nắm vững kiến thức về ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Có hiểu biết nhất định về văn hoá, đất nước Trung Quốc
 - Có khả năng sử dụng tiếng Trung Quốc ở cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong giao tiếp và trong các tình huống đặc thù khác. Biết hội thoại giao tiếp xoay quanh các chủ đề về cuộc sống sinh hoạt, ẩm thực, văn hóa, nghệ thuật, du lịch, y học, giao tiếp ứng xử, tình cảm,...
 - Có khả năng xử lý các tình huống khác nhau trong giao tiếp trực tiếp, qua điện thoại, thư tín bằng tiếng Trung Quốc.
 - Có kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng truyền đạt thông tin, kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng suy ngẫm và tự đánh giá...
 - Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học.
- Kết quả học tập mong đợi của học phần

100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
		2	2	1	1	2	1	1	1	1	2	2	1

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương/bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
Bài 38: 我们那儿的冬天跟北京一样冷	<ul style="list-style-type: none"> Nắm các từ vựng miêu tả về sở thích, khí hậu Hiểu và sử dụng được câu so sánh ngang bằng 	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng tốt các từ vựng miêu tả về khí hậu 	<ul style="list-style-type: none"> hội thoại, viết đoạn văn miêu tả sở thích, khí hậu có vận dụng các câu so sánh, ngang bằng
Bài 39: 冬天快要到了	<ul style="list-style-type: none"> Nắm các từ vựng miêu tả về kế hoạch Hiểu và sử dụng được trợ từ kết cấu 地, câu vô chủ, miêu tả động tác sắp xảy ra. 	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng tốt các từ vựng miêu tả về kế hoạch, dự định Nói các câu ngắn gọn về kế hoạch 	<ul style="list-style-type: none"> hội thoại, viết đoạn văn miêu tả về dự định của mình, có sử dụng được trợ từ kết cấu 地, câu vô chủ, miêu tả động tác sắp xảy ra.
Bài 40: 快上来吧, 要开车了	<ul style="list-style-type: none"> Nắm được các từ vựng về xu hướng Hiểu và sử dụng được bổ ngữ xu hướng đơn. 	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng được các từ vựng về xu hướng Hiểu và sử dụng được bổ ngữ xu hướng đơn. 	<ul style="list-style-type: none"> Thảo luận thành thạo, viết đoạn văn ngắn các câu đơn giản miêu tả về xu hướng có sử dụng bổ ngữ xu hướng đơn
Bài 41: 我听过钢琴协奏《黄河》	<ul style="list-style-type: none"> Nắm các từ vựng và cấu trúc cơ bản khi nói về quá khứ Hiểu và sử dụng được trợ từ động thái 过. 	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng được các từ vựng và cấu trúc cơ bản khi nói về quá khứ Biết cách kể về kinh nghiệm trong quá khứ. 	<ul style="list-style-type: none"> Thảo luận thành thạo, viết đoạn văn ngắn các câu đơn giản miêu tả về quá khứ có sử dụng được trợ từ động thái 过.

Bài 42: 花	Nắm từ vựng miêu tả vùng nông thôn	Sử dụng được từ vựng miêu tả vùng nông thôn	Viết đoạn văn kể lại một câu chuyện về lớp học hay thầy cô của mình.
Bài 43: 我是跟旅游团一起来的。	- Nắm được các vốn từ về văn hóa Trung Quốc - Hiểu và sử dụng được hình dung từ lặp lại.	- Sử dụng được các vốn từ về văn hóa Trung Quốc - Có hiểu biết về một số vấn đề văn hóa Trung Quốc. Viết các câu ngắn gọn về văn hóa Trung Quốc	- Thảo luận thành thạo, viết đoạn văn ngắn kể về văn hóa Trung Quốc.
Bài 44: 昨天的讲座你去了吗?	- Nắm các từ cơ bản về các học phần theo các chuyên ngành - Hiểu và sử dụng được câu vị ngữ chủ vị	- Sử dụng được các vốn từ về các học phần theo chuyên ngành cụ thể - Viết các câu ngắn gọn về các chuyên ngành học.	- Thảo luận thành thạo, viết đoạn văn ngắn các câu đơn giản để kể về chuyên ngành học.
Bài 45: 我的眼镜摔破了	- hiểu các từ vựng để miêu tả bị động - Hiểu được câu bị động, lượng từ lặp lại	- Viết câu ngắn gọn để kể lại một sự việc - Sử dụng được câu bị động, lượng từ lặp lại	- Thảo luận thành thạo, viết đoạn văn ngắn các câu đơn giản để kể về một sự việc có dùng câu bị động, lượng từ lặp lại
Bài 46: 我们走下去吧	- Hiểu được các từ vựng dùng để miêu tả xu hướng phức hợp	- Sử dụng được bộ ngữ xu hướng phức hợp. Làm được các bài tập	- Thực hiện được hội thoại chủ đề “gửi bưu phẩm”

	- Hiểu được bổ ngữ xu hướng phức hợp	liên quan.	- Viết được đoạn văn kể về 1 lần đi gửi bưu phẩm
Bài 47: 会议中心的门开着呢	- Hiểu được các từ vựng miêu tả sự duy trì của trạng thái hoặc động tác. - Hiểu được trợ từ động thái 着	- Sử dụng được trợ từ động thái 着. - Đặt được các câu miêu tả sự duy trì của trạng thái hoặc động tác	- Thực hiện được hội thoại và viết được đoạn văn về chủ đề “đám cưới” - Viết được đoạn văn kể về 1 lần đi dự đám cưới.
Bài 48: 复习八	Hiểu được các vấn đề ngữ pháp đã học trước đó.	Sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học trước đó.	Làm được hội thoại về các nội dung đã học.
Bài 49: 前边开过来一辆空车	- Hiểu được các từ vựng liên quan đến câu tồn hiện. - Hiểu được câu tồn hiện	- Sử dụng được câu tồn hiện. - Làm được các bài tập liên quan.	- Thực hiện được hội thoại chủ đề: giới trẻ ngày nay - Viết được đoạn văn nói về quan điểm của mình.
Bài 50: 请把护照和机票给我	- Hiểu được các từ vựng xung quanh chủ đề “máy bay” - Hiểu được câu chữ 把.	- Sử dụng được câu chữ 把. - Làm được cái bài tập liên quan	- Thực hiện được hội thoại chủ đề: đi máy bay - Viết được đoạn văn kể về 1 lần đi máy bay

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3 bao gồm từ bài 38 đến bài 45 cuốn Giáo trình Hán ngữ tập 2 cuốn thượng và từ bài 46 đến bài 50 cuốn Giáo trình Hán ngữ tập 2 cuốn hạ. Học phần **Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3** có trọng tâm dạy học là phần bài khoá. Phần bài khoá vẫn ở thể loại hội thoại như các học phần trước, giảng viên thông qua bài khoá giúp người học lĩnh hội được các kết cấu ngữ pháp và ý nghĩa của nó trong tiếng Trung Quốc. Các trọng điểm ngữ pháp chủ yếu là: Câu chữ 被, câu tồn hiện, câu chữ 把, bổ ngữ xu hướng phức, bổ ngữ khả năng, bổ ngữ trạng thái, danh từ lặp lại, số lượng từ lặp lại, trợ từ 着, câu phức... Học phần này cung cấp hệ thống bài tập phong phú, bao gồm rất nhiều thể loại khác nhau: ngữ âm, thay thế, chọn từ điền trống, đặt câu theo mẫu, hoàn thành hội thoại, hoàn thành câu, trả lời câu hỏi theo tình hình thực tế, sửa câu sai, hội thoại giao tiếp, đọc hiểu, viết chữ Hán, điền từ tổng hợp...

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình Hán ngữ tập 2 – quyển thượng; NXB Đại học sư phạm, 2003. (kèm đĩa CD)

[4.1.2]. Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình Hán ngữ tập 2 – quyển hạ; NXB Đại học sư phạm, 2003. (kèm đĩa CD)

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. Lưu Vân, Thạch Bội Chi; Tài liệu luyện thi năng lực Hán ngữ - Thi trình độ Hán ngữ HSK (Cấp 3)- Tuyển tập đề thi mẫu; NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2015.

[4.2.2]. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục. Sổ tay người học tiếng Hoa; NXB khoa học xã hội, 2012.

[4.2.3]. Quỳnh Thiên; Ngữ pháp tiếng Trung hiện đại; NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2011

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Suu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:

- + Bài tập về nhà
- + Chuẩn bị bài mới
- + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
- + Bài tập thảo luận nhóm
- + Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm
 - Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:
- + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....
- + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp/ Bài tập lớn, viết các đoạn văn theo chủ đề đã học/ Quay video hội thoại về các chủ đề đã học/ Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...
- + Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.
 - Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần, phương pháp và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
Bài 38: 我们那儿的冬天跟北京一样冷 1. Từ mới 2. Ngữ pháp: + Câu so sánh “跟...一样/不一样”	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng vựng miêu tả về sở thích, khí hậu, hướng dẫn đọc, dịch, luyện thực hành bài khóa và sử dụng các vấn đề ngữ pháp câu so sánh “跟...一样/不一样” và kết cấu “不	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên	Lí thuyết	2	TL chính: [4.1.1] [4.1.2] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>+ Kết cấu “不但...而且...”</p> <p>3. Bài khóa: Mùa đông ở chỗ chúng tôi cũng lạnh như ở Bắc Kinh</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>但...而且...”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có liên quan chủ đề bài học để sinh viên mô phỏng, làm theo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề miêu tả sở thích, khí hậu.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện hội thoại, đọc dịch bài khóa, thuật lại bài khóa; viết đoạn văn ngắn kể về sở thích, miêu tả khí hậu có vận dụng các câu so sánh, ngang bằng, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	<p>[4.2.3]</p>
<p>Bài 39: 冬天快要到了</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp:</p> <p>+ Trợ từ ngữ khí “了”;</p> <p>+ Kết cấu “要....了”, “</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng miêu tả về kế hoạch, hướng dẫn đọc, dịch, luyện thực hành bài khóa và sử dụng các vấn đề ngữ pháp Trợ từ ngữ khí “了”; Kết cấu “要....了”, “就要....</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>[4.1.2]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

<p>就要.....了”，“快要...了”，“快....了”； + Trạng ngữ và trợ từ kết cấu“地”； + Câu vô chủ 3. Bài khóa: Mùa đông sắp đến rồi 4. Bài tập</p>	<p>了”；“快要....了”，“快....了” biểu thị động tác sắp xảy ra; Trạng ngữ và trợ từ kết cấu“地”； Câu vô chủ. - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có liên quan chủ đề bài học để sinh viên mô phỏng, làm theo. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề về kế hoạch, dự định của bản thân.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện hội thoại, đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn kể về dự định của bản thân, có sử dụng được trợ từ ngữ khí “了”, trợ từ kết cấu 地, câu vô chủ, cụm từ miêu tả động tác sắp xảy ra, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	Tự học, NC	8	[4.2.3]
<p>Bài 40: 快上来吧, 要开车了 1. Từ mới</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng vựng miêu tả xu hướng, hướng dẫn đọc, dịch, luyện thực hành bài khóa và sử dụng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm</p>	Lí thuyết	2	TL chính: [4.1.1] [4.1.2] TLTK:
Bài tập	1	[4.1.2]			
Thảo luận	2	TLTK:			
Thực hành	0				

<p>2. Ngữ pháp: + Bồ ngữ xu hướng đơn “来”/“去”; + Bồ ngữ kết quả “住”</p> <p>3. Bài khóa: Mau lên đi, xe sắp chạy rồi</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>các vấn đề ngữ pháp Bồ ngữ xu hướng đơn “来”/“去”; Bồ ngữ kết quả “住”.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có liên quan chủ đề bài học để sinh viên mô phỏng, làm theo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do có sử dụng BNXHĐ và BNKQ</p>	<p>vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện hội thoại, đọc, dịch, thuật lại bài khóa; viết đoạn văn ngắn chủ đề tự chọn có sử dụng BNXHĐ và BNKQ, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.1] [4.2.2]
			Tự học, NC	8	[4.2.3]
<p>Bài 41: 我听过钢琴协奏《黄河》</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: + Phương thức biểu đạt</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng tả xu hướng, hướng dẫn đọc, dịch bài khóa và sử dụng các vấn đề ngữ pháp Phương thức biểu đạt kinh lịch và kinh nghiệm; BN động lượng; Cách biểu đạt số thứ</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	Lí thuyết	2	TL chính:
			Bài tập	1	[4.1.1]
			Thảo luận	1	[4.1.2]
			Thực hành	0	TLTK:
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.1] [4.2.2]

<p>kinh lịch và kinh nghiệm; + Bổ ngữ động lượng; + Phương thức biểu đạt số thứ tự</p> <p>3. Bài khóa: Tôi đã nghe bản hòa tấu Piano "Hoàng Hà"</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>tự.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có liên quan chủ đề bài học để sinh viên mô phỏng, làm theo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện hội thoại kể về sự trải nghiệm trong quá khứ.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện hội thoại, đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn kể về kinh nghiệm và những trải nghiệm trong quá khứ, có sử dụng các cụm từ và cấu trúc ngữ pháp đã học trong bài, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	<p>[4.2.3]</p>
<p>Bài 41: 花</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: Ôn tập ngữ pháp đã học</p> <p>3. Bài khóa: Hoa</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng tả nông thôn, hướng dẫn đọc, dịch bài khóa và ôn luyện các vấn đề ngữ pháp đã học.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>[4.1.2]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

<p>4. Bài tập</p>	<p>mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có liên quan chủ đề bài học để sinh viên mô phỏng, làm theo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện hội thoại tự do, đóng kịch theo nội dung bài khóa.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; viết đoạn văn ngắn kể lại một câu chuyện về lớp học hay thầy cô của bạn, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	<p>[4.2.3]</p>
<p>Bài 43: : 我是跟旅游团一起来的</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp:</p> <p>+ Kết cấu “是....的”và “</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp: Hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Kết cấu “是....的”và “一....就....”; Hình thức lặp lại hình dung từ</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>[4.1.2]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

<p>—....就....”;</p> <p>+ Hình thức lặp lại hình dung từ</p> <p>3. Bài khóa: Tôi đến cùng đoàn du lịch</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có liên quan chủ đề bài học để sinh viên mô phỏng, làm theo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện hội thoại tự do nói về văn hóa TQ.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nói về văn hóa TQ, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	<p>[4.2.3]</p>
<p>Bài 44: : 昨天的讲座你去听了没?</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp:</p> <p>+ Câu vị ngữ chủ vị;</p> <p>+ BNKQ 在、好、</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp: Hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Câu vị ngữ chủ vị; Bỏ ngữ kết quả 在、好、着、成.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>[4.1.2]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

<p>着、成</p> <p>3. Bài khóa: Bạn có đi nghe bài thuyết giảng ngày hôm qua không</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có liên quan chủ đề bài học để sinh viên mô phỏng, làm theo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện hội thoại tự do nói về chuyên ngành học.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nói về chuyên ngành học, có sử dụng BNKQ và câu VN chủ vị, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	<p>[4.2.3]</p>
<p>Bài 45: 我的眼镜摔破了</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp</p> <p>+ Câu bị động; +</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Câu bị động; Phương thức lặp lại của lượng từ; Kết cấu “一年比一年”.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>2</p> <p>3</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>[4.1.2]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

<p>Phương thức lặp lại của lượng từ; + Kết cấu “一年比一年”</p> <p>3. Bài khóa: Kính của tôi vỡ rồi</p> <p>4. Bài tập</p> <p>5. Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút.</p>	<p>giáo cụ trực quan và hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên đọc mẫu, cho nghe băng bài khóa và trình chiếu video hướng dẫn thứ tự các nét của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do sử dụng câu bị động, Phương thức lặp lại của lượng từ; Kết cấu “一年比一年”</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn chủ đề tự chọn và có sử dụng các hiện tượng ngữ pháp đã học, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p> <p>- KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	Tự học, NC	14	[4.2.3]
<p>Bài 46: 我们走下去吧</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Phương thức biểu đạt phương hướng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm</p>	Lí thuyết	2	TL chính:
			Bài tập	1	[4.1.1]
			Thảo luận	2	[4.1.2]
			Thực hành	0	TLTK:

<p>+ Phương thức biểu đạt phương hướng của động tác: ++ BNXH phức hợp</p> <p>3. Bài khóa: Chúng ta đi xuống đi</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>của động tác và Bồ ngữ xu hướng phức hợp.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video chủ đề “gửi bưu phẩm”.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề “gửi bưu phẩm”</p>	<p>vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn chủ đề “gửi bưu phẩm”, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.1]
			Tự học, NC	10	[4.2.2]
<p>Bài 47: 会议中心的门开着呢</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp</p> <p>Phương thức biểu đạt sự</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Phương thức biểu đạt sự tiếp tục của động tác/ trạng thái.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	Lí thuyết	2	TL chính:
			Bài tập	1	[4.1.1]
			Thảo luận	2	[4.1.2]
			Thực hành	0	TLTK:
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.1]

<p>tiếp tục của động tác hoặc trạng thái</p> <p>3. Bài khóa: Cửa trung tâm hội nghị đang mở</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video chủ đề “đám cưới”.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề 1 lần đi dự đám cưới.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn chủ đề 1 lần đi dự đám cưới, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.3]</p>
<p>Bài 48: 见面</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: Ôn tập lại những cấu trúc ngữ pháp đã học</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và ôn tập các vấn đề ngữ pháp đã học.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>[4.1.2]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

<p>3. Bài khóa: Gặp mặt</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video về các chủ đề đã học.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành diễn kịch kể về câu chuyện gặp mặt ai đó.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa, viết đoạn văn ngắn kể về câu chuyện gặp mặt ai đó, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.3]</p>
<p>Bài 49: 前边开过来一辆空车</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: + Câu tồn hiện;</p> <p>+ Kết cấu biểu đạt sự</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Câu tồn hiện; Kết cấu biểu đạt sự thay đổi.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>[4.1.2]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

<p>thay đổi</p> <p>3. Bài khóa: Phía trước có một cái xe không đang đến</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có liên quan chủ đề bài học để sinh viên mô phỏng, làm theo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề về quan điểm sống của giới trẻ ngày nay và sự trải nghiệm của bản thân</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa, viết đoạn văn ngắn nói về quan điểm sống của giới trẻ hiện nay và sự trải nghiệm của bản thân, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.3]</p>
<p>Bài 50: 请把护照和机票给我</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: + Phó từ 就 và 才;</p> <p>+ Kết cấu “要是...(的)</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng chủ đề về hàng không, hướng dẫn đọc, dịch, luyện thực hành bài khóa và sử dụng các vấn đề ngữ pháp Câu chữ “把”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>[4.1.2]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

<p>话), 就”; “虽然... 但是...”</p> <p>3. Bài khóa: Làm ơn đưa cho tôi hộ chiếu và vé máy bay</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có liên quan chủ đề bài học để sinh viên mô phỏng, làm theo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề hội thoại ở sân bay.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện hội thoại, đọc, dịch, thuật lại bài khóa, thuật lại bài khóa; viết đoạn văn ngắn kể về 1 lần đi máy bay, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.3]</p>
--	--	--	-------------------	-----------	----------------

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), viết đoạn văn, quay video, làm slide 		Đánh giá thường xuyên	Giảng viên

	thuyết trình,...			
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá trình quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lý các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

	<p>dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 90 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học trong học phần TQTH3.</p>			
--	--	--	--	--

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 4

(Tên tiếng Anh: General Chinese 4)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4
- Lý thuyết: 30 tiết
- Bài tập, thảo luận nhóm: 30 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 120 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Vũ Thanh Hương

Số điện thoại: 0969617555 Email: huongvt@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Lê Bích Vân

Số điện thoại: 0988298046 Email: lbvan@daihocthudo.edu.vn

3. TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886 Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.
 - Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.

- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.

- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Nghiêm túc trong học tập, luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.

- Năng lực:

- Có khả năng phân biệt âm và ngữ điệu, mục đích để đọc chính xác các bài đọc, bởi ở giai đoạn này chú trọng đọc và thuật lại nội dung bài đọc. Ngoài ra có khả năng đọc đúng cũng như hiểu ý nghĩa của các câu ngắn ngữ, thành ngữ, danh ngôn trong học phần

- Nắm vững và sử dụng chuẩn xác các hiện tượng ngữ pháp đã học. Nắm vững từ vựng về các chủ đề đã học. Biết cách nối câu, dựng đoạn để có đoạn văn hoàn chỉnh.

- Ngoài bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết xuyên suốt chương trình tiếng Trung quốc tổng hợp, ở học phần này, người học còn có khả năng biểu đạt trong các tình huống giao tiếp khác nhau, kể lại sự việc...

- Kết quả học tập mong đợi của học phần

100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.

- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
		2	2	1	1	2	1	1	1	1	2	2	1

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương/Bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
Bài 51: 把吸尘器递给我	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các từ vựng liên quan đến chủ đề dọn dẹp nhà cửa. - Hiểu và sử dụng được câu chữ 把 (tiếp), danh từ lặp lại 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được câu chữ 把 để nói về việc dọn dẹp nhà cửa - Sử dụng được danh từ lặp lại 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được hội thoại chủ đề: dọn dẹp nhà đón Tết - Viết được đoạn văn miêu tả ngày Tết
Bài 52: 我的腿被自行车撞伤了	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các từ vựng để miêu tả bị động - Hiểu được câu chữ 被 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được câu chữ 被 - Làm được các bài tập liên quan. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được hội thoại chủ đề: bị xe đâm - Viết được đoạn văn kể về 1 tai nạn giao thông
Bài 53: 有困难找民警	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các từ vựng liên quan đến chủ đề giúp đỡ người khác, các loại cảnh sát - Hiểu được câu phức không có từ liên kết, số lượng từ lặp lại 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được câu phức không có từ liên kết và số lượng từ lặp lại. - Làm được các bài tập liên quan. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được hội thoại chủ đề: giúp người bị nạn - Viết được đoạn văn kể về cảnh sát giúp người bị nạn.
Bài 54: 复习九	Hiểu được các vấn đề ngữ pháp đã học trước đó.	Sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học trước đó.	Viết được đoạn văn kể về 1 lần giúp người khác
Bài 55: 京剧我看得懂，但是听不懂	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các từ vựng chủ đề: kinh kịch - Hiểu và sử dụng được bổ ngữ khả 	<ul style="list-style-type: none"> - sử dụng được bổ ngữ khả năng. Phân biệt được với cách dùng năng nguyện động từ 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được hội thoại chủ đề: kinh kịch - Viết được đoạn văn nói về kinh

	năng	- Làm được các bài tập liên quan.	kịch
Bài 56: 山这么高, 你爬得上去吗?	- Kể lại một lần đi dã ngoại - Hiểu được bổ ngữ khả năng.	- Sử dụng được bổ ngữ khả năng. - Làm được các bài tập liên quan.	Viết được đoạn văn kể về 1 lần đi leo núi/tham gia biểu diễn văn nghệ.
Bài 57: 我想起来了	- Hiểu được các từ vựng miêu tả về sự hồi tưởng. - Hiểu được cách dùng mở rộng của bổ ngữ xu hướng.	- sử dụng được cách dùng mở rộng của bổ ngữ xu hướng - Làm được các bài tập liên quan.	Viết được đoạn văn kể lại một lần gặp thầy giáo cũ hoặc bạn cũ.
Bài 58: 寒假你打算去哪儿旅行?	- Hiểu được các từ vựng để nói về dự định - Hiểu được cách dùng mở rộng của đại từ nghi vấn	- Sử dụng được cách dùng mở rộng của đại từ nghi vấn - Làm được các bài tập liên quan.	Viết được đoạn văn kể về dự định của mình
Bài 59: 吉利的数字	- Hiểu được các từ vựng nói về văn hóa con số - Hiểu được câu phản vấn, hai lần phủ định	- Sử dụng được câu phản vấn, hai lần phủ định - Làm được các bài tập liên quan.	Nói được về văn hóa con số
Bài 60: 复习十	Hiểu được các vấn đề ngữ pháp đã học trước đó.	Sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học trước đó.	Làm được hội thoại về các nội dung đã học.

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4** bao gồm 10 bài từ bài 51 đến bài 60 của cuốn Giáo trình Hán ngữ tập 2 cuốn hạ. Học phần **Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4** tiếp tục đi sâu hơn với các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Trung Quốc. Giới thiệu đến người học cách sử dụng bổ ngữ khả năng, cách phân biệt và cách dùng của một số từ trọng điểm quan trọng. Ngoài ra, thông qua bài khóa (giảng dạy ngữ đoạn) với những mảng nội dung phong phú, giới thiệu những kiến thức về đất nước, con người Trung Quốc; giúp người học hiểu biết sâu hơn về ngữ pháp và vận dụng từ ngữ, để nâng cao hơn nữa khả năng biểu đạt thành đoạn văn. Phần bài tập của học phần này phân cấp từ dễ đến khó, tiếp tục rèn luyện kỹ năng giao tiếp, mô phỏng và bồi dưỡng trí nhớ cho người học.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình Hán ngữ tập 2 – quyển hạ; NXB Đại học sư phạm, 2003. (kèm đĩa CD)

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục. Sổ tay người học tiếng Hoa; NXB khoa học xã hội, 2012.

[4.2.2]. Quỳnh Thiên; Ngữ pháp tiếng Trung hiện đại; NXB Đại học Quốc Gia Hà nội, 2011.

[4.2.3]. 呂叔湘 《现代汉语八百词》, 商务印书馆, 2005

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm
 - + Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp/ Bài tập lớn, viết các đoạn văn theo chủ đề đã học/ Quay video hội thoại về các chủ đề đã học/ Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần, phương pháp và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
<p>Bài 51: 把吸尘器递给我</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: + Câu chữ “把” + Danh từ lặp lại</p> <p>3. Bài khóa: Đưa cho tôi cái máy hút bụi</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Câu chữ “把” và Danh từ lặp lại</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video chủ đề về ngày tết.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề dọn dẹp nhà cửa đón tết.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn chủ đề ngày tết, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
Tự học, NC	10				

<p>Bài 52: 我的腿被自行车撞伤了</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: + Biểu thị ý nghĩa bị động - Câu chữ “被” + Phó từ “又”</p> <p>3. Bài khóa: Chân tôi bị xe đạp đâm vào</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Biểu thị ý nghĩa bị động - Câu chữ “被” và Phó từ “又”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video học câu bị động.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề bị đâm xe.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn kể về 1 lần nị đamm xe/ 1 vụ tai nạn giao thông, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
Tự học, NC	10				
<p>Bài 53: 有困难找民警</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp:</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Câu phức không sử dụng liên từ; Số</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1]</p>
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	

<p>+ Câu phức không sử dụng liên từ; + Số lượng từ lặp lại; + Bồ ngữ trạng thái</p> <p>3. Bài khóa: Nếu có khó khăn thì tìm cảnh sát</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>lượng từ lặp lại; Bồ ngữ trạng thái.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video về việc cảnh sát giúp người dân.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề cảnh sát giúp người bị nạn.</p>	<p>vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn kể về cảnh sát giúp người bị nạn, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>0</p> <p>10</p>	<p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>
<p>Bài 54: 助人为乐</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: Ôn tập các ngữ pháp đã học</p> <p>3. Bài khóa: Lấy việc</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và ôn tập lại các vấn đề ngữ pháp đã học.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

<p>giúp người làm niềm vui.</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video về người tốt việc tốt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề kể về 1 lần làm việc tốt.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn kể về 1 lần làm việc tốt, giúp đỡ người khác, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	
<p>Ôn tập – Kiểm tra giữa kỳ</p> <p>- SV làm Bài kiểm tra giữa kỳ viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút.</p> <p>- SV thuyết trình nhóm</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, làm slide thuyết trình theo các chủ đề được phân công.</p>	<p>- Hình thức KTĐGTX: Cho sinh viên ôn tập các dạng bài tập có sử dụng các từ vựng, ngữ pháp đã học. SV làm slide thuyết trình theo các chủ đề được phân công.</p> <p>- KTGK: Bài kiểm tra viết trắc</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>1,5</p> <p>2,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

<p>các chủ đề đã học theo sự phân công của giảng viên.</p>	<p>- Sinh viên làm bài KTGK và thuyết trình nhóm theo nhiệm vụ được phân công</p>	<p>nhịệm tự luận kết hợp 60 phút. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	
<p>Bài 55: 京剧我看得懂, 但是听不懂</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: + Bỏ ngữ khả năng</p> <p>3. Bài khóa: Kinh kịch tôi xem hiểu nhưng nghe không hiểu</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Bỏ ngữ khả năng.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video về kinh kịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề về kinh kịch</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn về kinh kịch, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>2</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>
			<p>Bài tập</p>	<p>1</p>	
			<p>Thảo luận</p>	<p>2</p>	
			<p>Thực hành</p>	<p>0</p>	
			<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>	
			<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	

<p>Bài 56: 山这么高, 你爬得上去吗?</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp:</p> <p>+ Bỏ ngữ khả năng;</p> <p>+ Bỏ ngữ trạng thái;</p> <p>+ Kết cấu “只要.....就....”</p> <p>3. Bài khóa: Núi cao như vậy, bạn có leo lên được không?</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Bỏ ngữ khả năng; Bỏ ngữ trạng thái; Kết cấu “只要.....就....”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video sử dụng BNKN, BNTT.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề về đi leo núi, biểu diễn tiết mục văn nghệ.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn về 1 lần đi leo núi / tham gia biểu diễn văn nghệ, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
Tự học, NC	10				
<p>Bài 57: 我想起来了</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp:</p> <p>+ Biểu đạt kết quả của</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Biểu đạt kết quả của động tác - Cách</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p>
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	

<p>động tác - Cách dùng nghĩa mở rộng của BNXH;</p> <p>+ Kết cấu “只有...才...”</p> <p>3. Bài khóa: Tôi nghĩ ra rồi 4. Bài tập</p>	<p>dùng nghĩa mở rộng của BNXH; Kết cấu “只有.....才....”.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có sử dụng cách dùng nghĩa mở rộng của BNXH.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do hai người bạn cũ gặp lại nhau/thầy trò cũ gặp lại nhau.</p>	<p>vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn kể lại một lần gặp thầy giáo cũ hoặc bạn cũ, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.2] [4.2.3]
			Tự học, NC	10	
<p>Bài 58: 寒假你打算去哪儿旅行?</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp</p> <p>+ Phương thức sử dụng</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Phương thức sử dụng linh hoạt đại từ nghi vấn; Kết cấu “一边.....一边....”; “</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	Lí thuyết	2	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>linh hoạt ĐTNV; + Kết cấu “一边.....一边....”; “除了.....以外, 都/还....”; “先.....再/又.....然后.....最后.....”</p> <p>3. Bài khóa: Kỳ nghỉ đông bạn định đi du lịch ở đâu?</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>除了.....以外, 都/还....”; “先.....再/又.....然后.....最后.....”.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video về kỳ nghỉ đông.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do nói về dự định đi du lịch trong kỳ nghỉ đông.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn chủ đề về dự định trong kỳ nghỉ đông, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	
<p>Bài 59: 吉利的数字</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp</p> <p>+ Câu phản vấn; + Kết cấu “连....也/都...”</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Câu phản vấn; Kết cấu “连....也/都...”; Hai lần phủ định.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>+ Hai lần phủ định.</p> <p>3. Bài khóa: Con số may mắn</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video chủ đề về ý nghĩa văn hóa của con số.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề ý nghĩa của các con số</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn chủ đề ý nghĩa văn hóa của các chữ số, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	
<p>Bài 60: 学会用筷子</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp</p> <p>Ôn tập ngữ pháp đã học</p> <p>3. Bài khóa: Học cách dùng đũa</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và ôn tập lại các vấn đề ngữ pháp đã học.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

4. Bài tập	trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video về văn hóa dùng đũa. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề về văn hóa Trung Quốc.	lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn chủ đề văn hóa Trung Quốc, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.	Tự học, NC	10	
Ôn tập Sinh viên làm bài tập và thuyết trình nhóm các chủ đề đã học theo sự phân công của giảng viên.	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, sinh viên làm bài tập ôn luyện lại các kiến thức đã học, làm slide thuyết trình	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên	Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn	1 1,5 2,5 0 0	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]

	theo các chủ đề được phân công.	<p>lớp, làm bài tập thuyết trình nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Cho sinh viên ôn tập các dạng bài tập có sử dụng các từ vựng, ngữ pháp đã học. SV làm slide thuyết trình theo các chủ đề được phân công.</p>	Tự học, NC	10	
--	---------------------------------	---	------------	----	--

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), viết đoạn văn, quay video, làm slide 		Đánh giá thường xuyên	Giảng viên

	thuyết trình,...			
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá trình quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lý các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

	<p>dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 90 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học trong học phần TQTH4.</p>			
--	--	--	--	--

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 5
(Tên tiếng Anh: General Chinese 5)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4
- Lý thuyết: 30 tiết
- Bài tập, thảo luận nhóm: 30 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 120 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Vũ Thanh Hương

Số điện thoại: 0969617555 Email: huongvt@daihocthudo.edu.vn

2. TS. Phạm Hữu Khương

Số điện thoại: 0988999236 Email: phkhuong@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Vũ Thị Anh Thơ

Số điện thoại: 0906139386 Email: vtatho@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.
 - Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.

- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.

- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, đặc biệt là các hoạt động sử dụng tiếng Trung Quốc; tham gia hoạt động xã hội phù hợp với khả năng.

- Năng lực:

- Có khả năng phân biệt âm và ngữ điệu, mục đích để đọc chính xác các bài đọc, bởi ở giai đoạn này chú trọng đọc và thuật lại nội dung bài đọc. Ngoài ra có khả năng đọc đúng cũng như hiểu ý nghĩa của các câu ngắn ngữ, thành ngữ, danh ngôn trong học phần

- Nắm vững và sử dụng chuẩn xác các hiện tượng ngữ pháp đã học. Nắm vững từ vựng về các chủ đề đã học. Biết cách nói câu, dựng đoạn để có đoạn văn hoàn chỉnh.

- Ngoài bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết xuyên suốt chương trình tiếng Trung quốc tổng hợp, ở học phần này, người học còn có khả năng biểu đạt trong các tình huống giao tiếp khác nhau, kể lại sự việc...

- Kết quả học tập mong đợi của học phần

100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.

- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
		2	2	1	1	2	1	1	1	1	2	2	1

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương/Bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
Bài 61: 离家的时候	<ul style="list-style-type: none"> - Biết các từ vựng nói về cảm xúc của mình. - Hiểu được cách dùng của từ 终于、如果、果然、只好、对于、而、打算、联系、临、恋恋不舍 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết nói về cảm xúc của mình. - Sử dụng được cách dùng của từ 终于、如果、果然、只好、对于、而、打算、联系、临、恋恋不舍 	lập được hội thoại và viết đoạn văn nói về cảm xúc của bản thân khi đi học xa nhà.
Bài 62: 旅途见闻	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các từ vựng về chủ đề du lịch - Hiểu được cách dùng của từ 看起来、好意思、多么、连声、几乎、同时、另 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được cách dùng của từ 看起来、好意思、多么、连声、几乎、同时、另 	lập được hội thoại và viết đoạn văn kể về 1 lần đi du lịch
Bài 63: 回头再说	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu về các từ vựng về đặc điểm ngôn ngữ tiếng Trung Quốc - Hiểu được cách dùng của từ 再说、其实、实在、用得着、至于、怕、再也、着呢 	Sử dụng được cách dùng của từ 再说、其实、实在、用得着、至于、怕、再也、着呢	lập được hội thoại và viết đoạn văn nói về đặc điểm ngôn ngữ tiếng Trung Quốc
Bài 64: 幸福的感觉	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các từ vựng nói về chủ đề hạnh phúc 	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được về chủ đề hạnh phúc - Sử dụng được cách dùng của từ 	lập được hội thoại và viết đoạn văn nói về quan điểm của bản

	- Hiểu được cách dùng của từ 算、拥有、原来、靠、上、装、对...来说	算、拥有、原来、靠、上、装、对...来说	thân về hạnh phúc
Bài 65: 成语故事	- Hiểu được một số thành ngữ - Hiểu được cách dùng của từ 下、根本、人迷、偷偷、为了、无论、其中、既然	- Sử dụng được một số thành ngữ - Sử dụng được cách dùng của từ 下、根本、人迷、偷偷、为了、无论、其中、既然	kể được câu chuyện thành ngữ liên quan
第 66: 信任与责任	- Hiểu được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 尽管、仍然、尽、一直、实际、不用、认为、必须	- Sử dụng các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 尽管、仍然、尽、一直、实际、不用、认为、必须	Đưa được ý kiến của mình về quan điểm niềm tin và trách nhiệm
第 67 课: 一块三峡石 期中考试	Hiểu được cách sử dụng các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 随身、突然、死心、忍心、白.....、...来...去、陆续、迟疑、于是	Sử dụng các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 随身、突然、死心、忍心、白.....、...来...去、陆续、迟疑、于是	Đưa được quan điểm của mình về chủ đề liên quan đến bài khóa
第 68 课: 吃葡萄	Hiểu được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 不料、一+V、竟然、特别、愿意、只是、并、一...一...	Sử dụng các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 不料、一+V、竟然、特别、愿意、只是、并、一...一...	Đưa được quan điểm của mình về chủ đề liên quan đến bài khóa
第 69 课: 提高自己	Hiểu được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 搞、甚至、以后、弄、却、偶然	Sử dụng các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 搞、甚至、以后、弄、	Đưa được quan điểm của mình về chủ đề nâng cao bản thân

		却、偶然	
第 70 课: 善有善报	Hiểu được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 忽然、连忙、马上、由于、进 行、保持	Sử dụng các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 忽然、连忙、马上、由 于、进行、保持	Đưa được quan điểm của mình về chủ đề ở hiện gặp lành

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5 bao gồm 10 bài từ bài 61 đến bài 70 cuốn Giáo trình Hán ngữ tập 3 quyển thượng. Nội dung của học phần **Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5** tiếp tục đi sâu giới thiệu các cách sử dụng mở rộng của từ, giúp người học có cách sử dụng từ, diễn đạt câu một linh hoạt và đắt giá hơn. Ngoài ra, từ những nội dung được học trong các bài khóa của bài, người học cũng được hiểu hơn các lĩnh vực về đất nước, con người Trung Quốc; từ đó có thể viết được các bài văn và thuyết trình được các vấn đề liên quan đến chủ đề học.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình Hán ngữ tập 3 – quyển thượng; NXB Đại học sư phạm, 2003. (kèm đĩa CD)

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục. Sổ tay người học tiếng Hoa; NXB khoa học xã hội, 2012.

[4.2.2]. Quỳnh Thiên; Ngữ pháp tiếng Trung hiện đại; NXB Đại học Quốc Gia Hà nội, 2011.

[4.2.3]. 呂叔湘 《现代汉语八百词》, 商务印书馆, 2005.

[4.2.4]. 梅家驹 《现代汉语搭配词典》, 汉语大词典出版社, 1999

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên

- Hoàn thành các bài tập được giao:

+ Bài tập về nhà

+ Chuẩn bị bài mới

+ Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học

+ Bài tập thảo luận nhóm

+ Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp/ Bài tập lớn, viết các đoạn văn theo chủ đề đã học/ Quay video hội thoại về các chủ đề đã học/ Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

.

6. Nội dung chi tiết học phần, phương pháp và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTDG	Thời lượng		
Bài 61: 离家的时候 1. Từ mới 2. Ngữ pháp: Cách dùng của 终于、如果、果然、只好、对于、而、	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về cách dùng của 终于、如果、果然、只好、对于、而、打算、联系、临、恋恋不舍.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên	Lí thuyết	2	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>打算、联系、临、恋恋不舍 3. Bài khóa: Khi rời xa gia đình 4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video chủ đề về đi học xa nhà. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề kể về 1 lần đi học xa nhà.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nói về cảm xúc của bản thân khi đi học xa nhà, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>Bài 62: 旅途见闻 1. Từ mới 2. Ngữ pháp: Cách dùng của 看起来、好意思、多么、连声、</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về cách dùng của 看起来、好意思、多么、连声、几乎、同时、另</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2 1 2 0 0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>几乎、同时、另</p> <p>3. Bài khóa: Những điều mắt thấy tai nghe trong chuyến hành trình du lịch</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video về 1 chuyến hành trình du lịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề những điều trải nghiệm trong chuyến hành trình du lịch của bản thân..</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn kể về 1 lần đi du lịch, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>Bài 63: 回头再说</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp:</p> <p>Cách dùng của 再说、其实、实在、用得着、至</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về cách dùng của 再说、其实、实在、用得着、至于、怕、再也、着呢</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

<p>于、怕、再也、着呢</p> <p>3. Bài khóa: Đề sau hăng nói</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video giới thiệu về Bắc Kinh.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề ngôn ngữ, văn hóa của người Bắc Kinh.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nói về đặc điểm ngôn ngữ tiếng TQ, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>Bài 64: 幸福的感觉</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: Cách dùng của 算、拥有、原来、靠、上、</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về cách dùng của 算、拥有、原来、靠、上、装、对...来说</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

<p>装、对...来说 3. Bài khóa: Cảm giác hạnh phúc</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video về chủ đề hạnh phúc.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề bàn luận hạnh phúc là gì.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nói quan điểm của bản thân về hạnh phúc, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>Bài 65: 成语故事</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp:</p> <p>Cách dùng của 下、根本、人迷、偷偷、为</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về cách dùng của 下、根本、人迷、偷偷、为了、无论、其中、既然.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

<p>了、无论、其中、既然</p> <p>3. Bài khóa: Câu chuyện thành ngữ</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video về các câu chuyện thành ngữ tiếng TQ.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành kể câu chuyện thành ngữ tiếng TQ.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn kể một câu chuyện thành ngữ tiếng TQ, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>Ôn tập – Kiểm tra giữa kỳ</p> <p>- SV làm Bài kiểm tra giữa kỳ viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút.</p> <p>- SV thuyết trình nhóm các chủ đề đã học theo sự phân công của giảng viên.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, thuyết trình, hỏi đáp, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, làm slide thuyết trình theo các chủ đề được phân công.</p> <p>- Sinh viên làm bài KTGK và thuyết trình nhóm theo nhiệm vụ được phân công</p>	<p>- Hình thức KTĐGTX: Cho sinh viên ôn tập các dạng bài tập có sử dụng các từ vựng, ngữ pháp đã học. SV làm slide thuyết trình theo các chủ đề được phân công.</p> <p>- KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>1,5</p> <p>2,5</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>10</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>

			Tự học, NC	10	
Bài 66: : 信任与责任 1. Từ mới 2. Ngữ pháp: Cách dùng của 尽管、仍然、尽、一直、实际、不用、认为、必须 3. Bài khóa: Niềm tin và trách nhiệm 4. Bài tập	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về 尽管、仍然、尽、一直、实际、不用、认为、必须. - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video nói về niềm tin và trách nhiệm. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề về niềm tin và trách nhiệm.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nêu quan điểm của bản thân về niềm tin và trách nhiệm, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.	Lí thuyết	2	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	10	
Bài 67: 一块三峡石 1. Từ mới	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc,	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự	Lí thuyết	2	TL chính: [4.1.1]
			Bài tập	1	

<p>2. Ngữ pháp: Cách dùng của 随身、突然、死心、忍心、白...、...来...去、陆续、迟疑、于是.</p> <p>3. Bài khóa: Một hòn đá Tam Hiệp</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về 随身、突然、死心、忍心、白...、...来...去、陆续、迟疑、于是.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng giáo cụ trực quan và hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên đọc mẫu, viết mẫu, đặt câu mẫu, cho nghe băng bài khóa.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại theo nội dung của bài khóa.</p>	<p>tiên bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nói lên cảm nhận của bản thân về nội dung bài khóa, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	Thảo luận	2	<p>TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]</p>
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	10	
<p>Bài 68: 吃葡萄</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1]</p>
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	

<p>Cách dùng của 不料、一+V、竟然、特别、愿意、只是、并、一...一... 3. Bài khóa: Ăn nho 4. Bài tập</p>	<p>về 不料、一+V、竟然、特别、愿意、只是、并、一...一... - Dạy học theo phương pháp sử dụng giáo cụ trực quan và hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên đọc mẫu, viết mẫu, đặt câu mẫu, cho nghe băng bài khóa. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại theo nội dung của bài khóa.</p>	<p>vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nói lên cảm nhận của bản thân về nội dung bài khóa, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học có hướng dẫn Tự học, NC</p>	<p>0 10</p>	<p>[4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]</p>
<p>Bài 69: 提高自己 1. Từ mới 2. Ngữ pháp Cách dùng của 搞、甚至、以后、弄、却、偶</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về 搞、甚至、以后、弄、却、偶然. - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2 1 2 0 0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>然.</p> <p>3. Bài khóa: Nâng cao bản thân</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video chủ đề về hoàn thiện nâng cao bản thân.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề về nâng cao bản thân.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn chủ đề về nâng cao bản thân, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>Bài 70: 善有善报</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp</p> <p>Cách dùng của 忽然、连忙、马上、由于、进</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về 忽然、连忙、马上、由于、进行、保持.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

<p>行、保持</p> <p>3. Bài khóa: Ở hiền gặp lành</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video về chủ đề ở hiền gặp lành.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề về ở hiền gặp lành.</p>	<p>lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn chủ đề ở hiền gặp lành, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.4]</p>										
<p>Ôn tập</p> <p>Sinh viên làm bài tập và thuyết trình nhóm các chủ đề đã học theo sự phân công của giảng viên.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, thuyết trình, hỏi đáp, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, sinh viên làm bài tập ôn luyện lại các kiến thức đã học, làm slide</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="1688 807 1901 863">Lí thuyết</td> <td data-bbox="1901 807 1995 863">1</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1688 863 1901 919">Bài tập</td> <td data-bbox="1901 863 1995 919">1,5</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1688 919 1901 975">Thảo luận</td> <td data-bbox="1901 919 1995 975">2,5</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1688 975 1901 1031">Thực hành</td> <td data-bbox="1901 975 1995 1031">0</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1688 1031 1901 1155">Tự học có hướng dẫn</td> <td data-bbox="1901 1031 1995 1155">0</td> </tr> </table>	Lí thuyết	1	Bài tập	1,5	Thảo luận	2,5	Thực hành	0	Tự học có hướng dẫn	0	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>	
Lí thuyết	1														
Bài tập	1,5														
Thảo luận	2,5														
Thực hành	0														
Tự học có hướng dẫn	0														

	thuyết trình theo các chủ đề được phân công.	<p>lớp, làm bài tập thuyết trình nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Cho sinh viên ôn tập các dạng bài tập có sử dụng các từ vựng, ngữ pháp đã học. SV làm slide thuyết trình theo các chủ đề được phân công.</p>	Tự học, NC	10	[4.2.4]
--	--	---	------------	----	---------

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), viết đoạn văn, quay video, làm slide thuyết trình,... 		Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu nắm chắc các 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên

<p>vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích cực, chủ động trong quá trình quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. 			
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian</p>	<p>60 %</p>	<p>Cuối học phần</p>	<p>Nhà trường tổ chức thi</p>

	90 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học trong học phần TQTH5.			
--	---	--	--	--

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường.

TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 6
(Tên tiếng Anh: General Chinese 6)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4
- Lý thuyết: 30 tiết
- Bài tập, thảo luận nhóm: 30 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 120 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886 Email: ntt hue@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Lê Bích Vân

Số điện thoại: 0988298046 Email: lbvan@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thị Phương Anh

Số điện thoại: 0934578919 Email: fanfangying89@gmail.com

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.
 - Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.

- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.

- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Nghiêm túc trong học tập, luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.

- Năng lực:

- Nắm vững các hiện tượng ngữ pháp đã học, làm được các bài tập liên quan và sử dụng chuẩn xác trong viết văn và giao tiếp hàng ngày.

- Nắm vững cách sử dụng mở rộng của từ vựng. Biết cách sử dụng các nghĩa mở rộng của từ vựng để viết được đoạn văn hoàn chỉnh.

- Có khả năng biểu đạt trong các tình huống giao tiếp khác nhau, tự tin trình bày theo các chủ đề được học

- Kết quả học tập mong đợi của học phần

- 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.

- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
		2	2	1	1	2	1	1	1	1	2	2	1

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương/Bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第 71 课: 继父	Hiểu được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 不管、难为、又、还、亲手、可、动词+起来、再说	Sử dụng các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 不管、难为、又、还、亲手、可、动词+起来、再说	Đưa được quan điểm của mình về chủ đề bố mẹ kế
第 72 课: 我该怎么办	Hiểu được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 渐渐、挨、难道、偏偏、害、具有、即使	Sử dụng các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 渐渐、挨、难道、偏偏、害、具有、即使	Đưa được quan điểm của mình về chủ đề liên quan đến bài khóa
第 73 课: 好人难当	Hiểu được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 难免、不禁、再三、怪、恐怕、免得、以为、来	Sử dụng các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 难免、不禁、再三、怪、恐怕、免得、以为、来	Đưa được quan điểm của mình về chủ đề người tốt dám làm
第 74 课: 电脑网络学校	Hiểu được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 有关、不是...而是...、按照、适合、通过、为...而...、开办、作为	Sử dụng các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 有关、不是...而是...、按照、适合、通过、为...而...、开办、作为	Đưa được quan điểm của mình về chủ đề mạng internet và các vấn đề liên quan
第 75 课: 百姓话题	Hiểu được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 总之、总得、够、为难、哪怕、敢、好在、反而、一...就是...	Sử dụng các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 总之、总得、够、为难、哪怕、敢、好在、反而、一...就是...	Đưa được quan điểm của mình về chủ đề bách tính

第 76 课: 汉语越学越有意思	Hiểu được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 不由得、吸引、下来、起来、不仅...而且...、所	Sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 不由得、吸引、下来、起来、不仅...而且...、所	Đưa được quan điểm của mình về chủ đề học tiếng Hán
第 77 课: 一张生日卡	Hiểu được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 故意、偶尔、决定、所有、不过、而已、从来、也许、而	Sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 故意、偶尔、决定、所有、不过、而已、从来、也许、而	Đưa được quan điểm của mình về chủ đề sinh nhật
第 78 课: 受伤以后	Hiểu được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 从...来看、向来、每当...都...、不时、当然、经过、非...不可、千万	Sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 从...来看、向来、每当...都...、不时、当然、经过、非...不可、千万	Đưa được quan điểm của mình về chủ đề sức khỏe, sự cố sức khỏe
第 79 课: 播下绿色的种子	Hiểu được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 将、曾经、在...下、功夫、安排、彼此、必须	Sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 将、曾经、在...下、功夫、安排、彼此、必须	Đưa được quan điểm của mình về chủ đề môi trường
第 80 课: 抓阄儿	Hiểu được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 刚、则、还是、肯、一时、不容、结果	Sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc trọng điểm: 刚、则、还是、肯、一时、不容、结果	Đưa được quan điểm của mình về chủ đề sinh mệnh

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6** bao gồm 10 bài cuối cuốn Giáo trình Hán ngữ tập 3 quyển thượng. Nội dung của học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6 tiếp tục đi sâu hơn với các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Trung Quốc. Giới thiệu đến người học cách sử dụng bổ ngữ khả năng, cách phân biệt và cách dùng của một số từ trọng điểm quan trọng. Ngoài ra, thông qua bài khóa (giảng dạy ngữ đoạn) với những mảng nội dung phong phú, giới thiệu những kiến thức về đất nước, con người Trung Quốc; giúp người học hiểu biết sâu hơn về ngữ pháp và vận dụng từ ngữ, để nâng cao hơn nữa khả năng biểu đạt thành đoạn văn. Phần bài tập của học phần này phân cấp từ dễ đến khó, tiếp tục rèn luyện kỹ năng giao tiếp, mô phỏng và bồi dưỡng trí nhớ cho người học.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình Hán ngữ tập 3 – quyển thượng; NXB Đại học sư phạm, 2003. (kèm đĩa CD)

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục. Sổ tay người học tiếng Hoa; NXB khoa học xã hội, 2012.

[4.2.2]. Quỳnh Thiên; Ngữ pháp tiếng Trung hiện đại; NXB Đại học Quốc Gia Hà nội, 2011.

[4.2.3]. 吕叔湘 《现代汉语八百词》, 商务印书馆, 2005.

[4.2.4]. 梅家驹 《现代汉语搭配词典》, 汉语大词典出版社, 1999.

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên

- Hoàn thành các bài tập được giao:

+ Bài tập về nhà

+ Chuẩn bị bài mới

+ Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học

+ Bài tập thảo luận nhóm

+ Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:
- + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....
- + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp/ Bài tập lớn, viết các đoạn văn theo chủ đề đã học/ Quay video hội thoại về các chủ đề đã học/ Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...
- + Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.
- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần, phương pháp và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
Bài 71: 继父 1. Từ mới 2. Ngữ pháp: Cách dùng của 不管、 难为、又、还、亲 手、可、动词+起来、	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về cách dùng của 不管、难为、又、还、亲手、可、动词+起来、再说.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài	Lí thuyết	2	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>再说 3. Bài khóa: Cha dượng</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video chủ đề về cha mẹ kế.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề về cha dượng.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nói về quan điểm của bản thân về cha mẹ kế, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>Bài 72: 我该怎么办</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp:</p> <p>Cách dùng của 渐渐、挨、难道、偏偏、</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về cách dùng của 渐渐、挨、难道、偏偏、害、具有、即使.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

<p>害、具有、即使。 3. Bài khóa: Tôi nên làm thế nào 4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng giáo cụ trực quan và hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên đọc mẫu, viết mẫu, đặt câu mẫu, cho nghe băng bài khóa. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại theo nội dung bài khóa.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nói về suy nghĩ của bản thân về nội dung bài khóa, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>Bài 73: 好人难当 1. Từ mới 2. Ngữ pháp: Cách dùng của 难免、不禁、再三、怪、恐</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về cách dùng của 难免、不禁、再三、怪、恐怕、免得、以为、来.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2 1 2 0 0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>怕、免得、以为、来</p> <p>3. Bài khóa: Làm người tốt rất khó</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng giáo cụ trực quan và hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên đọc mẫu, viết mẫu, đặt câu mẫu, cho nghe băng bài khóa.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại theo nội dung bài khóa.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn chủ đề làm người tốt rất khó, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>Bài 74: 电脑网络学校</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: Cách dùng của 有关、不是... 而是...、按</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về cách dùng của 有关、不是... 而是...、按照、适合、通过、为...</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>照、适合、通过、为...而...、开办、作为</p> <p>3. Bài khóa: Trường công nghệ thông tin</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>而...、开办、作为.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video về mạng internet.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề mạng internet.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nói quan điểm của bản thân về mạng internet và các vấn đề liên quan, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>Bài 75: 百姓话题</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp:</p> <p>Cách dùng của 总之、总得、够、为难、哪</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về cách dùng của 总之、总得、够、为难、哪怕、敢、好在、反</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

<p>怕、敢、好在、反而、一...就是...</p> <p>3. Bài khóa: Chủ đề bách tính</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>而、一...就是...</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng giáo cụ trực quan và hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên đọc mẫu, viết mẫu, đặt câu mẫu, cho nghe băng bài khóa.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại nói về câu chuyện của bản thân.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn kể về câu chuyện cuộc sống của bản thân, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>Ôn tập – Kiểm tra giữa kỳ</p> <p>- SV làm Bài kiểm tra giữa kỳ viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút.</p> <p>- SV thuyết trình nhóm</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, làm slide thuyết trình theo các chủ đề được phân công.</p>	<p>- Hình thức KTĐGTX: Cho sinh viên ôn tập các dạng bài tập có sử dụng các từ vựng, ngữ pháp đã học. SV làm slide thuyết trình theo các chủ đề được phân công.</p> <p>- KTGK: Bài kiểm tra viết trắc</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>1,5</p> <p>2,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

các chủ đề đã học theo sự phân công của giảng viên.	- Sinh viên làm bài KTGK và thuyết trình nhóm theo nhiệm vụ được phân công	nghiệm tự luận kết hợp 60 phút. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra.	Tự học, NC	10	[4.2.4]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	10	
Bài 76: : 汉语越学越有意思 1. Từ mới 2. Ngữ pháp: Cách dùng của 不由	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về 不由得、吸引、下来、起来、不仅...而且...、所.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài	Lí thuyết	2	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>得、吸引、下来、起来、不仅...而且...、所</p> <p>3. Bài khóa: Tiếng Hán càng học càng hay</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video nói về việc học tiếng Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề về việc học tiếng Hán.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nói về việc học tiếng Hán của bản thân, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>Bài 77: 一张生日卡</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp:</p> <p>Cách dùng của 故意、偶尔、决定、所有、不过、而已、从来、</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về 故意、偶尔、决定、所有、不过、而已、从来、也许、而.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

<p>也许、而。</p> <p>3. Bài khóa: Một tấm thiệp sinh nhật</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>giáo cụ trực quan và hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên đọc mẫu, viết mẫu, đặt câu mẫu, cho nghe băng bài khóa.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề sinh nhật.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn kể về 1 lần sinh nhật, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>Bài 78: 受伤以后</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp</p> <p>Cách dùng của 从...来看、向来、每当....</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về 从...来看、向来、每当....都....、不时、当然、经过、非...不</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

<p>都...、不时、当然、经过、非...不可、千万</p> <p>3. Bài khóa: Sau khi bị thương</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>可、千万.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng giáo cụ trực quan và hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên đọc mẫu, viết mẫu, đặt câu mẫu, cho nghe băng bài khóa.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề về sức khỏe, sự cố sức khỏe.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nói lên quan điểm của bản thân về chủ đề sức khỏe, sự cố sức khỏe, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>Bài 79: 播下绿色的种子</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp</p> <p>Cách dùng của 将、曾</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về 将、曾经、在...下、功夫、安排、彼此、必须.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>经、在...下、功夫、安排、彼此、必须</p> <p>3. Bài khóa: Gieo hạt giống màu xanh</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video chủ đề về môi trường.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề về môi trường.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn chủ đề kể về 1 câu chuyện bảo vệ môi trường, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>Bài 80: 抓阄儿</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp</p> <p>Cách dùng của 刚、则、还是、肯、一</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về 刚、则、还是、肯、一时、不容、结果.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

<p>时、不容、结果.</p> <p>3. Bài khóa: Rút thăm</p> <p>4. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng giáo cụ trực quan và hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên đọc mẫu, viết mẫu, đặt câu mẫu, cho nghe băng bài khóa.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề về sinh mệnh.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nói về quan điểm của bản thân về chủ đề sinh mệnh, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>Ôn tập</p> <p>Sinh viên làm bài tập và thuyết trình nhóm các chủ đề đã học theo sự phân công của giảng viên.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, sinh viên làm bài tập ôn luyện lại các kiến thức đã học, làm</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>1,5</p> <p>2,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

	slide thuyết trình theo các chủ đề được phân công.	tập BT trên lớp, làm bài tập thuyết trình nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Cho sinh viên ôn tập các dạng bài tập có sử dụng các từ vựng, ngữ pháp đã học. SV làm slide thuyết trình theo các chủ đề được phân công.	Tự học, NC	10	[4.2.4]
--	--	--	---------------	----	---------

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), viết đoạn văn, quay video, làm slide 		Đánh giá thường xuyên	Giảng viên

	thuyết trình,...			
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá trình quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lý các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá 	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

phần.	chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. - Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 90 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học trong học phần TQTH6.			
-------	--	--	--	--

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG NGHE 1

(Tên tiếng Anh: Listening skills 1)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2
- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập: 15 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 60 tiết.
- Loại học phần: *Bắt buộc*

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Tiếng Trung Quốc Tổng hợp 6
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại Ngữ
 - + Bộ môn: Tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. TS. Phạm Hữu Khương

Số điện thoại: 0988999236 Email: phkhuong@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Đinh Thị Thảo

Số điện thoại: 0987092698 Email: dtthao@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tự trọng, tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với khả năng

- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Năng lực:
 - Nắm vững kiến thức chuẩn về ngữ âm.
 - củng cố kiến thức đã học, tích lũy và mở rộng vốn từ trong giao tiếp cơ bản
 - Nắm vững kiến thức về các mẫu câu cơ bản đã học, đồng thời bổ sung mở rộng thêm một số các từ trọng điểm và kết cấu ngữ pháp mới để có thể nghe hiểu đúng nghĩa của câu và nội dung bài.
 - Nghe nhanh, đúng, chính xác, phân biệt thanh mẫu, vận mẫu thanh điệu, trọng âm và biến điệu.
 - Có khả năng nghe hiểu, lựa chọn đáp án đúng sai, điền từ, trả lời câu hỏi và thuật lại nội dung bài.
 - Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học.
- Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT													
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Kiến thức và lý luận cơ bản về từ vựng học, ngữ nghĩa học, ngữ pháp tiếng TQ.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Kiến thức cơ bản về lý thuyết, thực hành, phương pháp, kỹ xảo dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực dịch nhiều chủ đề và nhiều hình thức dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp với chuyên ngành	Năng lực nắm bắt, xử lý thông tin đúng, đủ, hợp lý trong các tình huống giao tiếp	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực tư duy sáng tạo	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	0	2	2	1	1	1	1	1	0	2	0	1	0

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
BÀI 1: 买东西	- Nắm vững cách đọc, cách viết và ý nghĩa của từ mới chủ đề về mua sắm: “T恤衫、收银台、讨价还价……”	- Hiểu được nội dung bài nghe, thông qua bài nghe học được các cấu trúc thông dụng và gắn liền với các chủ đề về mua sắm: “A比B+形容词”	- Nắm vững kỹ năng nghe hiểu từ, câu, đoạn hội thoại; áp dụng hội thoại đơn giản theo chủ đề mua sắm
BÀI 2: 看病	- Nắm vững cách đọc, cách viết và ý nghĩa của các từ mới chủ đề khám bệnh: “拉肚子、咳嗽、发炎、发烧、打针……”	- Hiểu được nội dung bài nghe, thông qua bài nghe học được các cấu trúc thông dụng và gắn liền với các chủ đề khám bệnh: “还没呢……”“……就行了”	- Nắm vững kỹ năng nghe hiểu từ, câu, đoạn hội thoại; áp dụng hội thoại đơn giản theo chủ đề khám bệnh
BÀI 3: 去餐厅吃饭	- Nắm vững cách đọc, cách viết và ý nghĩa của các từ mới chủ đề về đi ăn ở nhà hàng: “国产、鸡尾酒、稍、海鲜、家常菜、风味”	- Hiểu được nội dung bài nghe, thông qua bài nghe học được các cấu trúc thông dụng và gắn liền với các chủ đề về đi ăn ở nhà hàng: “正……呢”“还是……吧”	- Nắm vững kỹ năng nghe hiểu từ, câu, đoạn hội thoại; áp dụng hội thoại đơn giản theo chủ đề đi ăn ở nhà hàng
BÀI 4: 问路	- Nắm vững cách đọc, cách viết và ý nghĩa của các từ mới	- Hiểu được nội dung bài nghe, thông qua bài nghe học được các cấu trúc thông	- Nắm vững kỹ năng nghe hiểu từ, câu, đoạn hội thoại; áp dụng hội

	chủ đề về hỏi đường: “拐弯、终点站、对面、迷路”	dụng và gắn liền với các chủ đề về hỏi đường : “一……就……”“……是……”“对……来说”	thoại đơn giản theo chủ đề hỏi đường
BÀI 5: 旅游	- Nắm vững cách đọc, cách viết và ý nghĩa của các từ mới chủ đề về du lịch: “导游、游览、景点、计划……”	- Hiểu được nội dung bài nghe, thông qua bài nghe học được các cấu trúc thông dụng và gắn liền với các chủ đề về du lịch : “趁”“反正”	- Nắm vững kỹ năng nghe hiểu từ, câu, đoạn hội thoại; áp dụng hội thoại đơn giản theo chủ đề du lịch
BÀI 6: 谈学习	- Nắm vững cách đọc, cách viết và ý nghĩa của các từ mới chủ đề về học tập : “环境、轻松、辛苦、休闲、……”	- Hiểu được nội dung bài nghe, thông qua bài nghe học được các cấu trúc thông dụng và gắn liền với các chủ đề về học tập : “不但……而且……”“一边……一边”“虽然……但是……”	- Nắm vững kỹ năng nghe hiểu từ, câu, đoạn hội thoại; áp dụng hội thoại đơn giản theo chủ đề học tập
BÀI 7: 家庭	- Nắm vững cách đọc, cách viết và ý nghĩa của các từ mới chủ đề về gia đình: “照顾、家务、保姆、长久、矛盾……”	- Hiểu được nội dung bài nghe, thông qua bài nghe học được các cấu trúc thông dụng và gắn liền với các chủ đề về gia đình : “是……，而不是……”“只要……就……”	- Nắm vững kỹ năng nghe hiểu từ, câu, đoạn hội thoại; áp dụng hội thoại đơn giản theo chủ đề gia đình
BÀI 8: 社会问题	- Nắm vững cách đọc, cách viết và ý nghĩa của các từ mới	- Hiểu được nội dung bài nghe, thông qua bài nghe học được các cấu trúc thông dụng và gắn liền với các chủ đề về vấn	- Nắm vững kỹ năng nghe hiểu từ, câu, đoạn hội thoại; áp dụng hội thoại đơn giản theo chủ đề vấn đề

	chủ đề về vấn đề xã hội: “政府、改造、遵守、规则、解决、适应、培养……”	đề xã hội : “还……呢”“怎么……呢”“连……也/都……”	xã hội
BÀI 9: 天气 季节	- Nắm vững cách đọc, cách viết và ý nghĩa của các từ mới chủ đề về thời tiết: “避暑、干燥、湿润、寒带、晒……”	- Hiểu được nội dung bài nghe, thông qua bài nghe học được các cấu trúc thông dụng và gắn liền với các chủ đề về thời tiết: “才”“宁愿……也……”“够……的”	- Nắm vững kỹ năng nghe hiểu từ, câu, đoạn hội thoại; áp dụng hội thoại đơn giản theo chủ đề thời tiết
BÀI 10: 谈计划	- Nắm vững cách đọc, cách viết và ý nghĩa của các từ mới chủ đề về kế hoạch, dự định: “通宵、睡懒觉、补习班、成家、辈子……”	- Hiểu được nội dung bài nghe, thông qua bài nghe học được các cấu trúc thông dụng và gắn liền với các chủ đề về kế hoạch, dự định : “哪儿/谁/什么/怎么……+都/也+不/没……”“要不……”	- Nắm vững kỹ năng nghe hiểu từ, câu, đoạn hội thoại; áp dụng hội thoại đơn giản theo chủ đề kế hoạch, dự định
BÀI 11: 工作 职业	- Nắm vững cách đọc, cách viết và ý nghĩa của các từ mới chủ đề về công việc nghề nghiệp: “辞职、能力、面试、理想……”	- Hiểu được nội dung bài nghe, thông qua bài nghe học được các cấu trúc thông dụng và gắn liền với các chủ đề về công việc nghề nghiệp: “V+得/不+可能补语”“好/不好+V”	- Nắm vững kỹ năng nghe hiểu từ, câu, đoạn hội thoại; áp dụng hội thoại đơn giản theo chủ đề nghề nghiệp

BÀI 12: 交友	- Nắm vững cách đọc, cách viết và ý nghĩa của các từ mới chủ đề về kết bạn: “性格、外向、开朗、网友、安全感、友好.....”	- Hiểu được nội dung bài nghe, thông qua bài nghe học được các cấu trúc thông dụng và gắn liền với các chủ đề về kết bạn: “.....不就行了吗?” “谁说” “等.....就.....”	- Nắm vững kỹ năng nghe hiểu từ, câu, đoạn hội thoại; áp dụng hội thoại đơn giản theo chủ đề kết bạn
BÀI 13: 看房租房	- Nắm vững cách đọc, cách viết và ý nghĩa của các từ mới chủ đề về thuê phòng: “中介、租金、居室、电器、家具、押金.....”	- Hiểu được nội dung bài nghe, thông qua bài nghe học được các cấu trúc thông dụng và gắn liền với các chủ đề về thuê phòng: “可.....了” “好几.....” “.....什么的”	- Nắm vững kỹ năng nghe hiểu từ, câu, đoạn hội thoại; áp dụng hội thoại đơn giản theo chủ đề thuê phòng
BÀI 14: 解决矛盾	- Nắm vững cách đọc, cách viết và ý nghĩa của các từ mới chủ đề giải quyết mâu thuẫn: “愁眉苦脸、总之、自以为是、表示、诚意.....”	- Hiểu được nội dung bài nghe, thông qua bài nghe học được các cấu trúc thông dụng và gắn liền với các chủ đề về giải quyết mâu thuẫn: “自从.....以来” “这还不简单”	- Nắm vững kỹ năng nghe hiểu từ, câu, đoạn hội thoại; áp dụng hội thoại đơn giản theo chủ đề giải quyết mâu thuẫn
BÀI 15: 文化习俗	- Nắm vững cách đọc, cách viết và ý nghĩa của các từ mới chủ đề về văn hóa, tập quán:	- Hiểu được nội dung bài nghe, thông qua bài nghe học được các cấu trúc thông dụng và gắn liền với các chủ đề về văn	- Nắm vững kỹ năng nghe hiểu từ, câu, đoạn hội thoại; áp dụng hội thoại đơn giản theo chủ đề văn hóa, tập quán

	“日历、代表、礼尚往来、入乡随俗……”	hóa, tập quán: “……就是……”“不好说”“别提多……了”	
--	---------------------	--------------------------------------	--

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Kỹ năng Nghe 1** bao gồm 10 bài trong cuốn “汉语听力速成-基础篇，北京语言大学出版社”. Bên cạnh việc củng cố lại những kiến thức ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp mà người học đã được học ở các học phần trước, học phần **Kỹ năng Nghe 1** cung cấp mở rộng vốn từ vựng cùng một số các từ trọng điểm và kết cấu ngữ pháp, giúp người học có thể nghe hiểu các câu văn, đoạn văn, đoạn hội thoại ngắn, đơn giản.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 毛悦, 《汉语听力速成-基础篇》,北京语言大学出版社+ CD, 2010

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. Khương Lê Bình, Giáo trình chuẩn HSK 3, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

[4.2.2]. Khương Lê Bình, Giáo trình chuẩn HSK 3 (sách bài tập), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.

- Hoàn thành các bài tập được giao:

+ Bài tập về nhà

+ Chuẩn bị bài mới

+ Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học

+ Bài tập thảo luận nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGHP: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一课：买东西 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 棒棒糖、矿泉水、打折、款式、收银台、讨价还价 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 一点二也不.....、不是.....吗? - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	0,5	
			Thảo luận	0,5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	

<p>第二课：看病</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p> <p>5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 看病、请假、拉肚子、内科、咳嗽、打针、化验 và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 还没……呢、……就行了</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>4</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>
<p>第三课：去餐厅吃饭</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : “国产、鸡尾酒、</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p>

<p>3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>稍、海鲜、家常菜、风味”打针、化验 và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: “正……呢”“还是……吧”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>	<p>[4.2.2]</p>
<p>Tự học, NC</p>	<p>4</p>				
<p>第四课：问路 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 劳驾、拐弯儿、对面、调头、终点站、迷路 và bài nghe</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>1</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>
<p>Bài tập</p>	<p>0,5</p>				
<p>Thảo luận</p>	<p>0,5</p>				
<p>Thực hành</p>	<p>0</p>				
<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>				

	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc:可是……、对……来说……</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	4	
<p>第五课：旅游</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p> <p>5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 导游、游览、安排、计划、景点 và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

	<p>hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 趁.....、反正.....</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	4	
<p>第六课：谈学习</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 期中、期末、阅读、速度、提高、辅导、报名、再说 và bài nghe</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

5. Bài nghe 4	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 越 A 越 B、就是.....也.....</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	4	
<p>第七课：家庭 +KTGHP</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 退休、放假、邀请、家务、矛盾、保姆 và bài nghe</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

<p>5. Bài nghe 4</p> <p>6. Kiểm tra giữa học phần : Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 15 phút.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc:是.....而不是、只要.....就.....</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p> <p>- Kiểm tra giữa học phần: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 15 phút. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>4</p>	
<p>第八课：社会问题</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p> <p>5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : “政府、改造、遵守、规则、解决、适应、培养.....”và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>

	<p>hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: “还……呢”“怎么……呢”“连……也/都……”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	4	
<p>第九课：天气季节</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p> <p>5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 短袖、衬衫、恐怕、外套、干燥、暖气、湿润、才 và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

	<p>hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 宁愿.....也.....、够.....的.....</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	4	
<p>第十课：谈计划</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p> <p>5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 终于、正常、实在、各奔东西、高级、享福、答应 và bài nghe</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 哪儿/谁/什么/怎么.....都/也+ 不/没.....、要不.....</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	4	
<p>第十一课：工作职业</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p> <p>5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 辞职、领导、无聊、能力、面试 và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

	<p>hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: V 得/不+可能补语、好/不好+V、别.....了</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	4	
<p>第十二课: 交友</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p> <p>5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: “性格、外向、开朗、网友、安全感、友好.....” và bài nghe</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: “..... 不就行了吗?” “谁说” “等.....就.....”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	4	
<p>第十三课：看房租房</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p> <p>5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : “中介、租金、居室、电器、家具、押金.....” và bài nghe</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: “可……了”“好几……”“……什么的”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	4	
第十四课：解决矛盾 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : “愁眉苦脸、总之、自以为是、表示、诚意……”và bài nghe</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>

	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: “自从……以来”“这还不简单”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	4	
<p>第十五课：文化习俗</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p> <p>5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 日历、代表、礼尚往来、成双成对、入乡随俗、人生 và bài nghe</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 一.....就是.....、不好说、别提多.....了</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>4</p>	
--	--	--	-----------------------	----------	--

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp). 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá 	30 %	Trong quá	Giảng

<p>- Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích cực, chủ động trong quá qua quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 15 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học đến thời điểm kiểm tra. 		trình học	viên
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của 	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

	sinh viên. - Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 30 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học trong học phần Nghe 1			
--	--	--	--	--

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG NÓI 1

(Tên tiếng Anh: Speaking 1)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2
- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận: 15 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 60 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: tiếng Trung Quốc tổng hợp 6
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Lê Thị Thanh Tú

Số điện thoại: 0964850728 Email: lttu@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Lê Bích Vân

Số điện thoại: 0988298046 Email: lbvan@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Lê Thị Tuyết Mai

Số điện thoại: 0985859968 Email: tuyetmaiktvn@gmail.com

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- **Năng lực:**
 - Người học có nền tảng kiến thức chuẩn về ngữ âm, ngữ điệu.
 - Người học phát âm chuẩn về ngữ âm, ngữ điệu.
 - Người học nắm được vốn từ vựng theo chủ đề như: làm quen, xưng hô, quê hương, danh lam thắng cảnh, làm việc, mua sắm, hoạt động ngoại khóa....
 - Người học có khả năng miêu tả đặc điểm, tính chất, trạng thái của con người, sự vật, sự việc.
 - Người học có thể sử dụng các cấu trúc thường dùng khi muốn biểu đạt ý kiến của bản thân về một số vấn đề xã hội phổ biến, có thể giải thích, thuyết minh, giới thiệu, tán thưởng, thể hiện sự ngạc nhiên, tin tưởng, lưỡng lự, nghi hoặc, phủ định....
 - Vận dụng từ vựng theo các chủ đề vào thực tế giao tiếp.
 - Biết sử dụng tiếng Trung miêu tả đặc điểm, tính chất, trạng thái của con người, sự vật, sự việc.
 - Biết sử dụng tiếng Trung biểu đạt ý kiến của bản thân về một số vấn đề xã hội phổ biến, giải thích, thuyết minh, giới thiệu, tán thưởng hoặc thể hiện cảm nhận bản thân.
 - Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học.
- **Kết quả học tập mong đợi của học phần**
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào trong các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	2	1	1	2	1	1	0	1	0	0	0

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第一课：第一天	Nắm được vốn từ về chủ đề ăn uống, cơ sở vật chất trường học, hoạt động trong trường học.	Giới thiệu hoạt động trọng phạm vi trường học, địa điểm ăn uống, gọi món ăn, đưa ra yêu cầu cá nhân khi ăn uống.	vận dụng được tiếng Trung để đánh giá so sánh, sau đó đưa ra kiến nghị, lời khuyên.
第二课：入乡随俗	Nắm được vốn từ về xưng hô, chào hỏi. Vận dụng vốn từ vào hoàn cảnh giao tiếp thực tế, căn cứ ngữ cảnh xưng hô phù hợp	Biết vận dụng tiếng Trung biểu đạt sự chắc chắn, không chắc chắn, sự lựa chọn.	Vận dụng được vốn từ vào hoàn cảnh giao tiếp thực tế, căn cứ ngữ cảnh xưng hô phù hợp. Nắm được một số lưu ý khi giao tiếp với người nước ngoài
第三课：家乡	Có vốn từ về chủ đề quê hương, danh lam thắng cảnh, vận dụng vốn từ vào giao tiếp thực tế	Có thể dùng tiếng Trung để hỏi đáp, tìm hiểu về quê hương, danh lam thắng cảnh hoặc một địa điểm	vận dụng được tiếng Trung để giới thiệu về quê hương, danh lam thắng cảnh hoặc một địa điểm
第四课：工作狂	Có vốn từ về chủ đề làm việc	Vận dụng vốn từ trong giao tiếp	vận dụng được tiếng Trung để phủ định ý kiến hoặc khen ngợi tán thưởng người khác
第五课：学校社团	Có vốn từ về hoạt động ngoại khóa.	Vận dụng vốn từ trong giao tiếp: Giới thiệu về một câu lạc bộ trong Nhà trường hoặc một hoạt động ngoại khóa.	vận dụng được tiếng Trung để giải thích, thuyết phục.

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Kỹ năng nói 1** giúp người học rèn luyện ngữ âm, củng cố những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã học ở các học phần trước, sử dụng thành thạo các lớp từ mở rộng theo từng chủ đề. Qua quá trình học tập, người học có khả năng diễn đạt miêu tả đặc điểm, tính chất, trạng thái của con người, sự vật, sự việc; biết đưa ra ý kiến của bản thân về các vấn đề xã hội phổ biến; biết sử dụng tiếng Trung để giải thích, thuyết minh, khen ngợi tán thưởng hoặc biểu đạt cảm xúc cá nhân (ngạc nhiên, tin tưởng, lưỡng lự, nghi hoặc, phủ định...).

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1] 路志英, 《发展汉语中级口语 (I)》, 北京语言大学出版社, 2011 年

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, *Khẩu ngữ thường dùng trong tiếng Hán hiện đại*, Nhà xuất bản tổng hợp HCM, 2009

[4.2.2] 马箭飞, 《汉语口语速成初级篇》, 北京语言大学出版社, 2014

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:
 - + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....
 - + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KT GK: hội thoại/ thuyết trình về các chủ đề đã học...

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Hình thức thi là vấn đáp.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一课：第一天	- Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài	Lí thuyết	3	[4.1.1]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	<p>SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống “ngày đầu tiên”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “ngày đầu tiên”</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề</p>	Tự học, tự nghiên cứu	12	
第二课：入乡随俗	<p>- Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc</p> <p>- Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>3</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	[4.1.1]

	<p>SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống “nhập gia tùy tục”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “nhập gia tùy tục”</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề</p>	Tự học, tự nghiên cứu	12	
第三课：家乡	<p>- Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc</p> <p>- Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>3</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	[4.1.1]

	<p>SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống “quê hương”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “quê hương”</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề</p>	Tự học, tự nghiên cứu	12	
第四课：工作狂	<p>- Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc</p> <p>- Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	Lí thuyết	3	[4.1.1]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	<p>SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống “cuồng công việc”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “cuồng công việc”</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề</p>	Tự học, tự nghiên cứu	12	
第五课：学校社团	<p>- Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc</p> <p>- Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>3</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	[4.1.1]

	<p>SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống “câu lạc bộ trong trường học”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “câu lạc bộ trong trường học” 	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề 	<p>Tự học, tự nghiên cứu</p>	<p>12</p>	
--	---	---	------------------------------	-----------	--

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
Điểm 1 - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần và thái độ học nghiêm túc - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao	- Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp -Kiểm tra chuẩn bị bài trước khi lên lớp	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
Điểm 2 Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra.	-Kiểm tra bài trên lớp	30 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
Điểm 3 Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học trong toàn học phần.	Bài thi nói 5 phút	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG ĐỌC 1
(Tên tiếng Anh: Reading 1)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2 tín chỉ
- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận nhóm: 15 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết
- Tự học, NC: 60 tiết
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc

- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Đinh Thị Thảo

Số điện thoại: 0987092698 Email: dtthao@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Lê Thị Thanh Tú

Số điện thoại: 0964850728 Email: ltttu@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- **Phẩm chất:**

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.
- Góp phần hình thành thói quen, kỹ năng đọc và phân tích tài liệu
- Xây dựng cho bản thân niềm say mê nghiên cứu và thói quen tự học
- Có ý thức tự trau dồi những kiến thức đã được lĩnh hội, củng cố và nâng cao kỹ năng Đọc
- Yêu thích, hứng thú tìm hiểu kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa thông qua nội dung bài đọc.

- **Năng lực:**

- Năng lực ngoại ngữ: Đọc hiểu nội dung bài đọc ngắn, đơn giản bằng tiếng Trung, hoàn thành các bài luyện tập
- Phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin liên quan đến môn học.
- Hiểu được đặc điểm, ý nghĩa cũng như tầm quan trọng của kỹ năng Đọc
- Biết vận dụng kỹ năng và kiến thức tiếp nhận trong quá trình học tập vào thực tiễn

- **Kết quả học tập mong đợi của học phần**

- 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.

- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch vụ	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào trong các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	1	2	2	1	2	2	1	1	1	1	1	2	1

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
<p>Chương 1: 阅读技能</p> <p>1.通读 2.略读 3.跳读 4.查读</p>	<p>- Hiểu cách thức tiến hành, mục tiêu của các hoạt động đọc khác nhau (đọc kỹ, đọc lướt, đọc có chọn lọc, đọc tra cứu)</p>	<p>- Phân biệt sự khác biệt giữa cách thức tiến hành, mục tiêu của các hình thức đọc khác nhau</p>	<p>-Vận dụng các hình thức đọc khác nhau để hoàn thành bài luyện tập, ứng dụng vào hoạt động đọc văn bản tiếng Trung thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong thực tiễn. -Tự học tập nâng cao trình độ qua sách vở, báo chí, mạng Internet, mạng xã hội...</p>
<p>Chương 2: 猜词（根据偏旁分析、通过语素、简称、词语互释、通过上下文）</p>	<p>-Hiểu cách thức, cơ sở của việc đoán chữ (từ) mới</p>	<p>- Trên cơ sở lí luận và các bước tiến hành, đoán hàm nghĩa của các chữ đơn giản, hoàn thành hệ thống bài luyện tập được thiết kế trong giáo trình.</p>	<p>- Vận dụng kỹ năng đoán chữ khi đọc văn bản tiếng Trung Quốc thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong thực tiễn.</p>
<p>Chương 3: 阅读技能：句子理解（压缩句子、抽取主干、抓关键词及关键标点符号、抓关联词）</p>	<p>- Hiểu cách thức, cơ sở của việc phân tích, lí giải ý nghĩa của câu.</p>	<p>- Trên cơ sở lý luận, tiến hành phân tích lí giải ý nghĩa của câu đơn giản, hoàn thành hệ thống bài tập được thiết kế trong giáo trình.</p>	<p>- Vận dụng kỹ năng hiểu và lí giải câu văn khi đọc văn bản tiếng Trung trong thực tiễn.</p>

3. Mô tả tóm tắt nội dung môn học:

Học phần **Kỹ năng đọc 1** gồm 30 bài, chia thành 3 nội dung chính, giới thiệu có hệ thống các kỹ năng đọc lướt, đọc kỹ, đọc có chọn lọc, đọc tra cứu, cách đoán ý nghĩa từ (chữ) mới, cách lí giải ý nghĩa của câu văn. Mỗi bài trong giáo trình 中级汉语阅读教程 I được thiết kế với hệ thống những đoạn văn, bài văn cùng bài tập đi kèm theo từng kỹ năng cần rèn luyện để người học có thể nâng cao kỹ năng đọc. Nội dung bài đọc mới mẻ, lý thú, thích hợp với nhu cầu tìm hiểu tri thức, văn hóa của người học. Chúng đề cập tới những vấn đề gần gũi với cuộc sống như tâm tư tình cảm, mối quan hệ giao tiếp ứng xử của con người, môi trường, khoa học kỹ thuật, lịch sử địa lí, văn hóa.....

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 周小兵, 《汉语中级阅读教程》I, 北京语言大学出版社, 2008

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. 彭志平编著, 《汉语阅读教程》第三册, 北京语言大学出版社, 2010

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần (kể cả thời lượng dạy học trực tuyến, tự học có hướng dẫn...)

- Hoàn thành các bài tập được giao.

+ Bài tập về nhà

+ Chuẩn bị bài mới

+ Bài kiểm tra viết trên lớp tại mỗi buổi học

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp.

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: trắc nghiệm.

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và hình thức giảng dạy	Phương pháp và hình thức KTĐG	Thời lượng		
<p>第一章</p> <p>第一课: 阅读技能</p> <p>一、阅读技能简介</p> <p>1.通读</p> <p>2.略读</p> <p>3.眺读</p> <p>4.查读</p> <p>二、阅读练习</p> <p>课文 1: 中国古代辉煌的科学技术</p> <p>课文 2: 印错的美元</p> <p>课文 3: 城市电话号码</p> <p>课文 4: 最新即期外汇牌价: 外汇汇率查询</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách thức tiến hành, mục tiêu của các hoạt động đọc khác nhau (đọc kỹ, đọc lướt, đọc có chọn lọc, đọc tra cứu)</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	Lý thuyết	0.5	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK [4.2.1]</p>
			Bài tập	0.5	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	2	

<p>第二章：猜词</p> <p>一、偏旁分析</p> <p>第二课</p> <p>课文 1：李约瑟拔高中国 古代科学成就</p> <p>课文 2：旗袍</p> <p>课文 3：赤道雪峰</p> <p>第三课</p> <p>课文 1：山水画和小鸟</p> <p>课文 2：闹房</p> <p>课文 3：茶叶的故乡—— 中国</p> <p>第四课</p> <p>课文 1：唯美的韩剧</p> <p>课文 2：姚明</p> <p>课文 3：休闲就是快乐</p> <p>第五课</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách thức đoán ý nghĩa của từ thông qua bộ thủ và ứng dụng trong quá trình đọc hiểu.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	Lý thuyết	2	<p>TL</p> <p>chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLT</p> <p>K</p> <p>[4.2.1]</p> <p>]</p>
			Bài tập	1	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>课文 1: 特别的车牌</p> <p>课文 2: 高血压患者要少说话</p> <p>课文 3: 节约水资源和少吃牛肉</p> <p>课文 4: 菩萨在中国</p>			<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	
<p>第二章: 猜词</p> <p>二、通过语素</p> <p>第六课</p> <p>课文 1: 几则法规</p> <p>课文 2: 早期的自行车</p> <p>课文 3: 两个老师</p> <p>课文 4: 伦敦的出租汽车</p> <p>第七课</p> <p>课文 1: 北京首都国际机场</p> <p>课文 2: 《欧美作家词典》目录</p> <p>课文 3: 广州市地铁线路</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách thức đoán ý nghĩa của từ thông qua ngữ tố và ứng dụng trong quá trình đọc hiểu.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<p>Lý thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>2.5</p> <p>2</p> <p>0.5</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>10</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLT K [4.2.1]</p>

<p>图</p> <p>课文 4: 一堂令人难忘的 绘画课</p> <p>第八课</p> <p>课文 1: 《家庭日用大 全》目录</p> <p>课文 2: 北京 2008 年第 29 届奥运会吉祥物——福娃</p> <p>课文 3: 《汉语 900 句》 目 录</p> <p>课文 4: 卡拉 OK 在意大 利</p> <p>第九课</p> <p>课文 1: 《美国旅游便 览》目录</p> <p>课文 2: 客家人</p> <p>课文 3: 《日本人》目录</p> <p>课文 4: 冒充土著人的澳</p>	<p>dǎn.</p>				
--	-------------	--	--	--	--

<p>大利亚拜仁作家</p> <p>第十课</p> <p>课文 1: 广州人与饮茶</p> <p>课文 2: 不要忘了那些饥饿的中国孩子</p> <p>课文 3: 生菜会</p>																							
<p>第二章: 猜词</p> <p>三、简称</p> <p>第十一课</p> <p>课文 1: 美国的孩子</p> <p>课文 2: 限制中学生的发</p> <p>型</p> <p>课文 3: 春城昆明</p> <p>课文 4: 短文两篇</p> <p>第十二课</p> <p>课文 1: 孝敬父母</p> <p>课文 2: 短文两篇</p> <p>课文 3: 征婚启事</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách thức đoán ý nghĩa của từ thông qua các cụm từ rút gọn và ứng dụng trong quá trình đọc hiểu.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="1626 572 1798 738">Lý thuyết</td> <td data-bbox="1805 572 1966 738">1</td> <td data-bbox="1973 572 2163 738"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="1626 743 1798 852">Bài tập</td> <td data-bbox="1805 743 1966 852">1</td> <td data-bbox="1973 743 2163 852">TL</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1626 857 1798 965">Thảo luận</td> <td data-bbox="1805 857 1966 965">0</td> <td data-bbox="1973 857 2163 965">chính: [4.1.1]</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1626 970 1798 1078">Thực hành</td> <td data-bbox="1805 970 1966 1078">0</td> <td data-bbox="1973 970 2163 1078">TLT</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1626 1083 1798 1307">Tự học có hướng dẫn</td> <td data-bbox="1805 1083 1966 1307">0</td> <td data-bbox="1973 1083 2163 1307">K</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1626 1311 1798 1417">Tự học, NC</td> <td data-bbox="1805 1311 1966 1417">4</td> <td data-bbox="1973 1311 2163 1417">[4.2.1]</td> </tr> </table>	Lý thuyết	1		Bài tập	1	TL	Thảo luận	0	chính: [4.1.1]	Thực hành	0	TLT	Tự học có hướng dẫn	0	K	Tự học, NC	4	[4.2.1]		
Lý thuyết	1																						
Bài tập	1	TL																					
Thảo luận	0	chính: [4.1.1]																					
Thực hành	0	TLT																					
Tự học có hướng dẫn	0	K																					
Tự học, NC	4	[4.2.1]																					

<p>第二章：猜词</p> <p>四、词语互释</p> <p>第十三课</p> <p>课文 1：中国服装与世界先进水平的差距</p> <p>课文 2：北京的饮食</p> <p>课文 3：你是穷人还是富人</p> <p>课文 4：地震后的世界杯</p> <p>课文 5：最新火车时刻表</p> <p>第十四课</p> <p>课文 1：《清明上河图》</p> <p>课文 2：九寨沟的魅力</p> <p>课文 3：最新汽车价格表</p> <p>第十五课</p> <p>课文 1：云南过桥米线</p> <p>课文 2：沉鱼落雁，闭月羞花</p> <p>课文 3：中国人口数量</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách thức đoán ý nghĩa của từ thông qua các từ ngữ khác và ứng dụng trong quá trình đọc hiểu.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	Lý thuyết	1.5	
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0.5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	

课文 4: 神七真神奇					
第二章: 猜词 五、通过上下文 第十六课 课文 1: 可食餐具 课文 2: 扇子语 课文 3: 饮食该少肉多鱼 课文 4: 比尔先生 课文 5: 闪爰 第十七课 课文 1: 北京 2008 年残奥会会徽 课文 2: “购物天堂”香港 课文 3: 京剧的来源 课文 4: 送书的故事 课文 5: 麻婆豆腐的传说 第十八课 课文 1: 长沙站客运班车时刻表	-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách thức đoán ý nghĩa của từ thông qua đại ý của đoạn văn liền kề và ứng dụng trong quá trình đọc hiểu. - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...	Lý thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn Tự học, NC	2.5 2 0.5 0 0 10	TL chính: [4.1.1] TLT K [4.2.1]]

<p>课文 2: 钓鱼的最佳时间 课文 3: “退稿”的启事 课文 4: 也说禁烟</p> <p>第十九课</p> <p>课文 1: 房屋租售广告 课文 2: 汉语学校学生们的自我介绍 课文 3: 勤用脑, 防衰老 课文 4: 最不能等待的事</p> <p>第二十课</p> <p>课文 1: 代做小偷 课文 2: 音乐并非全部有益 课文 3: 散步 课文 4: 我们究竟可以有多坚强</p>					
<p>第三章: 句子理解 一、压缩句子</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách dự đoán ý nghĩa của</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của</p>	<p>Lý thuyết</p>	<p>1</p>	<p>TL</p>
			<p>Bài</p>	<p>1</p>	<p>chính:</p>

<p>第二十一课</p> <p>课文 1: 十二星座最怕失去的东西</p> <p>课文 2: 能用汽车搬运的直升飞机</p> <p>课文 3: 温暖的老妇</p> <p>课文 4: 奇妙的生物共存</p> <p>第二十二课</p> <p>课文 1: 食物营养之最</p> <p>课文 2: 化纤的危害</p> <p>课文 3: 生活方式引起都市病</p> <p>课文 4: 第一个吃西红柿的人</p> <p>课文 5: 李时珍著《本草纲目》</p>	<p>đoạn văn thông qua câu chủ đề của đoạn và ứng dụng trong quá trình đọc hiểu.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	tập		[4.1.1]
			Thảo luận	0	TLT
			Thực hành	0	K
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.1]
			Tự học, NC	4]
第三章: 句子理解	-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan	Lý thuyết	1.5	TL

<p>二、抽取主干</p> <p>第二十三课</p> <p>课文 1: 《读者》2008 年第 12 期目录</p> <p>课文 2: 广州精英人力资源服务有限公司招聘广告</p> <p>课文 3: 水上之国</p> <p>课文 4: 长城的另一个作用</p> <p>课文 5: 宴请朋友的方法</p> <p>第二十四课</p> <p>课文 1: 中国十大最美丽的乡镇</p> <p>课文 2: 海鸟是怎样发现食物的</p> <p>课文 3: 第七营养素</p> <p>课文 4: 美国首位黑人总统奥巴马的童年</p> <p>课文 5: 请热爱你的工作</p>	<p>về cách xác định câu chủ đề của đoạn và ứng dụng trong quá trình đọc hiểu.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	Bài tập	1	<p>chính: [4.1.1]</p> <p>TLT</p> <p>K</p> <p>[4.2.1]</p>
			Thảo luận	0.5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	

<p>第二十五课</p> <p>课文 1: 外国人申请中国永久居留权的手续</p> <p>课文 2: 轻轨</p> <p>课文 3: 名人名言</p> <p>课文 4: 《家庭》杂志谈心栏目</p>																
<p>第三章: 句子理解</p> <p>三、抓关键词及关键标点符号</p> <p>第二十六课</p> <p>课文 1: 神秘的圣女眼</p> <p>课文 2: 服用维生素制剂并非有益无害</p> <p>课文 3: 正月初二回娘家</p> <p>课文 4: 转让婚姻介绍所</p> <p>第二十七课</p> <p>课文 1: iPhone</p> <p>课文 2: 代客哭笑</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách xác định từ trọng điểm và các dấu hiệu đặc biệt trong câu, trong đoạn, đồng thời ứng dụng trong quá trình đọc hiểu.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="1626 635 1798 746">Lý thuyết</td> <td data-bbox="1805 635 1966 746">2.5</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1626 746 1798 858">Bài tập</td> <td data-bbox="1805 746 1966 858">2</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1626 858 1798 970">Thảo luận</td> <td data-bbox="1805 858 1966 970">0.5</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1626 970 1798 1082">Thực hành</td> <td data-bbox="1805 970 1966 1082">0</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1626 1082 1798 1313">Tự học có hướng dẫn</td> <td data-bbox="1805 1082 1966 1313">0</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1626 1313 1798 1417">Tự</td> <td data-bbox="1805 1313 1966 1417">10</td> </tr> </table>	Lý thuyết	2.5	Bài tập	2	Thảo luận	0.5	Thực hành	0	Tự học có hướng dẫn	0	Tự	10	<p>TL</p> <p>chính: [4.1.1]</p> <p>TLT</p> <p>K</p> <p>[4.2.1]</p>
Lý thuyết	2.5															
Bài tập	2															
Thảo luận	0.5															
Thực hành	0															
Tự học có hướng dẫn	0															
Tự	10															

<p>课文 3: 琳琳的帽子 课文 4: 中国的照相迷</p> <p>第二十八课</p> <p>课文 1: 四母女同生日 课文 2: 冬虫夏草 课文 3: 关于博客 课文 4: 请母亲吃饭</p> <p>第二十九课</p> <p>课文 1: 花香治病 课文 2: 《月球之谜》 课文 3: 自行车王国 课文 4: 集邮</p> <p>第三十课</p> <p>课文 1: 海底世界 课文 2: 澳洲的房车公园 课文 3: 日本孩子无童年 课文 4: 中山大学的蚊子</p>	<p>hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>		<p>học, NC</p>		
--	--	--	----------------	--	--

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm) 	10%	Thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <p>Đánh giá kỹ năng Đọc hiểu, đọc kỹ, đọc lướt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm 	<p>Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên

<p>tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao.</p>	<p>Thời gian 60 phút Nội dung: liên quan toàn bộ kiến thức, kỹ năng thực hành tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm</p>			
<p>Điểm 3 - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Đánh giá kỹ năng Đọc hiểu, đọc kỹ, đọc lướt, đoán từ, lí giải ý nghĩa của câu, của đoạn và của bài.</p>	<p>-Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm Thời gian 60 phút Nội dung: liên quan toàn bộ kiến thức và kỹ năng Đọc đã học.</p>	<p>60 %</p>	<p>Cuối học phần</p>	<p>Nhà trường tổ chức thi</p>

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: dưới 30 sinh viên/ lớp
- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG VIẾT 1

(Tên tiếng Anh: Writing 1)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02
- Lý thuyết: 15 tiết;
- Bài tập: 15 tiết;
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Loại học phần: *Bắt buộc*

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và Tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại Ngữ
 - + Bộ môn: Tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Lê Thị Thanh Tú

Số điện thoại: 0964850728 Email: ltttu@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Vũ Thanh Hương

Số điện thoại: 0969617555 Email: vthuong.nn@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong2@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự trọng, tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với khả năng
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Nắm bắt, củng cố nâng cao vốn kiến thức về từ vựng và ngữ pháp tiếng Hán. Trau dồi thêm lượng từ vựng, các cụm từ thông dụng, các thành ngữ, các cách diễn đạt thường dùng trong văn viết, trong các văn bản thông dụng như giấy mời, thư, thông báo v.v.
 - Nắm vững nội dung, hình thức, cách thức viết các văn bản giới thiệu bản thân, kể chuyện, viết các dạng văn bản thông báo, đơn từ, thư tín cơ bản, thư tín xã hội.
 - Nắm vững kỹ năng nghe viết tiếng Trung, đọc hiểu và phân tích văn bản tiếng Trung, từ đó tổng kết được cấu trúc và các mẫu câu quan trọng.
 - Có khả năng viết thành thạo các đoạn văn, các văn bản đơn từ, thư tín, kể chuyện.
 - Có kỹ năng làm các bài tập viết như: giới thiệu bản thân, nhìn tranh kể chuyện, viết phát triển ý, viết các dạng văn bản thông báo, đơn từ, thư tín cơ bản, thư tín xã hội.
- Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch				Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân	
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào trong tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
								1	1	2	1		
2	1	2	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của chương/ bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
<p>第一课</p> <p>写作重点: 给材料作文---- 听后写</p> <p>语言练习重点: 书写格式; 标点符号</p>	<p>-Nắm được quy cách viết cơ bản trong tiếng Trung.</p> <p>-Nắm được các dấu câu cơ bản trong tiếng Trung và cách dùng của chúng.</p>	<p>-Phân biệt được sự khác nhau trong quy cách viết, cách sử dụng dấu câu trong tiếng Trung và tiếng Việt, đồng thời biết vận dụng trong viết đoạn văn.</p> <p>- Nghe hiểu và nắm được nội dung đoạn văn mà giảng viên đưa ra.</p>	<p>-Vận dụng các kiến thức về quy cách trình bày, sử dụng dấu câu trong tiếng Trung để tự diễn đạt lại nội dung của đoạn văn mà giảng viên đưa ra, đảm bảo cách trình bày đúng, nội dung phù hợp với yêu cầu.</p>
<p>第二课</p> <p>写作重点: 自我介绍</p> <p>语言练习重点: 句中词语的省略</p>	<p>-Đọc hiểu bài mẫu về giới thiệu bản thân.</p> <p>-Nắm được cách tỉnh lược từ ngữ trong câu.</p>	<p>-Phân tích được cấu trúc bài văn mẫu và rút ra cấu trúc, nội dung cơ bản của một bài giới thiệu về bản thân.</p> <p>-Hiểu được cách dùng và ý nghĩa của việc tỉnh lược từ ngữ trong câu.</p>	<p>-Dựa vào cấu trúc và nội dung đã phân tích, cách tỉnh lược từ ngữ trong câu, vận dụng viết bài tự giới thiệu về bản thân hoàn chỉnh bằng tiếng Trung.</p>
<p>第三课</p> <p>写作重点: 给材料作文 ----- 看图写故事</p>	<p>-Nắm được khái niệm đại từ và cách sử dụng đại từ trong tiếng Trung.</p>	<p>-Phân tích nội dung bức tranh, đưa ra các nhân vật và nội dung cụ thể phù hợp với</p>	<p>- Sử dụng các từ ngữ, cấu trúc đã học, vận dụng cách sử dụng đại từ để viết đoạn văn</p>

语言练习重点：代词的使用----- 代词作定语；引语中的代词	- Nhìn tranh và nắm được nội dung cơ bản mà bức tranh muốn biểu đạt.	bức tranh, đồng thời lập dàn ý cho câu chuyện có liên quan đến bức tranh.	biểu đạt nội dung của bức tranh sao cho phù hợp và hoàn chỉnh.
第四课 写作重点：给材料作文--扩写故事 语言练习重点：代词的使用—— 人称代词、指示代词的使用	-Nắm được cách sử dụng đại từ nhân xưng, đại từ chỉ thị trong tiếng Trung. -Đọc và nắm được cách mở rộng một đoạn văn.	-Phân tích và rút ra được các bước để mở rộng nội dung của một đoạn văn sao cho hợp lý, phong phú. Nắm được các trọng điểm cần mở rộng và cách mở rộng.	-Sử dụng các kiến thức đã học về từ vựng, ngữ pháp, đại từ để mở rộng nội dung của đoạn văn cho sẵn thành một đoạn văn dài hơn, nội dung phong phú hơn nhưng vẫn đảm bảo được nội dung chính ban đầu.
第五课 写作重点：请柬、邀约信、启事 语言练习重点：应用文的格式和常用词语；名量词的使用	-Nắm được cách sử dụng danh lượng từ. -Nắm được trong trường hợp nào cần viết thư mời, thư hẹn và thông báo.	-Nắm được cấu trúc và các từ ngữ thường sử dụng trong thư mời, thư hẹn và thông báo.	- Sử dụng các từ ngữ, cấu trúc đã học để viết được một bức thư mời, thư hẹn hoặc thông báo theo nội dung yêu cầu.
第六课 写作重点：一般书信 语言练习重点：一般书信的格式和常用语句	-Nắm được trong trường hợp nào thường viết thư và nội dung cơ bản của một bức thư thông thường.	-Nắm được cấu trúc và các từ ngữ thường sử dụng khi viết thư.	- Sử dụng các từ ngữ, cấu trúc đã học để viết được một bức thư thông thường theo nội dung yêu cầu.
第七课	-Nắm được trong trường hợp	-Nắm được cấu trúc và các	- Sử dụng các từ ngữ, cấu

<p>写作重点：社交书信 语言练习重点：社交书信的格式、内容和常用语句</p>	<p>nào thường viết thư xã giao và nội dung cần có trong thư xã giao.</p>	<p>từ ngữ thường sử dụng khi viết thư xã giao.</p>	<p>trúc đã học để viết được một bức thư xã giao theo nội dung yêu cầu.</p>
---	--	--	--

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Kỹ năng Viết 1** gồm các nội dung: giới thiệu bản thân, nhìn tranh kể chuyện, mở rộng phát triển câu chuyện, viết thông báo, thư mời, thư tín cơ bản và thư tín xã hội. Bên cạnh các nội dung nói trên còn có một số kiến thức về ngôn ngữ đi kèm như: dấu câu, cách sử dụng đại từ, danh lượng từ v.v. Trong học phần **Kỹ năng Viết 1**, người học được rèn luyện kỹ năng nghe viết tiếng Hán, kỹ năng viết các văn bản cơ bản, thông dụng trong cuộc sống hàng ngày, cách viết một đoạn văn kể chuyện. Thông qua việc rèn luyện, người học có thể nắm vững kỹ năng viết, kỹ năng sử dụng dấu câu, đặc biệt là khả năng diễn đạt, cách thức trình bày và các từ ngữ thường dùng trong các văn bản thông dụng, cũng như trong cách diễn đạt, kể lại một câu chuyện hoàn chỉnh.

4. Tài liệu học tập

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 赵建华, 祝秉耀, 《汉语写作教程》二年级, 上篇, 北京语言大学出版社, 2015

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. 何立荣, 《留学生汉语写作进阶》, 北京大学出版社, 2003

[4.2.2]. 陈作宏, 《体验汉语写作教程》初级, 高等教育出版社第 1 版, 2007

[4.2.3]. 鹿士义, 《汉语写作教程-初级 A 种本》(上), 北京语言大学出版社第 5 版, 2012

[4.2.4]. Gia Linh, “Tập viết tiếng Trung - Bài tập luyện viết tiếng Trung theo tranh”, NXB Hà Nội, 2009

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:
- + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp,....
- + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%):
 - *Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức và kỹ năng viết tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra viết tự luận 60 phút.
 - *Làm 02-03 bài viết cá nhân trên lớp.
 - *Làm bài tập lớn theo nhóm theo yêu cầu của GV.
- + Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.
 - Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần, phương pháp và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
<p>第一课: 书写格式; 标点符号 1 Trọng điểm ngôn ngữ: Quy cách viết và dấu câu trong tiếng Trung. Sự khác biệt khi sử dụng dấu</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về các dấu câu và cách dùng của chúng trong văn viết tiếng Trung, cách trình bày văn bản tiếng Trung theo đúng quy chuẩn.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>
			Bài tập	2	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>câu tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết</p> <p>Kết hợp kỹ năng nghe và viết, cách biểu đạt bằng tiếng Trung</p> <p>3 Bài tập</p> <p>Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt điểm giống và khác nhau trong cách sử dụng dấu câu tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, GV đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV kết hợp kỹ năng nghe – viết sao cho hiệu quả, những chú ý khi dùng văn viết tiếng Trung để biểu đạt ý của mình.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận.</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện kỹ năng biểu đạt bằng tiếng Trung.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>第二课: 自我介绍</p> <p>1 Trọng điểm ngôn ngữ:</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết tinh lược từ ngữ trong đoạn văn.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành</p>	<p>2 2 0 0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1]</p>

<p>Tính lược từ ngữ trong đoạn văn.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết</p> <p>Viết đoạn văn tự giới thiệu về bản thân</p> <p>3 Bài tập</p> <p>Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p>sánh đối chiếu để phân biệt điểm giống và khác nhau trong cách tinh lược từ trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài viết mẫu và hướng dẫn SV tính lược từ ngữ trong các ngữ cảnh cụ thể và tác dụng của việc tính lược từ ngữ; cấu trúc và các nội dung cơ bản khi viết bài giới thiệu về bản thân.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận về chủ đề giới thiệu bản thân theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.</p>	<p>hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài tại lớp theo hướng dẫn của GV với nội dung giới thiệu bản thân.</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>	<p>[4.2.2] [4.2.3]</p>
<p>第三课 给材料作文 ----- 看图写故事</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về đại từ khi làm định ngữ và khi dùng để trích dẫn lời nói trực tiếp</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>2</p>	<p>TL chính:</p>
			<p>Bài tập</p>	<p>2</p>	<p>[4.1.1]</p>
			<p>Thảo luận</p>	<p>0</p>	<p>TLTK:</p>
			<p>Thực hành</p>	<p>0</p>	<p>[4.2.1]</p>

<p>1 Trọng điểm ngôn ngữ: Cách sử dụng đại từ trong câu dẫn trực tiếp và khi đại từ làm định ngữ.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết Viết đoạn văn theo tranh.</p> <p>3 Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p>của người khác.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt điểm giống và khác nhau trong cách viết đoạn tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV cách dùng của đại từ khi làm định ngữ và khi trích dẫn lời nói trực tiếp; cách viết và các nội dung cần có khi viết đoạn văn theo tranh.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận viết đoạn văn theo tranh theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.</p>	<p>hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện cách sử dụng đại từ và viết đoạn văn theo tranh.</p>	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.2] [4.2.3]
			Tự học, NC	8	[4.2.4]
<p>第四课</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính: [4.1.1]</p>
			Bài tập	3	

<p>写作重点：给材料作文-扩写故事</p> <p>1 Trọng điểm ngôn ngữ: Cách sử dụng đại từ nhân xưng và đại từ chỉ thị khi viết đoạn văn.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết Viết đoạn văn phát triển nội dung theo đoạn văn mẫu có sẵn.</p> <p>3 Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p> <p>4. Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút.</p>	<p>về đại từ khi làm định ngữ và khi dùng để trích dẫn lời nói trực tiếp của người khác.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt điểm giống và khác nhau trong cách sử dụng ĐTNX và đại từ chỉ thị tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV cách dùng của đại từ nhân xưng và đại từ chỉ thị khi viết đoạn văn; cách phân tích đoạn văn mẫu và triển khai phát triển nội dung của đoạn văn mẫu.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận cách viết đoạn văn phát triển nội dung theo đoạn văn mẫu.</p>	<p>dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện cách sử dụng đại từ nhân xưng và đại từ chỉ thị, viết đoạn văn phát triển nội dung theo đoạn văn mẫu.</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức học phần Kỹ năng Viết 1 được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	Thảo luận	0	<p>TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]</p>
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	10	

<p>第五课 写作重点：请柬、邀约 信、启事 1 Trọng điểm ngôn ngữ: Cách sử dụng danh lượng</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách sử dụng danh lượng từ, các từ ngữ thường dùng khi viết thiệp mời, thư mời, thông báo; quy cách viết thiệp mời, thư mời,</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>
			Bài tập	2	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>từ, các từ ngữ thường dùng khi viết thiệp mời, thư mời, thông báo; quy cách viết thiệp mời, thư mời, thông báo.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết</p> <p>Viết thiệp mời, thư mời, thông báo.</p> <p>3 Bài tập</p> <p>Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p>thông báo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt điểm giống và khác nhau của thiệp mời, thư mời, thông báo trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV cách sử dụng danh lượng từ trong văn viết; quy cách, nội dung, các từ ngữ thường dùng trong thiệp mời, thư mời, thông báo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận viết thiệp mời, thư mời, thông báo theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện cách sử dụng danh lượng từ trong văn viết và viết thiệp mời, thư mời, thông báo.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>第六课:</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>2</p>	<p>TL chính:</p>

写作重点：一般书信 1 Trọng điểm ngôn ngữ: Cách sử dụng các từ ngữ và cấu trúc câu trong viết	thuyết trình , hướng dẫn cách sử dụng các từ ngữ và cấu trúc câu trong viết thư tín thông thường. - Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt điểm	xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,	Bài tập	2	[4.1.1]
			Thảo luận	0	TLTK:
			Thực hành	0	[4.2.1]
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.2] [4.2.3]

<p>thư tín thông thường. 2 Trọng điểm kỹ năng viết Viết thư tín thông thường. 3 Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p>giống và khác nhau của thư tín thông thường trong tiếng Trung và tiếng Việt. - Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV cách sử dụng các từ ngữ và cấu trúc câu trong viết thư tín thông thường; quy cách, nội dung, các từ ngữ thường dùng khi viết thư tín thông thường. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận viết thư tín thông thường theo hướng dẫn và yêu cầu của GV..</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện cách sử dụng các từ ngữ và cấu trúc câu trong viết thư tín thông thường.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>第七课: 写作重点: 社交书信 1 Trọng điểm ngôn ngữ:</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, giới thiệu cách dùng và các loại thư tín xã giao; hướng</p>	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận</p>	<p>2 3 0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK:</p>

<p>Cách sử dụng các từ ngữ và cấu trúc câu trong viết thư tín xã giao.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết</p> <p>Viết các loại thư tín xã giao: thư cảm ơn, thư chúc mừng, thư giới thiệu, đơn xin từ chức.</p> <p>3 Bài tập</p> <p>Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p>đẫn cách sử dụng các từ ngữ và cấu trúc câu trong viết thư tín xã giao.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt điểm giống và khác nhau của thư tín xã giao trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV cách sử dụng các từ ngữ và cấu trúc câu trong viết thư tín xã giao; quy cách, nội dung, các từ ngữ thường dùng khi viết thư tín xã giao.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận viết các loại thư tín xã giao theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.</p>	<p>trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện cách viết các loại thư tín xã giao.</p>	Thực hành	0	[4.2.1]
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.2] [4.2.3]
			Tự học, NC	10	[4.2.4]

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập, bài viết trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), làm bài tập lớn,... 	<p>10 %</p>	<p>Đánh giá thường xuyên</p>	<p>Giảng viên</p>

<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá qua quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức học phần “Kỹ năng Viết 1” được học đến thời điểm kiểm tra. 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

	<p>dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học trong học phần Kỹ năng Viết 1.</p>			
--	--	--	--	--

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG NGHE 2

(Tên tiếng Anh: Listening skills 2)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2
- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập: 15 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết
- Tự học: 60 tiết.
- Loại học phần: *Bắt buộc*

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng nghe 1
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại Ngữ
 - + Bộ môn: Tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Vũ Thị Anh Thơ

Số điện thoại: 0906139386 Email: vtatho@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Lê Thị Thanh Tú

Số điện thoại: 0964850728 Email: lttu@daihocthudo.edu.vn

3. TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886 Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tự trọng, tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với khả năng

- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Nắm vững kiến thức chuẩn về ngữ âm.
 - củng cố kiến thức đã học, tích lũy và mở rộng vốn từ về tin tức, giao thông, thời tiết, khí hậu, thói quen sinh hoạt,...
 - Nắm vững kiến thức về các mẫu câu cơ bản đã học, đồng thời bổ sung mở rộng thêm một số các từ trọng điểm và kết cấu ngữ pháp mới để có thể nghe hiểu đúng nghĩa của câu và nội dung bài.
 - Nghe nhanh, đúng, chính xác, phân biệt thanh mẫu, vận mẫu thanh điệu, trọng âm và biến điệu.
 - Có khả năng nghe hiểu, lựa chọn đáp án đúng sai, điền từ, trả lời câu hỏi và thuật lại nội dung bài.
 - Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học.
- Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT

Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Kiến thức và lý luận cơ bản về từ vựng học, ngữ nghĩa học, ngữ pháp tiếng TQ	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Kiến thức cơ bản về lý thuyết, thực hành, phương pháp, kỹ xảo dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực dịch nhiều chủ đề và nhiều hình thức	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp với chuyên ngành	Năng lực nắm bắt, xử lý thông tin đúng, đủ, hợp lý trong tình huống giao tiếp	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực tư duy sáng tạo	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	0	2	2	1	1	1	1	1	0	2	0	1	0

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第一课：校园生活	- Nghe đúng, chính xác từ mới với chủ đề cuộc sống trong trường học : “开阔眼界、体会、演讲……”	- Nghe hiểu được nội dung bài khóa chính và các bài luyện tập. Thông qua các bài nghe nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài gắn liền với chủ đề về cuộc sống trong trường học : “那要看……了”“这样一来”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa trong câu, đoạn và áp dụng thực hiện hội thoại theo chủ đề cuộc sống trong trường học
第二课：饮食	- Nghe đúng, chính xác từ mới với chủ đề ẩm thực: “开铁板牛肉、香菇菜心、荤、素、主食、学以致用……”	- Nghe hiểu được nội dung bài khóa chính và các bài luyện tập. Thông qua các bài nghe nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài gắn liền với chủ đề về ẩm thực: “……什么……什么”、“……吧, ……吧”“V+起来……”“听……的”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa trong câu, đoạn và áp dụng thực hiện hội thoại theo chủ đề ẩm thực
第三课：交通状况	- Nghe đúng, chính xác từ mới với chủ đề tình hình giao thông: “堵车、污染、高峰、拐、站……”	- Nghe hiểu được nội dung bài khóa chính và các bài luyện tập. Thông qua các bài nghe nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài gắn liền với chủ đề về	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa trong câu, đoạn và áp dụng thực hiện hội thoại theo

		tình hình giao thông: “不见得”“……有……的好处”“早知道……，真不如……”	chủ đề tình hình giao thông
第四课：婚姻与家庭	- Nghe đúng, chính xác từ mới với chủ đề hôn nhân gia đình “恭喜、对象、婚纱、礼服、一窍不通、跟上、分担……”	- Nghe hiểu được nội dung bài khóa chính và các bài luyện tập. Thông qua các bài nghe nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài gắn liền với chủ đề về hôn nhân gia đình : “别提了”、“干脆”、“对……熟悉”、“无论……都……”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa trong câu, đoạn và áp dụng thực hiện hội thoại theo chủ đề hôn nhân gia đình
第五课：体育运动	- Nghe đúng, chính xác từ mới với chủ đề thể dục thể thao: “届、决赛、击败……”	- Nghe hiểu được nội dung bài khóa chính và các bài luyện tập. Thông qua các bài nghe nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài gắn liền với chủ đề về thể dục thể thao : “A 以……失利”“对……着迷”“……真不简单”“……对……有影响”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa trong câu, đoạn và áp dụng thực hiện hội thoại theo chủ đề thể dục thể thao
第六课：参观旅游	- Nghe đúng, chính xác từ mới với chủ đề thăm quan du lịch : “一举两得、举世	- Nghe hiểu được nội dung bài khóa chính và các bài luyện tập. Thông qua các bài nghe nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài gắn liền với chủ đề về	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa trong câu, đoạn và áp dụng thực hiện hội thoại theo

	闻名、赠给、享有、声誉、各有所长、美中不足.....”	thăm quan du lịch: “说的也是”、“一是.....，二是.....”、“随着”、“前者.....，后者.....”	chủ đề thăm quan du lịch
第七课：疾病与治疗	- Nghe đúng, chính xác từ mới với chủ đề bệnh và trị bệnh: “失眠、干扰、良好、记忆力、症状、脉搏、流感、缺少、患者.....”	- Nghe hiểu được nội dung bài khóa chính và các bài luyện tập. Thông qua các bài nghe nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài gắn liền với chủ đề về bệnh và trị bệnh: “要不然”、“由.....引起”、“受.....欢迎”、“不得不”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa trong câu, đoạn và áp dụng thực hiện hội thoại theo chủ đề bệnh và trị bệnh
第八课：职业与工作	- Nghe đúng, chính xác từ mới với chủ đề cuộc sống trong công việc và nghề nghiệp: “人选、求职、职位、招聘、业务.....”	- Nghe hiểu được nội dung bài khóa chính và các bài luyện tập. Thông qua các bài nghe nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài gắn liền với chủ đề về công việc và nghề nghiệp: “.....目的是为了.....”“以便”“引起.....的注意”“万一”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa trong câu, đoạn và áp dụng thực hiện hội thoại theo chủ đề công việc và nghề nghiệp
第九课：健康	- Nghe đúng, chính xác từ mới với chủ đề cuộc sống trong sức khỏe: “清新、根	- Nghe hiểu được nội dung bài khóa chính và các bài luyện tập. Thông qua các bài nghe nắm bắt được các từ khóa, các câu	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa trong câu, đoạn và áp

	据、氧气、二氧化碳、生物钟、安宁、促进、心理学家、力不从心.....”	chủ chốt trong bài gắn liền với chủ đề về sức khỏe: “.....着呢”、“不仅.....还(而且).....”、“反正”、“把.....分为”	dụng thực hiện hội thoại theo chủ đề sức khỏe
第十课: 谈网络	- Nghe đúng, chính xác từ mới với chủ đề internet, mạng: “网瘾、下载、无线、随时随地.....”	- Nghe hiểu được nội dung bài khóa chính và các bài luyện tập. Thông qua các bài nghe nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài gắn liền với chủ đề về internet, mạng: “特别是”“关键是”“随时随地”“通过”“以至于”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa trong câu, đoạn và áp dụng thực hiện hội thoại theo chủ đề internet, mạng
第十一课: 风俗与禁忌	- Nghe đúng, chính xác từ mới với chủ đề phong tục và kiêng kỵ: “传统、泼水节、吉祥、少数民族、纪念、感恩.....”	- Nghe hiểu được nội dung bài khóa chính và các bài luyện tập. Thông qua các bài nghe nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài gắn liền với chủ đề về phong tục và kiêng kỵ: “舍不得”、“跟/和/与.....恰恰相反”、“从.....角度来讲”、“对.....而言”、“按.....来说”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa trong câu, đoạn và áp dụng thực hiện hội thoại theo chủ đề phong tục và kiêng kỵ
第十二课: 自然与环境	- Nghe đúng, chính xác từ mới với chủ đề tự nhiên và môi trường: “关注、融	- Nghe hiểu được nội dung bài khóa chính và các bài luyện tập. Thông qua các bài nghe nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài gắn liền với chủ đề về	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa trong câu, đoạn và áp dụng thực hiện hội thoại theo

	化、灾害、废水、污水.....”	tự nhiên và môi trường : “..... 以来”“与..... 息息相关”“..... 。再加上.....”“从.....做起”	chủ đề tự nhiên và môi trường
第十三课: 现代生活	- Nghe đúng, chính xác từ mới với chủ đề cuộc sống hiện đại: “固定、稳定、养生、健身器械、持之以恒.....”	- Nghe hiểu được nội dung bài khóa chính và các bài luyện tập. Thông qua các bài nghe nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài gắn liền với chủ đề về cuộc sống hiện đại : “再怎么 说,”“考虑到”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa trong câu, đoạn và áp dụng thực hiện hội thoại theo chủ đề cuộc sống hiện đại
第十四课: 科学与迷信	- Nghe đúng, chính xác từ mới với chủ đề khoa học và mê tín : “财运、一路畅通、转运、运势、巧合、风水、所谓.....”	- Nghe hiểu được nội dung bài khóa chính và các bài luyện tập. Thông qua các bài nghe nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài gắn liền với chủ đề về khoa học và mê tín : “干吗不 呢? ”、“说得过去”、“对.....有研究”、“所谓....., 就是.....”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa trong câu, đoạn và áp dụng thực hiện hội thoại theo chủ đề khoa học và mê tín
第十五课: 影视娱乐	- Nghe đúng, chính xác từ mới với chủ đề giải trí: “古装剧、悠久、号召力、挑	- Nghe hiểu được nội dung bài khóa chính và các bài luyện tập. Thông qua các bài nghe nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài gắn liền với chủ đề về	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa trong câu, đoạn và áp dụng thực hiện hội thoại theo

	刺、宣传片、开幕式、爱屋及乌.....”	giải trí : “冲着..... (来/去的)”、“居然”、“何必”	chủ đề giải trí
--	----------------------	---------------------------------------	-----------------

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Kỹ năng Nghe 2** bao gồm 7 bài nằm trong 2 giáo trình “汉语听力速成-提高篇，北京语言大学出版社”. Học phần **Kỹ năng Nghe 2** đưa ra đa dạng các bài tập của kỹ năng nghe như viết phiên âm, điền từ, lựa chọn đáp án đúng, phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, thuật lại nội dung đã nghe... Đồng thời bổ sung, mở rộng nâng cao vốn kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp cho người học.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 毛悦, 《汉语听力速成-提高篇》, 北京语言大学出版社”. + CD, 2010

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. Khương Lệ Bình, Giáo trình chuẩn HSK 4, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

[4.2.2]. Khương Lệ Bình, Giáo trình chuẩn HSK 4 (sách bài tập), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.

- Hoàn thành các bài tập được giao:

+ Bài tập về nhà

+ Chuẩn bị bài mới

+ Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học

+ Bài tập thảo luận nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGHP: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一课: 校园生活 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 开阔眼界、体会、演讲……、 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 那要看……了、这样一来 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	0,5	
			Thảo luận	0,5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
第二课: 饮食	- Dạy học theo phương pháp	- Kiểm tra đánh giá thường	Lí thuyết	1	TL chính:

<p>1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: “开铁板牛肉、香菇菜心、荤、素、主食、学以致用……”và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: “……什么……什么”、“……吧, ……吧”“V+起来……”“听……的”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>4</p>	<p>[4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>
<p>第三课：交通状况 1. Từ mới 2. Bài nghe 1</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 堵车、污染、高</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1]</p>

<p>3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>峰、拐、不见得 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc:有.....的好处、早知道....., 真不如..... - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>	<p>[4.2.2]</p>
<p>Tự học, NC</p>	<p>4</p>				
<p>第四课：婚姻与家庭 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : “恭喜、对象、婚纱、礼服、一窍不通、跟上、分担.....”và bài nghe</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>1</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>
<p>Bài tập</p>	<p>0,5</p>				
<p>Thảo luận</p>	<p>0,5</p>				
<p>Thực hành</p>	<p>0</p>				
<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>				

	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: “别提了”、“干脆”、“对……熟悉”、“无论……都……”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	4	
<p>第五课：体育运动</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p> <p>5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 届、决赛、击败...và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

	<p>hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: A 以.....失利、对.....着迷、.....真不简单、.....对.....有影响</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	4	
<p>第六课：参观旅游</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : “一举两得、举世闻</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p>

<p>3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>名、赠给、享有、声誉、各有所长、美中不足……”và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 说的也是”、“一是……，二是……”、“随着”、“前者……，后者……”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>	<p>[4.2.2]</p>		
<p>Tự học, NC</p>	<p>4</p>	<p>第七课：疾病与治疗 1. Từ mới 2. Bài nghe 1</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 失眠、干扰、良</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên</p>		<p>Lí thuyết</p>	<p>1</p>
<p>Bài tập</p>	<p>0,5</p>	<p>Thảo luận</p>	<p>0,5</p>				

<p>3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>好、记忆力、症状、脉搏、流感、缺少、患者……”và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: “要不然”、“由……引起”、“受……欢迎”、“不得不”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Thực hành</p>	<p>0</p>	<p>[4.2.1] [4.2.2]</p>
			<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>	

			Tự học, NC	4	
第八课：职业与工作 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4 6. Kiểm tra giữa học phần : Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 15 phút.	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 人选、求职、职位、招聘、业务..... và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 目的是为了.....、以便、引起.....的注 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi - Kiểm tra giữa học phần: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 15 phút. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra.	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	0,5	
			Thảo luận	0,5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
第九课：健康	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1]
			Bài tập	0,5	

1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	về từ vựng : “清新、根据、氧气、二氧化碳、生物钟、安宁、促进、心理学家、力不从心…….”và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: “……着呢”、“不仅……还（而且）……”、“反正”、“把……分为” - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi	dôi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	Thảo luận	0,5	TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
第十课：谈网络 1. Từ mới 2. Bài nghe 1	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 网瘾、下载、无	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1]
Bài tập	0,5				
Thảo luận	0,5				
Thực hành	0				

<p>3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>线、随时随地、特别是...và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 关键是.....、随时随地、通过、以至于.....</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>	<p>[4.2.2]</p>
<p>Tự học, NC</p>	<p>4</p>				
<p>第十一课：风俗与禁忌</p> <p>1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : “传统、泼水节、吉祥、少数民族、纪念、感恩.....”</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>1</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>
<p>Bài tập</p>	<p>0,5</p>				
<p>Thảo luận</p>	<p>0,5</p>				
<p>Thực hành</p>	<p>0</p>				
<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>				

5. Bài nghe 4	<p>và bài nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: “舍不得”、“跟/和/与……恰恰相反”、“从……角度来讲”、“对……而言”、“按……来说” - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi 	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi 	Tự học, NC	4	
<p>第十二课：自然与环境</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 关注、融化、灾害、废水、污水...</p> <p>và bài nghe</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

5. Bài nghe 4	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc:以来、与..... 息息相关、再加上.....、从.....做起</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	4	
<p>第十三课：现代生活</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p> <p>5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: “固定、稳定、养生、健身器械、持之以恒.....” và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

	<p>hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 再怎么 说,”“考虑到”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	4	
<p>第十四课: 科学与迷信</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p> <p>5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : : “财运、一路畅通、转运、运势、巧合、风水、所谓.....”và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

	<p>hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 干吗不.....呢? ”、“说得过去”、“对.....有研究”、“所谓....., 就是.....”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	4	
<p>第十五课：影视娱乐</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p> <p>5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng 古装剧、悠久、号召力、挑刺、宣传片、开幕式、爱屋及乌.....”và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

	<p>hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc 冲着..... (来/去的) ”、“居然”、“何必”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>4</p>	
--	---	--	-----------------------	----------	--

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp). 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá 	30 %	Trong quá	Giảng

<p>-Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích cực, chủ động trong quá qua quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 15 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học đến thời điểm kiểm tra. 		trình học	viên
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung : đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của 	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

	sinh viên. - Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 30 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học trong học phần Nghe 2			
--	---	--	--	--

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG NÓI 2

(Tên tiếng Anh: Speaking 2)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2
- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận: 15 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 60 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng nói 1
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. TS. Phạm Hữu Khương

Số điện thoại: 0988999236 Email: phkhuong@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Vũ Thanh Hương

Số điện thoại: 0969617555 Email: vthuong.nn@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Lê Bích Vân

Số điện thoại: 0988298046 Email: lbvan@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.

- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.

- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.

● **Năng lực:**

- Có nền tảng kiến thức chuẩn về ngữ âm, ngữ điệu.

- Phát âm chuẩn về ngữ âm, ngữ điệu.

- Nắm được các từ vựng theo chủ đề như: thuê nhà, tín nhiệm và thách thức, phương pháp học tập và thi cử, người học đi làm thêm, tìm việc làm, du lịch, chuyện đáng nhớ...

- Có thể miêu tả đặc điểm, tính chất, trạng thái của con người, sự vật, sự việc.

- Có thể sử dụng các cấu trúc câu thường dùng khi muốn biểu đạt ý kiến của bản thân về một số vấn đề xã hội phổ biến, có thể dùng các cấu trúc câu để so sánh lựa chọn, đưa ra kiến nghị, thuyết minh giới thiệu, phản đối, đảm bảo, giới thiệu thuyết phục, thể hiện sự ngạc nhiên, dự đoán, khẳng định, phủ định, tin tưởng, nghi ngờ....

- Vận dụng từ vựng theo các chủ đề vào thực tế giao tiếp.

- Biết sử dụng tiếng Trung miêu tả đặc điểm, tính chất, trạng thái của con người, sự vật, sự việc.

- Biết sử dụng tiếng Trung biểu đạt ý kiến của bản thân về một số vấn đề xã hội phổ biến, thể hiện sự ngạc nhiên, dự đoán, khẳng định, phủ định, tin tưởng, nghi ngờ.

- Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học.

● **Kết quả học tập mong đợi của học phần**

- 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.

- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân			
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào trong các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	2	0	1	2	0	1	2	1	1	1	1	

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第一课：租房	- Nắm được vốn từ vựng về thuê nhà, mô tả phòng ốc và các điều kiện xung quanh	- Vận dụng từ vựng vào hoàn cảnh giao tiếp thực tế: thuê nhà (tham khảo điều kiện, giá cả, hoàn cảnh...đi đến quyết định)	- Vận dụng tiếng Trung để đánh giá so sánh, sau đó đưa ra kiến nghị, lời khuyên.
第二课：学习与考试	-Nắm được vốn từ về từ vựng về chủ đề: học tập và thi cử	-Vận dụng tiếng Trung vào hoàn cảnh giao tiếp thực tế về chủ đề học tập và thi cử. -Biết sử dụng tiếng Trung biểu thị khẳng định, phủ định.	- Diễn đạt suy nghĩ, quan điểm cá nhân về học tập và thi cử. -Dùng tiếng Trung để so sánh, phân tích các vấn đề cơ bản liên quan đến học tập, thi cử
第三课：勤工俭学	- Nắm được vốn từ về chủ đề người học làm thêm, tìm việc làm	-Vận dụng từ vựng vào hoàn cảnh giao tiếp thực tế.	- Sử dụng tiếng Trung để thuyết minh giải thích, lấy ví dụ thuyết phục người khác.
第四课：旅游	- Nắm được vốn từ vựng về chủ đề: du lịch	-Giao tiếp, khai thác thông tin, giới thiệu về danh lam thắng cảnh, điểm du lịch	-Vận dụng tiếng Trung để so sánh, phân tích, trình bày quan điểm về du lịch
第五课：最难忘的	-Nắm được vốn từ vựng về chủ đề: kể chuyện.	-Sử dụng tiếng Trung để kể chuyện, biểu đạt mong muốn, nguyện vọng, lời khuyên, sự phản đối	-Vận dụng tiếng Trung để phân tích, thuyết phục, đưa ra lời khuyên

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Kỹ năng nói 2** giúp người học củng cố những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã học ở các học phần trước, sử dụng thành thạo các lớp từ mở rộng theo từng chủ đề. Người học vận dụng kiến thức đã học tiến hành thảo luận về các chủ đề như thuê nhà, tín nhiệm và thách thức, phương pháp học tập và thi cử, người học đi làm thêm, tìm việc làm, du lịch, chuyện đáng nhớ.... Qua quá trình học tập, người học có khả năng sử dụng tiếng Trung biểu đạt so sánh lựa chọn, đưa ra kiến nghị, thuyết minh giới thiệu, phản đối, đảm bảo, giới thiệu thuyết phục...

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1] 路志英, 《发展汉语中级口语 (I)》, 北京语言大学出版社, 2011 年

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, *Khẩu ngữ thường dùng trong tiếng Hán hiện đại*, Nhà xuất bản tổng hợp HCM, 2009

[4.2.2] 马箭飞, 《汉语口语速成初级篇》, 北京语言大学出版社, 2014

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:
 - + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....
 - + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm

tra. Hình thức KTGK: Thi vấn đáp/ Quay video hội thoại về các chủ đề đã học/
Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường
tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả thi vấn đáp.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一课：租房	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống “thuê nhà” - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “thuê nhà” 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề 	Lí thuyết	3	[4.1.1]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	12	

第二课：学习与考试	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống “học hành và thi cử” - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “học hành và thi cử” 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề 	Lí thuyết	3	[4.1.1]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	12	
第三课：勤工俭学	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện 	Lí thuyết	3	[4.1.1]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	

	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống “vừa học vừa làm” - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “vừa học vừa làm” 	<p>các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p>	0	
			<p>Tự học, tự nghiên cứu</p>	12	
第四课：旅游	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài 	<p>Lí thuyết</p>	3	[4.1.1]
			<p>Bài tập</p>	1	
			<p>Thảo luận</p>	2	
			<p>Thực hành</p>	0	
			<p>Tự học có hướng dẫn</p>	0	

	<p>SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống “hdu lịch”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “du lịch”</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề</p>	Tự học, tự nghiên cứu	12	
第五课：最难忘的	<p>- Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc</p> <p>- Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống “điều khó quên nhất”</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra</p>	Lí thuyết	3	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.1.1]
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	12	
			Lí thuyết	3	

	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “điều khó quên nhất” 	miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề	Bài tập	1	
--	--	---	---------	---	--

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
Điểm 1 - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần và thái độ học nghiêm túc - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao	- Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp -Kiểm tra chuẩn bị bài trước khi lên lớp	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
Điểm 2 Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra.	-Kiểm tra bài trên lớp	30 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
Điểm 3 Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học trong toàn học phần.	Bài thi nói 10 phút	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG ĐỌC 2
(Tên tiếng Anh: Reading 2)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2 tín chỉ
- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận nhóm: 15 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết
- Tự học, NC: 60 tiết
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng Đọc 1
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:

- + Khoa: Ngoại ngữ
- + Bộ môn: tiếng Trung Quốc

- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Đinh Thị Thảo

Số điện thoại: 0987092698

Email: dtthao@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Lê Thị Thanh Tú

Số điện thoại: 0964850728

Email: ltttu@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Vũ Thị Anh Thơ

Số điện thoại: 0906139386

Email: vtatho@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- **Phẩm chất:**

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.
- Hình thành thói quen, kỹ năng đọc và phân tích tài liệu
- Xây dựng cho bản thân niềm say mê nghiên cứu và thói quen tự học, tự nâng cao trình độ
- Có ý thức tự trau dồi những kiến thức đã được lĩnh hội, củng cố và nâng cao kỹ năng Đọc
- Yêu thích, hứng thú tìm hiểu kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, lịch sử địa lý, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ thông qua nội dung bài đọc.

- **Năng lực:**

- Năng lực ngoại ngữ: Đọc hiểu nội dung bài đọc tương đối dài, độ khó trung bình bằng tiếng Trung, đọc hiểu văn bản bằng tiếng Trung thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong thực tế cuộc sống và công việc
- Phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin liên quan đến môn học.
- Hiểu được đặc điểm, ý nghĩa cũng như tầm quan trọng của kỹ năng Đọc
- Biết vận dụng kỹ năng và kiến thức tiếp nhận trong quá trình học tập vào thực tiễn cuộc sống và phục vụ công việc

- **Kết quả học tập mong đợi của học phần**

- 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào trong các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	1	2	2	1	2	2	1	1	1	1	1	2	1

0. Không liên quan;

1. Ít liên quan;

2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
Chương 1: 抓主要观点	- Hiểu được mục tiêu, cách thức tiến hành nắm bắt quan điểm chủ yếu của đoạn văn, bài văn, gồm xác định câu chủ đề, quy nạp quan điểm chủ yếu của đoạn văn, loại trừ ảnh hưởng của nội dung gây nhiễu đến người đọc, xác định kết cấu của đoạn văn hoặc bài văn	- Trên cơ sở lý luận, vận dụng kỹ năng xác định quan điểm chủ yếu của đoạn văn để hoàn thành hệ thống bài tập được thiết kế trong giáo trình	- Ứng dụng kỹ năng xác định quan điểm chủ yếu vào hoạt động đọc văn bản tiếng Trung thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong thực tiễn. - Tự học tập nâng cao trình độ qua hoạt động đọc sách vở, báo chí, mạng Internet, mạng xã hội...
Chương 2: 抓标志词	- Hiểu được mục tiêu, cách thức tiến hành nắm bắt từ chủ điểm trong đoạn văn, bài văn, gồm: trùng điệp và bổ sung, thứ tự sắp xếp và phân loại, chuyển tiếp và so sánh, kết luận và khái quát.	- Trên cơ sở lý luận, vận dụng kỹ năng nắm bắt từ chủ điểm trong đoạn văn, bài văn để hoàn thành hệ thống bài tập được thiết kế trong giáo trình	- Ứng dụng kỹ năng nắm bắt từ chủ điểm vào hoạt động đọc văn bản tiếng Trung thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong thực tiễn. - Tự học tập nâng cao trình độ qua sách vở, báo chí, mạng Internet, mạng xã hội...
Chương 3:	- Hiểu được mục tiêu, cơ sở lý luận,	- Trên cơ sở lý luận, vận dụng kỹ	- Ứng dụng kỹ năng dự đoán ý

推测	cách thức dự đoán ý nghĩa của đoạn văn, bài văn, gồm: trùng lặp, đối ứng và đệ tiến về ý nghĩa, mối quan hệ và hình thức liên kết giữa các câu.	năng dự đoán ý nghĩa của đoạn văn, bài văn để hoàn thành hệ thống bài tập được thiết kế trong giáo trình.	nghĩa của đoạn văn, bài văn vào hoạt động đọc văn bản tiếng Trung thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong thực tiễn. -Tự học tập nâng cao trình độ qua sách vở, báo chí, mạng Internet, mạng xã hội...
Chương 4: 评读	- Nắm được mục tiêu, cơ sở lý luận, cách thức đọc đánh giá, gồm: phân biệt giữa thực tế và ý kiến, xác định ý đồ, thái độ và ngữ khí của tác giả.	- Trên cơ sở lý luận, vận dụng kỹ năng đọc đánh giá để hoàn thành hệ thống bài tập được thiết kế trong giáo trình.	- Ứng dụng kỹ năng đọc đánh giá vào hoạt động đọc văn bản tiếng Trung thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong thực tiễn. -Tự học tập nâng cao trình độ qua sách vở, báo chí, mạng Internet, mạng xã hội...
Chương 5: 视幅	- Nắm được mục tiêu, cơ sở lý luận, cách thức đọc phân tách thành phần, gồm: đọc phân tách câu theo đơn vị từ, theo sáu thành phần chính hoặc theo ba thành phần chủ yếu của câu.	- Trên cơ sở lý luận, vận dụng kỹ năng đọc phân tách thành phần để hoàn thành hệ thống bài tập được thiết kế trong giáo trình.	- Ứng dụng kỹ năng đọc đánh giá vào hoạt động đọc văn bản tiếng Trung thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong thực tiễn. -Tự học tập nâng cao trình độ qua sách vở, báo chí, mạng Internet, mạng xã hội...

<p>Chương 6: 文章阅读 (说明文、议论文、 新闻、散文)</p>	<p>- Nắm bắt hình thức, nội dung các thể loại văn bản cơ bản gồm văn thuyết minh, văn nghị luận, văn bản báo chí, tản văn...</p>	<p>- Phân biệt sự khác biệt cơ bản giữa các loại văn bản.</p>	<p>- Đọc văn bản tiếng Trung thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong thực tiễn. -Tự học tập nâng cao trình độ qua sách vở, báo chí, mạng Internet, mạng xã hội...</p>
--	--	---	--

3. Mô tả tóm tắt nội dung môn học:

Học phần **Kỹ năng đọc 2** gồm 30 bài trong giáo trình 《汉语中级阅读教程》II được phân chia thành sáu nhóm nội dung nhỏ gồm kỹ năng xác định quan điểm chính, nắm bắt từ chủ điểm, dự đoán ý nghĩa văn bản, đọc đánh giá, đọc phân tích thành phần câu và đọc nhiều thể loại văn bản khác nhau như văn thuyết minh, nghị luận, tin tức, tản văn. Hệ thống bài khóa được thiết kế với nội dung phong phú đa dạng, phù hợp với trình độ, giúp người học hình thành và rèn luyện kỹ năng Đọc, đồng thời học hỏi được nhiều kiến thức về văn hóa xã hội, kinh tế chính trị, giáo dục, lịch sử địa lý.... Cấu trúc một bài được thiết kế hợp lý gồm cả hoạt động dẫn nhập, hoạt động nhóm và hoạt động cá nhân, giúp người học không những lĩnh hội được kiến thức mà còn rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, có lợi cho công việc sau này.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 周小兵, 《汉语中级阅读教程》II, 北京语言大学出版社, 2008

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. 吴成年, 《读报纸学中文——中级汉语报刊阅读》上册, 北京大学出版社, 2004

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần (kể cả thời lượng dạy học trực tuyến, tự học có hướng dẫn...)

- Hoàn thành các bài tập được giao.

+ Bài tập về nhà

+ Chuẩn bị bài mới

+ Bài kiểm tra viết trên lớp tại mỗi buổi học

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp.

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: trắc nghiệm.

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và hình thức giảng dạy	Phương pháp và hình thức KTĐG	Thời lượng		
<p>第一章: 抓主要观点</p> <p>第三十一课: 抓主词或词组</p> <p>阅读 1: 食谱目录</p> <p>阅读 2: 雪糕的历史</p> <p>阅读 3: 白羊肚手巾</p> <p>阅读 4: 我祝福你</p> <p>阅读 5: 小偷“学校”</p> <p>第三十二课: 抓</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách xác định quan điểm chủ yếu của đoạn văn, bài văn, gồm xác định câu chủ đề, quy nạp quan điểm chủ yếu của đoạn văn, loại trừ ảnh hưởng của nội dung gây nhiễu đến người đọc, xác định kết cấu của đoạn văn hoặc bài văn</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	Lý thuyết	2.5	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK [4.2.1]</p>
			Bài tập	2	
			Thảo luận	0.5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	10	

<p>主句</p> <p>阅读 1: 奇特的理发店</p> <p>阅读 2: 失踪的部队</p> <p>阅读 3: 美丽的老师</p> <p>阅读 4: 迟到的秘密</p> <p>第三十三课: 归纳主要观点</p> <p>阅读 1: 家务活不轻松</p> <p>阅读 2: 一句话和一个动作</p> <p>阅读 3: 明式家具</p> <p>阅读 4: 情感智商: EQ</p>	<p>pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>				
---	---	--	--	--	--

<p>第三十四课：避免相关观点的干扰</p> <p> 阅读 1：电话收费单</p> <p> 阅读 2：有趣的“新闻”</p> <p> 阅读 3：父亲给女儿的一封信</p> <p>第三十五课：文章结构</p> <p> 阅读 1：差不多先生的故事</p> <p> 阅读 2：中国是世界上交通最方便的国家之一</p> <p> 阅读 3：幽默二则</p> <p> 阅读 4：最早的中国地图</p>					
---	--	--	--	--	--

<p>第二章：抓标志词</p> <p>第三十六课：标志词</p> <p>阅读 1：早起的南京路</p> <p>阅读 2：木刻楞房子</p> <p>阅读 3：青少年网络成瘾问题</p> <p>阅读 4：粤语</p> <p>第三十七课：重复和补充</p> <p>阅读 1：菲律宾人给中国人的外号</p> <p>阅读 2：我的继父</p> <p>阅读 3：锻炼眼睛</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về mục tiêu, cách thức tiến hành nắm bắt từ chủ điểm trong đoạn văn, bài văn, gồm: trùng điệp và bổ sung, thứ tự sắp xếp và phân loại, chuyển tiếp và so sánh, kết luận và khái quát.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	Lý thuyết	3.5	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK [4.2.1]</p>
			Bài tập	2.5	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	14	

<p>阅读 4：握住自己的命运</p> <p>第三十八课：顺序与分类</p> <p>阅读 1：天下美差知多少</p> <p>阅读 2：老房子着火</p> <p>阅读 3：风水</p> <p>阅读 4：离婚率的增加</p> <p>第三十九课：原因与信息来源依据</p> <p>阅读 1：生或者死</p> <p>阅读 2：纳粹集中营里的食谱</p> <p>阅读 3：两只鼻孔</p>					
---	--	--	--	--	--

<p>阅读 4：幽默两则</p> <p>第四十课：转折与对比</p> <p>阅读 1：金融</p> <p>阅读 2：战争与梦想</p> <p>阅读 3：中国学生为什么数学好</p> <p>阅读 4：微波炉</p> <p>第四十一课：结论与概括</p> <p>阅读 1：卷柏</p> <p>阅读 2：毕业前后</p> <p>阅读 3：宋代龙泉青瓷</p> <p>阅读 4：红颜色与红地毯</p>					
--	--	--	--	--	--

<p>第四十二课：单元复习</p>					
<p>第三章：推测 第四十三课：推测 阅读 1：生态环境继续恶化 阅读 2：中国钱币博物馆 阅读 3：他对独立的要求 第四十四课：推测的分类 阅读 1：音乐为何能使人长寿 阅读 2：烫发记 阅读 3：行花街 第四十五课：意义的重复、对应与递</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về mục tiêu, cơ sở lý luận, cách thức dự đoán ý nghĩa của đoạn văn, bài văn, gồm: trùng lặp, đối ứng và đệ tiến về ý nghĩa, mối quan hệ và hình thức liên kết giữa các câu. - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<p>Lý thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn Tự học, NC</p>	<p>2 1 1 0 0 8</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK [4.2.1]</p>

<p>进</p> <p>阅读 1: 艾滋病人的婚礼</p> <p>阅读 2: 世界上五个袖珍的国家</p> <p>阅读 3: 美容</p> <p>第四十六课: 句子之间的关系和形式</p> <p>阅读 1: 理洋发</p> <p>阅读 2: 高校辅导员</p> <p>阅读 3: 上下九路发昏记</p>					
<p>第四章: 评读</p> <p>第四十七课: 区别事实与意见</p> <p>阅读 1: 奇特的女书</p> <p>阅读 2: 关于战</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về mục tiêu, cơ sở lý luận, cách thức đọc đánh giá, gồm: phân biệt giữa thực tế và ý kiến, xác định ý đồ, thái độ và ngữ khí của tác</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập</p>	<p>Lý thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học,</p>	<p>1.5</p> <p>1</p> <p>0.5</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>6</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK</p> <p>[4.2.1]</p>

<p>争的隐喻</p> <p> 阅读 3: 最好的介绍信</p> <p> 阅读 4: 中国人待客的礼仪</p> <p> 第四十八课: 作者的意图、态度和语气</p> <p> 阅读 1: 千奇百怪的玻璃</p> <p> 阅读 2: 广告的历史</p> <p> 阅读 3: 纽约不设防</p> <p> 阅读 4: 大地的眼睛</p> <p> 第四十九课: 单元复习</p> <p> 阅读 1: 旅游广</p>	<p>giả.</p> <p> - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p> - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<p>NC</p>		
---	--	---	-----------	--	--

<p>告</p> <p> 阅读 2: 班尼路、普拉达、A 货 B 货</p> <p> 阅读 3: 什么时候开窗换气最好</p> <p> 阅读 4: 台湾风俗简介</p> <p> 阅读 5: 写给妻子的信</p>					
<p> 第五章: 视幅</p> <p> 第五十课: 按词切分句子</p> <p> 阅读 1: 地球的“内症”</p> <p> 阅读 2: 破</p> <p> 阅读 3: 办公室设施的改革</p> <p> 第五十一课: 按</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về mục tiêu, cơ sở lý luận, cách thức đọc phân tách thành phần, gồm: đọc phân tách câu theo đơn vị từ, theo sáu thành phần chính hoặc theo ba thành phần chủ yếu của câu.</p> <p>- Dạy học theo phương</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm</p>	<p> Lý thuyết</p> <p> Bài tập</p> <p> Thảo luận</p> <p> Thực hành</p> <p> Tự học có hướng dẫn</p> <p> Tự học, NC</p>	<p> 3</p> <p> 2</p> <p> 1</p> <p> 0</p> <p> 0</p> <p> 12</p>	<p> TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p> TLTK</p> <p>[4.2.1]</p>

<p>词阅读</p> <p> 阅读 1: 旅游广告两则</p> <p> 阅读 2: 按生活需要选择吃的</p> <p> 阅读 3: 周璇答记者问</p> <p> 第五十二课: 按六大成分切分句子</p> <p> 阅读 1: 凡高美术馆</p> <p> 阅读 2: 《罗马假日》的梦想符号</p> <p> 阅读 3: 常德城</p> <p> 第五十三课: 按六大成分阅读</p> <p> 阅读 1: 看云</p> <p> 阅读 2: 随笔一则</p>	<p>pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p> - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>bài tập nhóm,...</p>			
---	--	-------------------------	--	--	--

<p>阅读 3: 广交会</p> <p>第五十四课: 按三大成分切分句子</p> <p>阅读 1: 公务员考试</p> <p>阅读 2: 《绿毛水怪》和我们的爱情</p> <p>阅读 3: 心理因素与健美</p> <p>阅读 4: 香烟是什么?</p> <p>第五十五课: 按三大成分阅读</p> <p>阅读 1: 空中小姐</p> <p>阅读 2: 嘞!</p> <p>阅读 3: “独立阅读”之外</p>					
<p>第六章: 文章阅</p>	<p>-Dạy học theo phương</p>	<p>- Kiểm tra đánh</p>	<p>Lý thuyết</p>	<p>2.5</p>	<p>TL chính:</p>

<p>读</p> <p>第五十六课：说明文的阅读</p> <p>阅读 1：电视遥控器使用说明</p> <p>阅读 2：英国病人</p> <p>阅读 3：激光除污</p> <p>阅读 4：为什么猫能抓老鼠</p> <p>第五十七课：议论文的阅读</p> <p>阅读 1：成功的餐厅</p> <p>阅读 2：论友谊</p> <p>阅读 3：反面乌托邦的启示</p> <p>第五十八课：新</p>	<p>pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về hình thức, nội dung các thể loại văn bản cơ bản gồm văn thuyết minh, văn nghị luận, văn bản báo chí, tản văn...</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	Bài tập	2	[4.1.1]
			Thảo luận	0.5	
			Thực hành	0	[4.2.1]
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	10	

<p>闻阅读</p> <p> 阅读 1：战绩实力均占绝对优势</p> <p> 阅读 2：经过 18 天综合救治</p> <p> 阅读 3：调查显示日本近七成新成人担心今后的出路</p> <p>第五十九课：散文阅读</p> <p> 阅读 1：萍乡人吃辣椒</p> <p> 阅读 2：紫藤花</p> <p> 阅读 3：学会欣赏</p> <p>第六十课：单元复习</p> <p> 阅读 1：乘车不太拥挤</p>					
--	--	--	--	--	--

阅读 2: 鹦鹉趣 话 阅读 3: 《非诚 勿扰》吸金力不足 阅读 4: “无事此 静坐”					
--	--	--	--	--	--

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
Điểm 1 - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao	- Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm)	10%	Thường xuyên	Giảng viên
Điểm 2 - Đánh giá kỹ năng xác định quan điểm chính, nắm bắt từ chủ điểm, dự đoán ý nghĩa văn bản, đọc đánh giá. - Có năng lực tự học, nghiên cứu	-Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên

<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>Thời gian 60 phút</p> <p>Nội dung: liên quan toàn bộ kiến thức, kỹ năng thực hành Đọc được học đến thời điểm</p>			
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Đánh giá kỹ năng xác định quan điểm chính, nắm bắt từ chủ điểm, dự đoán ý nghĩa văn bản, đọc đánh giá, đọc phân tách thành phần câu và đọc nhiều thể loại văn bản khác nhau như văn thuyết minh, nghị luận, tin tức, tản văn. 	<p>-Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>-Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm</p> <p>Thời gian 60 phút</p> <p>Nội dung: liên quan toàn bộ kiến thức và kỹ năng Đọc đã học.</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: dưới 30 sinh viên/ lớp
- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG VIẾT 2

(Tên tiếng Anh: Writing 2)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02
- Lý thuyết: 15 tiết;
- Bài tập: 15 tiết;
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Loại học phần: *Bắt buộc*

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng Viết 1
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và Tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại Ngữ
 - + Bộ môn: Tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong2@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Lê Thị Thanh Tú

Số điện thoại: 0964850728 Email: lttu@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số điện thoại: 0972327976 Email: ntthuy@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá trong môi trường làm việc.
 - Tự trọng, tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với khả năng.

- Rèn luyện thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Tiếp thu và nắm bắt thêm các kiến thức về từ vựng và ngữ pháp tiếng Hán. Đồng thời hiểu sâu hơn về văn hóa Trung Quốc, cách thức sử dụng ngôn ngữ trong văn Viết của người Trung Quốc.
 - Nắm vững cách sử dụng các cặp từ quan hệ giữa các câu, phân câu.
 - Nắm vững cách thức triển khai, sắp xếp các phần mở, thân, kết của một bài văn miêu tả, trần thuật. Từ đó có thể viết thành thạo các bài văn miêu tả, trần thuật, đặc biệt là các bài văn tả cảnh, tả người và tả sự vật.
 - Nắm vững cách thức trình bày và viết bài văn tả cảnh, tả người và sự vật.
 - Biết cách lập dàn ý chi tiết cho một bài văn, sau đó từ dàn ý triển khai thành các bài văn có nội dung phù hợp với chủ đề đưa ra.
- Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch				Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân	
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào trong tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
		2	1	1	1	1	1	1	1	1	1		

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của bài học	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
<p>第一课</p> <p>写作重点: 介绍一个熟悉的城市或乡村, 描写景物</p> <p>语言练习重点: 表示时间、处所的词语</p>	<p>-Nắm được các từ ngữ thường dùng biểu đạt thời gian, nơi chốn trong văn viết.</p> <p>-Nắm được nội dung cơ bản của bài văn mẫu: miêu tả một thành phố hoặc quê hương quen thuộc.</p>	<p>-Nắm được cách vận dụng hiệu quả, hợp lý các từ ngữ chỉ thời gian, nơi chốn khi viết văn dùng tiếng Trung.</p> <p>- Nắm được kết cấu và nội dung cơ bản của một bài văn miêu tả thành phố hoặc quê hương, lập được dàn ý cho bài văn.</p>	<p>-Vận dụng các kiến thức về từ ngữ chỉ thời gian, nơi chốn, kết cấu hoàn chỉnh của một bài văn và các câu, các cụm từ thường dùng trong văn miêu tả để viết hoàn chỉnh một bài văn tả thành phố, quê hương.</p>
<p>第二课</p> <p>写作重点: 叙事短文</p> <p>语言练习重点: 分句或句子间的承接关系</p>	<p>-Đọc hiểu bài văn mẫu trần thuật.</p> <p>-Nắm được thể là nào phân câu và mối quan hệ giữa các phân câu trong một câu.</p>	<p>-Phân tích cấu trúc bài văn mẫu và rút ra cấu trúc, nội dung cơ bản của một bài văn trần thuật.</p> <p>-Nắm được các từ ngữ thường dùng trong văn trần thuật, lập được dàn ý cho một bài văn trần thuật theo nội dung yêu cầu.</p>	<p>-Dựa vào cấu trúc và nội dung đã phân tích, cách dùng phân câu và liên kết các phân câu, viết được một bài văn trần thuật hoàn chỉnh bằng tiếng Trung theo nội dung giảng viên yêu cầu.</p>
<p>第三课</p> <p>写作重点: 给材料叙事记叙文</p>	<p>-Nắm được cấu trúc cơ bản của một bài văn trong tiếng Trung. Đồng thời biết cách</p>	<p>-Nắm được nội dung gợi ý mà giảng viên đưa ra, dựa vào nội dung đó triển khai và lập dàn ý</p>	<p>- Sử dụng các từ ngữ, cấu trúc, ngữ pháp đã học và dựa vào dàn ý chi tiết viết một bài văn trần thuật hoàn chỉnh</p>

<p>语言练习重点：文章的开头、结尾、过渡和照应</p>	<p>liên kết giữa các câu, chuyển đoạn cho phù hợp. - Đọc hiểu nội dung đoạn văn gợi ý.</p>	<p>chi tiết thành một bài văn hoàn chỉnh, nội dung đầy đủ và phong phú hơn nhưng vẫn đảm bảo được nội dung chính ban đầu.</p>	<p>theo nội dung gợi ý cho sẵn, đảm bảo nội dung phong phú, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc và đúng ngữ pháp.</p>
<p>第四课 写作重点：叙事命题作文 语言练习重点：分句或句子间的转折、因果和选择关系</p>	<p>-Nắm được cấu trúc và cách diễn đạt mối quan hệ lựa chọn, nhân quả, chuyển ngoặt giữa các phân câu trong một câu hoặc giữa các câu trong một đoạn văn.</p>	<p>- Dựa vào đề bài và các yêu cầu cụ thể mà giảng viên đưa ra để xác định nội dung cơ bản của bài viết, từ đó lập dàn ý cho bài viết.</p>	<p>-Sử dụng các từ ngữ, cấu trúc, ngữ pháp đã học, cách vận dụng các câu chỉ nguyên nhân kết quả, chuyển ngoặt và lựa chọn, dàn ý chi tiết để viết một bài văn trần thuật hoàn chỉnh theo đề bài và gợi ý cho sẵn, đảm bảo nội dung phong phú, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc và đúng ngữ pháp.</p>
<p>第五课 写作重点：人物的肖像描写和语言描写 语言练习重点：句子或句子间的并列、递进关系</p>	<p>-Nắm được các cặp liên từ thường dùng và cách biểu đạt mối quan hệ đẳng lập, tăng tiến giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn. -Đọc hiểu nội dung bài văn mẫu miêu tả ngoại hình và ngôn ngữ của nhân vật.</p>	<p>-Nắm vững các từ ngữ, cấu trúc câu thường dùng để miêu tả ngoại hình và ngôn ngữ của nhân vật. Phân tích và nắm được cấu trúc của một bài miêu tả ngoại hình và ngôn ngữ nhân vật, lập được dàn ý chi tiết cho bài văn miêu tả nhân vật.</p>	<p>- Sử dụng các từ ngữ, cấu trúc để miêu tả ngoại hình và ngôn ngữ của nhân vật, cách vận dụng các câu biểu đạt mối quan hệ đẳng lập, tăng tiến,dàn ý chi tiết viết một bài văn miêu tả ngoại hình và ngôn ngữ nhân vật, đảm bảo có thể miêu tả nhân vật chân thực.</p>

<p>第六课</p> <p>写作重点: 人物的动作描写和心理描写</p> <p>语言练习重点: 分句或句子间的承接关系</p>	<p>-Nắm được các cặp liên từ thường dùng và cách biểu đạt mối quan hệ tiếp nối giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn.</p> <p>-Đọc hiểu nội dung bài văn mẫu miêu tả hành động và tâm lý của nhân vật.</p>	<p>-Nắm vững các từ ngữ, cấu trúc câu thường dùng để miêu tả hành động và tâm lý của nhân vật. Phân tích và nắm được cấu trúc của một bài miêu tả hành động và tâm lý nhân vật, lập được dàn ý chi tiết cho bài văn miêu tả nhân vật.</p>	<p>- Sử dụng các từ ngữ, cấu trúc để miêu tả ngoại hình và ngôn ngữ của nhân vật, cách vận dụng các câu biểu đạt mối quan hệ tiếp nối, dàn ý chi tiết viết một bài văn miêu tả hành động và tâm lý nhân vật, đảm bảo có thể viết một bài văn miêu tả nhân vật chân thực, hoàn chỉnh và đúng ngữ pháp.</p>
<p>第七课</p> <p>写作重点: 给材料写人作文</p> <p>语言练习重点: 分句或句子间的假设、条件关系</p>	<p>-Nắm được các cặp liên từ thường dùng và cách biểu đạt mối quan hệ giả thiết, điều kiện giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn.</p>	<p>-Nắm vững các từ ngữ, cấu trúc câu thường dùng để miêu tả nhân vật. Phân tích và nắm được cấu trúc của một bài miêu tả nhân vật, lập được dàn ý chi tiết cho bài văn miêu tả nhân vật theo nội dung gợi ý.</p>	<p>- Sử dụng các từ ngữ, cấu trúc để miêu tả nhân vật, cách vận dụng các câu biểu đạt mối quan hệ giả thiết, điều kiện, dàn ý chi tiết viết một bài văn miêu tả nhân vật, đảm bảo có thể viết một bài văn miêu tả nhân vật chân thực, hoàn chỉnh và đúng ngữ pháp theo nội dung gợi ý.</p>
<p>第八课</p> <p>写作重点: 写人的命题作文</p> <p>语言练习重点: 分句或句子间的解说、目的关</p>	<p>-Nắm được các cặp liên từ thường dùng và cách biểu đạt mối quan hệ giải thích, mục đích giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu</p>	<p>-Nắm vững các từ ngữ, cấu trúc câu thường dùng để miêu tả nhân vật. Phân tích và nắm được cấu trúc của một bài miêu tả nhân vật, lập được dàn ý chi tiết cho</p>	<p>- Sử dụng các từ ngữ, cấu trúc để miêu tả nhân vật, cách vận dụng các câu biểu đạt mối quan hệ giả thiết, điều kiện, dàn ý chi tiết viết một bài văn miêu tả nhân vật, đảm bảo có thể viết</p>

系	trong một đoạn.	bài văn miêu tả nhân vật theo chủ đề hoặc nội dung gợi ý.	một bài văn miêu tả nhân vật chân thực, hoàn chỉnh và đúng ngữ pháp theo chủ đề hoặc nội dung gợi ý.
---	-----------------	---	--

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Kỹ năng Viết 2** gồm các nội dung: Luyện viết các bài văn miêu tả, trần thuật, viết về thành thị và nông thôn, tả cảnh vật bốn mùa, tả các buổi trong ngày, tả người, tả sự vật sự việc. Thông qua việc triển khai làm các bài tập viết trong học phần Kỹ năng Viết 2, người học được nâng cao vốn kiến thức về từ vựng và ngữ pháp tiếng Hán. Đồng thời nắm được các từ vựng, mẫu câu thường dùng trong kể chuyện, miêu tả cảnh vật và tả người. Trong học phần **Kỹ năng Viết 2**, người học được rèn luyện kỹ năng viết văn trần thuật, văn miêu tả. Thông qua việc rèn luyện, người học có thể nắm vững cách thức triển khai các phần mở, thân, kết của một bài văn miêu tả, trần thuật, nắm vững các cách làm bài tập viết theo dàn ý, viết theo chủ đề.

4. Tài liệu học tập

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 赵建华, 祝秉耀, 《汉语写作教程》二年级, 上篇, 北京语言大学出版社, 2015

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. 何立荣, 《留学生汉语写作进阶》, 北京大学出版社, 2003

[4.2.2]. 廖淑华 《名师教你怎样写好作文》, 吉林出版集团有限责任公司, 2011

[4.2.3]. 陈作宏, 《体验汉语写作教程》初级, 高等教育出版社第 1 版, 2007

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên

- Hoàn thành các bài tập được giao:

+ Bài tập về nhà

+ Chuẩn bị bài mới

+ Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học

+ Bài tập thảo luận nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%):

*Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức và kỹ năng viết tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra viết tự luận 60 phút.

*Làm 02-03 bài viết cá nhân trên lớp.

*Làm bài tập lớn theo nhóm theo yêu cầu của GV.

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần, phương pháp và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
<p>第一课 介绍一个熟悉的城市或乡村 1 Trọng điểm ngôn ngữ: Các từ ngữ thường dùng biểu đạt thời gian, nơi</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn các từ ngữ thường dùng biểu đạt thời gian, nơi chốn trong văn viết; cấu trúc và nội dung của bài viết miêu tả địa điểm.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>
			Bài tập	2	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn		

<p>chón trong văn viết.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết</p> <p>Miêu tả một thành phố hoặc quê hương quen thuộc.</p> <p>3 Bài tập</p> <p>Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, GV đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV cách dùng từ biểu đạt thời gian, nơi chốn trong văn viết; kết cấu, nội dung, từ ngữ, cấu trúc câu thường dùng khi miêu tả địa điểm.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt các từ ngữ, cấu trúc câu, ngữ pháp và cách biểu đạt khác nhau giữa tiếng Trung và tiếng Việt khi miêu tả một địa điểm.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận.</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện kỹ năng dùng từ biểu đạt thời gian, nơi chốn trong văn viết và viết bài miêu tả thành phố hoặc quê hương.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	
<p>第二课: 叙事短文</p> <p>1 Trọng điểm ngôn ngữ:</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về vế câu và cách liên kết các vế câu.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành</p>	<p>2 2 0 0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1]</p>

<p>Vé câu và liên kết các vé câu</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết</p> <p>Viết đoạn văn trần thuật</p> <p>3 Bài tập</p> <p>Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài viết mẫu và hướng dẫn SV cách liên kết các vé câu trong một câu; cấu trúc và các nội dung cơ bản khi viết bài văn trần thuật.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt các từ ngữ, cấu trúc câu, ngữ pháp và cách biểu đạt khác nhau giữa tiếng Trung và tiếng Việt khi viết bài văn trần thuật.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận về bài văn trần thuật theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.</p>	<p>hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài tại lớp theo hướng dẫn của GV với nội dung viết bài văn trần thuật.</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>	<p>[4.2.2] [4.2.3]</p>
<p>第三课: 给材料叙事记叙文</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về các phần chính trong một bài</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>2</p>	<p>TL chính:</p>
			<p>Bài tập</p>	<p>2</p>	<p>[4.1.1]</p>
			<p>Thảo luận</p>	<p>0</p>	<p>TLTK:</p>

1 Trọng điểm ngôn ngữ: Các phần chính trong một bài văn, cách liên kết	văn, cách liên kết câu trong một đoạn và cách chuyển đoạn trong một bài văn.	trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,	Thực hành	0	[4.2.1]
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.3]
					[4.2.4]

<p>câu trong một đoạn và cách chuyển đoạn trong một bài văn.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết</p> <p>Viết văn trần thuật theo gợi ý cho sẵn.</p> <p>3 Bài tập</p> <p>Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV cách liên kết câu trong một đoạn và cách chuyển đoạn trong một bài văn; cấu trúc và các nội dung cơ bản khi viết bài văn trần thuật theo gợi ý.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt các từ ngữ, cấu trúc câu, ngữ pháp và cách biểu đạt khác nhau giữa tiếng Trung và tiếng Việt khi viết bài văn trần thuật.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận viết bài văn trần thuật theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài văn trần thuật tại lớp theo hướng dẫn và yêu cầu của GV, làm các bài tập rèn luyện liên kết câu trong một đoạn và cách chuyển đoạn trong một bài văn.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	
<p>第四课:</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo</p>	<p>Lí thuyết Bài tập</p>	<p>2 3</p>	<p>TL chính: [4.1.1]</p>

叙事命题作文 1. Trọng điểm ngôn ngữ:	về các phần chính trong một bài văn, cách liên kết câu trong một đoạn và cách chuyển đoạn trong một bài văn.	dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,	Thảo luận	0	TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>Cấu trúc và cách diễn đạt mối quan hệ lựa chọn, nhân quả, chuyển ngoặt giữa các phân câu trong một câu hoặc giữa các câu trong một đoạn văn.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết Viết bài văn trần thuật theo chủ đề.</p> <p>3 Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p> <p>4. Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV cách diễn đạt mối quan hệ lựa chọn, nhân quả, chuyển ngoặt giữa các phân câu trong một câu hoặc giữa các câu trong một đoạn văn; cấu trúc và các nội dung cơ bản khi viết bài văn trần thuật theo chủ đề.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt các từ ngữ, cấu trúc câu, ngữ pháp và cách biểu đạt khác nhau giữa tiếng Trung và tiếng Việt khi viết bài văn trần thuật.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận viết bài văn trần thuật theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài văn trần thuật theo chủ đề tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện kỹ năng diễn đạt mối quan hệ lựa chọn, nhân quả, chuyển ngoặt giữa các phân câu trong một câu hoặc giữa các câu trong một đoạn văn.</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức học phần Kỹ năng Viết 2 được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	
--	--	---	-----------------------	-----------	--

<p>第五课: 人物的肖像描写和语言描写 1 Trọng điểm ngôn ngữ: Cách biểu đạt mối quan hệ đẳng lập, tăng tiến giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết Miêu tả ngoại hình và ngôn ngữ của nhân vật.</p> <p>3 Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách biểu đạt mối quan hệ đẳng lập, tăng tiến giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn; nội dung, cấu trúc của bài viết miêu tả ngoại hình và ngôn ngữ nhân vật.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV cách biểu đạt mối quan hệ đẳng lập, tăng tiến giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn; các từ ngữ, cấu trúc thường dùng khi miêu tả ngoại hình và ngôn ngữ của nhân vật.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt các từ ngữ, cấu trúc câu, ngữ pháp và</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện cách biểu đạt mối quan hệ đẳng lập, tăng tiến giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn.</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>2</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>
---	--	--	------------------	----------	--

	<p>cách biểu đạt khác nhau giữa tiếng Trung và tiếng Việt khi viết bài văn miêu tả ngoại hình và ngôn ngữ của nhân vật.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài miêu tả ngoại hình và ngôn ngữ nhân vật theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.</p>		<p>Bài tập</p> <p>2</p>	
			<p>Thảo luận</p> <p>0</p>	
			<p>Thực hành</p> <p>0</p>	
			<p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>0</p>	
			<p>Tự học, NC</p> <p>8</p>	
<p>第六课: 人物的动作描写和心理描写 1 Trọng điểm ngôn ngữ: Cách biểu đạt mối quan</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn Cách biểu đạt mối quan hệ tiếp nối giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>2</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>
			<p>Bài tập</p> <p>2</p>	
			<p>Thảo luận</p> <p>0</p>	
			<p>Thực hành</p> <p>0</p>	
			<p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>0</p>	

<p>hệ tiếp nối giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết</p> <p>Miêu tả hành động và tâm lý nhân vật.</p> <p>3 Bài tập</p> <p>Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p> nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV cách biểu đạt mối quan hệ tiếp nối giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn; nội dung, cấu trúc của bài viết miêu tả hành động và tâm lý của nhân vật.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt các từ ngữ, cấu trúc câu, ngữ pháp và cách biểu đạt khác nhau giữa tiếng Trung và tiếng Việt khi viết bài văn miêu tả hành động và tâm lý của nhân vật.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài miêu tả hành động và tâm lý của nhân vật theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài miêu tả hành động và tâm lý của nhân vật tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện cách biểu đạt mối quan hệ tiếp nối giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	
<p>第七课:</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp</p>	<p>Kiểm tra đánh giá thường</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>2</p>	<p>TL chính:</p>

<p>给材料写人作文</p> <p>1 Trọng điểm ngôn ngữ: Cách biểu đạt mối quan hệ giả thiết, điều kiện giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết Miêu tả nhân vật theo gợi ý.</p> <p>3 Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p>thuyết trình, giới thiệu cách biểu đạt mối quan hệ giải thích, mục đích giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV cách sử dụng các từ ngữ và cấu trúc câu trong viết thư tín xã giao; quy cách, nội dung, các từ ngữ thường dùng khi miêu tả nhân vật theo gợi ý.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt các từ ngữ, cấu trúc câu, ngữ pháp và cách biểu đạt khác nhau giữa tiếng Trung và tiếng Việt khi viết bài văn miêu tả nhân vật theo gợi ý.</p>	<p>xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài miêu tả nhân vật theo gợi ý tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện Cách biểu đạt mối quan hệ giả thiết, điều kiện giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn.</p>	Bài tập	2	<p>[4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	8	

	<p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận viết bài miêu tả nhân vật theo gợi ý theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.</p>				
--	---	--	--	--	--

<p>第八课: 写人的命题作文</p> <p>1 Trọng điểm ngôn ngữ: Cách biểu đạt mối quan hệ giải thích, mục đích giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết Miêu tả nhân vật theo gợi ý.</p> <p>3 Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, giới thiệu cách biểu đạt mối quan hệ giả thiết, điều kiện giữa các phân câu trong một câu, hoặc giữa các câu trong một đoạn.; hướng dẫn cách sử dụng các từ ngữ và cấu trúc câu trong bài viết miêu tả nhân vật theo gợi ý.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV cách sử dụng các từ ngữ và cấu trúc câu trong viết thư tín xã giao; quy cách, nội dung, các từ ngữ thường dùng khi miêu tả nhân vật theo gợi ý.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt các từ ngữ, cấu trúc câu, ngữ pháp và cách biểu đạt khác nhau giữa tiếng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện cách viết các loại thư tín xã giao.</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>
---	---	---	-----------	---	--

<p>Trung và tiếng Việt khi viết bài văn miêu tả nhân vật theo gợi ý.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận viết bài miêu tả nhân vật theo gợi ý theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.</p>		Bài tập	3	
		Thảo luận	0	
		Thực hành	0	
		Tự học có hướng dẫn	0	
		Tự học, NC	10	

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập, bài viết trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), làm bài tập lớn,... 	<p>10 %</p>	<p>Đánh giá thường xuyên</p>	<p>Giảng viên</p>

<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá qua quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức học phần “Kỹ năng Viết 2” được học đến thời điểm kiểm tra. 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

	<p>dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học trong học phần Kỹ năng Viết 2.</p>			
--	--	--	--	--

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG NGHE 3

(Tên tiếng Anh: Listening skills 3)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3
- Lý thuyết: 15 tiết;
- Bài tập, thảo luận nhóm: 30 tiết;
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết;
- Loại học phần: *Bắt buộc*

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng nghe 2
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Vũ Thị Anh Thơ

Số điện thoại: 0906139386 Email: vtatho@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Lê Bích Vân

Số điện thoại: 0988298046 Email: lbvan@daihocthudo.edu.vn

3. TS. Phạm Hữu Khương

Số điện thoại: 0988999236 Email: phkhuong@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.

- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Mở rộng vốn từ, các thuật ngữ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,...
 - Mở rộng vốn kiến thức hiểu biết về các thông tin chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,...
 - Nâng cao các kỹ năng nghe, nói, dịch Trung Việt, Việt Trung:
 - + Nghe nhanh, có khả năng nắm bắt chọn lọc được các từ then chốt của bài nghe
 - + Dịch nhanh, đúng, chính xác các nội dung bài nghe
 - Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học.
- Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT

Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Kiến thức và lý luận cơ bản về từ vựng học, ngữ nghĩa học, ngữ pháp tiếng TQ	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Kiến thức cơ bản về lý thuyết, thực hành, phương pháp, kỹ xảo dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực dịch nhiều chủ đề và hình thức	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp với chuyên ngành	Năng lực nắm bắt, xử lý thông tin đúng, đủ, hợp lý trong các tình huống giao tiếp	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực tư duy sáng tạo	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	0	2	2	2	2	2	2	2	0	2	0	1	0

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
Bài 1: 外出旅游	- Nghe hiểu và nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài với chủ đề du lịch: “规模、体系、资源、视而不见……”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa và cấu trúc trong bài: “……不说”“少于……”“不得已”“被……所……”“如此” - Thực hiện các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.	- Nắm chắc kỹ năng nghe, vận dụng được các từ khóa, cấu trúc trong bài để làm tốt các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình như: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.
Bài 2: 吃的学问	- Nghe hiểu và nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài với chủ đề ẩm thực, văn hóa ăn uống: “贡献、文献、清香扑鼻、调料、八大菜系、富于变化、抽油烟机……”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa và cấu trúc trong bài: “根据……记载”“以……著称”“以……命名” - Thực hiện các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.	- Nắm chắc kỹ năng nghe, vận dụng được các từ khóa, cấu trúc trong bài để làm tốt các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình như: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.
Bài 3: 我们夫妇之	- Nghe hiểu và nắm bắt được	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi	- Nắm chắc kỹ năng nghe, vận

间	các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài với chủ đề vợ chồng: “金婚、秘诀、宽容、冤家、秋高气爽、拟定、融洽、沟通……”	chép, chọn lọc các từ khóa và cấu trúc trong bài: “算”、“其实”、“连……都……” - Thực hiện các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.	dụng được các từ khóa, cấu trúc trong bài để làm tốt các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình như: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.
Bài 4: 长大成人	- Nghe hiểu và nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài với chủ đề trưởng thành, hi vọng thành đạt: “面临、应试教育、自尊心、承受……”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa và cấu trúc trong bài: “多少”“把……称为”“由……引起”“……跟……成正比/反比” - Thực hiện các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.	- Nắm chắc kỹ năng nghe, vận dụng được các từ khóa, cấu trúc trong bài để làm tốt các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình như: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.
Bài 5: 常回家看看	- Nghe hiểu và nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài với chủ đề về thăm nhà: “空闲、唠叨、操心、忽略、活跃、参与、闯荡……”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa và cấu trúc trong bài: “哪怕”、“多”、“与……有关”、“由于……原因”、“不限于” - Thực hiện các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình: phán đoán đúng sai, trả	- Nắm chắc kỹ năng nghe, vận dụng được các từ khóa, cấu trúc trong bài để làm tốt các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình như: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn

		lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.	đáp án đúng.
Bài 6: 律师	- Nghe hiểu và nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài với chủ đề nghề nghiệp luật sư : “脑海、刑事、房地产、金融、诉讼、领域、正义、打抱不平、诈骗、辩护……”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa và cấu trúc trong bài: “说到……就想起……”、“就……话题”、“对……负有……义务” - Thực hiện các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.	- Nắm chắc kỹ năng nghe, vận dụng được các từ khóa, cấu trúc trong bài để làm tốt các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình như: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.
Bài 7: 电脑与网络	- Nghe hiểu và nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài với chủ đề máy tính và mạng : “幅度、揭晓、网络、自动化……”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa và cấu trúc trong bài: “由……V”“给……以……”“一 V 再 V”“相当于”“被……所接受” - Thực hiện các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.	- Nắm chắc kỹ năng nghe, vận dụng được các từ khóa, cấu trúc trong bài để làm tốt các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình như: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.
Bài 8: 医生与病人	- Nghe hiểu và nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài với chủ đề bác sĩ và	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa và cấu trúc trong bài: “继……之后”“处于”“尽	- Nắm chắc kỹ năng nghe, vận dụng được các từ khóa, cấu trúc trong bài để làm tốt các

	bệnh nhân : “精力不济、正视、患者、剖腹产、并发症.....”	管.....还是.....”“跟.....打交道” - Thực hiện các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.	dạng bài tập khác nhau trong giáo trình như: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.
Bài 9: 球迷侃球	- Nghe hiểu và nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài với chủ đề bóng đá : “决赛、资格、起源、器材、刻骨铭心、舆论、煽风点火、飞跃、素养、有勇无谋、借鸡下蛋、荣辱兴衰.....”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa và cấu trúc trong bài: “以.....为.....”、“时不时”、“不失为”、“一 V 就是”、“尚未” - Thực hiện các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.	- Nắm chắc kỹ năng nghe, vận dụng được các từ khóa, cấu trúc trong bài để làm tốt các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình như: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.
Bài 10: 农民信科学	- Nghe hiểu và nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài với chủ đề nông dân tin khoa học : “公关、浓郁、一目了然、正经、风调雨顺、洗手不干、养殖、愈	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa và cấu trúc trong bài: “把.....V 给.....”、“不尽相同”、“一到.....就.....”、“搞砸”、“有.....的趋势” - Thực hiện các dạng bài tập khác nhau	- Nắm chắc kỹ năng nghe, vận dụng được các từ khóa, cấu trúc trong bài để làm tốt các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình như: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.

	演愈烈.....”	trong giáo trình: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.	
Bài 11: 工人有技术	- Nghe hiểu và nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài với chủ đề công nhân có kỹ thuật : “统计、能供巧匠、如雷贯耳、绝活、抢救、身怀绝技、断档、缓冲、装置、光荣.....”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa và cấu trúc trong bài: “即使.....再.....也.....”、“据.....统计”、“比不上”、“一大批”、“考虑到” - Thực hiện các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.	- Nắm chắc kỹ năng nghe, vận dụng được các từ khóa, cấu trúc trong bài để làm tốt các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình như: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.
Bài 12: 假如我中奖了	- Nghe hiểu và nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài với chủ đề trúng thưởng : “畏惧、情绪、收益、筹集、渠道、弱势群体、救助、茶余饭后、无忧无虑、擦肩而过.....”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa và cấu trúc trong bài: “从某个角度说/看.....”、“.....和.....是两回事”、“不见得” - Thực hiện các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.	- Nắm chắc kỹ năng nghe, vận dụng được các từ khóa, cấu trúc trong bài để làm tốt các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình như: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.
Bài 13: 气候变暖	- Nghe hiểu và nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa và cấu trúc	- Nắm chắc kỹ năng nghe, vận dụng được các từ khóa, cấu trúc

	trong bài với chủ đề thời tiết, khí hậu nóng lên : “二氧化碳、灾难、能源、极端……”	trong bài: “由于……而 V”“进一步 V”“在……中” - Thực hiện các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.	trúc trong bài để làm tốt các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình như: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.
Bài 14: 奥运会志愿者	- Nghe hiểu và nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài với chủ đề tình nguyện viên thể vận hội : “追溯、组委会、无私、尽其所能、踊跃、甘愿、致敬、时过境迁……”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa và cấu trúc trong bài: “七成以上”、“为的就是……”、“值得一提的是, ……” - Thực hiện các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.	- Nắm chắc kỹ năng nghe, vận dụng được các từ khóa, cấu trúc trong bài để làm tốt các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình như: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.
Bài 15: 城市交通	- Nghe hiểu và nắm bắt được các từ khóa, các câu chủ chốt trong bài với chủ đề giao thông thành phố: “轨道、拓宽、密度、主干道……”	- Nắm được kỹ năng nghe, biết cách ghi chép, chọn lọc các từ khóa và cấu trúc trong bài: “而”“对……而言”“对……有所 V”“在……的前提下” - Thực hiện các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.	- Nắm chắc kỹ năng nghe, vận dụng được các từ khóa, cấu trúc trong bài để làm tốt các dạng bài tập khác nhau trong giáo trình như: phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, chọn đáp án đúng.

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Kỹ năng Nghe 3** gồm các bài trong cuốn “汉语听力速成-中级版-北京语言大学出版社”. Học phần Kỹ năng Nghe 3 cung cấp cho người học đa dạng các loại bài tập của kỹ năng nghe như điền từ, lựa chọn đáp án đúng, phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi,... Đồng thời bổ sung, mở rộng nâng cao vốn kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp cho người học, đặc biệt là cung cấp vốn từ vựng khá phong phú về các vấn đề xã hội, khí hậu, giao thông.....

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 毛悦, 《汉语听力速成-中级版》,北京语言大学出版社” + CD, 2010

4.2. Tài liệu tham khảo: [4.2.1].

[4.2.1]. Khương Lê Bình, Giáo trình chuẩn HSK 5, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

[4.2.2]. Khương Lê Bình, Giáo trình chuẩn HSK 5 (sách bài tập), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.

- Hoàn thành các bài tập được giao:

+ Bài tập về nhà

+ Chuẩn bị bài mới

+ Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học

+ Bài tập thảo luận nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGHP: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一课: 外出旅游 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 规模、体系、资源、视而不见.....và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan,	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	<p>giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 视而不见.....、.....不说、少于.....、不得已、被.....所.....、如此</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	
<p>第二课：吃的学问</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p> <p>5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 贡献、文献、清香扑鼻、调料、八大菜系、富于变化、抽油烟机 và bài nghe</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 根据.....记载、以.....著称、以.....命名, 真不如.....</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	6	
<p>第三课：我们夫妇之间</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : “金婚、秘诀、宽容、冤家、秋高气爽、拟定、融洽、沟通.....”và bài nghe</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

<p>4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: “算”、“其实”、“连……都……”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	
<p>第四课：长大成人 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 面临、应试教育、自尊心 và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1 1 1 0 0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>

	<p>hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 承受.....、多少、把.....称为、由.....引起、.....跟.....成正比/反比</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	6	
<p>第五课：常回家看看</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p> <p>5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : “空闲、唠叨、操心、忽略、活跃、参与、闯荡.....” và bài nghe</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: “哪怕”、“多”、“与……有关”、“由于……原因”、“不限于”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	6	
<p>第六课：律师</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p> <p>5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : “脑海、刑事、房地产、金融、诉讼、领域、正义、打抱不平、诈骗、辩</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>

	<p>护.....”và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu chshio sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: “由.....V”“给.....以.....”“一V 再 V”“相当于”“被.....所接受”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	
<p>第七课：电脑与网络</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p> <p>5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : : 幅度、揭晓、网络 và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>

	<p>hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 自动化……、由……V、给……以……、一V再V、相当于、被……所接受</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	6	
<p>第八课：医生与病人 +KTGHP 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 精力不济、正视、患者、剖腹产 và bài nghe</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>

<p>4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4 6. Kiểm tra giữa học phần : Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 15 phút.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 并发症.....、继.....之后、处于、尽管.....还是.....、跟.....打交道</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p> <p>- Kiểm tra giữa học phần: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 15 phút. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	
<p>第九课：球迷侃球 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : “决赛、资格、起源、器材、刻骨铭心、舆论、煽风点火、飞跃、素养、有勇</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1 1 1 0 0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>

5. Bài nghe 4	<p>无谋、借鸡下蛋、荣辱兴衰……”và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: “以……为……”、“时不时”、“不失为”、“一 V 就是”、“尚未”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	6	
<p>第十课：农民信科学</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p> <p>4. Bài nghe 3</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 精力不济、正视、患者、剖腹产</p> <p>và bài nghe</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>

5. Bài nghe 4	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 并发症.....</p> <p>、继.....之后、处于、尽管.....还是.....、跟.....打交道</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	6	
<p>第十一课：工人有技术</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : “统计、能供巧匠、如雷贯耳、绝活、抢救、身怀绝技、断档、缓冲、装</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

<p>4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>置、光荣……” và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: “即使……再……也……”、“据……统计”、“比不上”、“一大批”、“考虑到”- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	
<p>第十二课：假如我中奖了 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : “畏惧、情绪、收益、筹集、渠道、弱势群体、救助、茶余饭后、无忧无虑、</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1 1 1 0 0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>

<p>4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>擦肩而过.....”và bài nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 从某个角度说/看.....”、“.....和.....是两回事”、“不见得” - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi 	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi 	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>															
<p>第十三课：气候变暖 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 二氧化碳、灾难、能源 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp 	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn</p>	<table border="1"> <tr> <td>Lí thuyết</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Bài tập</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Thảo luận</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Thực hành</td> <td>0</td> </tr> <tr> <td>Tự học có hướng dẫn</td> <td>0</td> </tr> </table>	Lí thuyết	1	Bài tập	1	Thảo luận	1	Thực hành	0	Tự học có hướng dẫn	0	<table border="1"> <tr> <td>1</td> </tr> <tr> <td>1</td> </tr> <tr> <td>0</td> </tr> <tr> <td>0</td> </tr> </table>	1	1	0	0	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>
Lí thuyết	1																		
Bài tập	1																		
Thảo luận	1																		
Thực hành	0																		
Tự học có hướng dẫn	0																		
1																			
1																			
0																			
0																			

5. Bài nghe 4	<p>hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 极端.....、由于.....而 V、进一步 V、在.....中</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Tự học, NC	12	
<p>第十四课：奥运会志愿者</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Bài nghe 1</p> <p>3. Bài nghe 2</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : “追溯、组委会、无私、尽其所能、踊跃、甘愿、致敬、时过境迁.....” và</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>

<p>4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: “七成以上”、“为的就是……”、“值得一提的是, ……” - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	
<p>第十五课：城市交通 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 轨道、拓宽、密度 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan,</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1 1 1 0 0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>

	<p>giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 主干道.....、而、对.....而言、对.....有所 V、在.....的前提下</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p>	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>6</p>	
--	---	--	-----------------------	----------	--

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc 	<p>10 %</p>	<p>Đánh giá thường xuyên</p>	<p>Giảng viên</p>

	<p>nghiệm tự luận kết hợp).</p>			
<p>Điểm 2</p> <p>-Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra.</p> <p>- Tích cực, chủ động trong quá qua quan sát hoạt động của nhóm trình học tập</p> <p>- Có năng lực tự học, nghiên cứu</p> <p>- Có năng lực sáng tạo, tư duy</p> <p>- Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao.</p>	<p>- Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.</p> <p>- Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm).</p> <p>- Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 15 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	30 %	Giữa học phần	Giảng viên
<p>Điểm 3</p> <p>Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học trong toàn học phần. Có khả năng tư duy,</p>	<p>- Nội dung: đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

phán đoán	môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. - Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 30 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học trong học phần Nghe 3			
-----------	---	--	--	--

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG NÓI 3

(Tên tiếng Anh: Speaking 3)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3
- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận: 30 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng nói 2
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và Tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. TS. Phạm Hữu Khương

Số điện thoại: 0988999236 Email: phkhuong@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số điện thoại: 0972327976 Email: nttthuy@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong2@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- **Năng lực:**
 - Nắm vững kiến thức chuẩn về ngữ âm, ngữ điệu.
 - Phát âm đúng, chính xác, chú ý trọng âm và biến điệu.
 - Mở rộng vốn từ về gia đình và xã hội, hôn nhân, giáo dục, tình yêu, công việc, pháp luật, môi trường...
 - Vận dụng thành thục hệ thống từ vựng đã học trong giao tiếp sinh hoạt.
 - Sử dụng thành thục các mẫu câu cơ bản, các kết cấu ngữ pháp và từ trọng điểm phức tạp
 - Có thể giao tiếp, hội thoại xoay quanh các chủ đề đã học như gia đình và xã hội, hôn nhân, giáo dục, tình yêu, công việc, pháp luật, môi trường...
 - Có khả năng tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học.
- **Kết quả học tập mong đợi của học phần**
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
		2	2	0	2	2	0	1	2	1	1	1	1

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
<p>第一课：</p> <p>话题：家庭与社会</p> <p>课文：北京胡同里的家庭</p>	<p>- Nắm được vốn từ vựng, cấu trúc câu về chủ đề gia đình, xã hội.</p> <p>-Có nền tảng kiến thức về cuộc sống gia đình ở Bắc Kinh</p>	-Hội thoại về chủ đề “gia đình, xã hội”	-So sánh, đánh giá, phân tích vấn đề liên quan chủ đề.
<p>第二课：</p> <p>话题：说婚姻</p> <p>课文：当代女性的婚恋观</p>	-Nắm được vốn từ vựng, cấu trúc câu về chủ đề: hôn nhân	-Giao tiếp, khai thác suy nghĩ, quan điểm về chủ đề “hôn nhân”	-Biểu đạt suy nghĩ, quan điểm về hôn nhân. -So sánh, phân tích, đưa ra quan điểm, kiến nghị, lời khuyên về “hôn nhân”
<p>第三课：</p> <p>话题：怎样教育孩子</p> <p>课文：父母该不该打孩子。</p>	- Nắm được vốn từ vựng, cấu trúc câu về chủ đề: giáo dục trong gia đình	- Giao tiếp, trình bày quan điểm về “giáo dục trong gia đình”	-Thuyết minh, giải thích, phân tích, đưa ra kiến nghị, lời khuyên về “giáo dục trong gia đình”
<p>第四课：</p> <p>话题：理想的恋人什么样</p>	- Nắm được vốn từ vựng, cấu trúc câu về chủ đề: tình yêu	-Giao tiếp, khai thác thông tin, bày tỏ quan điểm về “tình yêu”	-So sánh, phân tích, đưa ra lời khuyên về chủ đề “tình yêu”

课文：男女青年谈理想的恋人			
第五课： 话题：工作与休息 课文：忙忙碌碌的星期日	-Nắm được vốn từ vựng, cấu trúc câu về chủ đề: làm việc và nghỉ ngơi	-Chia sẻ thông tin, kể chuyện, biểu đạt mong muốn, nguyện vọng về chủ đề “làm việc, nghỉ ngơi”	-Phân tích, thuyết phục, đưa ra lời khuyên về chủ đề “làm việc, nghỉ ngơi”
第六课: 话题：法与普通人 课文：这事怎么办	-Nắm được vốn từ vựng, cấu trúc câu về chủ đề pháp luật	-Chia sẻ thông tin, kể chuyện, biểu đạt mong muốn, kiến nghị về chủ đề “pháp luật”	-Phân tích, thuyết phục, đưa ra lời khuyên, kiến nghị về chủ đề “pháp luật”
第七课: 话题：代沟 课文：他们想得不一样	-Nắm được vốn từ vựng, cấu trúc câu về chủ đề: khác biệt 2 thế hệ	-Chia sẻ thông tin, kể chuyện, biểu đạt mong muốn, kiến nghị về chủ đề “khác biệt 2 thế hệ”	-Phân tích, thuyết phục, đưa ra kiến nghị, lời khuyên về chủ đề “khác biệt 2 thế hệ”
第八课: 话题：环境污染与保护 课文：我们只有一个地球	-Nắm được vốn từ vựng, cấu trúc câu về chủ đề: môi trường	-Chia sẻ thông tin, kể chuyện, biểu đạt mong muốn, kiến nghị về chủ đề “môi trường”	-Phân tích, thuyết phục, đưa ra lời khuyên về chủ đề “môi trường”

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Kỹ năng Nói 3** giúp người học rèn luyện kỹ năng nói nâng cao, củng cố và mở rộng nâng cao những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; đồng thời cung cấp cho người học các lớp từ mở rộng nâng cao theo từng chủ đề như: gia đình và xã hội, hôn nhân, giáo dục, tình yêu, công việc, kinh doanh, pháp luật, hàng nhập khẩu, môi trường.... Rèn luyện khả năng đối thoại hoặc trình bày lưu loát một vấn đề.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1] 章纪孝, 《高级汉语口语》, 北京语音学院出版社, 1994

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] 李金如, 《汉语口语大全》, 华语教学出版社, 2017

[4.2.2] 马箭飞, 《汉语口语速成 (中级篇)》, 北京语言文化大学出版社, 2015

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:
 - + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....
 - + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Thi vấn đáp/ Quay video hội thoại về các chủ đề đã học/ Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...
 - + Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả thi vấn đáp.
- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一课： 话题：家庭与社会 课文：北京胡同里的家庭	- Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,	Lí thuyết	2	[4.1.1]
			Bài tập	4	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	<p>câu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành tình huống theo chủ đề “gia đình và xã hội”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “gia đình và xã hội”</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề</p>	Tự học, tự nghiên cứu	10	
<p>第二课：</p> <p>话题：说婚姻</p> <p>课文：当代女性的婚恋观</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc</p> <p>- Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>4</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	[4.1.1]

	<p>câu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống “chuyện hôn nhân”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “chuyện hôn nhân”</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề</p>	Tự học, tự nghiên cứu	10	
<p>第三课：</p> <p>话题：怎样教育孩子</p> <p>课文：父母该不该打孩子</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc</p> <p>- Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>4</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	[4.1.1]

	<p>câu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành tình huống theo “giáo dục con cái”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “giáo dục con cái”</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề</p>	Tự học, tự nghiên cứu	10	
<p>第四课:</p> <p>话题：理想的恋人什么样</p> <p>课文：男女青年谈理想</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc</p> <p>- Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>4</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	[4.1.1]

<p>的恋人 期中考试</p>	<p>câu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành tình huống theo chủ đề “tình yêu lý tưởng”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “tình yêu lý tưởng” 	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề 	<p>Tự học, tự nghiên cứu</p>	<p>16</p>	
<p>第五课: 话题：工作与休息 课文：忙忙碌碌的星期日</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, 	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2 4 2 0 0</p>	<p>[4.1.1]</p>

	<p>câu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống “công việc và giải trí”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “công việc và giải trí”</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề</p>	Tự học, tự nghiên cứu	10	
<p>第六课:</p> <p>话题：法与普通人</p> <p>课文：这事怎么办</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc</p> <p>- Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>4</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	[4.1.1]

	<p>câu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống “pháp luật và người dân”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “pháp luật và người dân”</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề</p>	Tự học, tự nghiên cứu	10	
<p>第七课:</p> <p>话题：代沟</p> <p>课文：他们想得不一样</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc</p> <p>- Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>4</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	[4.1.1]

	<p>câu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống “khoảng cách thế hệ”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “khoảng cách thế hệ”</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề</p>	Tự học, tự nghiên cứu	12	
<p>第八课:</p> <p>话题：环境污染与保护</p> <p>课文：我们只有一个地球</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc</p> <p>- Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>4</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	[4.1.1]

	<p>câu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống “ô nhiễm và bảo vệ môi trường”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV trả lời câu hỏi theo nội dung bài học</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “ô nhiễm và bảo vệ môi trường”</p>	<p>làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề</p>	<p>Tự học, tự nghiên cứu</p>	<p>12</p>	
--	--	--	------------------------------	-----------	--

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
Điểm 1 - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần và thái độ học nghiêm túc - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao	- Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp - Chuẩn bị bài trước khi lên lớp	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
Điểm 2 Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra.	Bài nói 10 phút	30 %	Giữa học phần	Giảng viên
Điểm 3 Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học trong toàn học phần.	Bài thi nói 10 phút	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG ĐỌC 3
(Tên tiếng Anh: **Reading 3**)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2 tín chỉ;
- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận nhóm: 15 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết
- Tự học,NC: 60 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết : Kỹ năng Đọc 2

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Khoa: Ngoại ngữ

+ Bộ môn: tiếng Trung Quốc

- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. TS.Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886

Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

2. TS. Phạm Hữu Khương

Số điện thoại: 0988999236

Email: phkhuong@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Đinh Thị Thảo

Số điện thoại: 0987092698

Email: dtthao@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

➤ Phẩm chất:

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.
- Hình thành thói quen, kỹ năng đọc và phân tích tài liệu
- Xây dựng cho bản thân niềm say mê nghiên cứu và thói quen tự học, tự nâng cao trình độ
- Tự trau dồi những kiến thức đã được lĩnh hội, củng cố và nâng cao kỹ năng Đọc
- Yêu thích, hứng thú tìm hiểu kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, lịch sử địa lý, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ thông qua nội dung bài đọc.

➤ Năng lực:

- Năng lực ngoại ngữ: Đọc hiểu nội dung bài đọc dài và phức tạp bằng tiếng Trung, đọc hiểu văn bản bằng tiếng Trung thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong thực tế cuộc sống và công việc
- Phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin liên quan đến môn học.
- Hiểu được đặc điểm, ý nghĩa cũng như tầm quan trọng của kỹ năng Đọc
- Biết vận dụng kỹ năng và kiến thức tiếp nhận trong quá trình học tập vào thực tiễn cuộc sống và phục vụ công việc

➤ Kết quả học tập mong đợi của học phần

-100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.

➤ Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào trong tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	1	2	2	1	2	2	1	1	1	1	1	2	1

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
Chương 1: 第一单元	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề giao thông - Lĩnh hội nội dung chính bài khóa về chủ đề giao thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Trên cơ sở hiểu hàm nghĩa các từ, cụm từ và thành ngữ về chủ đề giao thông, hoàn thành nội dung bài tập được thiết kế trong giáo trình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các từ ngữ đã học vào hoạt động đọc hiểu tiếng Trung Quốc về chủ đề giao thông. - Đọc hiểu văn bản tiếng Trung trong nhiều lĩnh vực - Tự nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ thông qua hoạt động đọc sách báo, tạp chí, tài liệu, thông qua mạng Internet, ...
Chương 2: 第二单元	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề Đại dương - Lĩnh hội nội dung chính bài khóa về chủ đề Đại dương 	<ul style="list-style-type: none"> - Trên cơ sở hiểu hàm nghĩa các từ, cụm từ và thành ngữ về chủ đề đại dương, hoàn thành nội dung bài tập được thiết kế trong giáo trình 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các từ ngữ đã học vào hoạt động đọc hiểu tiếng Trung Quốc về chủ đề đại dương. - Đọc hiểu văn bản tiếng Trung trong nhiều lĩnh vực - Tự nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ thông qua hoạt động đọc sách báo, tạp chí, tài liệu, thông qua mạng Internet, ...
Chương 3: 第三单元	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề điện ảnh - Lĩnh hội nội dung 	<ul style="list-style-type: none"> - Trên cơ sở hiểu hàm nghĩa các từ, cụm từ và thành ngữ về chủ đề điện ảnh, hoàn thành nội 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các từ ngữ đã học vào hoạt động đọc hiểu tiếng Trung Quốc về chủ đề điện ảnh. - Đọc hiểu văn bản tiếng

	chính bài khóa về chủ đề điện ảnh	dung bài tập được thiết kế trong giáo trình	Trung trong nhiều lĩnh vực - Tự nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ thông qua hoạt động đọc sách báo, tạp chí, tài liệu, thông qua mạng Internet, ...
Chương 4: 第四单元	- Hiểu hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề con người - Lĩnh hội nội dung chính bài khóa về chủ đề con người.	- Trên cơ sở hiểu hàm nghĩa các từ, cụm từ và thành ngữ về chủ đề con người, hoàn thành nội dung bài tập được thiết kế trong giáo trình	- Vận dụng các từ ngữ đã học vào hoạt động đọc hiểu tiếng Trung Quốc về chủ đề con người - Đọc hiểu văn bản tiếng Trung trong nhiều lĩnh vực - Tự nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ thông qua hoạt động đọc sách báo, tạp chí, tài liệu, thông qua mạng Internet, ...
Chương 5: 第五单元	- Hiểu hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề tình cảm, tình yêu - Lĩnh hội nội dung chính bài khóa về chủ đề tình cảm, tình yêu	- Trên cơ sở hiểu hàm nghĩa các từ, cụm từ và thành ngữ về chủ đề tình cảm, tình yêu, hoàn thành nội dung bài tập được thiết kế trong giáo trình	- Vận dụng các từ ngữ đã học vào hoạt động đọc hiểu tiếng Trung Quốc về chủ đề tình cảm, tình yêu. - Đọc hiểu văn bản tiếng Trung trong nhiều lĩnh vực - Tự nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ thông qua hoạt động đọc sách báo, tạp chí, tài liệu, thông qua mạng Internet, ...

<p>Chương 6: 第六单元</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề văn hóa đa quốc gia. - Lĩnh hội nội dung chính bài khóa về chủ đề văn hóa đa quốc gia. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trên cơ sở hiểu hàm nghĩa các từ, cụm từ và thành ngữ về chủ đề văn hóa đa quốc gia, hoàn thành nội dung bài tập được thiết kế trong giáo trình 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các từ ngữ đã học vào hoạt động đọc hiểu tiếng Trung Quốc về chủ đề văn hóa đa quốc gia. - Đọc hiểu văn bản tiếng Trung trong nhiều lĩnh vực - Tự nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ thông qua hoạt động đọc sách báo, tạp chí, tài liệu, thông qua mạng Internet, ...
<p>Chương 7: 第七单元</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề lễ tết và phong tục trong ngày lễ. - Lĩnh hội nội dung chính bài khóa về chủ đề lễ tết và phong tục tập quán trong ngày lễ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trên cơ sở hiểu hàm nghĩa các từ, cụm từ và thành ngữ về chủ đề lễ tết và phong tục tập quán trong ngày lễ, hoàn thành nội dung bài tập được thiết kế trong giáo trình 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các từ ngữ đã học vào hoạt động đọc hiểu tiếng Trung Quốc về chủ đề lễ tết và phong tục tập quán trong ngày lễ. - Đọc hiểu văn bản tiếng Trung trong nhiều lĩnh vực - Tự nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ thông qua hoạt động đọc sách báo, tạp chí, tài liệu, thông qua mạng Internet, ...
<p>Chương 8: 第八单元</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề động vật - Lĩnh hội nội dung chính bài khóa về 	<ul style="list-style-type: none"> - Trên cơ sở hiểu hàm nghĩa các từ, cụm từ và thành ngữ về chủ đề động vật, hoàn thành nội dung bài tập được 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các từ ngữ đã học vào hoạt động đọc hiểu tiếng Trung Quốc về chủ đề động vật. - Đọc hiểu văn bản tiếng Trung trong nhiều lĩnh

	chủ đề động vật	thiết kế trong giáo trình	vực - Tự nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ thông qua hoạt động đọc sách báo, tạp chí, tài liệu, thông qua mạng Internet, ...
Chương 9: 第九单元	- Hiểu hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề thành phố - Lĩnh hội nội dung chính bài khóa về chủ đề thành phố	- Trên cơ sở hiểu hàm nghĩa các từ, cụm từ và thành ngữ về chủ đề thành phố, hoàn thành nội dung bài tập được thiết kế trong giáo trình	- Vận dụng các từ ngữ đã học vào hoạt động đọc hiểu tiếng Trung Quốc về chủ đề thành phố. - Đọc hiểu văn bản tiếng Trung trong nhiều lĩnh vực - Tự nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ thông qua hoạt động đọc sách báo, tạp chí, tài liệu, thông qua mạng Internet, ...
Chương 10 第十单元	- Hiểu hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về các vấn đề xã hội - Lĩnh hội nội dung bài khóa về các vấn đề trong xã hội hiện đại.	- Trên cơ sở hiểu hàm nghĩa các từ, cụm từ và thành ngữ về các vấn đề trong xã hội hiện đại, hoàn thành nội dung bài tập được thiết kế trong giáo trình	- Vận dụng các từ ngữ đã học vào hoạt động đọc hiểu tiếng Trung Quốc về các vấn đề trong xã hội hiện đại. - Đọc hiểu văn bản tiếng Trung trong nhiều lĩnh vực - Tự nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ thông qua hoạt động đọc sách báo, tạp chí, tài liệu, thông qua mạng Internet, ...
Chương 11	- Hiểu hàm nghĩa	- Trên cơ sở hiểu	- Vận dụng các từ ngữ đã

<p>第十一单元</p>	<p>của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề nhân sinh quan và đạo đức.</p> <p>- Lĩnh hội nội dung chính bài khóa về chủ đề nhân sinh quan và đạo đức.</p>	<p>hàm nghĩa các từ, cụm từ và thành ngữ về chủ đề nhân sinh quan và đạo đức, hoàn thành nội dung bài tập được thiết kế trong giáo trình</p>	<p>học vào hoạt động đọc hiểu tiếng Trung Quốc về chủ đề nhân sinh quan và đạo đức..</p> <p>- Đọc hiểu văn bản tiếng Trung trong nhiều lĩnh vực</p> <p>- Tự nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ thông qua hoạt động đọc sách báo, tạp chí, tài liệu, thông qua mạng Internet, ...</p>
<p>Chương 12 第十二单元</p>	<p>- Hiểu hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ thường dùng trong báo cáo, thống kê xã hội học</p> <p>- Lĩnh hội nội dung chính bài khóa về báo cáo, thống kê xã hội học</p>	<p>- Trên cơ sở hiểu hàm nghĩa các từ, cụm từ và thành ngữ thường dùng trong báo cáo, thống kê xã hội học, hoàn thành nội dung bài tập được thiết kế trong giáo trình</p>	<p>- Vận dụng các từ ngữ đã học vào hoạt động đọc hiểu tiếng Trung Quốc trong báo cáo thống kê xã hội học.</p> <p>- Đọc hiểu văn bản tiếng Trung trong nhiều lĩnh vực</p> <p>- Tự nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ thông qua hoạt động đọc sách báo, tạp chí, tài liệu, thông qua mạng Internet, ...</p>
<p>Chương 13 第十三单元</p>	<p>- Hiểu hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề kinh tế</p> <p>- Lĩnh hội nội dung chính bài khóa về chủ đề kinh tế</p>	<p>- Trên cơ sở hiểu hàm nghĩa các từ, cụm từ và thành ngữ về chủ đề kinh tế, hoàn thành nội dung bài tập được thiết kế trong giáo trình</p>	<p>- Vận dụng các từ ngữ đã học vào hoạt động đọc hiểu tiếng Trung Quốc về chủ đề kinh tế.</p> <p>- Đọc hiểu văn bản tiếng Trung trong nhiều lĩnh vực</p> <p>- Tự nghiên cứu, học tập,</p>

			nâng cao trình độ thông qua hoạt động đọc sách báo, tạp chí, tài liệu, thông qua mạng Internet, ...
Chương 14 第十四单元	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề nghề nghiệp - Lĩnh hội nội dung chính bài khóa về chủ đề nghề nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Trên cơ sở hiểu hàm nghĩa các từ, cụm từ và thành ngữ về chủ đề nghề nghiệp, hoàn thành nội dung bài tập được thiết kế trong giáo trình 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các từ ngữ đã học vào hoạt động đọc hiểu tiếng Trung Quốc về chủ đề nghề nghiệp. - Đọc hiểu văn bản tiếng Trung trong nhiều lĩnh vực - Tự nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ thông qua hoạt động đọc sách báo, tạp chí, tài liệu, thông qua mạng Internet, ...
Chương 15 第十五单元	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề môi trường và bảo vệ môi trường. - Lĩnh hội nội dung chính bài khóa về chủ đề môi trường và bảo vệ môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Trên cơ sở hiểu hàm nghĩa các từ, cụm từ và thành ngữ về chủ đề môi trường và bảo vệ môi trường, hoàn thành nội dung bài tập được thiết kế trong giáo trình 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các từ ngữ đã học vào hoạt động đọc hiểu tiếng Trung Quốc về chủ đề môi trường và bảo vệ môi trường. - Đọc hiểu văn bản tiếng Trung trong nhiều lĩnh vực - Tự nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ thông qua hoạt động đọc sách báo, tạp chí, tài liệu, thông qua mạng Internet, ...

3. Mô tả tóm tắt nội dung môn học:

Học phần **Kỹ năng đọc 3** gồm 15 bài trong giáo trình 《步步高汉语阅读教程》第五册, mục đích nhằm tăng lượng từ vựng, giúp người đọc hình thành ngữ

cảm. Giáo trình cuốn 5 lựa chọn một số bài khóa được cải biên từ nguyên tác cho phù hợp với trình độ của người học, giúp người học rèn luyện và nâng cao kỹ năng Đọc. Từ vựng và ngữ pháp được thiết kế ở trình độ cao cấp, nội dung phù hợp với đối tượng người học trẻ, nguồn trích dẫn đa dạng, sắp xếp khoa học, nội dung luyện tập tiêu chuẩn. Cấu trúc một bài học gồm khoảng 4 bài khóa và phần luyện tập, phù hợp với thời lượng học khoảng hai tiết.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 张丽娜, 《步步高汉语阅读教程》第五册, 北京语言大学出版社, 2009

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. 吴成年, 《读报纸学中文——中级汉语报刊阅读》下册, 北京大学出版社, 2004

[4.2.2]. 张英, 《中国传统文化与现代生活——留学生中级文化读本》, 北京大学出版社, 2003

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần (kể cả thời lượng dạy học trực tuyến, tự học có hướng dẫn...)

- Hoàn thành các bài tập được giao.

+ Bài tập về nhà

+ Chuẩn bị bài mới

+ Bài kiểm tra viết trên lớp tại mỗi buổi học

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp.

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: trắc nghiệm.

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và hình thức giảng dạy	Phương pháp và hình thức KTĐG	Thời lượng		
Chương 1: 第一单元 课文 1: 路遇 课文 2: 车战 课文 3: 开往春天的火车 课文 4: 单片眼镜	-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề giao thông - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...	Lí thuyết	1	
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
Chương 2: 第二单元	-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông	Lí thuyết	1	
			Bài tập	1	

课文 1: 沙堡与大海 课文 2: 穿越一公里的鱼 课文 3: 爱心不会闲置 课文 4: 谷仓与友谊	thuyết về hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề Đại dương - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.	qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...	Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
Chương 3: 第三单元 课文 1: 影评: “开往春天的地铁” 课文 2: 《妈妈我拿什么爱你》剧情介绍 课文 3: 《影响中国的 100 次事件》序	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề điện ảnh - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao	Lí thuyết	1	
Bài tập			1		
Thảo luận			0		
Thực hành			0		
Tự học có hướng dẫn			0		
Tự học, NC			4		

<p>课文 4: 因为我们是水做的</p>	<p>kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,</p>			
<p>Chương 4: 第四单元 课文 1: 换个灯泡需要几个人 课文 2: 秘书综合征 课文 3: 名正言顺 课文 4: 讲个笑话给你听</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề con người - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn Tự học, NC</p>	<p>1 1 0 0 0 4</p>	

	được hướng dẫn.				
Chương 5: 第五单元 课文 1: 小院之恋 课文 2: 搞定家事 课文 3: 爱在饭桌 课文 4: 饭桌	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề tình cảm, tình yêu - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,	Lí thuyết	1	
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
Chương 6: 第六单元 课文 1: 日本“爱妻日”丈夫早回家 课文 2: 香港许愿	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề văn hóa đa quốc gia.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các	Lí thuyết	1	
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có	0	

<p>树“载不动许多愿”</p> <p>课文 3: 乌鸦狂轰克里姆林宫</p> <p>课文 4: 爱尔兰和诺贝尔奖特有缘</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,</p>	<p>hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>4</p>	
<p>Chương 7: 第七单元</p> <p>课文 1: 圣诞节在中国</p> <p>课文 2: 假如中国没有春节</p> <p>课文 3: 三代人眼中的中秋变迁</p> <p>课文 4: 为何吃饺子</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề lễ tết và phong tục trong ngày lễ</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>4</p>	

	- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.	nhóm,			
Chương 8: 第八单元 课文 1: 乌鸦是人类的朋友 课文 2: 河马的礼仪 课文 3: 会排队的毛毛虫 课文 4: 动物“计划生育”觉悟高	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề động vật - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,	Lí thuyết	1	
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
Chương 9: 第九单元	- Dạy học theo phương pháp	- Kiểm tra đánh giá	Lí	1	

<p>课文 1: 潍坊—— 美丽古老的风筝城</p> <p>课文 2: 悠悠厦门</p> <p>课文 3: 平民城市 天津卫</p> <p>课文 4: 有趣的三个“迷魂阵村”</p>	<p>thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề thành phố</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,</p>	thuyết		
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
Tự học, NC	4				
<p>Chương 10: 第十单元</p> <p>课文 1: 越野行走 族</p> <p>课文 2: 电脑游戏—— 虚幻的现实世界</p> <p>课文 3: 时尚是一 笔糊涂账</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề các vấn đề xã hội</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ</p>	Lí thuyết	1	
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	

<p>课文 4: 青少年为什么喜欢怪打扮</p>	<p>tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm</p>			
<p>Chương 11: 第十一单元</p> <p>课文 1: 别人的意见有多大用处</p> <p>课文 2: 人生的五个磁盘</p> <p>课文 3: 内省是做人的责任</p> <p>课文 4: 痛苦不是结果, 幸福也非目的</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề nhân sinh quan và đạo đức. - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>4</p>	

	hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.				
Chương 12: 第十二单元 课文 1: 25% 的年轻人在贫困线下 课文 2: 毕业焦虑困扰学生群体 课文 3: 考试中的性别差异 课文 4: 走出教育循环	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ thường dùng trong báo cáo, thống kê xã hội học - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,	Lí thuyết	1	
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
Chương 13: 第十三单元	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông	Lí thuyết	1	
			Bài tập	1	

<p>元</p> <p>课文 1: 我们需要高兴的中产阶级</p> <p>课文 2: 创业快速成功从哪儿入手?</p> <p>课文 3: 商业合同</p> <p>课文 4: 美女经济</p>	<p>thuyết về hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề kinh tế</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,</p>	Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
<p>Chương 14: 第十四单元</p> <p>元</p> <p>课文 1: 一个卖蛋糕的摄影家</p> <p>课文 2: 在大桥守望生命</p> <p>课文 3: 实习生小</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề nghề nghiệp</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao</p>	Lí thuyết	1	
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	

<p>娅的故事</p> <p>课文 4: 睡草坪的日子</p>	<p>kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,</p>			
<p>Chương 15: 第十五单元</p> <p>课文 1: 全球面临水资源危机</p> <p>课文 2: 环境荷尔蒙——生活中的隐形杀手</p> <p>课文 3: 喷泉是城市中的负离子发生器</p> <p>课文 4: 海洋——人类的宝库</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về hàm nghĩa của các từ, cụm từ, thành ngữ về chủ đề môi trường và bảo vệ môi trường.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>4</p>	

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm) 	10%	Thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <p>Đánh giá kỹ năng Đọc hiểu thuộc các chủ đề khác nhau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực tự học, nghiên 	<p>Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên

<p>cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lý các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>Thời gian 60 phút</p> <p>Nội dung: liên quan toàn bộ kiến thức, kỹ năng thực hành tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm</p>			
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Đánh giá kỹ năng Đọc hiểu thuộc các chủ đề khác nhau 	<p>-Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm</p> <p>Thời gian 60 phút</p> <p>Nội dung: liên quan toàn bộ kiến thức và kỹ năng Đọc đã học.</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: dưới 30 sinh viên/ lớp
- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG VIẾT 3

(Tên tiếng Anh: Writing 3)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02
- Lý thuyết: 15 tiết;
- Bài tập: 15 tiết;
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Loại học phần: *Bắt buộc*

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng Viết 2
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và Tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:

- + Khoa: Ngoại Ngữ
- + Bộ môn: Tiếng Trung Quốc

- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Vũ Thanh Hương

Số điện thoại: 0969617555 Email: vthuong.nn@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số điện thoại: 0972327976 Email: ntthuy@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Lê Thị Thanh Tú

Số điện thoại: 0964850728 Email: lttu@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự trọng, tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với khả năng.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Nắm bắt, củng cố nâng cao vốn kiến thức về từ vựng và ngữ pháp tiếng Hán. Bổ sung thêm lượng từ vựng, các cụm từ thông dụng, các thành ngữ, các cách diễn đạt thông dụng trong văn bản ứng dụng thương mại.
 - Nắm vững nội dung, hình thức, cách thức viết các văn bản như: thư giới thiệu, hồ sơ xin việc, thư tuyển dụng, thư đáp tạ, phát biểu khai mạc, bế mạc và các lời từ khi đón tiếp, tiễn đưa, chúc rượu...
- Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch				Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân	
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
		2	1	2	1	2	1	1	2	1	1		

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của bài học	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第一课 推荐信	-Nắm được khi nào cần viết thư giới thiệu, nội dung của thư giới thiệu và các từ ngữ thường dùng khi viết thư giới thiệu.	-Nắm được kết cấu của một bức thư giới thiệu, các câu trọng điểm thường dùng, các từ ngữ thường dùng trong viết thư.	- Dựa vào các từ ngữ, cấu trúc câu và cấu trúc của một bài viết thư giới thiệu, viết được một bức thư giới thiệu đúng mẫu theo nội dung yêu cầu.
第二课 求职信与个人简历	-Nắm được nội dung cơ bản của đơn xin việc và sơ yếu lí lịch, các từ ngữ thường dùng khi viết đơn xin việc và sơ yếu lí lịch.	-Nắm được kết cấu của đơn xin việc và sơ yếu lí lịch, các câu trọng điểm thường dùng, các từ ngữ thường dùng khi viết đơn xin việc và sơ yếu lí lịch.	- Dựa vào các từ ngữ, cấu trúc câu và nội dung cơ bản của đơn xin việc, sơ yếu lí lịch, viết được đơn xin việc và sơ yếu lí lịch của bản thân.
第三课 聘用书	-Nắm được nội dung cơ bản của thư tuyển dụng, các từ ngữ thường dùng khi viết thư tuyển dụng.	-Nắm được kết cấu của thư tuyển dụng, các câu trọng điểm thường dùng, các từ ngữ thường dùng khi viết thư tuyển dụng.	- Dựa vào các từ ngữ, cấu trúc câu và nội dung cơ bản của thư tuyển dụng, viết được thư tuyển dụng theo nội dung yêu cầu và đúng theo mẫu, đúng văn phong, ngữ pháp.
第四课	-Nắm được nội dung cơ bản của lời chào mừng, đưa tiễn,	-Nắm được kết cấu của lời chào mừng, đưa tiễn, các câu trọng	- Dựa vào các từ ngữ, cấu trúc câu và nội dung cơ bản của lời chào mừng,

欢迎词, 欢送词	các từ ngữ thường dùng khi viết lời chào mừng, đưa tiễn.	điểm thường dùng, các từ ngữ thường dùng khi viết lời chào mừng, đưa tiễn.	đưa tiễn, có thể viết được lời chào mừng, đưa tiễn theo nội dung yêu cầu và đúng theo mẫu, đúng văn phong, ngữ pháp.
第五课 祝酒词	-Nắm được nội dung cơ bản của lời chúc rượu, các từ ngữ thường dùng khi viết lời chúc rượu.	-Nắm được kết cấu của lời chúc rượu, các câu trọng điểm thường dùng, các từ ngữ thường dùng khi viết lời chúc rượu.	- Dựa vào các từ ngữ, cấu trúc câu và nội dung cơ bản của lời chúc rượu, viết được lời chúc rượu theo nội dung yêu cầu và đúng theo mẫu, đúng văn phong, ngữ pháp.
第六课 答谢词	-Nắm được nội dung cơ bản của lời đáp tạ, các từ ngữ thường dùng khi viết lời đáp tạ.	-Nắm được được kết cấu của lời đáp tạ, các câu trọng điểm thường dùng, các từ ngữ thường dùng khi viết lời đáp tạ.	- Dựa vào các từ ngữ, cấu trúc câu và nội dung cơ bản của lời đáp tạ, viết được lời đáp tạ theo nội dung yêu cầu và đúng theo mẫu, đúng văn phong, ngữ pháp.
第七课 开幕词和闭幕词	-Nắm được nội dung cơ bản của bài phát biểu khai mạc, bế mạc các từ ngữ thường dùng khi viết bài phát biểu khai mạc, bế mạc.	-Nắm được kết cấu của bài phát biểu khai mạc, bế mạc, các câu trọng điểm thường dùng, các từ ngữ thường dùng khi viết bài phát biểu khai mạc, bế mạc.	- Dựa vào các từ ngữ, cấu trúc câu và nội dung cơ bản của bài phát biểu khai mạc, bế mạc, có thể viết được bài phát biểu khai mạc, bế mạc theo nội dung yêu cầu và đúng theo mẫu, đúng văn phong, ngữ pháp.

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Kỹ năng Viết 3** chú trọng rèn luyện các kỹ năng viết chuyên sâu về văn bản ứng dụng trong thương mại như: thư giới thiệu, hồ sơ xin việc, thư tuyển dụng, thư đáp tạ, phát biểu khai mạc, bế mạc và các lời từ khi đón tiếp, tiễn đưa, chúc rượu... Thông qua học phần này, người học hiểu rõ hơn về các kiến thức cơ bản liên quan đến văn bản thương mại, nâng cao khả năng phân tích và đọc văn bản thương mại cho người học. Trong học phần này, lượng từ vựng tăng lên, người học được rèn luyện viết thành thạo các văn bản mang tính ứng dụng thực tế cao, phục vụ cho công việc sau này, đặc biệt là các công việc theo định hướng thương mại.

4. Tài liệu học tập

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 周红, 《商务汉语写作》, 学林出版社, 2010

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. 张园 《中级汉语阅读与写作教程》, 北京大学出版社, 2007

[4.2.2]. 郭小红、高春玲, 《商务写作》, 西北大学出版社, 2002

[4.2.3]. Trương Văn Giới, *Thư tín Thương mại Hoa – Việt*, NXB Tổng hợp TP HCM, 2006

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Suru tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:
 - + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp,....
 - + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%):

*Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức và kỹ năng viết thương mại được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra viết tự luận 60 phút.

*Làm 02-03 bài viết cá nhân trên lớp.

*Làm bài tập lớn theo nhóm theo yêu cầu của GV.

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

.

6. Nội dung chi tiết học phần, phương pháp và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
<p>第一课： 推荐信 1 Trọng điểm ngôn ngữ: Các từ ngữ, cấu trúc thường dùng trong thư</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết khi nào cần viết thư giới thiệu, nội dung của thư giới thiệu và các từ ngữ thường dùng khi viết thư giới thiệu.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>
			Bài tập	2	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>giới thiệu. 2 Trọng điểm kỹ năng viết Viết thư giới thiệu 3 Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, GV đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV kết cấu, nội dung, từ ngữ, cấu trúc câu thường dùng khi viết thư giới thiệu. - Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt các từ ngữ, cấu trúc câu, ngữ pháp và cách biểu đạt khác nhau giữa tiếng Trung và tiếng Việt khi viết thư giới thiệu. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện kỹ năng viết thư giới thiệu.</p>	Tự học, NC	8	
<p>第二课： 求职信与个人简历 1 Trọng điểm ngôn</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn nội dung cơ bản của đơn xin việc và sơ yếu lí lịch, các từ ngữ thường dùng khi</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện</p>	Lí thuyết	2	TL chính:
			Bài tập	2	[4.1.1]
			Thảo luận	0	TLTK:
			Thực hành	0	[4.2.1]

<p>ngữ: Các từ ngữ và cấu trúc thường dùng khi viết đơn xin việc và sơ yếu lí lịch.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết Viết đơn xin việc và sơ yếu lí lịch.</p> <p>3 Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p>viết đơn xin việc và sơ yếu lí lịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài viết mẫu và hướng dẫn SV kết cấu, nội dung, từ ngữ, cấu trúc câu thường dùng khi viết đơn xin việc và sơ yếu lí lịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt các từ ngữ, cấu trúc câu, ngữ pháp và cách biểu đạt khác nhau giữa tiếng Trung và tiếng Việt khi viết đơn xin việc và sơ yếu lí lịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận về chủ đề giới thiệu bản thân theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.</p>	<p>các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết đơn xin việc và sơ yếu lí lịch tại lớp theo hướng dẫn của GV.</p>	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.2] [4.2.3]
			Tự học, NC	8	
<p>第三课 :</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo</p>	Lý thuyết	2	TL chính: [4.1.1]
			Bài tập	2	

<p>聘用书</p> <p>1 Trọng điểm ngôn ngữ: Các từ ngữ, cấu trúc thường dùng trong thư tuyển dụng.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết Viết thư tuyển dụng.</p> <p>3 Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p>về nội dung cơ bản của thư tuyển dụng, các từ ngữ thường dùng khi viết thư tuyển dụng.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV kết cấu, nội dung, từ ngữ, cấu trúc câu thường dùng khi viết thư tuyển dụng.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt các từ ngữ, cấu trúc câu, ngữ pháp và cách biểu đạt khác nhau giữa tiếng Trung và tiếng Việt khi viết thư tuyển dụng.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận viết thư tuyển dụng theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.</p>	<p>đổi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện cách sử dụng từ ngữ và cấu trúc khi viết thư tuyển dụng.</p>	Thảo luận	0	<p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	8	
第四课 :	- Dạy học theo phương pháp	- Kiểm tra đánh giá thường	Lí thuyết	2	TL chính:

欢迎词, 欢送词 1 Trọng điểm ngôn ngữ: Các từ ngữ, cấu trúc thường dùng trong lời	thuyết trình , hướng dẫn lý thuyết về nội dung cơ bản của lời chào mừng, đưa tiễn, các từ ngữ thường dùng khi viết lời chào mừng, đưa tiễn.	xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài	Bài tập	3	[4.1.1]
			Thảo luận	0	TLTK:
			Thực hành	0	[4.2.1]
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.2] [4.2.3]

<p>chào mừng, đưa tiễn.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết</p> <p>Viết lời chào mừng, đưa tiễn.</p> <p>3 Bài tập</p> <p>Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p> <p>4. Kiểm tra giữa kỳ:</p> <p>Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV kết cấu, nội dung, từ ngữ, cấu trúc câu thường dùng khi viết lời chào mừng, đưa tiễn.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt các từ ngữ, cấu trúc câu, ngữ pháp và cách biểu đạt khác nhau giữa tiếng Trung và tiếng Việt khi viết lời chào mừng, đưa tiễn.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận viết lời chào mừng, đưa tiễn theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.</p>	<p>tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện cách sử dụng từ ngữ và cấu trúc trong bài viết lời chào mừng, đưa tiễn.</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức học phần Kỹ năng Viết 3 được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	Tự học, NC	10	
<p>第五课 :</p> <p>祝酒词</p> <p>1 Trọng điểm ngôn</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về nội dung cơ bản của lời chào mừng, đưa tiễn, các từ ngữ thường</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>2</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p>

ngữ: Các từ ngữ, cấu trúc thường dùng trong lời chúc rượu. 2 Trọng điểm kỹ năng viết Viết lời chúc rượu. 3 Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.	dùng khi viết lời chúc rượu. - Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình , giảng viên đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV kết cấu, nội dung, từ ngữ, cấu trúc câu thường dùng khi viết lời chúc rượu. - Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt các từ ngữ, cấu trúc câu, ngữ pháp và cách biểu đạt khác nhau giữa tiếng Trung và tiếng Việt khi viết lời chúc rượu. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận viết lời chúc rượu theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.	các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện cách sử dụng từ ngữ và cấu trúc khi viết lời chúc rượu.	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.2] [4.2.3]
			Tự học, NC	8	
第六课： 答谢词	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình , hướng dẫn nội dung cơ bản của lời đáp tạ, các từ ngữ	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong	Lí thuyết	2	TL chính:
			Bài tập	2	[4.1.1]
			Thảo luận	0	TLTK:

<p>1 Trọng điểm ngôn ngữ: Cách sử dụng các từ ngữ và cấu trúc câu trong khi viết lời đáp tạ.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết Viết lời đáp tạ</p> <p>3 Bài tập Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p>thường dùng khi viết lời đáp tạ.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV kết cấu, nội dung, từ ngữ, cấu trúc câu thường dùng khi viết lời đáp tạ.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt các từ ngữ, cấu trúc câu, ngữ pháp và cách biểu đạt khác nhau giữa tiếng Trung và tiếng Việt khi viết lời đáp tạ.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận viết lời đáp tạ theo hướng dẫn và yêu cầu của GV..</p>	<p>các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện cách sử dụng các từ ngữ và cấu trúc câu trong viết lời đáp tạ.</p>	Thực hành	0	[4.2.1]
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.2]
			Tự học, NC	8	[4.2.3]
第七课 :	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình , giới thiệu nội dung	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo	Lí thuyết	2	TL chính:
			Bài tập	3	[4.1.1]

<p>开幕词和闭幕词</p> <p>1 Trọng điểm ngôn ngữ:</p> <p>Cách sử dụng các từ ngữ và cấu trúc câu trong bài phát biểu khai mạc, bế mạc.</p> <p>2 Trọng điểm kỹ năng viết</p> <p>Viết bài phát biểu khai mạc, bế mạc.</p> <p>3 Bài tập</p> <p>Làm các bài luyện tập trong giáo trình và viết bài theo yêu cầu của GV.</p>	<p>cơ bản của lời đáp tạ, các từ ngữ thường dùng khi viết bài phát biểu khai mạc, bế mạc.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, giảng viên đưa ra bài mẫu và hướng dẫn SV kết cấu, nội dung, từ ngữ, cấu trúc câu thường dùng khi viết bài phát biểu khai mạc, bế mạc.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh đối chiếu để phân biệt các từ ngữ, cấu trúc câu, ngữ pháp và cách biểu đạt khác nhau giữa tiếng Trung và tiếng Việt khi viết bài phát biểu khai mạc, bế mạc.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ để viết bài, thảo luận viết bài phát biểu khai mạc, bế mạc theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.</p>	<p>đổi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV viết bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài tập rèn luyện cách viết bài phát biểu khai mạc, bế mạc.</p>	Thảo luận	0	<p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	10	

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập, bài viết trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), làm bài tập lớn,... 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức 	30 %	Trong quá trình	Giảng viên

<p>điểm kiểm tra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích cực, chủ động trong quá qua quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức học phần “Kỹ năng Viết 3” được học đến thời điểm kiểm tra. 		học	
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

	quan toàn bộ kiến thức được học trong học phần Kỹ năng Viết 3.			
--	--	--	--	--

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: ĐẤT NƯỚC HỌC TRUNG QUỐC

(Tên tiếng Anh: Intro to Chinese studies)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03;
- Lý thuyết: 15 tiết;
- Thảo luận, làm việc nhóm: 30 tiết;
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết.
- Loại học phần: *Bắt buộc*

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng Đọc 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:

- + Khoa: Ngoại ngữ
- + Bộ môn: Tiếng Trung Quốc

- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Đinh Thị Thảo

Số điện thoại: 0987092698

Email: dtthao@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thùy Linh

Số điện thoại: 0965293311

Email: ntlinh@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Vũ Thị Anh Thơ

Số điện thoại: 0906139386

Email: vtatho@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:

- Người học nhận thức được tầm quan trọng của học phần đối với nghề nghiệp sau này.

- Người học yêu thích, hứng thú, tích cực, tự giác, tích cực chủ động trong các hoạt động do người dạy đề xuất hoặc do người học tự đề xuất để thực hiện.
- Người học có cách tiếp cận vấn đề đúng đắn khi nhìn nhận một đất nước.
- Năng lực:
 - Người học hiểu và trình bày được những kiến thức về địa lý, khí hậu, tài nguyên, lịch sử, kinh tế, khoa học kỹ thuật, tư tưởng chính trị, văn hóa nghệ thuật, phong tục tập quán, du lịch của Trung Quốc... bằng tiếng Trung Quốc.
 - Trên cơ sở những kiến thức cơ bản được học, người học tự nghiên cứu, mở rộng kiến thức cho mình hoặc tiến hành đối chiếu so sánh giữa Trung Quốc và Việt Nam.
 - Người học có khả năng tư duy độc lập, khả năng hợp tác, khả năng thuyết trình, khả năng làm việc nhóm, khả năng tìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin liên quan đến học phần thông qua việc tự đọc sách, tự nghiên cứu tài liệu.
 - Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT													
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Kiến thức và lý luận cơ bản về từ vựng học, ngữ nghĩa học, ngữ pháp tiếng TQ.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Kiến thức cơ bản về lý thuyết, thực hành, phương pháp, kỹ xảo dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực dịch nhiều chủ đề và hình thức	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp với chuyên ngành	Năng lực nắm bắt, xử lý thông tin đúng, đủ, hợp lý trong các tình huống giao tiếp	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực tư duy sáng tạo	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực cập nhật và dự đoán xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	2	2	2	2	1	1	0	2	0	1	1

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第一课: 中国的国土与资源	Nhớ được đặc điểm địa lý, khí hậu, tài nguyên, phân khu hành chính của Trung Quốc; Chỉ ra được các thành phố chính, đặc khu kinh tế, khu tự trị...	Trình bày và phân tích được đặc điểm địa lý, khí hậu, tài nguyên, phân khu hành chính của Trung Quốc.	Phân tích được những điểm mạnh và điểm yếu về điều kiện tự nhiên và sự phát triển kinh tế xã hội của người Trung Quốc.
第二课: 中国的历史	Nhớ được quá trình phát triển xã hội Trung Quốc qua các thời đại lịch sử từ thời cổ đại tới nay.	Trình bày được các sự kiện trọng đại xảy ra trong các triều đại của Trung Quốc, so sánh được với Việt Nam	Phân tích được ý nghĩa của các cuộc cách mạng vĩ đại trong lịch sử Trung Quốc
第三课: 中国的政治制度	Nhớ được đặc điểm của thể chế chính trị, cơ cấu chính trị và chế độ tư pháp của Trung Quốc;	Trình bày được chế độ đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, cơ quan hành chính, cơ quan quyền lực các cấp	Phân tích được chính sách “một nước hai chế độ”; So sánh được cơ cấu chính trị của Trung Quốc và Việt Nam
第四课 中国人口、民族与语言文字	Nhớ được những kiến thức cơ bản về dân số, dân tộc, văn tự tiếng Hán	Trình bày được đặc điểm dân số, dân tộc và văn tự tiếng Hán	Phân tích được nguyên nhân và các biện pháp giải quyết các vấn đề dân số, dân tộc của Trung Quốc
第五章: 中国的经济	Nhớ được những kiến thức cơ bản về tiến trình phát triển kinh	Trình bày được những thành tựu đạt được và các phát minh nổi	Trình bày những thành tựu, phân tích những hạn chế từ khi đất nước

第六章: 中国的科学技术	tế qua các thời kỳ	tiếng về khoa học kỹ thuật của Trung Quốc	Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa
第七课: 中国的传统思想	Nhớ được sự hình thành, phát triển và nội dung của các trường phái tư tưởng truyền thống của Trung Quốc	Phân tích ảnh hưởng của các trường phái tư tưởng truyền thống đến xã hội và con người Trung Quốc	Đánh giá được mặt tích cực và hạn chế của các trường phái tư tưởng Trung Quốc, vận dụng vào việc giáo dục đạo đức trong xã hội Việt Nam
第八课: 中国的艺术	Nhớ được đặc điểm của các loại hình văn hóa nghệ thuật của Trung Quốc	Trình bày được đặc điểm của thư pháp, hội họa, âm nhạc, điện ảnh... của Trung Quốc	Phân tích ảnh hưởng của văn hóa nghệ thuật Trung Quốc đến Việt Nam
第九课: 中国的习俗	Nhớ được đặc điểm của gia đình, phong tục tập quán trong các ngày lễ truyền thống của Trung Quốc	Trình bày được các phong tục tập quán của người Trung Quốc trong các ngày lễ truyền thống	So sánh và phân tích ảnh hưởng của các phong tục tập quán của Trung Quốc đến Việt Nam
第十课: 中国的旅游	Nhớ được đặc điểm, thành tựu của ngành du lịch của Trung Quốc	Trình bày được đặc điểm của các điểm du lịch nổi tiếng của Trung Quốc	Thuyết trình lưu loát một trong những điểm du lịch nổi tiếng của Trung Quốc

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Đất nước học Trung Quốc** cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về điều kiện tự nhiên, dân số, dân tộc và phong tục tập quán tiêu biểu, tôn giáo, chế độ chính trị, kinh tế, lối sống... của Trung Quốc; kiến thức về quá trình phát triển của lịch sử Trung Quốc từ thời kỳ nguyên thủy đến nay; kiến thức chung về văn hóa Trung Quốc bao gồm tư tưởng, tôn giáo, chữ Viết, nghệ thuật thư pháp, hội họa...; vốn từ vựng liên quan đến các lĩnh vực nói trên.

Thông qua các bài học, người học có hiểu biết khái quát về lịch sử và văn hóa Trung Quốc trên cơ sở đó có thể tự nghiên cứu, mở rộng kiến thức cho mình hoặc tiến hành đối chiếu so sánh giữa Trung Quốc và Việt Nam.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1] Tài liệu do Bộ môn biên soạn (lưu hành nội bộ)

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] 王衍军, 《中国民俗文化》, 暨南大学出版社, 2011 年出版

[4.2.2] 张英、金舒年, 《中国传统文化与现代生活》, 北京大学出版社, 2003 年出版

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.

- Hoàn thành các bài tập được giao:

+ Bài tập về nhà

+ Chuẩn bị bài mới

+ Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học

+ Bài tập thảo luận nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGHP: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一课: 中国的国土与资源 1.地理 2.气候 3.资源 4.行政区划	- Dạy học thuyết trình và trực quan về vị trí địa lý, khí hậu, tài nguyên (sử dụng slide trình chiếu); - Dạy học thảo luận nhóm với kỹ thuật khăn trải bàn. Yêu cầu sinh viên nghiên cứu tài liệu và trình bày về cách phân chia các khu vực hành chính của Trung Quốc, đặc điểm nổi bật của 4 thành phố trực thuộc Trung ương, 5 khu tự trị, 2 đặc khu kinh tế... - Thuyết trình nhận định về kết quả làm việc của sinh viên và tổng kết kết quả. - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh liên quan đến nội dung bài học.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	2	Tài liệu chính: [4.1.1]
			Bài tập	0	
			Thảo luận, làm việc nhóm	3	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	10	

第二课: 中国的历史 1. 古代史 2. 近代史 3. 现代史 4. 当代史	- Sử dụng phương pháp phỏng vấn nhanh để nắm được sơ bộ những hiểu biết của sinh viên về lịch sử của Trung Quốc; - Dạy học thuyết trình có minh họa (sử dụng slide, hình ảnh, video): trình bày đặc điểm các giai đoạn lịch sử của Trung Quốc; - Dạy học thảo luận nhóm: yêu cầu sinh viên sơ đồ hoá lịch sử Trung Quốc (thời gian, đặc điểm nổi bật, nhân vật đại diện...); cử đại diện nhóm trình bày; giảng viên nhận xét, đánh giá. - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh liên quan đến nội dung bài học.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	2	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1]
			Bài tập	0	
			Thảo luận, làm việc nhóm	3	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
Tự học, NC	10				
第三课: 中国的政治制度	- Dạy học thuyết trình có minh họa: trình bày về đặc điểm thể chế chính trị, cơ cấu tổ chức chính quyền và chế	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh	Lí thuyết	1	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham
			Bài tập	0	
			Thảo luận,	2	

<p>1. 政治体制 2. 政府机构 3. 司法制度</p>	<p>độ tư pháp của Trung Quốc; - Phương pháp hỏi chuyên gia: chỉ định một sinh viên có kiến thức chuyên sâu về nội dung bài học, dưới sự hướng dẫn của giảng viên tìm hiểu các thông tin liên quan đến bài học trước khi lên lớp; sinh viên trong lớp đặt câu hỏi trực tiếp hoặc viết ra giấy ghim lên bảng, sinh viên đóng vai chuyên gia trả lời các câu hỏi. Giảng viên tổng kết ngắn gọn, khái quát lại các câu hỏi và câu trả lời.</p>	<p>viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>làm việc nhóm</p>		khảo: [4.2.1]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
<p>第四课 中国人 口、民族与语言 文字 1. 中国人口 2. 中国民族 3. 普通话、方言 与文字 +期中考试</p>	<p>- Dạy học thuyết trình có minh họa: trình bày về đặc điểm dân số, dân tộc của Trung Quốc và văn tự tiếng Hán; chiếu video, các hình ảnh minh họa về các dân tộc của Trung Quốc, trang phục đặc trưng của từng dân tộc; - Dạy học thảo luận nhóm: sinh viên thảo luận theo nhóm phân tích nguyên nhân dẫn đến tình trạng dân</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>1</p>	
			Bài tập	0	
			Thảo luận, làm việc nhóm	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học,	6	

	số đông; tình trạng già hoá dân số của Trung Quốc	tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	NC		
<p>第五课: 中国的经济</p> <p>1. 前进历程</p> <p>2. 经济成就</p> <p>3. 改革开放</p>	<p>- Dạy học thuyết trình về tiến trình phát triển của kinh tế Trung Quốc sử dụng slide trình chiếu;</p> <p>- Sử dụng phương pháp mảnh ghép: sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận về thành tựu của nền kinh tế Trung Quốc, quá trình cải cách mở cửa của Trung Quốc (chia 2 vòng). Kết quả thảo luận: các nhóm trình bày nội dung đã tiếp thu bằng sơ đồ tư duy để trình bày trước lớp. Giảng viên đánh giá nhận xét sản phẩm của các nhóm, tổng kết và đưa ra kết luận bài học.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	Lí thuyết	1	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1]</p>
			Bài tập	0	
			Thảo luận, làm việc nhóm	4	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	10	
<p>第六课: 中国的科学技术</p> <p>1. 古代科技</p>	<p>- Dạy học thuyết trình về vấn đề khoa học kỹ thuật của Trung Quốc;</p> <p>- Dạy học làm việc nhóm: chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận về</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp,</p>	Lí thuyết	1	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1]</p>
			Bài tập	0	
			Thảo luận, làm việc	2	

<p>2. 四大发明 3. 当代科技</p>	<p>một phát minh của Trung Quốc, sơ đồ hoá và cử đại diện trình bày. Giảng viên đánh giá, nhận xét. - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh liên quan đến nội dung bài học.</p>	<p>việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>nhóm Thực hành Tự học có hướng dẫn Tự học, NC</p>	<p>0 0 6</p>	
<p>第七课: 中国的传统思想 1. 儒家思想 2. 道家、法家等 3. 儒家在国外</p>	<p>- Dạy học thuyết trình về các tư tưởng truyền thống của Trung Quốc (sử dụng slide trình chiếu); - Dạy học làm việc nhóm: yêu cầu sinh viên thảo luận về các tư tưởng của các trường phái tư tưởng truyền thống của Trung Quốc, giải thích một số câu nói nổi tiếng của các nhà tư tưởng Trung Quốc; - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh liên quan đến nội dung bài học.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận, làm việc nhóm Thực hành Tự học có hướng dẫn Tự học, NC</p>	<p>2 0 3 0 0 10</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1]</p>

<p>第八课: 中国的艺术</p> <p>1. 书法·绘画</p> <p>2. 音乐·舞蹈</p> <p>3. 戏剧·电影</p> <p>4. 曲艺·杂技</p>	<p>- Dạy học thuyết trình có minh hoạ bằng hình ảnh, video về hội hoạ, thư pháp, âm nhạc, kịch, điện ảnh, xiếc... của Trung Quốc;</p> <p>- Dạy học thảo luận nhóm: yêu cầu sinh viên làm việc theo nhóm, mỗi nhóm sẽ trình bày về 1 loại hình nghệ thuật của Trung Quốc, có sử dụng slide trình chiếu (trình bày ca khúc yêu thích, giới thiệu về kinh kịch, giới thiệu về điện ảnh Trung Quốc, các bộ phim hay, các diễn viên nổi tiếng, các ca sĩ nổi tiếng...). Giảng viên nhận xét, đánh giá.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận, làm việc nhóm</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>2</p> <p>0</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>8</p>	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1]</p>
<p>第九课: 中国的习俗</p> <p>1. 婚姻家</p> <p>2. 节庆假日</p>	<p>- Dạy học bằng phương pháp hội thảo về vấn đề hôn nhân, gia đình của Trung Quốc;</p> <p>- Dạy học thảo luận nhóm bằng phương pháp khăn trải bàn: yêu cầu mỗi sinh viên ghi ra giấy những hiểu biết của mình về các ngày lễ tết của</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận, làm việc nhóm</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có</p>	<p>2</p> <p>0</p> <p>3</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1]</p>

	Trung Quốc, nhóm trưởng điều hành nhóm thảo luận và ghi ra kết quả thống nhất chung của nhóm, ghim lên bảng; đại diện nhóm lên trình bày. Giảng viên đánh giá nhận xét sản phẩm của nhóm, tổng kết và đưa ra kết luận bài học.	lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	hướng dẫn		
			Tự học, NC	10	
第十课: 中国的旅游 1. 旅游资源 2. 旅游事业 3. 名城选介	- Dạy học thuyết trình có minh họa: trình bày về tài nguyên du lịch, ngành du lịch của Trung Quốc; - Dạy học thảo luận nhóm: yêu cầu mỗi nhóm sinh viên tìm hiểu và trình bày về một điểm du lịch, danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Trung Quốc (làm slide trình chiếu); - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh liên quan đến nội dung bài học.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.2]
			Bài tập	0	
			Thảo luận, làm việc nhóm	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	10	
复习	- Dạy học bằng phương pháp hỏi chuyên gia: mỗi nhóm cử 1 đại diện	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát,	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1]
			Bài tập	0	

	làm chuyên gia, các thành viên trong lớp đặt câu hỏi về các chủ đề được học trong chương trình	theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Thảo luận, làm việc nhóm	2	TLTK: [4.2.1] TLTK: [4.2.2]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), quay video, làm slide thuyết trình,... 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá qua quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). 	10%	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên

<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: Kiểm tra tự luận, trắc nghiệm trên lớp, chấm bài tập về nhà, bài tập theo nhóm 			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá kiến thức sinh viên học được đến thời điểm đánh giá; - Phương pháp đánh giá: thông qua bài kiểm tra viết hoặc làm tiểu luận - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm kết hợp tự luận hoặc làm tiểu luận 	20%	Giữa kỳ	Giảng viên
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp, thời gian 60 phút.</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: dưới 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, phần mềm,...
- Địa điểm dạy học: tại trường, online.

50. TÊN HỌC PHẦN: LUYỆN THI HSK
(Tên tiếng Anh: HSK Training)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03;
- Lý thuyết: 15 tiết;
- Thảo luận, làm việc nhóm: 30 tiết;
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết.
- Loại học phần: *Bắt buộc*

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6.
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:

- + Khoa: Ngoại ngữ
- + Bộ môn: Tiếng Trung Quốc

- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886

Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Vũ Thanh Hương

Số điện thoại: 0969617555

Email: huongvt@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Lê Thị Thanh Tú

Số điện thoại: 0964850728

Email: ltttu@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

• Phẩm chất:

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.

- Năng lực:

- Hiểu về cuộc thi HSK
- Hiểu được cấu trúc đề thi của mỗi cấp
- Nắm được các phương pháp làm bài thi HSK
- Người học có các kỹ năng tổng hợp để có thể hoàn thành mỗi phần thi (Nghe – nói – đọc – viết) trong đề thi HSK một cách tốt nhất
- Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học.
- Kết quả học tập mong đợi của học phần
- 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	1	2	2	1	2	2	1	0	2	0	1	1	1

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của từng phần	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
<p>Phần Nghe</p> <p>+ Cấu trúc chung của đề thi HSK</p> <p>+ Cấu trúc đề thi Nghe HSK</p> <p>+ Những điểm cần lưu ý khi làm bài thi Nghe</p> <p>+ Từ vựng các chủ đề</p> <p>+ Cấu trúc ngữ pháp</p>	<p>Nắm được cấu trúc đề thi phần thi Nghe.</p> <p>Nhớ được những điểm cần lưu ý trong khi nghe.</p> <p>Nhớ được các từ ngữ liên quan đến các chủ đề khác nhau.</p> <p>Nhớ được các cấu trúc ngữ pháp thường sử dụng trong bài nghe.</p>	<p>Có thể làm được các phần thi nghe với các phân đoạn có độ dài vừa phải (khoảng 200 từ trở lại), mức độ khó vừa phải (thường nghe xong trả lời 1 câu hỏi), nội dung đoạn băng không quá khó.</p>	<p>Có thể làm được các phần thi nghe với các phân đoạn có độ dài lớn hơn (khoảng 300 chữ trở lên), độ khó cao hơn (thường nghe xong trả lời 2-4 câu hỏi); nghe đoạn băng có sử dụng nhiều thành ngữ hoặc nội dung khó.</p>
<p>Phần Đọc hiểu</p> <p>+ Cấu trúc đề thi Đọc hiểu HSK</p> <p>+ Những điểm cần lưu ý khi làm bài thi Đọc hiểu</p> <p>+ Từ vựng các chủ đề</p> <p>+ Phân biệt cách sử dụng các từ đồng nghĩa,</p>	<p>Nắm được cấu trúc đề thi phần thi Đọc hiểu.</p> <p>Nắm được những điểm cần lưu ý trong khi đọc.</p> <p>Nhớ được các từ ngữ liên quan đến các chủ đề khác nhau, các từ ngữ thường dùng trong văn viết.</p> <p>Nhớ được các cấu trúc ngữ pháp</p>	<p>Có thể làm được các phần thi đọc hiểu với các phân đoạn có nội dung tương đối đơn giản, dễ hiểu.</p> <p>Có thể làm bài điền từ dựa trên cơ sở nắm vững những cấu trúc ngữ pháp đã học.</p> <p>Có khả năng hiểu được nội dung chính của đoạn.</p>	<p>Có khả năng đọc hiểu những đoạn văn có độ dài trên 400 chữ, hiểu được nội dung chi tiết của đoạn văn để trả lời nhiều câu hỏi (thường đọc xong một đoạn sẽ phải trả lời 5 câu hỏi).</p> <p>Đọc hiểu được những đoạn văn có nội dung khó, sử dụng nhiều thành</p>

cận nghĩa	thường sử dụng trong bài.		ngữ.
Phân Viết + Cấu trúc đề thi Viết HSK + Những điểm cần lưu ý khi làm bài thi Viết + Từ vựng các chủ đề + Cấu trúc ngữ pháp + Hình thức trình bày văn bản	Nhớ được cấu trúc đề thi phần thi Viết, những điểm cần lưu ý trong khi làm bài sắp xếp câu, bài viết đoạn sử dụng từ cho sẵn cũng như bài viết đoạn theo tranh. Nhớ được các từ ngữ liên quan đến các chủ đề, các từ ngữ thường dùng trong văn viết. Nhớ được các cấu trúc ngữ pháp và một số cấu trúc câu thường sử dụng trong văn viết.	Vận dụng kiến thức vào làm bài sắp xếp từ thành câu, viết được đoạn văn sử dụng từ cho sẵn, viết được đoạn văn theo bức tranh.	Có thể hoàn thành tốt bài thi Viết, viết đoạn văn đúng chủ đề, đúng chính tả, đúng ngữ pháp, nội dung logic, rõ ràng, kết hợp sử dụng một vài thành ngữ.
Phần Nói (khẩu ngữ) + Cấu trúc đề thi Nói HSK + Những điểm cần lưu ý khi thi Nói + Từ vựng các chủ đề + Cấu trúc ngữ pháp	Nhớ được cấu trúc phần thi Nói (khẩu ngữ) và những điểm cần lưu ý khi thi nói. Nhớ được các cấu trúc hay dùng trong khẩu ngữ	Ghi nhớ và nhắc lại được câu theo băng, nội dung nhắc lại đầy đủ, phát âm chuẩn, to, rõ ràng Có thể trình bày bài nói theo chủ đề.	Trình bày bài nói theo chủ đề, đảm bảo nội dung phù hợp với chủ đề, bố cục bài chặt chẽ, logic, trình bày lưu loát.
Luyện đề tổng hợp	Vận dụng được các phương pháp	Vận dụng được các phương pháp	Vận dụng được các phương pháp

+ Luyện đề tổng hợp + Luyện đề tổng hợp + Luyện đề tổng hợp	đã học vào làm bài thi một cách hiệu quả nhất.	đã học vào làm bài thi một cách hiệu quả nhất.	đã học vào làm bài thi một cách hiệu quả nhất.
---	--	--	--

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Luyện thi HSK** nhằm hướng tới mục tiêu giúp cho người học có cái nhìn toàn diện về cuộc thi HSK và các dạng đề thường gặp khi thi HSK. Học phần đưa ra các phương pháp làm bài của các kỹ năng cụ thể là nghe, nói, đọc, viết để giúp người học tự tin hơn khi thi HSK. Học phần chia làm hai giai đoạn, giai đoạn đầu giới thiệu các kỹ năng và những bài tập bổ trợ liên quan, giai đoạn sau là làm các bài luyện thi HSK tổng hợp sau khi đã được học kỹ năng.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. Tài liệu giảng viên tự tổng hợp

[4.2.1]. 国家汉办/孔子学院总部编制, 许琳主任《新汉语水平考试真题集- HSK (五级)》, 商务印书馆, 2010

[4.2.2]. 《决胜30天新汉语水平考试HSK五级真题集》, 北京语言大学出版社, 2011

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên

- Hoàn thành các bài tập được giao.

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức HSK được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp/ Bài tập lớn, viết các đoạn văn theo chủ đề / Quay video bài nói theo chủ đề...

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và HT giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
1. Phần Nghe + Cấu trúc đề thi Nghe + Những điểm cần lưu ý khi nghe + Từ vựng về các chủ đề thường gặp + Những cấu trúc cần chú ý + Những điểm ngữ pháp quan trọng	- Dạy học thuyết trình (sử dụng slide trình chiếu), thuyết giảng về cấu trúc đề thi; những điểm cần lưu ý; cung cấp từ vựng theo chủ đề, cung cấp và giảng giải cấu trúc ngữ pháp - Dạy học theo phương pháp thảo luận: hướng dẫn SV và chia thành nhóm nhỏ thảo luận với nhau, cùng tìm ra những từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp thường gặp khi nghe - Dạy học bằng phương pháp minh họa: GV lấy ví dụ minh họa cho cách sử dụng của những từ ngữ và cấu trúc được đưa ra. - Phương pháp hướng dẫn học tập đồng đẳng: GV chia lớp thành nhóm nhỏ để SV cùng nhau làm bài luyện tập và chia sẻ kiến thức cho nhau.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ được giao như: chuẩn bị bài, làm bài tập trên lớp và thảo luận,... - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra việc đặt câu sử dụng các cấu trúc được học. + Kiểm tra làm bài tập luyện nghe	Lí thuyết	3	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	3	
			Thảo luận, làm việc nhóm	3	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
Tự học, NC	18				

2. Phần Đọc hiểu + Cấu trúc đề thi Đọc hiểu + Những điểm cần lưu ý khi đọc hiểu + Từ vựng các chủ đề thường gặp + Phân biệt ý nghĩa và cách sử dụng của những từ đa nghĩa, từ cận nghĩa + Những cấu trúc ngữ pháp cần chú ý	- Dạy học thuyết trình (sử dụng slide trình chiếu), thuyết giảng về cấu trúc đề thi; những điểm cần lưu ý; cung cấp từ vựng theo chủ đề, cung cấp và giảng giải cấu trúc ngữ pháp - Dạy học theo phương pháp thảo luận: hướng dẫn SV và chia thành nhóm nhỏ thảo luận với nhau, cùng tìm ra những từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp thường gặp khi đọc hiểu. - Dạy học bằng phương pháp minh họa: GV lấy ví dụ minh họa cho cách sử dụng của những từ ngữ và cấu trúc được đưa ra. - Dạy học bằng phương pháp hướng dẫn học tập đồng đẳng: GV chia lớp thành nhóm nhỏ để SV cùng nhau làm bài luyện tập và chia sẻ kiến thức cho nhau. - Dạy học bằng phương pháp đọc hiểu: GV hướng dẫn SV tiến hành các bước đọc hiểu văn bản.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ được giao như: chuẩn bị bài, làm bài tập trên lớp và thảo luận,... - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra việc đặt câu sử dụng các cấu trúc được học. + Kiểm tra làm bài tập đọc hiểu	Lí thuyết	3	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	3	
			Thảo luận, làm việc nhóm	3	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	18	

3. Phần Viết + Cấu trúc đề thi Viết + Những điểm cần lưu ý khi làm bài sắp xếp từ thành câu. + Những điểm cần lưu ý khi làm bài viết đoạn văn sử dụng từ cho sẵn. + Những điểm cần lưu ý khi làm bài viết đoạn văn dựa theo tranh	- Dạy học thuyết trình (sử dụng slide trình chiếu), thuyết giảng về cấu trúc đề thi; những điểm cần lưu ý; cung cấp từ vựng theo chủ đề, cung cấp và giảng giải cấu trúc ngữ pháp, hình thức trình bày văn bản - Dạy học theo phương pháp thảo luận: hướng dẫn SV và chia thành nhóm nhỏ thảo luận với nhau, cùng tìm ra những từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp thường gặp khi viết - Dạy học bằng phương pháp minh họa: GV lấy ví dụ minh họa cho cách sử dụng của những từ ngữ và cấu trúc được đưa ra. - Dạy học bằng phương pháp tọa đàm: GV căn cứ vào yêu cầu của bài viết, đưa ra một số câu hỏi để SV căn cứ vào kiến thức đã có kết hợp với phân trình chiếu của GV để làm rõ những	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ được giao như: chuẩn bị bài, làm bài tập trên lớp và thảo luận,... - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra việc đặt câu sử dụng các cấu trúc được học. + Kiểm tra làm bài tập sắp xếp từ thành câu. + Kiểm tra làm bài viết đoạn văn sử dụng từ cho sẵn + Kiểm tra làm bài viết đoạn văn theo tranh	Lí thuyết	3	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	3	
			Thảo luận, làm việc nhóm	3	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>+ Cung cấp từ vựng cần thiết cho chủ đề, tình huống xuất hiện trong bài</p> <p>+ Hình thức trình bày văn bản</p>	<p>nội dung sẽ tiến hành trong bài viết.</p> <p>- Phương pháp hướng dẫn học tập đồng đẳng: GV chia lớp thành nhóm nhỏ để SV cùng nhau làm bài luyện tập và chia sẻ kiến thức cho nhau.</p> <p>- Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề: GV hướng dẫn SV tìm cách giải quyết từng vấn đề để có thể tiến hành viết được đoạn văn hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài</p> <p>- Dạy học theo phương pháp báo cáo: GV chia SV thành nhóm nhỏ, yêu cầu làm bài luyện tập: viết câu, viết đoạn. Khi hoàn thành mỗi nhóm sẽ cử thành viên lên báo cáo.</p>		<p>Tự học, NC</p>	<p>18</p>	
<p>4.Phần Nói (khẩu ngữ)</p> <p>+ Cấu trúc đề thi nói</p> <p>+ Những điểm cần lưu ý khi làm bài thi nói (khẩu ngữ)</p>	<p>- Dạy học thuyết trình (sử dụng slide trình chiếu), thuyết giảng về cấu trúc đề thi; những điểm cần lưu ý; cung cấp từ vựng theo chủ đề, cung cấp và giảng giải cấu trúc ngữ pháp</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thảo luận: hướng dẫn SV và chia thành nhóm nhỏ thảo luận với nhau, cùng tìm ra những từ</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ được giao như: chuẩn bị bài, làm bài tập trên lớp và thảo luận,...</p> <p>- Hình thức KTĐG:</p> <p>+ Kiểm tra việc đặt câu sử dụng các cấu</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận, làm việc nhóm</p>	<p>3</p> <p>3</p> <p>3</p>	<p>Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2]</p>

+ Luyện nói một số chủ đề + Kiểm tra giữa kì: kiểm tra viết tổng hợp 120 phút	ngữ và cấu trúc ngữ pháp thường gặp khi nói. - Dạy học theo phương pháp mô phỏng: giáo viên phát âm làm mẫu cho SV - Dạy học bằng phương pháp minh họa:	trúc được học. + Kiểm tra làm bài tập luyện nói theo chủ đề cụ thể	Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	<p>GV lấy ví dụ minh họa cho cách sử dụng của những từ ngữ và cấu trúc được đưa ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy học bằng phương pháp tọa đàm: GV căn cứ vào yêu cầu của đề thi, đưa ra một số câu hỏi để SV căn cứ vào kiến thức đã có kết hợp với phần trình chiếu của GV để làm rõ những nội dung sẽ tiến hành trong phần nói theo chủ đề. - Phương pháp hướng dẫn học tập đồng đẳng: GV chia lớp thành nhóm nhỏ để SV cùng nhau làm bài luyện tập và chia sẻ kiến thức cho nhau. - Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề: GV hướng dẫn SV tìm cách giải quyết từng vấn đề để có thể tiến hành trình bày được một chủ đề hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài - Dạy học theo phương pháp báo cáo: GV chia SV thành nhóm nhỏ, yêu cầu làm bài luyện tập nói theo chủ đề yêu cầu. Khi hoàn thành mỗi nhóm sẽ cử thành viên lên trình bày trước lớp. 	<p>- Kiểm tra giữa kì: làm bài thi viết tổng hợp 120 phút. Nội dung liên quan đến những kiến thức đã học</p> <p>446</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>18</p>	
--	---	---	-----------------------	-----------	--

5. Luyện đề tổng hợp + Luyện tập tổng hợp + Luyện tập tổng hợp + Luyện tập tổng hợp	- Dạy học thuyết trình: giải thích những vấn đề trong bài luyện tập; cung cấp đáp án chính xác cho SV và giải thích những thắc mắc của SV về đáp án của các câu hỏi. - Dạy học bằng phương pháp báo cáo: Cho SV làm bài luyện nói theo chủ đề và bài viết đoạn văn. Khi hoàn thành sẽ cho SV lên trình bày trước lớp.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ được giao như: chuẩn bị bài, làm bài tập trên lớp và thảo luận,... - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài đề tổng hợp	Lí thuyết	9	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	0	
			Thảo luận, làm việc nhóm	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	18	

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), quay video, làm slide thuyết trình,... 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá qua quan sát hoạt động của nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá 	30%	Giữa kỳ	Giảng viên

<p>trình học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu nhằm tự nâng cao kiến thức. 	<p>thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm).</p> <p>- Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp, 120 phút</p>			
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp, thời gian 120 phút.</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: dưới 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy tính, loa, máy chiếu, phần mềm,...
- Địa điểm dạy học: tại trường, online.

TÊN HỌC PHẦN: TỪ VỰNG HỌC TIẾNG TRUNG QUỐC

(Tên tiếng Anh: Chinese lexicology)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2 tín chỉ
- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận nhóm: 15 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:

- + Khoa: Ngoại ngữ
- + Bộ môn: tiếng Trung Quốc

- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Lê Thị Thanh Tú

Số điện thoại: 0964850728 Email: ltttu@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số điện thoại: 0972327976 Email: ntthuy@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

➤ Phẩm chất:

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.
- Học tập nghiêm túc, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Không ngừng tự học hỏi trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ.

- Biết tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện vấn đề cần nghiên cứu, biết xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai nghiên cứu.

➤ **Năng lực:**

- Vận dụng kiến thức đã học để hiểu bản chất ngôn ngữ, từ đó nâng cao trình độ ngôn ngữ.

- Nắm vững kiến thức lí luận cơ bản về từ vựng học, ứng dụng trong dịch thuật, giao tiếp trong môi trường liên văn hóa.

- Nắm được phương pháp nghiên cứu kiến thức ngôn ngữ, từ đó phát triển kiến thức đã học, vận dụng trong so sánh đối chiếu ngôn ngữ.

➤ **Kết quả học tập mong đợi của học phần**

- 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.

- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT													
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Kiến thức và lý luận cơ bản về từ vựng học, ngữ nghĩa học, ngữ pháp tiếng TQ	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Kiến thức cơ bản về lý thuyết, thực hành, phương pháp, kỹ xảo dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực dịch nhiều chủ đề và nhiều hình thức	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp với chuyên ngành	Năng lực nắm bắt, xử lý thông tin đúng, hợp lý trong các tình huống giao tiếp	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực tư duy sáng tạo	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	1	2	2	2	2	1	0	1	1	0	1

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
<p>Chương 1: 概论 第一章：词和词汇 第二章：汉语词汇的构成 第三章：汉语词汇的特点</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được khái niệm về từ, từ vựng, tính hệ thống của từ vựng - Nắm được phân loại của từ vựng (từ văn ngôn, từ mới, từ tiếng địa phương, từ ngoại lai, từ chuyên ngành, cụm từ rút gọn) - Nắm được đặc điểm của từ vựng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt giữa từ và từ vựng, giữa từ cơ bản và từ thông thường - Phân biệt các loại từ vựng khác nhau như từ văn ngôn, từ mới, từ tiếng địa phương, từ ngoại lai, từ chuyên ngành, cụm từ rút gọn 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại được từ vựng trong thực tế. - lựa chọn được từ vựng phù hợp với văn phong và ngữ cảnh.
<p>Chương 2: 词形和词义 第七章：词的意义 第五章：词的构造 第六章：词的意义 第四章：词的性质</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được khái niệm của chữ, từ và cụm từ - Nắm được khái niệm ngữ tố (đơn vị cấu tạo từ), phân loại ngữ tố - Nắm được phân loại từ (từ đơn, từ ghép) - Nắm được khái niệm ý nghĩa của từ, phân loại ngữ nghĩa (nghĩa đen, nghĩa bóng, nghĩa tốt, nghĩa xấu, nghĩa trung tính) - Nắm được đơn vị của ngữ nghĩa, hiện tượng từ đa nghĩa - Nắm được quá trình phát triển của ngữ nghĩa 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt chữ, từ và cụm từ. - Phân biệt các loại từ khác nhau: từ đơn (từ láy, từ tượng thanh, từ dịch âm), từ ghép (từ ghép đẳng lập, từ ghép chính phụ, từ ghép chủ vị, từ ghép động tân, từ ghép bổ sung, từ ghép trùng điệp, từ ghép phụ gia) - Phân loại ngữ nghĩa của từ (nghĩa đen, nghĩa bóng, nghĩa tốt, 	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng kiến thức đã học vào lựa chọn từ ngữ phù hợp với ngữ cảnh. - Vận dụng kiến thức đã học trong nghiên cứu về ngữ nghĩa.

	(tăng nghĩa, giảm nghĩa, mở rộng ý nghĩa, thu gọn ý nghĩa, chuyển dịch ý nghĩa), mối quan hệ giữa nghĩa của ngữ tố và nghĩa của từ.	nghĩa xấu, nghĩa trung tính) - Phân biệt các ý nghĩa khác nhau của từ	
Chương 3: 词和词的关系 第八章: 同义词 第九章: 反义词 第十章: 同音词 第十一章: 同素词	- Nắm được khái niệm về từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm, từ đồng tố. - Nắm được phân loại của từ đồng nghĩa (từ đẳng nghĩa, từ gần nghĩa), cách thức và cơ sở lí luận phân biệt từ gần nghĩa (mức độ biểu đạt, phạm vi, ý nghĩa, sắc thái, đối tượng kết hợp, từ tính và cách dùng từ, ...) - Nắm được phân loại của từ trái nghĩa (từ trái nghĩa tuyệt đối, từ trái nghĩa tương đối); mối quan hệ đối ứng giữa các từ trái nghĩa - Nắm được phân loại của từ đồng âm (từ đồng âm đồng hình, từ đồng âm dị hình) - Nắm được phân loại của từ đồng tố, nguyên nhân hình thành từ đồng tố.	- Phân biệt mối quan hệ giữa các từ (đồng nghĩa, trái nghĩa, đồng âm, đồng tố) - Phân biệt các loại từ đồng âm, đồng nghĩa, trái nghĩa, đồng tố	- Ứng dụng kiến thức đã học vào lựa chọn từ ngữ phù hợp với ngữ cảnh. - Phân biệt các từ đồng nghĩa để sử dụng chính xác, sử dụng từ trái nghĩa nhằm đạt được mục đích biểu đạt nhất định. - Vận dụng kiến thức đã học trong thực tế học tập, hiểu được bản chất việc viết sai chính tả, từ đó đưa ra phương pháp học tập phù hợp

<p>Chương 4: 熟语</p> <p>第十二章: 熟语</p> <p>第一节: 成语</p> <p>第二节: 惯用语</p> <p>第三节: 歇后语</p> <p>第四节: 谚语</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được khái niệm của thành ngữ, quán dụng ngữ, yết hậu ngữ và ngôn ngữ - Hiểu nguồn gốc, tính chất, kết cấu của thành ngữ (cấu trúc đẳng lập, cấu trúc chính phụ, cấu trúc chủ vị, cấu trúc động tân, cấu trúc động bổ, cấu trúc kiêm ngữ) - Hiểu tính chất, đặc điểm, kết cấu, ý nghĩa của quán dụng ngữ - Hiểu tính chất, đặc điểm, kết cấu, sắc thái của yết hậu ngữ. - Hiểu tính chất, kết cấu, ý nghĩa của ngôn ngữ 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt sự khác nhau về cấu trúc, ý nghĩa giữa các cụm từ cố định (thành ngữ, quán dụng ngữ, tiết hậu ngữ, ngôn ngữ) 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng thành ngữ, ngôn ngữ trong viết văn bản. - Xác định nguyên nhân sử dụng sai thành ngữ, đồng thời tìm biện pháp khắc phục. - Vận dụng quán dụng ngữ, tiết hậu ngữ trong giao tiếp - Vận dụng ngôn ngữ trong văn bản viết.
<p>Chương 5: 词汇和文化</p> <p>第十三章: 词汇与文化</p> <p>第一节: 汉语词汇和中国社会发展</p> <p>第二节: 汉语词汇和文化交流</p> <p>第三节: 汉语词汇和中外文化差异</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được mối quan hệ giữa từ vựng và văn hóa, từ vựng và xã hội, từ vựng và giao thoa văn hóa 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể phân biệt từ mượn từ Tây Vực và Hung Nô, từ Phật giáo và từ Mông Cổ. - Xác định sự khác biệt văn hóa giữa các quốc gia được thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng kiến thức đã học vào hoạt động giao lưu văn hóa. - Biết chọn lọc từ ngữ, tránh gây hiểu lầm trong giao tiếp.

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Từ vựng học tiếng Trung Quốc** cung cấp kiến thức về lý luận ngôn ngữ học ứng dụng trong tiếng Trung Quốc, nhằm hoàn thiện năng lực ngôn ngữ của người học. Trên cơ sở khái quát chung về từ vựng tiếng Trung Quốc hiện đại, học phần đi sâu giới thiệu về hệ thống từ vựng như: cấu tạo, tính chất, đặc điểm, ý nghĩa của từ; mối quan hệ giữa các từ (đồng nghĩa, trái nghĩa, đồng âm, đồng tố...); các cụm từ cố định (thành ngữ, quán dụng ngữ, yết hậu ngữ, ngạn ngữ); mối quan hệ giữa từ vựng và văn hóa. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn cho người học vận dụng các kiến thức đã học vào giao tiếp và văn bản, lựa chọn từ ngữ hợp ngữ cảnh, đạt hiệu quả biểu đạt cao.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 万艺玲, 《汉语词汇教程》, 北京语言大学出版社, 2000

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. 刘焱、汪如东、周红, 《现代汉语概论》, 上海教育出版社, 2009

[4.2.2]. 程荣, 《同义词大词典》, 上海辞书出版社, 2010

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.

- Hoàn thành các bài tập được giao:

+ Bài tập về nhà

+ Chuẩn bị bài mới

+ Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học

+ Bài tập thảo luận nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGHP: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và hình thức tổ chức lớp học			Tài liệu học tập	
	PP & hình thức giảng dạy	PP & hình thức KTĐG	Thời lượng		
Bài 1: 概论 第一章: 词和词汇	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng. Giảng viên giảng giải, phân tích vấn đề liên quan đến từ và từ vựng xuất hiện trong bài. - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm. SV chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập (thảo luận. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến khái niệm từ và từ vựng học tiếng Trung Quốc. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung về từ và từ vựng tiếng TQ. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Lí thuyết	1	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
Bài 2: 汉语词汇的特点	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng. Giảng viên giảng giải, phân tích vấn đề liên quan đến từ vựng và đặc điểm của từ vựng tiếng TQ. - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm. SV chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến từ và đặc điểm từ vựng tiếng	Lí thuyết	1	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]

	quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập (thảo luận. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.	Trung Quốc. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung về đặc điểm từ vựng tiếng TQ. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
Bài 3: 词的 性质	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng. Giảng viên giảng giải, phân tích vấn đề liên quan đến tính chất của từ. - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm. SV chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập (thảo luận. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến tính chất của từ. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung về tính chất của từ. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Lí thuyết	1	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
Bài 4:	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng. Giảng viên giảng giải, phân tích vấn đề liên quan đến cấu	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực	Lí thuyết	1	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]

词的构造	<p>tạo của từ.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm. SV chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập (thảo luận. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p>	<p>hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến cấu tạo của từ.</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung về cấu tạo từ. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.</p>	Thảo luận	0	[4.2.2]	
			Thực hành	0		
			Tự học có hướng dẫn	0		
			Tự học, NC	4		
<p>Bài 5</p> <p>词的意义 (上)</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng. Giảng viên giảng giải, phân tích vấn đề liên quan đến ý nghĩa của từ.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm. SV chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập (thảo luận). Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến ý nghĩa của từ.</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung về từ và từ vựng tiếng TQ. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.</p>	Lí thuyết	1	[4.1.1]	
			Bài tập	1	[4.2.1]	
			Thảo luận	0	[4.2.2]	
			Thực hành	0		
			Tự học có hướng dẫn	0		

			Tự học, NC	4	
Bài 6 词的意 义 (下)	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng. Giảng viên giảng giải, phân tích vấn đề liên quan đến ý nghĩa của từ. - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm. SV chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập (thảo luận. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến ý nghĩa của từ. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung về từ và từ vựng tiếng TQ. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Lí thuyết	1	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1] [4.2.2]
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	

Bài 7 同义词	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng. Giảng viên giảng giải, phân tích vấn đề liên quan đến từ đồng nghĩa. - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm. SV chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập (thảo luận. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến từ đồng nghĩa. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung về từ và từ vựng tiếng TQ. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Lí thuyết	1	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
Bài 8 反义词	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng. Giảng viên giảng giải, phân tích vấn đề liên quan đến từ trái nghĩa. - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm. SV chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến từ trái nghĩa. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội	Lí thuyết	1	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	

	(thảo luận - Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.	dung về từ trái nghĩa tiếng TQ. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
Bài 9 同音词	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng. Giảng viên giảng giải, phân tích vấn đề liên quan đến từ đồng âm.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm. SV chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập (thảo luận)</p> <p>- Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến từ đồng âm.</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung về từ đồng âm tiếng TQ. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.</p>	Lí thuyết	1	[4.1.1] [4.2.1]
			Bài tập	1	[4.2.2]
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
Bài 10 同素词	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng. Giảng viên giảng giải, phân tích vấn đề liên quan đến từ đồng tố.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm. SV</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm</p>	Lí thuyết	1	[4.1.1] [4.2.1]
			Bài tập	1	[4.2.2]
			Thảo	0	

	chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập (thảo luận). Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.	khác nêu,... liên quan đến từ đồng tố. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung về các nội dung đã học. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	luận		
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
Bài 11 熟语, 复习与 期中考试	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng. Giảng viên giảng giải, phân tích vấn đề liên quan đến tính chất của từ. - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm. SV chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập (thảo luận). Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến thực ngữ. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung về các nội dung đã học. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Lí thuyết	1	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
Bài 12	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng. Giảng	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo	Lí thuyết	1	[4.1.1]

<p>成语, 惯用语</p>	<p>viên giảng giải, phân tích vấn đề liên quan đến thành ngữ, quan dụng ngữ. - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm. SV chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập (thảo luận). Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p>	<p>đổi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến nội dung thành ngữ, quán dụng ngữ, - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung về các nội dung đã học. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.</p>	<p>Bài tập 1 Thảo luận 0 Thực hành 0 Tự học có hướng dẫn 0 Tự học, NC 4</p>	<p>[4.2.1] [4.2.2]</p>
<p>Bài 13 歇后语, 谚语</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng. Giảng viên giảng giải, phân tích vấn đề liên quan đến yết hậu ngữ, ngôn ngữ - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm. SV chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập (thảo luận). Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến yết hậu ngữ, ngôn ngữ. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung về các nội dung đã học. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.</p>	<p>Lí thuyết 1 Bài tập 1 Thảo luận 0 Thực hành 0 Tự học có hướng dẫn 0</p>	<p>[4.1.1] [4.2.1] [4.2.2]</p>

			Tự học, NC	4	
Bài 14 词汇与 文化	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng. Giảng viên giảng giải, phân tích vấn đề liên quan đến từ vựng và văn hóa.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm. SV chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập (thảo luận). Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến các nội dung đã học trong chương trình.</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung về các nội dung đã học. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.</p>	Lí thuyết	1	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	4	
Bài 15 词汇与文 化 复习	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng. Giảng viên giảng giải, phân tích vấn đề liên quan đến từ vựng và văn hóa.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm. SV chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập (thảo luận). Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến các nội dung đã học trong chương trình.</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung về các nội dung đã học. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ</p>	Lí thuyết	1	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng	0	

		hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	dẫn	
			Tự học, NC	4

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
Điểm 1		10%		
Đánh giá chuyên cần, đánh giá mức độ tích cực học tập.	- Điểm danh thường xuyên - Quan sát theo dõi sự tiến bộ của người học	5 %	Thường xuyên	Giảng viên
Đánh giá mức độ hiểu, làm bài tập lý thuyết chính xác của người học.	- Kiểm tra bài tập về nhà mỗi lần lên lớp	5 %	Thường xuyên	Giảng viên
Điểm 2		30 %		
Đánh giá mức độ lĩnh hội các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra.	Bài kiểm tra 60 phút	30 %	Giữa học phần	Giảng viên
Điểm 3		60 %		
Đánh giá mức độ lĩnh hội các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra	Bài kiểm tra 60 phút	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: dưới 30 người học/ lớp
- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: VĂN HỌC TRUNG QUỐC

(Tên tiếng Anh.....)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3
- Lý thuyết: 30 tiết
- Bài tập, thảo luận: 15 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng Đọc 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. TS. Phạm Hữu Khương

Số điện thoại: 0988999236 Email: phkhuong@daihocthudo.edu.vn

2. PGS.TS Phạm Ngọc Hàm

Số điện thoại: 0989291858 Email: phamngochoam.nnvhtq@gmail.com

3. TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886 Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- **Năng lực:**
 - Người học có nền tảng kiến thức về văn học hiện đương đại Trung Quốc, cụ thể là các kiến thức cơ bản về bối cảnh xã hội, tình hình văn học. Người học vừa nắm được những kiến thức khái quát chung, vừa nắm được một số tác giả, tác phẩm cụ thể. Thông qua tìm hiểu về tình hình văn học, tập phân tích một số tác phẩm hoặc đoạn trích, nâng cao trình độ cảm thụ văn học và trình độ ngôn ngữ Trung Quốc.
 - Người học rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; kỹ năng làm việc nhóm và đặc biệt là kỹ năng tập phân tích, nắm bắt nội dung, tư tưởng và đặc điểm nghệ thuật của tác phẩm. Từ đó bổ sung cho khối kiến thức chung trong tổng thể khối kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa, văn học Trung Quốc.
- **Kết quả học tập mong đợi của học phần**
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phân biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
				2				2	2	1			

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第一课 中国现当代文学简介 Giới thiệu chung về văn học hiện, đương đại Trung Quốc	- Nắm được kiến thức về văn học hiện, đương đại Trung Quốc	-Giới thiệu khái quát về văn học hiện, đương đại Trung Quốc	-Trình bày, đánh giá, phân tích, có cái nhìn tổng quát về văn học hiện, đương đại.
第二课 鲁迅身世与创作 Lỗ Tấn: Thân thế và sự nghiệp sáng tác	-Nắm được kiến thức về Lỗ Tấn và sự nghiệp sáng tác	-Giới thiệu khái quát về Lỗ Tấn và sự nghiệp sáng tác	-Trình bày, đánh giá, phân tích chuyên sâu về Lỗ Tấn và sự nghiệp sáng tác
第三课 巴金身世与创作 Ba Kim: Thân thế và sự nghiệp sáng tác	-Nắm được kiến thức về Ba Kim và sự nghiệp sáng tác	-Giới thiệu khái quát về Ba Kim và sự nghiệp sáng tác	-Trình bày, đánh giá, phân tích chuyên sâu về Ba Kim và sự nghiệp sáng tác
第四课 老舍身世与创作 Lão Xá: Thân thế và sự nghiệp	- Nắm được kiến thức về Lão Xá và sự nghiệp sáng tác	-Giới thiệu khái quát về Lão Xá và sự nghiệp sáng tác	-Trình bày, đánh giá, phân tích chuyên sâu về Lão Xá và sự nghiệp sáng tác

sáng tác			
第五课 鲁迅的《祝福》 Tác phẩm “Chúc phúc” của Lỗ Tấn	-Nắm được nội dung, tư tưởng tác phẩm “Chúc phúc”	-Khái quát, giới thiệu nội dung tư tưởng tác phẩm “Chúc phúc”	-Cảm thụ và phân tích tác phẩm “Chúc phúc”
第六课 鲁迅的《孔乙己》 “Khổng Át Kỳ” của Lỗ Tấn	-Nắm được nội dung, tư tưởng tác phẩm “Khổng Át Kỳ”	-Khái quát, giới thiệu nội dung tư tưởng tác phẩm “Chúc phúc”	-Cảm thụ và phân tích tác phẩm “Khổng Át Kỳ”
第七课 巴金的《家》简介 摘选《觉慧与鸣凤》 “Gia đình” của Ba Kim, đoạn trích “Giác Tuệ và Minh Phượng”	-Nắm được giới thiệu chung về tác phẩm “Gia đình” của Ba Kim -Nắm được nội dung, tư tưởng đoạn trích “Giác Tuệ và Minh Phượng”	-Giới thiệu tác phẩm “Gia đình” của Ba Kim -Khái quát, giới thiệu đoạn trích “Giác Tuệ và Minh Phượng”	-Trình bày, đánh giá, phân tích chuyên sâu về tác phẩm “Gia đình” của Ba Kim -Cảm thụ và phân tích đoạn trích “Giác Tuệ và Minh Phượng”
第八课 老舍的《骆驼祥子》 “Tuồng Tử lạc đà”	-Nắm được nội dung, tư tưởng tác phẩm “Tuồng Tử lạc đà”	-Khái quát, giới thiệu nội dung tư tưởng tác phẩm “Tuồng Tử lạc đà”	-Cảm thụ và phân tích tác phẩm “Tuồng Tử lạc đà”

đà” của Lão Xá			
第九课 高晓声与《陈奂生上城》 Cao Hiểu Thanh và “Trần Hoán Sinh lên phố”	-Nắm được giới thiệu chung về Cao Hiểu Thanh -Nắm được nội dung, tư tưởng tác phẩm “Trần Hoán Sinh lên phố”	-Giới thiệu tác gia Cao Hiểu Thanh -Khái quát, giới thiệu nội dung tư tưởng tác phẩm “Trần Hoán Sinh lên phố”	-Cảm thụ và phân tích tác phẩm “Trần Hoán Sinh lên phố”

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Văn học Trung Quốc** cung cấp cho người học bức tranh chung về bối cảnh xã hội, tình hình phát triển, nội dung tư tưởng và đặc điểm nghệ thuật của văn học hiện đương đại Trung Quốc. Trên cơ sở những kiến thức chung về tình hình văn học, học phần còn giới thiệu một số tác gia và tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn văn học này, gồm Lỗ Tấn, Ba Kim, Lão Xá, Cao Hiểu Thanh, đồng thời trích giảng một số tác phẩm hoặc đoạn trích tiêu biểu.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1] Giảng viên biên soạn

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] 洪子诚, 《中国当代文学史》, 北京大学出版社, 2010年

[4.2.2] 谢冕, 洪子诚《中国当代文学作品精选》, 北京大学出版社, 2002年

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các câu hỏi tương tác khai thác bài học; Tìm hiểu, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của buổi học.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
 - + Đọc bài, tìm hiểu nội dung bài trước khi học
 - + Kiểm tra miệng/viết trên lớp về bài cũ hoặc bài mới
 - + Thảo luận nhóm

- + Phân tích, trình bày suy nghĩ về nội dung bài học
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.
 - + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%): tham dự đầy đủ các buổi học và tham gia vào các hoạt động học tập, hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao như chuẩn bị bài trước khi lên lớp, thảo luận nhóm...
 - + Kiểm tra đánh giá giữa kì (điểm 30%): làm 01 bài kiểm tra các nội dung đã được học trong học phần. Hình thức kiểm tra: tự luận/trắc nghiệm hoặc thuyết trình.
 - + Kiểm tra đánh giá cuối kì (điểm 60%): thực hiện bài thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá là kết quả bài thi trên giấy.
- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	Phương pháp và hình thức giảng dạy	Phương pháp và hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一课 中国现当代文学简介 Giới thiệu chung về văn học hiện, đương đại TQ	-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, giới thiệu chung về khái niệm, đặc điểm văn học hiện đại, đương đại Trung Quốc	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp. -Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra miệng tái hiện kiến thức, tổng hợp đúc kết nội dung.	LT	2	[4.1.1]
			BT	0	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	6	
第二课 鲁迅身世与创作 Lỗ Tấn: Thân thế	-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, giới thiệu về Lỗ Tấn và sự nghiệp sáng tác	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được	LT	3	
			BT	0	
			Thảo luận	1	

và sự nghiệp sáng tác		giao thực hiện trên lớp. -Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra miệng/viết tái hiện kiến thức, tổng hợp, phân tích, đúc kết nội dung, tư tưởng.	Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	8	
第三课 巴金身世与创作 Ba Kim: Thân thế và sự nghiệp sáng tác	-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, giới thiệu về Ba Kim và sự nghiệp sáng tác	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao thực hiện trên lớp. -Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra miệng/viết tái hiện kiến thức, tổng hợp, phân tích, đúc kết nội dung, tư tưởng.	LT	3	
			BT	0	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	8	
第四课 老舍身世	-Dạy học theo phương pháp	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt	LT	3	

与创作 Lão Xá: Thân thể và sự nghiệp sáng tác	thuyết trình, giới thiệu về Lão Xá và sự nghiệp sáng tác.	động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao thực hiện trên lớp. -Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra miệng/viết tái hiện kiến thức, tổng hợp, phân tích, đúc kết nội dung, tư tưởng.	BT	0	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	8	
第五课 鲁迅的《祝福》 Tác phẩm “Chúc phúc” của Lỗ Tấn	-Dạy học theo phương pháp nhập vai: người đọc nhập vai đọc các đoạn văn được chỉ định trong tác phẩm -Dạy học theo phương pháp đọc hiểu văn bản văn học: người học đọc hiểu, diễn đạt lại, nêu ý chính trong văn bản, dịch nghĩa. -Dạy học theo phương pháp	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao thực hiện trên lớp. -Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra miệng/viết tái hiện kiến thức, tổng hợp, phân tích, đúc kết nội dung tư tưởng; phát biểu suy nghĩ, nhận định về tác giả, tác phẩm,	LT	5	
			BT	0	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	<p>phân tích: phân tích giá trị tu từ, dụng ý nghệ thuật của câu, đoạn, tác phẩm.</p> <p>-Dạy học theo phương pháp giảng bình: giảng viên lựa chọn một số chi tiết, hình ảnh... giàu giá trị nghệ thuật hoặc tư tưởng để bình văn.</p> <p>-Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm: giảng viên nêu vấn đề cho người học thảo luận nhóm để đưa ra nhận định, đánh giá, giải pháp.</p>	nhân vật.	Tự học, tự nghiên cứu	12	
<p>第六课 鲁迅的《孔乙己》</p> <p>“Khổng Át Kỳ” của Lỗ Tấn</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp nhập vai: người đọc nhập vai đọc các đoạn văn được chỉ định trong tác phẩm</p> <p>-Dạy học theo phương pháp đọc hiểu văn bản văn học: người học</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao thực hiện trên lớp.</p> <p>-Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên:</p>	LT	5	
			BT	0	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	

	<p>đọc hiểu, diễn đạt lại, nêu ý chính trong văn bản, dịch nghĩa.</p> <p>-Dạy học theo phương pháp phân tích: phân tích giá trị tu từ, dụng ý nghệ thuật của câu, đoạn, tác phẩm.</p> <p>-Dạy học theo phương pháp giảng bình: giảng viên lựa chọn một số chi tiết, hình ảnh... giàu giá trị nghệ thuật hoặc tư tưởng để bình văn.</p> <p>-Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm: giảng viên nêu vấn đề cho người học thảo luận nhóm để đưa ra nhận định, đánh giá, giải pháp.</p>	kiểm tra miệng/viết tái hiện kiến thức, tổng hợp, phân tích, đúc kết nội dung tư tưởng, phát biểu suy nghĩ, nhận định về tác giả, tác phẩm, nhân vật.	Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	12	
第七课	-Dạy học theo phương pháp nhập vai: người đọc nhập vai đọc các đoạn văn được chỉ định trong tác phẩm	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được	LT	6	
巴金的《家》简介			BT	1	
			Thảo luận	1	

摘选《觉慧与鸣凤》 “Gia đình” của Ba Kim, trích đoạn “Giác Tuệ và Minh Phụng” 期中考试 Kiểm tra giữa kì: bài kiểm tra tự luận 60 phút	-Dạy học theo phương pháp đọc hiểu văn bản văn học: người học đọc hiểu, diễn đạt lại, nêu ý chính trong văn bản, dịch nghĩa. -Dạy học theo phương pháp phân tích: phân tích giá trị tu từ, dụng ý nghệ thuật của câu, đoạn, tác phẩm. -Dạy học theo phương pháp giảng bình: giảng viên lựa chọn một số chi tiết, hình ảnh... giàu giá trị nghệ thuật hoặc tư tưởng để bình văn. -Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm: giảng viên nêu vấn đề cho người học thảo luận nhóm để đưa ra nhận định, đánh giá, giải pháp.	giao thực hiện trên lớp. -Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra miệng/viết tái hiện kiến thức, tổng hợp, phân tích, đúc kết nội dung tư tưởng, phát biểu suy nghĩ, nhận định về tác giả, tác phẩm, nhân vật. - Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra tự luận 60 phút, nội dung kiến thức đã được học đến thời điểm kiểm tra.	Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	16	
第八课 老舍的	-Dạy học theo phương pháp nhập vai: người đọc nhập vai	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ	LT	4	
			BT	0	

《骆驼祥子》 “Trường Tử lạc đà” của Lão Xá	đọc các đoạn văn được chỉ định trong tác phẩm -Dạy học theo phương pháp đọc hiểu văn bản văn học: người học đọc hiểu, diễn đạt lại, nêu ý chính trong văn bản, dịch nghĩa. -Dạy học theo phương pháp phân tích: phân tích giá trị tu từ, dụng ý nghệ thuật của câu, đoạn, tác phẩm. -Dạy học theo phương pháp giảng bình: giảng viên lựa chọn một số chi tiết, hình ảnh... giàu giá trị nghệ thuật hoặc tư tưởng để bình văn. -Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm: giảng viên nêu vấn đề cho người học thảo luận nhóm để đưa ra nhận định, đánh giá, giải pháp.	hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao thực hiện trên lớp. -Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra miệng/viết tái hiện kiến thức, tổng hợp, phân tích, đúc kết nội dung tư tưởng, phát biểu suy nghĩ, nhận định về tác giả, tác phẩm, nhân vật.	Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	10	
第九课 高晓声与	-Dạy học theo phương pháp	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt	LT	5	

《陈奂生上城》 Cao Hiều Thanh và “Trần Hoán Sinh lên phố”	nhập vai: người đọc nhập vai đọc các đoạn văn được chỉ định trong tác phẩm -Dạy học theo phương pháp đọc hiểu văn bản văn học: người học đọc hiểu, diễn đạt lại, nêu ý chính trong văn bản, dịch nghĩa. -Dạy học theo phương pháp phân tích: phân tích giá trị tu từ, dụng ý nghệ thuật của câu, đoạn, tác phẩm. -Dạy học theo phương pháp giảng bình: giảng viên lựa chọn một số chi tiết, hình ảnh... giàu giá trị nghệ thuật hoặc tư tưởng để bình văn. -Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm: giảng viên nêu vấn đề cho người học thảo luận nhóm để đưa ra nhận định, đánh giá, giải pháp.	động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao thực hiện trên lớp. -Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra miệng/viết tái hiện kiến thức, tổng hợp, phân tích, đúc kết nội dung, tư tưởng về tác giả, tác phẩm, nhân vật.	BT	0	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	10	

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong học tập. - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao. - Năng lực tự học, tự nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của người học. - Phương pháp đánh giá thường xuyên: căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao thực hiện trên lớp. - Hình thức: Kiểm tra miệng hoặc viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp). 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nắm vững các vấn đề học đến thời điểm kiểm tra. - Năng lực tự học, nghiên cứu - Năng lực sáng tạo, tư duy 	<ul style="list-style-type: none"> -Bài kiểm tra viết 60 phút - Nội dung: Đánh giá mức độ lĩnh hội kiến thức đã học, năng lực xác định và giải quyết vấn đề, khả năng vận dụng kiến thức để hoàn thành nhiệm vụ học tập của người học. - Phương pháp đánh giá: căn cứ kết quả làm bài kiểm tra tự 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên

<p>- Năng lực tìm kiếm tài liệu, xử lý các thông tin, các nội dung của học phần.</p>	<p>luận 60 phút. - Hình thức: Kiểm tra Tự luận. Thời gian 60 phút; Nội dung: kiến thức đã được học đến thời điểm kiểm tra.</p>			
<p>Điểm 3 - Nắm vững các nội dung, vấn đề được học trong toàn học phần. - Năng lực tái hiện kiến thức, năng lực tư duy, phân tích, giải quyết vấn đề trong học phần.</p>	<p>-Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ của người học sau khi học xong học phần. Mục đích đánh giá chủ yếu tập trung vào năng lực vận dụng, giải quyết vấn đề của người học. Phương pháp đánh giá: Tự luận; Thời gian: 90 phút; Nội dung: kiến thức được học trong học phần.</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: NGỮ PHÁP TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI

(Tên tiếng Anh: Chinese grammar)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3
- Lý thuyết: 30
- Bài tập, thảo luận nhóm: 15
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0.tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Việt và tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1.TS.Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886 Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số điện thoại: 0972327976 Email: ntthuy@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thùy Linh

Số điện thoại: 0965293311 Email: nttlinh@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Yêu thích và say mê môn học.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Hiểu và vận dụng thành thạo những kiến thức ngữ pháp được học như: Câu bị động chữ 被, câu tồn hiện, câu chữ 把, bổ ngữ xu hướng phức, danh từ lặp lại, trợ từ kết cấu 着...
 - Nắm vững kiến thức chuẩn về ngữ âm. Tích lũy một vốn từ nhất định trong các lớp từ liên quan đến từng từ loại để có thể đặt câu đúng, phát hiện được lỗi sai và sửa được các lỗi sai về câu.
 - Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học
- Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào trong các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	2	2	2	2	1	1	0	2	0	1	1

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
<p>第一章：语法概说</p> <p>1.1.什么是语法</p> <p>1.2.语法单位</p> <p>1.2.1.语素</p> <p>1.2.2.词</p> <p>1.2.3.短语</p> <p>1.2.4.句子</p> <p>1.3.四级语法单位的关系</p> <p>1.4.语素和汉字的关系</p> <p>1.5.现代汉语语法特点</p> <p>1.5.1.现代汉语主要</p>	<p>- Hiểu được các vấn đề khái quát về ngữ pháp như: ngữ pháp là gì, các đơn vị ngữ pháp, mối quan hệ của bốn cấp đơn vị ngữ pháp, mối quan hệ giữa từ tố và chữ Hán, đặc điểm ngữ pháp tiếng Hán hiện đại...</p>	<p>- Có thể làm được các bài tập ngữ pháp liên quan.</p>	<p>- Vận dụng và sử dụng đúng ngữ pháp trong học tập và công việc</p>

<p>的语法特点</p> <p>1.5.2.汉语的词类和句子成分不存在简单的对应关系</p> <p>1.5.3.汉语有丰富的量词</p>			
<p>第二章: 短语</p> <p>2.1.短语的结构类型</p> <p>2.2.短语的功能分类</p> <p>2.3.复杂短语</p> <p>2.4.短语结构层次分析</p> <p>2.5.多义短语</p>	<p>- Hiểu được các vấn đề về đoạn ngữ như: loại hình kết cấu đoạn ngữ, phân loại công năng đoạn ngữ, đoạn ngữ phức tạp, phân tích tầng kết cấu đoạn ngữ, đoạn ngữ đa nghĩa...</p>	<p>- Có thể làm được các bài tập ngữ pháp liên quan.</p>	<p>- Vận dụng và sử dụng đúng ngữ pháp trong học tập và công việc</p>
<p>第三章: 词类</p> <p>3.1. 名词</p> <p>3.2. 动词</p> <p>3.3. 形容词</p> <p>3.4. 数词</p>	<p>- Hiểu được các vấn đề khái quát về từ loại, cụ thể là: danh từ, động từ, hình dung từ, số từ, lượng từ, đại từ, phó từ, giới từ, liên từ, trợ từ, thán từ, từ tượng thanh...</p>	<p>- Có thể làm được các bài tập ngữ pháp liên quan.</p>	<p>- Vận dụng và sử dụng đúng ngữ pháp trong học tập và công việc</p>

<p>3.5. 量词</p> <p>3.6. 代词</p> <p>3.7. 副词</p> <p>3.8. 介词</p> <p>3.9. 连词</p> <p>3.10. 助词</p> <p>3.11. 叹词</p> <p>3.12. 象声词</p>			
<p>第四章：句子成分</p> <p>4.1. 主语</p> <p>4.2. 谓语</p> <p>4.3. 宾语</p> <p>4.4. 定语</p> <p>4.5. 状语</p> <p>4.6. 补语</p>	<p>- Hiểu được các vấn đề khái quát về thành phần câu như: chủ ngữ, vị ngữ, tân ngữ, định ngữ, trạng ngữ, bổ ngữ...</p>	<p>- Có thể làm được các bài tập ngữ pháp liên quan.</p>	<p>- Vận dụng và sử dụng đúng ngữ pháp trong học tập và công việc</p>
<p>第 5 章: 句子</p> <p>5.1. 动词谓语句</p> <p>5.2. 形容词谓语句</p>	<p>- Hiểu được các vấn đề khái quát về câu như: câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu chữ 是, câu chữ 有, câu liên động, câu kiêm ngữ, câu tồn hiện, câu chữ 被, câu</p>	<p>- Có thể làm được các bài tập ngữ pháp liên quan.</p>	<p>- Vận dụng và sử dụng đúng ngữ pháp trong học tập và công việc</p>

<p>5.3. 名词谓语句 5.4. 主谓谓语句 5.5. “是”字句 5.6.“有”字句 5.7. 连动句 5.8. 兼语句 5.9. 存现句 5.10.“把”字句 5.11.“被”字句 5.12. 无主句 5.13. 独语句 5.14. 复句</p>	<p>chữ 把, câu vô chủ, câu độc ngữ, câu phức...</p>		
--	--	--	--

3. Mô tả tóm tắt nội dung môn học:

Học phần **Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại** nhằm hình thành cho người học một cách vững chắc kiến thức lý thuyết về hệ thống ngữ pháp cơ bản của tiếng Hán hiện đại. Qua những kiến thức ngữ pháp thu được đó, người học có thể chủ động hơn trong việc thực hành tiếng Hán, vận dụng chính xác quy luật ngữ pháp cơ bản của tiếng Hán để tiến hành giao tiếp một cách chuẩn xác. Ngoài ra từ những kiến thức ngữ pháp thu được, người thực hành tốt hơn trong các môn chuyên ngành phiên dịch.

Học phần **Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại** chủ yếu giới thiệu các kiến thức chuyên sâu về mặt từ pháp và cú pháp, củng cố vững chắc kỹ năng kỹ xảo vào việc vận dụng quy luật ngữ pháp tiếng Hán hiện đại trong cách dùng từ và câu.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1] Giáo trình “Nhập môn ngữ pháp Tiếng Hán hiện đại” (Giáo trình nội bộ)

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] 孙德金 《汉语语法教程》北京语言文化大学出版社. 2002

[4.2.2] 朱德熙 《现代汉语汉语语法教程》北京大学出版社，2014

[4.2.3] 马真，《简明实用汉语语法教程》，北京大学出版社，2015

[4.2.4] 房玉清 《实用汉语语法》，北京大学出版社，2001

[4.2.5] 丁声树 《现代汉语语法讲话》，商务印书馆，2009

[4.2.6] 朱德熙 《语法讲义》，商务印书馆，2015

5. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm
 - + Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:

- + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....
- + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KT GK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp/ Bài tập lớn...
- + Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.
- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一章： 语法概说 1.1.什么是语法 1.2.语法单位 1.2.1.语素 1.2.2.词 1.2.3.短语 1.2.4.句子 1.3.四级语法单位的关系 1.4.语素和汉字的关系 1.5.现代汉语语法特点 1.5.1.现代汉语	-Phương pháp thuyết trình có minh hoạ: chia lớp theo nhóm và yêu cầu sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình trước lớp -Phương pháp chốt kiến thức bằng câu hỏi: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh hoặc trả lời câu hỏi của giảng viên liên quan đến nội dung bài học.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15’-30’ về nội dung đã học	Lí thuyết	1	4.1.1
			Bài tập	0	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	

<p>主要的语法特点</p> <p>1.5.2.汉语的词汇和句子成分不存在简单的对应关系</p> <p>1.5.3.汉语有丰富的量词</p>					
<p>第二章: 短语</p> <p>2.1.短语的结构类型</p> <p>2.2.短语的功能分类</p> <p>2.3.复杂短语</p> <p>2.4.短语结构层次分析</p> <p>2.5.多义短语</p>	<p>-Phương pháp thuyết trình có minh hoạ: chia lớp theo nhóm và yêu cầu sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình trước lớp</p> <p>-Phương pháp chốt kiến thức bằng câu hỏi: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh hoặc trả lời câu hỏi của giảng viên liên quan đến nội dung bài học.</p> <p>-Tổng kết lại các kiến thức đã học và cho sinh viên ôn tập chuẩn bị kiểm tra đánh giá giữa kỳ</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15’-30’ về nội dung đã học</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng</p>	<p>1</p> <p>0</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>4.1.1</p>

			dẫn		
			Tự học, NC	6	
第三章: 词类	-Phương pháp thuyết trình có minh họa: chia lớp theo nhóm và yêu cầu sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình trước lớp	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp	Lí thuyết	1	4.1.1
3.1. 名词	-Phương pháp chốt kiến thức bằng câu hỏi: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh hoặc trả lời câu hỏi của giảng viên liên quan đến nội dung bài học.	- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15’-30’ về nội dung đã học	Bài tập	0	
3.2. 动词			Thảo luận	2	
3.3. 形容词			Thực hành	0	
3.4. 数词			Tự học có hướng dẫn	0	
3.5. 量词			Tự học, NC	6	
3.6. 代词					
3.7. 副词	-Kiểm tra đánh giá giữa kỳ lấy điểm 30%				
3.8. 介词					
3.9. 连词					
3.10. 助词					
3.11. 叹词					
3.12. 象声词					

<p>第四章：句子成分</p> <p>4.1. 主语</p> <p>4.2. 谓语</p> <p>4.3. 宾语</p> <p>4.4. 定语</p> <p>4.5. 状语</p> <p>4.6. 补语</p>	<p>-Phương pháp thuyết trình có minh hoạ: chia lớp theo nhóm và yêu cầu sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình trước lớp</p> <p>-Phương pháp chốt kiến thức bằng câu hỏi: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh hoặc trả lời câu hỏi của giảng viên liên quan đến nội dung bài học.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	Lí thuyết	1	4.1.1
			Bài tập	0	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), quay video, làm slide thuyết trình,... 	<p>10 %</p>	<p>Đánh giá thường xuyên</p>	<p>Giảng viên</p>
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu nắm chắc các vấn 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và 	<p>30 %</p>	<p>Trong quá trình học</p>	<p>Giảng viên</p>

<p>đề được học đến thời điểm kiểm tra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích cực, chủ động trong quá trình quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lý các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. 			
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức đã học</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 sinh viên
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: PHIÊN DỊCH CƠ SỞ
(Tên tiếng Anh: Introduction to Interpreting)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03
- Lý thuyết: 15 tiết;
- Bài tập, thảo luận nhóm: 30 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Loại học phần: *Bắt buộc*

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và Tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Vũ Thanh Hương

Số điện thoại: 0969617555 Email: huongvt@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Lê Bích Vân

Số điện thoại: 0988298046 Email: lbvan@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Vũ Thị Anh Thơ

Số điện thoại: 0906139386 Email: vtatho@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự trọng, tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với khả năng.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Người học nắm được những kiến thức và từ vựng cần thiết về những chủ đề dịch thường gặp như văn hóa, khoa học, du lịch, chính trị, kinh tế thương mại, thể thao... Đồng thời, người học được ôn lại và nắm vững kiến thức ngữ pháp thông qua hệ thống các mẫu câu cơ bản.
 - Người học có khả năng phiên dịch các cuộc hội thoại ngắn có nội dung thông thường, quen thuộc; làm phiên dịch trong các tình huống không đòi hỏi phải nắm được các thuật ngữ chuyên ngành hoặc các khái niệm chuyên ngành phức tạp; làm phiên dịch trong các tình huống không đòi hỏi phải có kiến thức sâu về ngôn ngữ ở cả tiếng Trung Quốc và tiếng Việt, truyền tải được nội dung của thông điệp với mức độ chính xác có thể chấp nhận được và có thể hiểu được đối với người nghe ở ngôn ngữ đích.
 - Người học có khả năng nắm bắt thông tin, xử lý thông tin và phản xạ nhanh, thực hiện các bài dịch trong thời gian quy định.
- Kết quả học tập mong đợi của học phần

100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của bài học	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
<p>第一课：称呼词语的译法</p> <p>一、汉越翻译：欢送与接待</p> <p>二、越汉翻译：日常问候与会话</p> <p>三、语言点：称呼词语的译法</p>	<p>- Hiểu được các từ ngữ thường dùng, các cấu trúc câu thường dùng trong xưng hô tiếng Việt và tiếng Trung và cách dịch.</p>	<p>- Nắm được cách dịch từ Trung sang Việt, từ Việt sang Trung các cụm từ và các cấu trúc câu cơ bản liên quan đến chào hỏi, tiếp đón, chào mừng.</p>	<p>- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói những đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề chào hỏi, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề chào hỏi và phù hợp với văn phong tiếng Trung hoặc tiếng Việt.</p>
<p>第二课：表示趋向词语“sang, đến, qua, đi”的译法</p> <p>一、汉越翻译：参观胡志市</p> <p>二、越汉翻译：参观河内</p> <p>三、语言点：表示趋向词语“sang, đến, qua, đi”的译法</p>	<p>- Hiểu được các từ chỉ xu hướng và cách sử dụng chúng trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Hiểu được cách dịch các từ ngữ chỉ xu hướng “sang, đến, qua, đi”.</p>	<p>- Nắm được cách dịch các từ “sang, đến, qua, đi” và nắm được các cách dịch khác nhau khi chúng nằm trong các câu khác nhau và trong các ngữ cảnh khác nhau.</p> <p>- Nắm được cách dịch các cấu trúc câu trọng điểm và các từ, các câu thường dùng trong chủ đề du lịch.</p>	<p>- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề du lịch.</p> <p>- Phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề du lịch và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với khẩu ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.</p>
<p>第三课：表示趋向词语</p>	<p>- Hiểu được các từ chỉ xu hướng và cách</p>	<p>- Nắm được cách dịch các từ “vào, ra, lên, xuống” và nắm được các</p>	<p>- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung</p>

<p>“vào, ra, lên, xuống,...” 的译法</p> <p>一、汉越翻译: 孔子音乐养成法</p> <p>二、越汉翻译: 天才小画家</p> <p>三、语言点: 表示趋向词语“vào, ra, lên, xuống,...” 的译法</p>	<p>sử dụng chúng trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Hiểu được cách dịch các từ ngữ chỉ xu hướng “vào, ra, lên, xuống”.</p>	<p>cách dịch khác nhau khi chúng nằm trong các câu khác nhau và trong các ngữ cảnh khác nhau.</p> <p>- Nắm được cách dịch các cấu trúc câu trọng điểm và các từ, các câu thường dùng trong chủ đề nghệ thuật.</p>	<p>thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề nghệ thuật.</p> <p>- Phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề nghệ thuật và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với khẩu ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.</p>
<p>第四课: 常用虚词“với/về” 的译法</p> <p>一、汉越翻译: 希望工程</p> <p>二、越汉翻译: 越南教育系统概况</p> <p>三、语言点: 常用虚词“với/về”的</p>	<p>- Hiểu được định nghĩa hư từ và cách sử dụng hư từ trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Hiểu được cách dịch các hư từ “với, về”.</p>	<p>- Nắm được cách dịch các hư từ “với, về” và nắm được các cách dịch khác nhau khi chúng nằm trong các câu khác nhau và trong các ngữ cảnh khác nhau.</p> <p>- Nắm được cách dịch các cấu trúc câu trọng điểm và các từ, các câu thường dùng trong chủ đề giáo dục.</p>	<p>- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề giáo dục.</p> <p>- Phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề giáo dục và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.</p>
<p>第五课: 常用虚词“mà/cho”</p>	<p>- Hiểu được định nghĩa hư từ và cách</p>	<p>- Nắm được cách dịch các hư từ “mà, cho” và nắm được các cách</p>	<p>- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung</p>

<p>的译法</p> <p>一、汉越翻译：中华人民共和国江泽民主席在河内国家大学的演讲</p> <p>二、越汉翻译：越南国会主席范氏金银在第三届越中青年联欢会的发言</p> <p>三、语言点：常用虚词“mà/cho”的译法</p>	<p>sử dụng hư từ trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Hiểu được cách dịch các hư từ “mà, cho”.</p>	<p>dịch khác nhau khi chúng nằm trong các câu khác nhau và trong các ngữ cảnh khác nhau.</p> <p>- Nắm được cách dịch các cấu trúc câu trọng điểm và các từ, các câu thường dùng trong chủ đề ngoại giao.</p>	<p>thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề ngoại giao.</p> <p>- Phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề ngoại giao và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.</p>
<p>第六课：常用虚词“thì, bằng”的译法</p> <p>一、汉越翻译：中国的春节</p> <p>二、越汉翻译：越南的春节</p> <p>三、语言点：常用虚词“thì, bằng”的译法</p>	<p>- Hiểu được định nghĩa hư từ và cách sử dụng hư từ trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Hiểu được cách dịch các hư từ “thì, bằng”.</p>	<p>- Nắm được cách dịch các hư từ “thì, bằng” và nắm được các cách dịch khác nhau khi chúng nằm trong các câu khác nhau và trong các ngữ cảnh khác nhau.</p> <p>- Nắm được cách dịch các cấu trúc câu trọng điểm và các từ, các câu thường dùng trong chủ đề lễ tết.</p>	<p>- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề lễ tết.</p> <p>- Phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề lễ tết và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.</p>
<p>第七课：常用虚词“bởi, vì, nhằm”的译法</p>	<p>- Hiểu được định nghĩa hư từ và cách sử dụng hư từ trong</p>	<p>- Nắm được cách dịch các hư từ “bởi, vì, nhằm” và nắm được các cách dịch khác nhau khi chúng</p>	<p>- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên</p>

<p>一、汉越翻译：福娃 二、越汉翻译：运动会 三、语言点：常用虚词“bởi, vì, nhằm”的译法</p>	<p>tiếng Trung và tiếng Việt. - Hiểu được cách dịch các hư từ “bởi, vì, nhằm”.</p>	<p>nằm trong các câu khác nhau và trong các ngữ cảnh khác nhau. - Nắm được cách dịch các cấu trúc câu trọng điểm và các từ, các câu thường dùng trong chủ đề thể thao.</p>	<p>quan đến chủ đề thể thao. - Phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề thể thao và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.</p>
<p>第八课：常用虚词“đề/ở”的译法 一、汉越翻译：创造健康小气候 二、越汉翻译：环境污染 三、语言点：常用虚词“đề/ở”的译法</p>	<p>- Hiểu được định nghĩa hư từ và cách sử dụng hư từ trong tiếng Trung và tiếng Việt. - Hiểu được cách dịch các hư từ “đề, ở”.</p>	<p>- Nắm được cách dịch các hư từ “đề, ở” và nắm được các cách dịch khác nhau khi chúng nằm trong các câu khác nhau và trong các ngữ cảnh khác nhau. - Nắm được cách dịch các cấu trúc câu trọng điểm và các từ, các câu thường dùng trong chủ đề môi trường.</p>	<p>- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề môi trường. - Phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch có liên quan đến chủ đề môi trường và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.</p>
<p>第九课：数量增加与减少的译法 一、汉越翻译：中美等国或于7月达成科技产品零关税</p>	<p>- Hiểu được định nghĩa hư từ và cách sử dụng từ chỉ số lượng, tăng giảm số lượng trong tiếng</p>	<p>- Nắm được cách dịch các từ chỉ số lượng tăng, giảm và nắm được các cách dịch khác nhau khi chúng nằm trong các câu khác nhau và trong các ngữ cảnh khác nhau.</p>	<p>- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề kinh tế thương mại. - Phản ứng linh hoạt với các văn bản</p>

<p>协议</p> <p>二、越汉翻译：亚洲人喜欢使用互联网</p> <p>三、语言点：数量增加与减少的译法</p>	<p>Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Hiểu được cách dịch các từ chỉ số lượng tăng giảm.</p>	<p>- Nắm được cách dịch các cấu trúc câu trọng điểm và các từ, các câu thường dùng trong chủ đề kinh tế thương mại.</p>	<p>dịch có liên quan đến chủ đề kinh tế thương mại và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.</p>
<p>第十课：比较词语的译法</p> <p>一、汉越翻译：儿童食品广告准则</p> <p>二、越汉翻译：力争抑制通胀，稳定宏观经济、确保社会稳定及持续增长</p> <p>三、语言点：数量词组与对比词语的译法</p>	<p>- Hiểu được các sử dụng các từ so sánh trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Hiểu được cách dịch các từ so sánh.</p>	<p>- Nắm được cách dịch các từ so sánh và nắm được các cách dịch khác nhau khi chúng nằm trong các câu khác nhau và trong các ngữ cảnh khác nhau.</p> <p>- Nắm được cách dịch các cấu trúc câu trọng điểm và các từ, các câu thường dùng trong chủ đề kinh tế.</p>	<p>- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề kinh tế.</p> <p>- Phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề kinh tế và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.</p>

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Phiên dịch cơ sở** nhằm trang bị lý thuyết về dịch thuật cơ bản, những cụm từ vựng căn bản phục vụ công tác phiên dịch và thực hành phiên dịch một số bài dịch nói với nội dung liên quan đến văn hóa, giáo dục, khoa học, kinh tế thương mại, thể thao, du lịch, chính trị...; rèn luyện cho người học khả năng thực hành dịch nói trên cơ sở năng lực thực hành tiếng đã có. Học phần còn phát triển kỹ năng biểu đạt giúp người học nâng cao khả năng ngôn ngữ của mình, nắm chắc hơn về ngữ pháp, từ vựng tiếng Trung Quốc và có nền tảng vững chắc để tiếp thu các học phần chuyên ngành khác.

4. Tài liệu học tập

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. Nguyễn Thị Thanh Huệ, Vũ Thanh Hương, Giáo trình Phiên dịch tiếng Trung Quốc 1, 2016

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. 赵玉兰 《越汉翻译教程》，北京大学出版社，2004

[4.2.2]. 梁远等编著 《实用汉越互译技巧》，民族出版社出版，2005

[4.2.3]. Trần Thị Thanh Liêm, Hoàng Trà, “Rèn luyện kỹ năng dịch thuật Việt Hoa-Hoa Việt”, NXB văn hóa thông tin, 2008

[4.2.4]. Các trang web: <http://www.luyendichtiengtrung.com>,
<http://www.xinhuanet.cn>, <http://dantiengtrung.com>

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Suu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm
 - + Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức phiên dịch cơ sở được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra vấn đáp/ Bài tập lớn / Quay video phiên dịch về các chủ đề đã học/ Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài thi.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

.

6. Nội dung chi tiết học phần, phương pháp và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
<p>第一课：称呼词语的译法</p> <p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: cách dịch từ xưng hô trong tiếng Trung và tiếng Việt</p> <p>2 Bài khóa</p> <p>2.1 Dịch Trung Việt: chào mừng và đón tiếp</p> <p>2.2 Dịch Việt Trung: chào hỏi thường ngày</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch các đại từ xưng hô trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch</p>	Lí thuyết	1	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>
			Bài tập	2	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>3 Luyện tập</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau trong cách dùng từ xưng hô, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt của tiếng Trung và tiếng Việt. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch theo chủ đề chào hỏi. - Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch. - Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung có chủ đề giao tiếp, chào hỏi và cho SV xem rồi 	<p>đại từ xưng hô, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	
---------------------------	--	---	-----------------------	----------	--

<p>第二课：表示趋向词语“sang, đến, qua, đi”的译法</p> <p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: cách dịch từ biểu thị xu hướng “sang, đến, qua, đi”</p> <p>2 Bài khóa</p> <p>2.1 Dịch Trung Việt: tham quan thành phố Hồ Chí Minh</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch các từ biểu thị xu hướng “sang, đến, qua, đi”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề du lịch có sử dụng các từ biểu thị xu hướng “sang, đến, qua, đi” để SV nắm được kỹ năng dịch xuôi,</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch</p>	Lí thuyết	1	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]</p>
			Bài tập	2	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>2.2 Dịch Việt Trung: tham quan Hà Nội</p> <p>3 Luyện tập</p>	<p>dịch ngược.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau trong cách dùng từ biểu thị xu hướng “sang, đến, qua, đi”, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt của tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề.</p>	<p>các từ biểu thị xu hướng “sang, đến, qua, đi”, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	
--	---	--	-----------------------	----------	--

	<p>- Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho sinh viên đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của giảng viên, rèn luyện cho sinh viên phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề du lịch cho SV xem rồi luyện dịch.</p>				
--	---	--	--	--	--

<p>第三课：表示趋向词语“vào, ra, lên, xuống,...”的译法</p> <p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: cách dịch từ biểu thị xu hướng “vào, ra, lên, xuống”</p> <p>2 Bài khóa</p> <p>2.1 Dịch Trung Việt: Phương pháp nuôi dưỡng tình yêu âm nhạc của Khổng Tử</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn cách dịch từ biểu thị xu hướng “vào, ra, lên, xuống”.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích, hướng dẫn SV dịch bài mẫu chủ đề nghệ thuật có sử dụng các từ biểu thị xu hướng “vào, ra, lên, xuống” để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>			
<p>2.2 Dịch Việt Trung: họa sỹ nhí thiên tài</p> <p>3 Luyện tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau trong cách dùng từ biểu thị xu hướng “vào, ra, lên, xuống”, cách biểu đạt trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp</p>	<p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các từ biểu thị xu hướng “vào, ra, lên, xuống”, kỹ năng phản ứng, xử lý tình</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>1</p> <p>2</p> <p>1</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

	<p>làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận, luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề nghệ thuật.</p> <p>- Đạy học theo phương pháp đóng vai: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Đạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề nghệ thuật cho sinh viên xem rồi luyện dịch.</p>	huống khi phiên dịch.	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.4]
			Tự học, NC	8	
<p>第四课：常用虚词 “vói/vè”的译法</p>	<p>- Đạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch hư từ “vè,</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc</p>	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1]
			Bài tập	2	

<p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: cách dịch hư từ “về, với”</p> <p>2 Bài khóa</p> <p>2.1 Dịch Trung Việt: công trình hy vọng</p> <p>2.2 Dịch Việt Trung: giới thiệu khái quát về hệ thống giáo dục của Việt Nam</p> <p>3 Luyện tập</p>	<p>với”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề giáo dục có sử dụng các hư từ “về, với” để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt cách dùng khác nhau của hư từ “về, với”, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận, luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề giáo dục.</p>	<p>thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các hư từ “về, với”, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.</p>	Thảo luận	1	<p>TLTK: [4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	8	

	<p>- Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề giáo dục cho sinh viên xem rồi luyện dịch.</p>				
<p>第五课：常用虚词 “mà/cho”的译法 1. Trọng điểm ngôn ngữ: cách dịch hư từ “mà, cho” 2 Bài khóa 2.1 Dịch Trung Việt: bài</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch các hư từ “mà, cho”.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, dịch bài trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>1</p> <p>2</p> <p>1</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

phát biểu của chủ tịch nước CHND Trung Hoa Giang Trạch Dân tại Đại học Quốc gia Hà Nội	SV dịch bài mẫu về chủ đề ngoại giao sử dụng các hư từ “mà, cho” để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.	qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.4]
--	--	--	---------------------	---	---------

<p>2.2 Dịch Việt Trung: Bài phát biểu của chủ tịch Quốc hội Việt Nam Nguyễn Thị Kim Ngân tại buổi liên hoan thanh niên Việt Trung lần thứ 3</p> <p>3 Luyện tập</p> <p>4. Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra dịch nói.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự cách dùng khác nhau của hư từ “mà, cho”, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt trong tiếng Trung và tiếng Việt. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề ngoại giao. - Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch. - Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề ngoại giao cho SV xem rồi luyện dịch. 	<p>các hư từ “mà, cho”, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra dịch nói. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức học phần Phiên dịch cơ sở được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	
---	--	---	-----------------------	----------	--

<p>第六课：常用虚词“thì, bằng”的译法</p> <p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: cách dịch hư từ “thì, bằng”</p> <p>2 Bài khóa</p> <p>2.1 Dịch Trung Việt: Tết ở Trung Quốc</p> <p>2.2 Dịch Việt Trung: Tết ở Việt Nam</p> <p>3 Luyện tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch hư từ “thì, bằng”.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề ngày lễ truyền thống sử dụng các hư từ “thì, bằng” để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, dịch bài trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]</p>
			Bài tập	2	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	<p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt cách dùng khác nhau của hư từ “thì, bằng”, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề ngày lễ truyền thống.</p>	<p>các hư từ “thì, bằng”, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	
--	---	--	-----------------------	-----------	--

	<p>- Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề ngày lễ truyền thống cho SV xem rồi luyện dịch.</p>				
<p>第七课：常用虚词“bởi, vì, nhằm”的译法</p> <p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: cách dịch hư từ “bởi, vì, nhằm”</p> <p>2 Bài khóa</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch các hư từ “bởi, vì, nhằm”.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, dịch bài trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>2</p>	<p>TL chính:</p>
			<p>Bài tập</p>	<p>2</p>	<p>[4.1.1]</p>
			<p>Thảo luận</p>	<p>1</p>	<p>TLTK: [4.2.1]</p>
			<p>Thực hành</p>	<p>0</p>	<p>[4.2.2] [4.2.3]</p>

<p>2.1 Dịch Trung Việt: Phúc Oa</p> <p>2.2 Dịch Việt Trung: thể vận hội</p> <p>3 Luyện tập</p>	<p>đẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề thể thao sử dụng hư từ “bởi, vì, nhằm” để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt cách dùng khác nhau của hư từ “bởi,</p>	<p>qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các hư từ “bởi, vì, nhằm”, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.</p>	Tự học	0	[4.2.4]
			có hướng dẫn		
			Tự học, NC	10	

vì, nhằm”, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt của tiếng Trung và tiếng Việt.

- **Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm:** Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề thể thao.

- **Dạy học theo phương pháp đóng vai:** Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.

- **Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu:** dùng đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề thể thao cho SV xem rồi luyện dịch.

<p>第八课：常用虚词 “để/ở”的译法</p> <p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: cách dịch hư từ “để, ở”</p> <p>2 Bài khóa</p> <p>2.1 Dịch Trung Việt: Xây dựng môi trường lành mạnh</p> <p>2.2 Dịch Việt Trung: Ô nhiễm môi trường</p> <p>3 Luyện tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch các hư từ “để, ở”.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề thể thao sử dụng hư từ “để, ở” để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau trong cách dùng hư từ “để, ở”, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt của tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề môi trường.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phân</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, dịch bài trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các hư từ “để, ở”, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>2</p>	
---	--	---	------------------	----------	--

	<p>rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: dùng đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề môi trường cho SV xem rồi luyện dịch.</p>		<p>Bài tập 2</p> <p>Thảo luận 1</p> <p>Thực hành 0</p> <p>Tự học có hướng dẫn 0</p> <p>Tự học, NC 10</p>	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>
<p>第九课：数量增加与减少的译法</p> <p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: cách dịch thêm bớt số lượng</p> <p>2 Bài khóa</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch thêm bớt số lượng.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, dịch bài trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông</p>	<p>Lí thuyết 2</p> <p>Bài tập 2</p> <p>Thảo luận 1</p> <p>Thực hành 0</p>	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

<p>2.1 Dịch Trung Việt: Hai nước Trung Mỹ sẽ đạt được thỏa thuận miễn thuế cho các sản phẩm công nghệ vào tháng 7</p> <p>2.2 Dịch Việt Trung: Người châu Á thích sử dụng Internet</p> <p>3 Luyện tập</p>	<p>đẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề kinh tế sử dụng các cấu trúc thêm bớt số lượng để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau trong cách biểu đạt thêm bớt số lượng của tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề môi trường.</p>	<p>qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các cấu trúc thêm bớt số lượng, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>	<p>[4.2.4]</p>
<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>				

	<p>- Đạy học theo phương pháp đóng vai: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Đạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: dùng các đoạn phim tiếng Việt, tiếng Trung chủ đề kinh tế cho SV xem rồi luyện dịch.</p>				
<p>第十课：比较词语的译法</p> <p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: cách dịch từ so sánh</p> <p>2 Bài khóa</p> <p>2.1 Dịch Trung Việt:</p>	<p>- Đạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch các từ so sánh.</p> <p>- Đạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích hướng dẫn</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, dịch bài trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>2</p> <p>2</p> <p>1</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

Nguyên tắc quảng cáo thực phẩm cho trẻ em 2.2 Dịch Việt Trung: nỗ lực giảm lạm phát, ổn định	SV dịch bài mẫu về chủ đề kinh tế thương mại sử dụng các từ so sánh để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.	qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.4]
---	---	--	---------------------	---	---------

<p>kinh tế vĩ mô, đảm bảo ổn định xã hội và tăng trưởng bền vững</p> <p>3 Luyện tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau trong cấu trúc, cách biểu đạt so sánh của tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề kinh tế thương mại.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: dùng các đoạn phim về chủ đề kinh tế thương mại cho SV xem rồi luyện dịch.</p>	<p>các từ so sánh, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	
--	--	---	-----------------------	-----------	--

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài dịch trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), quay video, làm slide 	<p>10 %</p>	<p>Đánh giá thường xuyên</p>	<p>Giảng viên</p>

	thuyết trình,...			
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá trình quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lý các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: Kiểm tra vấn đáp; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức phiên dịch cơ sở được học đến thời điểm kiểm tra. 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

	đề của sinh viên. Phương pháp đánh giá: Thi vấn đáp; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học trong học phần Phiên dịch cơ sở.			
--	--	--	--	--

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: BIÊN DỊCH CƠ SỞ
(Tên tiếng Anh: Introduction to Translation)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03;
- Lý thuyết: 15 tiết;
- Bài tập: 15 tiết;
- Thảo luận, làm việc nhóm: 15 tiết;
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết.
- Loại học phần: *Bắt buộc*

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: Tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong2@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Lê Thị Thanh Tú

Số điện thoại: 0964850728 Email: ltttu@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Đinh Thị Thảo

Số điện thoại: 0987092698 Email: dtthao@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:

- Người học nhận thức được tầm quan trọng của học phần đối với nghề nghiệp sau này.

- Người học yêu thích, hứng thú, tích cực, tự giác, tích cực chủ động trong các hoạt động do người dạy đề xuất hoặc do người học tự đề xuất để thực hiện.

- **Năng lực:**

- Người học nắm được từ vựng và các cấu trúc cơ bản để dịch các chủ đề liên quan đến văn hóa, du lịch, chính trị, kinh tế thương mại, thể thao...

- Người học có khả năng nắm bắt thông tin, xử lý thông tin và khả năng phản xạ nhanh, thực hiện các bài dịch trong một thời gian quy định.

- Người học nắm được các kỹ năng biên dịch để chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc.

- Người học có khả năng tư duy độc lập, khả năng hợp tác, khả năng thuyết trình, khả năng làm việc nhóm, khả năng tìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin liên quan đến học phần thông qua việc tự đọc sách, tự nghiên cứu tài liệu.

- **Kết quả học tập mong đợi của học phần**

- 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào trong các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	1

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第一课	Hiểu được các khái niệm cơ bản về dịch thuật.	Dịch thành thạo các cấu trúc câu xuất hiện trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề văn hóa chào hỏi.
第二课	Hiểu được các yêu cầu cơ bản đối với dịch từ ngữ.	Dịch thành thạo các cấu trúc câu xuất hiện trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề du lịch.
第三课	Hiểu được các khái niệm cơ bản đối với dịch từ ngữ.	Dịch thành thạo các cấu trúc câu xuất hiện trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề danh nhân.
第四课	Hiểu được các khái niệm cơ bản đối với dịch đoạn.	Dịch thành thạo các cấu trúc câu xuất hiện trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề giáo dục.
第五课	Hiểu được các khái niệm cơ	Dịch thành thạo các cấu	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành

	bản đối với dịch chữ số.	trúc câu xuất hiện trong bài khóa.	công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề kinh tế.
第六课	Hiểu được các khái niệm cơ bản đối với dịch chữ “在”.	Dịch thành thạo các cấu trúc câu xuất hiện trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề ẩm thực.
第七课	Hiểu được các khái niệm cơ bản đối với dịch liên từ tiếng Hán	Dịch thành thạo các cấu trúc câu xuất hiện trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề hội họa.
第八课	Hiểu được các khái niệm cơ bản đối với dịch liên từ tiếng Hán.	Dịch thành thạo các cấu trúc câu xuất hiện trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề ngoại giao.
第九课	Hiểu được các khái niệm cơ bản về dịch câu chữ “被”.	Dịch thành thạo các cấu trúc câu xuất hiện trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề thể thao.
第十课	Hiểu được các khái niệm cơ bản về dịch câu chữ “把”.	Dịch thành thạo các cấu trúc câu xuất hiện trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề môi trường.

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Biên dịch cơ sở** nhằm trang bị lý thuyết về dịch thuật cơ bản, những cụm từ vựng căn bản phục vụ công tác biên dịch và thực hành biên dịch một số bài dịch với nội dung liên quan đến văn hóa, giáo dục, khoa học, kinh tế thương mại, thể thao, du lịch, chính trị...; rèn luyện cho người học khả năng thực hành dịch viết trên cơ sở năng lực thực hành tiếng đã có. Học phần còn phát triển kỹ năng biểu đạt giúp người học nâng cao khả năng ngôn ngữ của mình, nắm chắc hơn về ngữ pháp, từ vựng tiếng Trung Quốc và có nền tảng vững chắc để tiếp thu các học phần chuyên ngành khác.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1] Nguyễn Thị Thanh Huệ, Đinh Thị Thảo, Giáo trình Biên dịch tiếng Trung Quốc 1, 2016

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] 梁远、温日豪《实用汉越互译技巧》，民族出版社出版，2012

[4.2.2] 范仲英《实用翻译教程》，外语教学与研究出版社，2013

[4.2.3] 钱歌川《翻译的技巧》，北京联合出版公司，2015

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Suru tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm
 - + Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:
 - + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức biên dịch cơ sở được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra viết/ Bài tập lớn / Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài thi.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一课 第一节 汉越翻译 中国传统礼仪 第二节 越汉翻译 Văn hóa chào hỏi của Việt Nam 第三节 翻译的简介 第四节 翻译练习	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua bài tập dịch Trung - Việt, Việt - Trung	Lí thuyết	2	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Bài tập	2	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	10	
第二课 第一节 汉越翻译 - 北京	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được	Lí thuyết	1	Tài liệu chính: [4.1.1]
			Bài tập	1	
			Thảo	2	

<p>第二节 越汉翻 - Hà Nội</p> <p>第三节 词语翻译(1)</p> <p>第四节 翻译练习</p>	<p>gặp;</p> <p>- Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.</p>	<p>giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>luận, làm việc nhóm</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p></p> <p>0</p> <p>0</p> <p>8</p>	<p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>
<p>第三课</p> <p>第一节 汉越翻译毛泽东主席</p> <p>第二节 越汉翻译 Chủ tịch Hồ Chí Minh</p> <p>第三节 词语翻译(2)</p> <p>第四节 翻译练习</p>	<p>- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp;</p> <p>- Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận, làm việc nhóm</p> <p>Thực hành</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p>	<p>Tài liệu chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	8	
第四课 第一节 汉越翻译 孔子的教育思想 第二节 越汉翻译 - Giáo sư Ngô Bảo Châu 第三节 语段语篇翻译 第四节 翻译练习	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	1	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Bài tập	2	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	8	
第五课	- Dạy học thuyết trình	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan	Lí thuyết	1	Tài liệu

<p>第一节 汉越翻译 - 四大发明</p> <p>第二节 越汉翻译 - Việt Nam đứng thứ hai thế giới về xuất khẩu gạo</p> <p>第三节 汉语数词的翻译</p> <p>第四节 翻译练习</p> <p>期中考试</p>	<p>hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp;</p> <p>- Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.</p>	<p>sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	Bài tập	2	<p>chính: [4.1.1]</p> <p>Tài liệu tham khảo: [4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>
			Thảo luận, làm việc nhóm	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	8	
<p>第六课</p> <p>第一节 汉越翻译 - 中国饮食文化</p> <p>第二节 越汉翻译 - Âm thực Việt Nam</p> <p>第三节 汉语“在”字的翻译</p> <p>第四节 翻译练习</p>	<p>- Dạy học thuyết trình</p> <p>hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp;</p> <p>- Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	Lí thuyết	1	<p>Tài liệu chính: [4.1.1]</p> <p>Tài liệu tham khảo: [4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>
			Bài tập	2	
			Thảo luận, làm việc nhóm	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có	0	

			hướng dẫn		
			Tự học, NC	10	
<p>第七课</p> <p>第一节 汉越翻译 - 中国山水画</p> <p>第二节 越汉翻译 - Trang Đông Hồ</p> <p>第三节 汉语常用连词的翻译(1)</p> <p>第四节 翻译练习</p>	<p>- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp;</p> <p>- Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	Lí thuyết	2	<p>Tài liệu chính: [4.1.1]</p> <p>Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>
			Bài tập	2	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	10	
<p>第八课</p> <p>第一节 汉越翻译 - 共同谱写中越友好新篇章—在</p>	<p>- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp;</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp,</p>	Lí thuyết	2	<p>Tài liệu chính: [4.1.1]</p> <p>Tài liệu</p>
			Bài tập	2	
			Thảo luận, làm	1	

<p>越南国会的演讲 第二节 越汉翻译 Hợp tác hữu nghị Việt – Trung phù hợp với lợi ích cơ bản của nhân dân hai nước 第三节 汉语常用连词的翻译 (2) 第四节 翻译练习</p>	<p>- Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.</p>	<p>làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>việc nhóm Thực hành Tự học có hướng dẫn Tự học, NC</p>	<p>0 0 10</p>	<p>tham khảo: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>
<p>第九课 第一节 汉越翻译 - 北京奥运会 第二节 越汉翻译 Đoàn thể thao Người khuyết tật Việt Nam đạt thành tích xuất sắc tại Asean Paragames 5 第三节 汉语“被”字句的翻译 第四节 翻译练习</p>	<p>- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận, làm việc nhóm Thực hành Tự học có hướng dẫn Tự học,</p>	<p>2 2 1 0 0 10</p>	<p>Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

			NC		
第十课 第一节 汉越翻译 - 怎样才能更好地治理污染、保护环境 第二节 越汉翻译 - Bệnh tật: Hậu quả nhân tiên của ô nhiễm môi trường 第三节 汉语“把”字句的翻译 第四节 翻译练习	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	1	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Bài tập	2	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC		

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ.

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), quay video, làm slide thuyết trình,... 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá qua quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: Kiểm tra tự luận, trắc 	10%	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên

<p>tạo, tư duy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>nhịệm trên lớp, chăm bài tập về nhà, bài tập theo nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá kiến thức sinh viên học được đến thời điểm đánh giá; - Phương pháp đánh giá: thông qua bài kiểm tra viết hoặc làm tiểu luận - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm kết hợp tự luận 60 phút 	20%	Giữa kỳ	Giảng viên
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp, thời gian 60 phút.</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: dưới 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, phần mềm,...
- Địa điểm dạy học: tại trường, online.

TÊN HỌC PHẦN: NGỮ ÂM VĂN TỰ TIẾNG HÁN

(Tên tiếng Anh: Chinese phonetics and characters)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2 tín chỉ
- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận nhóm: 15 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết
- Tự học, NC: 60 tiết
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng đọc 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc

- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886

Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Vũ Thanh Hương

Số điện thoại: 0969617555

Email: huongvt@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Lê Thị Thanh Tú

Số điện thoại: 0964850728

Email: ltttu@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

➤ Phẩm chất:

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức, nâng cao trình độ của bản thân.

➤ **Năng lực:**

- Vận dụng kiến thức đã học để hiểu bản chất của hệ thống ngữ âm và văn tự tiếng Hán, từ đó nâng cao trình độ khẩu ngữ và kỹ năng Viết.
- Nắm vững kiến thức lí luận cơ bản về ngữ âm và văn tự. Biết tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện vấn đề cần nghiên cứu, biết xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai nghiên cứu chuyên sâu về ngữ âm và văn tự.
- Nắm được phương pháp nghiên cứu kiến thức ngôn ngữ, từ đó phát triển kiến thức đã học, vận dụng trong so sánh đối chiếu ngôn ngữ.

➤ **Kết quả học tập mong đợi của học phần**

- 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
		2	2	1	2	2	1	1	1	1	2	2	1

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
Chương 1: 语音 1. 绪论 2. 普通话音节系统 3. 语流音变 4. 语调	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết khái quát về tiếng Hán và hệ thống ngữ âm tiếng Hán (bảng phiên âm quốc tế, phân loại ngữ âm tiếng Hán). Hiểu được đặc điểm của âm thanh, các cơ quan ảnh hưởng đến hoạt động phát âm - Nắm được hệ thống thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu trong tiếng Hán - Nắm được sự biến đổi âm, thanh điệu trong tiếng Hán - Nắm được kiến thức về ngữ điệu trong tiếng Hán 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm chính xác phiên âm (thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, biến điệu), đúng ngữ điệu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ cơ sở lí luận, tự phát hiện lỗi sai trong phát âm và tiến hành tự điều chỉnh, nâng cao trình độ khẩu ngữ. - Thông qua kiến thức về ngữ điệu, phán đoán chính xác trạng thái tâm lý, ý nghĩa muốn biểu đạt của người nói. - Trên cơ sở lý luận cơ bản, tự xác định vấn đề nghiên cứu chuyên sâu về ngữ âm, tự học hỏi nâng cao trình độ.
Chương 2: 汉字 1. 汉字的历史 2. 现代汉字的性质, 特点和造字法 3. 现代汉字的字形、字音、字义和字量	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết khái quát về lịch sử chữ Hán, quá trình hình thành, diễn biến và xu thế phát triển của chữ Hán. - Nắm vững tính chất, đặc điểm và cấu tạo của chữ Hán - Nắm vững về hình thái, âm đọc, 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt các loại chữ khác nhau (chữ giáp cốt, kim văn, chữ triện, chữ thảo, chữ lệ, chữ khải, chữ hành) - Phân biệt chính xác nguồn gốc và phương pháp tạo chữ của một 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự phát hiện lỗi sai trong quá trình viết chữ Hán và tiến hành điều chỉnh, nâng cao kỹ năng Viết. - Trên cơ sở lý luận cơ bản, tự xác định vấn đề nghiên cứu

4.现代汉字的字序, 简化与规范化	ngữ nghĩa và số lượng chữ Hán - Nắm được thứ tự, quy luật giản hóa và quy phạm hóa của chữ Hán	số chữ Hán (tượng hình, hội ý, hình thanh...) - Phân biệt vai trò của bộ thủ biểu âm, biểu ý trong chữ hình thanh	chuyên sâu về văn tự, tự học hỏi nâng cao trình độ.
----------------------	--	---	--

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Ngữ âm văn tự tiếng Hán** cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực ngữ âm và văn tự. Về ngữ âm, học phần giúp người học hiểu về bản chất của hệ thống ngữ âm tiếng Trung Quốc, đặc điểm của âm thanh, hệ thống thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu, ngữ điệu, sự biến đổi âm, thanh điệu tiếng Hán. Về văn tự, học phần cung cấp cho người học lịch sử hình thành, quá trình diễn biến và xu thế phát triển chữ Hán, tính chất, đặc điểm và cấu tạo của chữ Hán, hình thái, âm đọc, ý nghĩa, số lượng chữ Hán, quy luật giản hóa và quy phạm hóa chữ Hán. Thông qua học phần, người học có thể điều chỉnh phát âm, nâng cao kỹ năng Nói và Viết.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 曹文, 《汉语语音教程》, 北京语言大学出版社, 2002

[4.1.2]. 张静贤, 《汉字教程》, 北京语言大学出版社, 2005

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. Chu Quang Thảng, Trần Thị Thanh Liêm. *Luyện ngữ âm tiếng Hán*. NXB Từ Điển Bách Khoa, 2009.

[4.2.2]. 曹文, 《汉语语音训练》, 北京大学出版社, 2008.

[4.2.3]. (东汉) 许慎, 图解《说文解字》(画说汉字: 1000个汉字的故事), 陕西师范大学出版社, 2010.

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Suu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học

+ Bài tập thảo luận nhóm

+ Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp/ Bài tập lớn, viết các đoạn văn theo chủ đề đã học/ Quay video hội thoại về các chủ đề đã học/ Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

.

6. Nội dung chi tiết học phần, phương pháp và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一章：绪论 1.现代汉语" 2.声音·语音 2.1.什么是声音，声音是怎样产生的？ 2.2.声音的特点 2.3.什么是语音，	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, giới thiệu khái quát về ngữ âm tiếng Hán, phân loại ngữ âm tiếng Hán, giới thiệu bảng phiên âm quốc tế của ngữ âm tiếng Hán. - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan,	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...	Lí thuyết	2	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	2	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>语音从哪里来?</p> <p>第二章：汉语语音分类</p> <p>1.元音 2.辅音 3.音素·音位·音位变体</p> <p>第三章：国际音标和记音符号</p> <p>1.汉语拼音方案 2.国际音标见表 3.三种拼音符号对照表</p> <p>思考与练习</p>	<p>trình chiếu video/tranh ảnh giới thiệu về ngữ âm tiếng Hán và bảng phiên âm quốc tế của ngữ âm tiếng Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, hỏi đáp, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, hỏi đáp, tìm hiểu về ngữ âm tiếng Hán, phân loại ngữ âm tiếng Hán, giới thiệu bảng phiên âm quốc tế của ngữ âm tiếng Hán.</p>	<p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức khái quát về ngữ âm tiếng Hán; phân loại ngữ âm tiếng Hán, cách viết phiên âm quốc tế của ngữ âm tiếng Hán; làm các bài tập trong sách giáo trình và sách bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	
<p>第四章：普通话音节系统</p> <p>1. 声 母 1.1. 塞 音 声 母 1.2. 擦 音 声 母</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, giới thiệu về hệ thống âm tiết (thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu) của ngữ âm tiếng Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như:</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành</p>	<p>3 3 0 0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>

1.3. 塞擦音声母 1.4. 浊声母和零声母 2. 韵母 2.1. 单元音韵母 2.2. 复元音韵母 2.3. 鼻音韵母 3. 声调(字调) 思考与练习	hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh giới thiệu về hệ thống âm tiết (thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu) của ngữ âm tiếng Hán. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, hỏi đáp, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, hỏi đáp, tìm hiểu hệ thống âm tiết (thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu) của ngữ âm tiếng Hán và luyện phát âm tiếng Hán.	chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức về hệ thống âm tiết của ngữ âm tiếng Hán; kiểm tra phát âm thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu của tiếng Hán; làm các bài tập trong sách giáo trình và sách bài tập bổ trợ.	Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	12	
第五章：语流音变 1. 几种常见的语流音变现象 2. 轻声 3. 儿化	- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, giới thiệu về hiện tượng biến âm và ngữ điệu của ngữ âm tiếng Hán. - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như:	Lí thuyết	2	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	2	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	

<p>4.连读变调</p> <p>第六章：语调</p> <p>1.重音</p> <p>2.节奏</p> <p>3.语调类型</p> <p>思考与练习</p>	<p>và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh giới thiệu về hiện tượng biến âm và ngữ điệu của ngữ âm tiếng Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, hỏi đáp, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, hỏi đáp, tìm hiểu hiện tượng biến âm và ngữ điệu của ngữ âm tiếng Hán, luyện phát âm tiếng Hán.</p>	<p>chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức về hiện tượng biến âm và ngữ điệu của ngữ âm tiếng Hán; kiểm tra phát âm; làm các bài tập trong sách giáo trình và sách bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>	
<p>第一章：汉字的历史</p> <p>1. 古汉字的发现</p> <p>2. 汉字的产生</p> <p>3. 汉字形体的演变</p> <p>第二章：现代汉字的性质与特点</p> <p>1.现代汉字的性质</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp dạy học dự án, thuyết giảng, thuyết trình giới thiệu về lịch sử hình thành, đặc điểm tính chất và phương pháp cấu tạo chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh giới thiệu về</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>2</p>	<p>TL chính: [4.1.2]</p> <p>TLTK: [4.2.3]</p>
	<p>Bài tập</p>	<p>2</p>			
<p>Thảo luận</p>	<p>0</p>				
<p>Thực hành</p>	<p>0</p>				
<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>				

<p>2.现代汉字的特点</p> <p>第三章：现代汉字的造字法</p> <p>1. 动态溯源</p> <p>2. 静态描写</p> <p>思考与练习</p> <p>中期考核</p>	<p>lịch sử hình thành, đặc điểm tính chất và phương pháp cấu tạo chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, hỏi đáp, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ phụ trách làm slide và thuyết trình các chủ đề liên quan nội dung bài học; thông qua trò chơi, hỏi đáp, tìm về lịch sử hình thành, đặc điểm tính chất và phương pháp cấu tạo chữ Hán.</p>	<p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức và thiết kế sơ đồ tư duy về lịch sử hình thành, đặc điểm tính chất và phương pháp cấu tạo chữ Hán; làm các bài tập trong sách giáo trình và bài tập bổ trợ.</p> <p>- KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức ngữ âm tiếng Hán được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	
<p>第四章：现代汉字的字形——笔画与笔顺</p> <p>1. 笔画</p> <p>2. 笔顺</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp dạy học dự án, thuyết giảng, thuyết trình giới thiệu về chữ Hán, bộ thủ, các nét, thứ tự nét bút.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như:</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.2] TLTK: [4.2.3]</p>

<p>第五章：现代汉字的字形——部件与整字</p> <p>1. 部件</p> <p>2. 整字</p> <p>思考与练习</p>	<p>giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh giới thiệu về chữ Hán, bộ thủ, các nét, thứ tự nét bút.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, hỏi đáp, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ phụ trách làm slide và thuyết trình các chủ đề liên quan nội dung bài học; thông qua trò chơi, hỏi đáp, tìm về chữ Hán, bộ thủ, các nét, thứ tự nét bút.</p>	<p>chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức về chữ Hán, bộ thủ, các nét, thứ tự nét bút; làm các bài tập trong sách giáo trình và bài tập bổ trợ.</p>	Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	2	
<p>第六章：现代汉字的字音</p> <p>1.现代汉字字音的特点</p> <p>2.现代汉字形声字的表音功能</p> <p>第七章：现代汉字的字义</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp dạy học dự án, thuyết giảng, thuyết trình giới thiệu về âm và nghĩa của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh giới thiệu âm và nghĩa của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính: [4.1.2]</p> <p>TLTK: [4.2.3]</p>
			Bài tập	2	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>1.现代汉字字义的特点</p> <p>2.现代汉字形旁的表意功能</p> <p>思考与练习</p>	<p>làm việc nhóm, hỏi đáp, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ phụ trách làm slide và thuyết trình các chủ đề liên quan nội dung bài học; thông qua trò chơi, hỏi đáp, tìm về âm và nghĩa của chữ Hán.</p>	<p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức về đặc điểm và chức năng của âm và nghĩa trong chữ Hán; làm các bài tập trong sách giáo trình và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	
<p>第八章：现代汉字的字量</p> <p>1.汉字的总量</p> <p>2.现代汉字的字量</p> <p>第九章：现代汉字的字序</p> <p>1.音序法</p> <p>2.部首法</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp dạy học dự án, thuyết giảng, thuyết trình giới thiệu về số lượng và trật tự sắp xếp của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh giới thiệu số lượng và trật tự sắp xếp của</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.2]</p> <p>TLTK: [4.2.3]</p>

<p>3.笔画笔形查字法 4.四角号码查字法 思考与练习</p>	<p>chữ Hán. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, hỏi đáp, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ phụ trách làm slide và thuyết trình các chủ đề liên quan nội dung bài học; thông qua trò chơi, hỏi đáp, tìm hiểu về số lượng và trật tự sắp xếp của chữ Hán.</p>	<p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức về số lượng và trật tự sắp xếp của chữ Hán; làm các bài tập trong sách giáo trình và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	
<p>第十章：现代汉字的简化与规范化 1.现代汉字的简化 2.现代汉字的规范化 思考与练习</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp dạy học dự án, thuyết giảng, thuyết trình giới thiệu về phương thức giản hóa và quy phạm hóa của chữ Hán. - Dạy học theo phương pháp giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh giới thiệu phương thức giản hóa và quy</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1 1 0 0 0</p>	<p>TL chính: [4.1.2] TLTK: [4.2.3]</p>

	<p>phạm hóa của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, hỏi đáp, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ phụ trách làm slide và thuyết trình các chủ đề liên quan nội dung bài học; thông qua trò chơi, hỏi đáp, tìm hiểu về phương thức giản hóa và quy phạm hóa của chữ Hán.</p>	<p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức về phương thức giản hóa và quy phạm hóa của chữ Hán; làm các bài tập trong sách giáo trình và bài tập bổ trợ.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>2</p>	
--	--	---	-----------------------	----------	--

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), ghi âm, quay 		Đánh giá thường xuyên	Giảng viên

	video, làm slide thuyết trình,...			
<p>Điểm 2</p> <p>-Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra.</p> <p>- Tích cực, chủ động trong quá trình quan sát hoạt động của nhóm trình học tập</p> <p>- Có năng lực tự học, nghiên cứu</p> <p>- Có năng lực sáng tạo, tư duy</p> <p>- Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao.</p>	<p>- Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.</p> <p>- Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm).</p> <p>- Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức ngữ âm tiếng Hán được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên
<p>Điểm 3</p> <p>- Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong</p>	Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

<p>toàn học phần.</p> <p>- Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần.</p>	<p>của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức ngữ âm và văn tự tiếng Hán được học trong học phần Ngữ âm văn tự tiếng Hán.</p>			
--	---	--	--	--

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường.

TÊN HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NCKH TRONG NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

(Tên tiếng Anh.....)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2
- Lý thuyết: 15 tiết;
- Bài tập, thảo luận: 15 tiết;
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 60 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
		Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và Tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Khoa: Ngoại ngữ

+ Bộ môn: tiếng Trung Quốc

- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm

Số điện thoại: 0989291858 Email: phamngocham.nnvhtq@gmail.com

2. TS. Võ Thị Minh Hà

Số điện thoại: 0912017816 Email: minhha2001@yahoo.com

3. TS. Thái Tâm Giao

Số điện thoại: 0912930380 Email: thaitamgiao@yahoo.com

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.
- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Người học xác định được một cách đúng đắn vai trò, tầm quan trọng của học phần trong việc xây dựng phương pháp, nâng cao khả năng tư duy khoa học, từ đó chủ động tìm tòi sáng tạo trong nghiên cứu, phục vụ học tập hiện nay và phục vụ công việc sau khi ra trường.
- Thông qua thực hành, luyện tập nghiên cứu, người học hiểu rõ năng lực bản thân, mạnh dạn tham gia nghiên cứu khoa học, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu.
- Hình thành và phát triển tác phong, năng lực làm việc khoa học, chuyên nghiệp, coi trọng đạo đức nghề nghiệp và trau dồi tinh thần học hỏi cầu tiến.

- Năng lực:

- Người học hiểu và nắm được đối tượng, nhiệm vụ, những khái niệm cơ bản, các thao tác nghiên cứu liên quan đến một đề tài khoa học.
- Nắm được các quy định và cách viết luận văn khoa học bằng tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Việt.
- Hiểu và biết cách thực hiện nghiên cứu theo đúng yêu cầu của một đề tài nghiên cứu khoa học người học hoặc luận văn tốt nghiệp.
- Người học có thể tìm được đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực mình quan tâm
- Người học có kỹ năng thu thập, đọc và tóm lược được các tài liệu liên quan, từ đó có khả năng triển khai nghiên cứu bằng các thao tác nghiên cứu cơ bản trên

cơ sở các dữ liệu thu thập được.

-Người học có kỹ năng tư duy logic, hệ thống, suy đoán, tư duy phản biện khi tiếp cận và xử lý các vấn đề khoa học liên quan đến chuyên môn của mình

-Người học có khả năng quản lý thời gian, lập kế hoạch, triển khai, miêu tả, phân tích, giải quyết vấn đề, đánh giá hiệu quả công việc.

-Người học có thể lựa chọn đề tài, đặt tiêu đề, xác định mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi, nhất là phương pháp nghiên cứu, phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu, viết đề cương nghiên cứu, bài viết khoa học và luận văn theo quy định bằng tiếng Trung Quốc (hoặc tiếng Việt).

-Người học có khả năng hợp tác trong nghiên cứu.

• Kết quả học tập mong đợi của học phần

-100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.

• Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:
0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào trong các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	1	0	1	1	0	0	1	1	1	2	0

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
<p>Bài 1: Nhập môn PPLNCKH</p> <ul style="list-style-type: none"> -Giới thiệu học phần -Các khái niệm cơ bản -Quy trình nghiên cứu -SV thảo luận về mục đích, tầm quan trọng của học phần 	<ul style="list-style-type: none"> -Nắm được những khái niệm cơ bản và các kiến thức liên quan đến phương pháp luận nghiên cứu khoa học, hiểu được tầm quan trọng của học phần 	<ul style="list-style-type: none"> -Giới thiệu sơ bộ về học phần và một số khái niệm cơ bản -Phân tích, đánh giá cơ bản về mục đích, tầm quan trọng của học phần 	<ul style="list-style-type: none"> -Giới thiệu chi tiết về học phần và các khái niệm liên quan cần nắm vững -Phân tích, đánh giá, đưa ra nhìn nhận chuyên sâu về mục đích, tầm quan trọng của học phần
<p>Bài 2: Chọn và đặt tên đề tài</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chọn đề tài nghiên cứu -Thảo luận về một số lĩnh vực SV có thể nghiên cứu -Tìm hiểu và tập đánh giá một số tên đề tài 	<ul style="list-style-type: none"> -Nắm được cách chọn đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực cụ thể 	<ul style="list-style-type: none"> -Xác định lĩnh vực, đặt tên đề tài nghiên cứu khoa học -Đánh giá sơ bộ một số tên đề tài 	<ul style="list-style-type: none"> -Xác định chuyên ngành, lĩnh vực nghiên cứu, chọn và đặt tên đề tài chính xác, chuẩn mực, khoa học -Đánh giá chuyên sâu một số tên đề tài
<p>Bài 3: Thu thập, xử lý tài liệu, xây dựng kế hoạch nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> -Phương pháp thu thập, xử lý tài liệu -Xây dựng kế hoạch nghiên cứu -Xây dựng tổng quan lí thuyết -Thảo luận về xây dựng khung lí thuyết, 	<ul style="list-style-type: none"> -Nắm được phương pháp thu thập, xử lý tài liệu, biết cách xây dựng kế hoạch nghiên cứu, khung lí thuyết, câu hỏi nghiên cứu... 	<ul style="list-style-type: none"> -Xác định đề tài nghiên cứu, tiến hành thu thập và xử lý tài liệu -Xây dựng kế hoạch nghiên cứu, khung lí thuyết 	<ul style="list-style-type: none"> -Xác định đề tài nghiên cứu, thu thập và xử lý lượng tài liệu lớn, phức tạp -Xây dựng kế hoạch nghiên cứu cụ thể và

<p>xây dựng câu hỏi nghiên cứu</p> <p>Mục đích, đối tượng, phạm vi, nhiệm vụ nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đọc, phân tích ví dụ mẫu -Xác định mục đích nghiên cứu -Xác định đối tượng, phạm vi nghiên cứu -Xác định nhiệm vụ nghiên cứu -Thảo luận về xác định mục đích, đối tượng, phạm vi, nhiệm vụ nghiên cứu 	<ul style="list-style-type: none"> -Biết cách xác định mục đích, đối tượng, phạm vi, nhiệm vụ nghiên cứu -Nắm được vai trò của khung lý thuyết trong nghiên cứu khoa học 	<p>sơ bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> -Xác định mục đích, đối tượng, phạm vi, nhiệm vụ nghiên cứu của 1 số đề tài cụ thể <p>Xác định được các vấn đề lý luận có liên quan đến đề tài nghiên cứu cụ thể</p>	<p>khung lý thuyết chi tiết, có giá trị</p> <ul style="list-style-type: none"> -Xác định mục đích, đối tượng, phạm vi, nhiệm vụ nghiên cứu của 1 số đề tài nghiên cứu rộng, phức tạp - Tập viết được các vấn đề lý luận có liên quan đến một đề tài cụ thể
<p>Bài 4: Các phương pháp nghiên cứu cơ bản</p> <ul style="list-style-type: none"> -Giới thiệu chung về phương pháp khảo sát, điều tra -Xác định mục đích, đối tượng, nội dung, phương pháp khảo sát -Phương pháp xử lý kết quả khảo sát -Một số kỹ năng tư duy trong nghiên cứu khoa học 	<ul style="list-style-type: none"> -Nắm được những phương pháp và thủ pháp nghiên cứu, kỹ năng tư duy trong nghiên cứu khoa học 	<ul style="list-style-type: none"> -Vận dụng một số phương pháp nghiên cứu trong đề tài cụ thể và xử lý kết quả khảo sát -Luyện kỹ năng tư duy trong nghiên cứu khoa học 	<ul style="list-style-type: none"> -Vận dụng các phương pháp nghiên cứu tiến hành nghiên cứu đề tài, xử lý kết quả khảo sát khoa học, có sức thuyết phục -Rèn luyện kỹ năng tư duy trong nghiên cứu khoa học: phân tích đánh giá một số vấn đề khoa học
<p>Bài 5: Các phương pháp nghiên cứu cơ bản (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Phương pháp miêu tả 	<ul style="list-style-type: none"> -Nắm được kiến thức về một số phương pháp và thủ pháp nghiên cứu 	<ul style="list-style-type: none"> -Vận dụng một số phương pháp nghiên cứu tiến hành phân tích vai trò của từng 	<ul style="list-style-type: none"> -Vận dụng lý luận về các phương pháp nghiên cứu tiến hành xác định phương

<ul style="list-style-type: none"> -Phương pháp phân tích -Phương pháp đối chiếu so sánh -Thảo luận về xác định phương pháp nghiên cứu, vai trò của từng phương pháp -Thủ pháp thống kê -Phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính -Các phương pháp và thủ pháp nghiên cứu khác -Thảo luận về phương pháp, thủ pháp nghiên cứu 		<p>phương pháp trong quá trình nghiên cứu</p>	<p>pháp nghiên cứu đối với một đề tài cụ thể</p> <p>Biết viết mục phương pháp nghiên cứu trong luận văn hoặc bài báo khoa học.</p>
<p>Bài 6: Phương pháp xây dựng đề cương nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tập đọc và phân tích ví dụ mẫu -Thảo luận về đề cương -Tập xây dựng đề cương nghiên cứu <p>Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> -Vai trò của dữ liệu trong nghiên cứu khoa học 	<p>-Nắm được phương pháp xây dựng đề cương nghiên cứu</p>	<p>-Xây dựng khung đề cương nghiên cứu</p>	<p>-Xây dựng đề cương nghiên cứu chi tiết, khoa học</p>
<p>Bài 7: Thu thập dữ liệu, tập viết phần mở đầu</p>	<p>-Nắm được các phương pháp</p>	<p>-Xác định ngữ liệu phục vụ cho một đề tài cụ thể</p>	<p>-Phân tích ví dụ mẫu để nắm được cách xử lý dữ</p>

<ul style="list-style-type: none"> -Tập đọc và phân tích ví dụ mẫu -Xác định cấu trúc của phần mở đầu -Tập viết phần mở đầu -Thảo luận về phần mở đầu <p>Tập viết các chương</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đọc, phân tích ví dụ mẫu -Cách đặt tên chương và các tiêu mục -Thảo luận về các triển khai nội dung các chương nghiên cứu -Thảo luận về cách viết nội dung các chương 	<p>thu lập dữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nắm được cấu trúc của phần mở đầu - Nắm được mối liên hệ logic giữa các mục trong phần mở đầu 	<p>và</p> <p>các phương pháp thu thập dữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tập phân tích cấu trúc phần mở đầu đối với một đề tài nghiên cứu cụ thể. - Tập viết từng phần cấu thành phần mở đầu đề tài nghiên cứu 	<p>liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nắm được và tập xử lí dữ liệu -Viết phần mở đầu hoàn chỉnh của một đề tài nghiên cứu cụ thể
<p>Bài 8: Tập viết các chương (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tập viết một số nội dung trong từng chương -Vai trò của bảng biểu, phương pháp xây dựng bảng biểu, sơ đồ -Phân tích số liệu trên bảng biểu, sơ đồ -Tập viết tiểu kết và kết luận -Thảo luận, đánh giá về phương pháp viết và văn phong khoa học 	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cách triển khai nội dung chính của đề tài - Nắm được đặc điểm và cách viết tên chương cũng như tên tiêu mục - Nắm được cấu trúc cách viết nội dung từng chương, hiểu vai trò của bảng biểu và biết cách xây dựng bảng biểu, phân tích số liệu 	<ul style="list-style-type: none"> -Tập phân tích một số cách triển khai nội dung chính và tên chương, tên tiêu mục - Viết một số nội dung đơn giản của chương -Tập lập bảng biểu, phân tích số liệu 	<ul style="list-style-type: none"> -Tập viết nội dung của một chương hoàn chỉnh trong đề tài nghiên cứu -Lập bảng biểu chính xác, phân tích số liệu khoa học, có sức thuyết phục
<p>Bài 9: Phương pháp trình bày một luận</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Nắm được phương pháp 	<ul style="list-style-type: none"> -Tập thiết lập cấu trúc bài 	<ul style="list-style-type: none"> -Thiết lập cấu trúc bài

<p>văn khoa học</p> <ul style="list-style-type: none"> -Quan sát một bài luận văn khoa học -Thảo luận, đánh giá về cấu trúc, cách trình bày từng phần -Phương pháp trích dẫn tư liệu -Tài liệu tham khảo và phụ lục 	<p>trình bày bài nghiên cứu khoa học</p>	<p>nghiên cứu khoa học nhỏ</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đánh giá, phân tích cấu trúc, cách trình bày các phần trong bài nghiên cứu 	<p>nghiên cứu khoa học quy mô lớn hơn, chẳng hạn như luận văn tốt nghiệp, đề tài khoa học người học</p> <ul style="list-style-type: none"> -Phân tích, đánh giá, phân tích cấu trúc, cách trình bày một số đề tài cụ thể
<p>Bài 10: Phương pháp viết tóm tắt đề tài và xác định từ khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đọc và phân tích ví dụ mẫu -Yêu cầu của một bản tóm tắt -Thảo luận về vai trò, yêu cầu và phương pháp viết tóm tắt -Tập viết tóm tắt và xác định từ khóa 	<ul style="list-style-type: none"> -Nắm được yêu cầu của bản tóm tắt, phương pháp viết tóm tắt nội dung đề tài và cách xác định từ khóa 	<ul style="list-style-type: none"> -Tập viết tóm tắt nội dung đề tài, xác định từ khóa của đề tài cụ thể 	<ul style="list-style-type: none"> -Viết tóm tắt nội dung đề tài, xác định từ khóa của đề tài rộng, phức tạp

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Phương pháp Nghiên cứu khoa học trong Ngôn ngữ Trung**

Quốc cung cấp cho người học đối tượng, phạm vi, nhiệm vụ, những khái niệm cơ bản và các kiến thức liên quan đến phương pháp luận nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các phương pháp và thủ pháp nghiên cứu, cách tìm đề tài, thu thập tài liệu, dữ liệu, xây dựng đề cương và thực hiện trọn vẹn một nghiên cứu hoặc đề tài, luận văn bằng tiếng Trung Quốc (hoặc tiếng Việt).

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1] Vũ Cao Đàm, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, H. NXB Khoa học kỹ thuật, 1996

[4.1.2] 文秋芳等《应用语言学研究方法与论文写作》北京，外语教学与研究出版社，2004

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] Phạm Ngọc Hàm, Ngô Minh Nguyệt, *Phương pháp luận NCKH*, NXB ĐHQGHN, 2016

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm
 - + Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:
 - + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....
 - + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp/ Bài tập lớn,

viết các đoạn văn theo chủ đề đã học/ Quay video hội thoại về các chủ đề đã học/
Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
Bài 1: Nhập môn PPLNCKH -Giới thiệu học phần -Các khái niệm cơ bản -Quy trình nghiên cứu -SV thảo luận về mục đích, tầm quan trọng của học phần	- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định nội dung trọng điểm Giải thích các khái niệm quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng ghi chép đầy đủ - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học	Lí thuyết	1	4.1.1
			Bài tập	0	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	

<p>Bài 2: Chọn và đặt tên đề tài</p> <p>-Chọn đề tài nghiên cứu</p> <p>-Thảo luận về một số lĩnh vực SV có thể nghiên cứu</p> <p>-Tìm hiểu và tập đánh giá một số tên đề tài</p>	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định nội dung trọng điểm Giải thích các khái niệm quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng ghi chép đầy đủ</p> <p>- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	Lí thuyết	1	4.1.1
			Bài tập	0	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
<p>Bài 3: Thu thập, xử lý tài liệu, xây dựng kế hoạch nghiên cứu</p> <p>-Phương pháp thu thập, xử lý tài liệu</p>	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định nội dung trọng điểm Giải thích các khái niệm quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng ghi chép đầy đủ</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p>	Lí thuyết	1	4.1.1
			Bài tập	0	

<p>-Xây dựng kế hoạch nghiên cứu</p> <p>-Xây dựng tổng quan lí thuyết</p> <p>-Thảo luận về xây dựng khung lí thuyết, xây dựng câu hỏi nghiên cứu</p> <p>Mục đích, đối tượng, phạm vi,</p> <p>nhiệm vụ nghiên cứu</p> <p>-Đọc, phân tích ví dụ mẫu</p> <p>-Xác định mục đích nghiên cứu</p> <p>-Xác định đối tượng, phạm vi nghiên cứu</p> <p>-Xác định nhiệm vụ nghiên cứu</p> <p>-Thảo luận về xác định mục đích, đối tượng, phạm vi, nhiệm vụ</p>	<p>- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	

ngiên cứu					
<p>Bài 4: Các phương pháp nghiên cứu cơ bản</p> <ul style="list-style-type: none"> -Giới thiệu chung về phương pháp khảo sát, điều tra -Xác định mục đích, đối tượng, nội dung, phương pháp khảo sát -Phương pháp xử lý kết quả khảo sát -Một số kỹ năng tư duy trong nghiên cứu khoa học 	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định nội dung trọng điểm Giải thích các khái niệm quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng ghi chép đầy đủ</p> <p>- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	Lí thuyết	1	4.1.1
			Bài tập	0	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 5: Các phương pháp nghiên cứu	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định nội dung trọng điểm</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên</p>	Lí thuyết	1	4.1.1

cơ bản (tiếp) -Phương pháp miêu tả -Phương pháp phân tích -Phương pháp đối chiếu so sánh -Xác định phương pháp nghiên cứu, vai trò của từng phương pháp -Thủ pháp thống kê -Phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính -Các phương pháp và thủ pháp nghiên cứu khác	Giải thích các khái niệm quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng ghi chép đầy đủ - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.	trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học	Bài tập	0	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 6: Phương pháp xây dựng đề	- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định nội dung trọng điểm	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên	Lí thuyết	1	4.1.1

<p>cương nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tập đọc và phân tích ví dụ mẫu -Tập xây dựng đề cương nghiên cứu Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu -Vai trò của dữ liệu trong nghiên cứu khoa học -Các phương pháp thu thập dữ liệu -Tập xây dựng câu hỏi khảo sát -Phương pháp xử lý dữ liệu 	<p>Giải thích các khái niệm quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng ghi chép đầy đủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên. 	<p>trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học 	Bài tập	0	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
<p>Bài 7: Thu thập dữ liệu, tập viết phần mở đầu</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tập đọc và phân tích ví dụ mẫu về 	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định nội dung trọng điểm</p> <p>Giải thích các khái niệm quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng ghi chép đầy đủ</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p>	Lí thuyết	1	4.1.1
			Bài tập	0	

<p>cách thu thập và xử lý dữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> -Xác định cấu trúc của phần mở đầu -Tập viết phần mở đầu các chương -Đọc, phân tích ví dụ mẫu -Cách đặt tên chương và các tiêu mục -Triển khai nội dung các chương nghiên cứu -Cách viết nội dung các chương 	<p>- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15’-30’ về nội dung đã học</p>	Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
<p>Bài 8: Tập viết các chương (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tập viết một số nội dung trong từng chương 	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định nội dung trọng điểm Giải thích các khái niệm quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng ghi chép đầy đủ</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p>	Lí thuyết	1	4.1.1
Bài tập	0				

<p>-Vai trò của bảng biểu, phương pháp xây dựng bảng biểu, sơ đồ</p> <p>-Phân tích số liệu trên bảng biểu, sơ đồ</p> <p>-Tập viết tiêu kết và kết luận</p> <p>-Thảo luận, đánh giá về phương pháp viết và văn phong khoa học</p>	<p>- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15’-30’ về nội dung đã học</p>	Thảo luận	2	
Thực hành	0	Tự học có hướng dẫn	0		
Tự học, NC	6				
<p>Bài 9: Phương pháp trình bày một luận văn khoa học</p> <p>-Quan sát một bài luận văn khoa học</p> <p>-Thảo luận, đánh giá về cấu trúc, cách trình bày từng phần</p>	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định nội dung trọng điểm Giải thích các khái niệm quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng ghi chép đầy đủ</p> <p>- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15’-30’ về nội dung đã học</p>	Lí thuyết	1	
Bài tập	0	Thảo luận	2		

<p>-Phương pháp trích dẫn tư liệu -Tài liệu tham khảo và phụ lục</p>	<p>viên.</p>		<p>Thực hành</p>	<p>0</p>	
<p>Bài 10: Phương pháp viết tóm tắt đề tài và xác định từ khóa -Đọc và phân tích ví dụ mẫu -Yêu cầu của một bản tóm tắt -Thảo luận về vai trò, yêu cầu và phương pháp viết tóm tắt -Tập viết tóm tắt và xác định từ khóa</p>	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định nội dung trọng điểm Giải thích các khái niệm quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng ghi chép đầy đủ - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15’-30’ về nội dung đã học</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>1</p>	<p>4.1.1</p>
			<p>Bài tập</p>	<p>0</p>	
			<p>Thảo luận</p>	<p>2</p>	
			<p>Thực hành</p>	<p>0</p>	
			<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>	

			Tự học, NC	6	
--	--	--	-----------------------	----------	--

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), quay video, làm slide thuyết trình,... 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá trình quan sát hoạt động của nhóm trình 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên

<p>học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. 			
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức đã học</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: PHIÊN DỊCH NÂNG CAO

(Tên tiếng Anh: Advanced Interpreting)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 04
- Lý thuyết, bài tập, thảo luận: 60 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết
- Tự học: 120 tiết
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghệ vụ <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Phiên dịch cơ sở
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và Tiếng Trung

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại Ngữ
 - + Bộ môn: Tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Vũ Thanh Hương

Số điện thoại: 0969617555 Email: huongvt@daihocthudo.edu.vn

2. TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886 Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong2@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá trong môi trường làm việc.
 - Tự trọng, tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với khả năng.

- Rèn luyện thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Người học nắm được các kỹ năng, kỹ xảo dịch chuyên sâu hơn và các từ vựng, cấu trúc câu chuyên dùng trong các lĩnh vực ngoại giao, kinh tế, chính trị, văn hóa, văn học, du lịch v.v
 - Người học có khả năng phiên dịch cho các cuộc hội thoại có nội dung thông thường, quen thuộc; làm phiên dịch trong các tình huống đòi hỏi phải nắm được các thuật ngữ chuyên ngành hoặc các khái niệm chuyên ngành phức tạp; làm phiên dịch trong các tình huống đòi hỏi phải có kiến thức sâu về ngôn ngữ ở cả tiếng Trung Quốc và tiếng Việt, truyền tải được nội dung của thông điệp với mức độ chính xác có thể chấp nhận được và có thể hiểu được đối với người nghe ở ngôn ngữ đích.
 - Người học nắm bắt thông tin, xử lý thông tin và khả năng phản xạ nhanh, thực hiện các bài dịch trong một thời gian quy định.
- Kết quả học tập mong đợi của học phần

100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của bài học	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
<p>第一课：汉越词的译法</p> <p>一、汉越翻译</p> <p>二、越汉翻译</p> <p>三、语言点：汉越词的特点以及译法</p>	<p>-Hiểu được đặc điểm của từ Hán Việt và cách vận dụng từ Hán Việt trong dịch Việt Trung, Trung Việt.</p>	<p>-Nắm được cách dịch từ Trung sang Việt, từ Việt sang Trung các từ Hán Việt thường nhầm lẫn trong tiếng Trung và tiếng Việt có liên quan đến chủ đề ngoại giao, kinh tế.</p>	<p>- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói những đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề ngoại giao, kinh tế, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề ngoại giao, kinh tế sao cho phù hợp với văn phong tiếng Trung hoặc tiếng Việt.</p>
<p>第二课：多定语的译法</p> <p>一、汉越翻译</p> <p>二、越汉翻译</p> <p>三、语言点：汉语和越南语多定语的特点以及译法</p>	<p>- Hiểu được thứ tự sắp xếp định ngữ trong câu tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Hiểu được cách dịch các câu có nhiều định ngữ và thứ tự dịch các định ngữ trong câu.</p>	<p>- Nắm được cách dịch các câu có nhiều định ngữ và thứ tự dịch các định ngữ từ Trung sang Việt và từ Việt sang Trung.</p> <p>- Nắm được cách dịch các cấu trúc câu trọng điểm và các từ, các câu thường dùng trong chủ đề giáo dục, văn hóa, xã hội.</p>	<p>- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề giáo dục, văn hóa, xã hội.</p> <p>- Phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề giáo dục, văn hóa, xã hội và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với khẩu ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.</p>

<p>第三课：连词的译法</p> <p>一、汉越翻译</p> <p>二、越汉翻译</p> <p>三、语言点：汉语和越南语连词的特点以及译法</p>	<p>- Hiểu được các loại liên từ, đặc điểm, ý nghĩa và cách sử dụng chúng trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Hiểu được cách dịch các loại liên từ trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p>	<p>- Nắm được cách dịch các loại liên từ và nắm được các cách dịch khác nhau khi chúng nằm trong các câu khác nhau và trong các ngữ cảnh khác nhau.</p> <p>- Nắm được cách dịch các cấu trúc câu trọng điểm và các từ, các câu thường dùng trong chủ đề hợp tác quốc tế.</p>	<p>- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề hợp tác quốc tế.</p> <p>- Phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề hợp tác quốc tế và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với khẩu ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.</p>
<p>第四课：多译法词语的翻译</p> <p>一、汉越翻译</p> <p>二、越汉翻译</p> <p>三、语言点：汉语和越南语多译法词语的翻译</p>	<p>- Hiểu được đặc điểm và cách sử dụng của từ đa nghĩa trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Hiểu được cách dịch các từ đa nghĩa.</p>	<p>- Nắm được cách dịch các từ đa nghĩa và nắm được các cách dịch khác nhau khi chúng nằm trong các câu khác nhau và trong các ngữ cảnh khác nhau.</p> <p>- Nắm được cách dịch các cấu trúc câu trọng điểm và các từ, các câu thường dùng trong chủ đề thể thao.</p>	<p>- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề thể thao.</p> <p>- Phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề thể thao và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.</p>
<p>第五课：成语的译法</p>	<p>- Hiểu được đặc điểm cách sử dụng và sự</p>	<p>- Nắm được cách dịch các thành ngữ và nắm được các cách dịch</p>	<p>- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung</p>

<p>一、汉越翻译 二、越汉翻译 三、语言点：汉语和越南语成语的特点以及译法</p>	<p>khác nhau giữa thành ngữ tiếng Trung và tiếng Việt. - Hiểu được cách dịch thành ngữ trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p>	<p>khác nhau khi chúng nằm trong các câu khác nhau và trong các ngữ cảnh khác nhau. - Nắm được cách dịch các cấu trúc câu trọng điểm và các từ, các câu thường dùng trong chủ đề tin tức, giải trí.</p>	<p>thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề tin tức, giải trí. - Phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề tin tức, giải trí và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.</p>
<p>第六课：术语的译法 一、汉越翻译 二、越汉翻译 三、语言点：术语的特点以及译法</p>	<p>- Hiểu được đặc điểm và cách sử dụng thuật ngữ kinh tế- thương mại- du lịch trong tiếng Trung và tiếng Việt. - Hiểu được cách dịch các thuật ngữ chuyên ngành kinh tế- thương mại- du lịch.</p>	<p>- Nắm được cách dịch các thuật ngữ kinh tế- thương mại- du lịch và nắm được các cách dịch khác nhau khi chúng nằm trong các câu khác nhau và trong các ngữ cảnh khác nhau. - Nắm được cách dịch các cấu trúc câu trọng điểm và các từ, các câu thường dùng trong chủ đề kinh tế- thương mại- du lịch.</p>	<p>- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề kinh tế- thương mại- du lịch.. - Phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề kinh tế- thương mại- du lịch và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.</p>
<p>第七课：长句的译法</p>	<p>- Hiểu được đặc điểm, cấu trúc và</p>	<p>- Nắm được cách dịch các câu dài và nắm được các cách dịch khác</p>	<p>- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung</p>

<p>一、汉越翻译 二、越汉翻译 三、语言点：长句的特点以及译法</p>	<p>cách phân tích câu dài trong tiếng Trung và tiếng Việt. - Hiểu được cách dịch các câu dài trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p>	<p>nhau khi chúng nằm trong các câu khác nhau và trong các ngữ cảnh khác nhau. - Nắm được cách dịch các cấu trúc câu trọng điểm và các từ, các câu thường dùng trong chủ đề giao lưu hữu nghị.</p>	<p>thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề giao lưu hữu nghị. - Phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề giao lưu hữu nghị và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.</p>
--	---	--	---

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Phiên dịch nâng cao** cung cấp thêm cho người học lượng từ vựng và các cấu trúc thông dụng phục vụ công tác phiên dịch và thực hành phiên dịch một số bài dịch nói với nội dung liên quan đến văn hóa, giáo dục, xã hội, ngoại giao, kinh tế thương mại, tin tức, du lịch, giao lưu hữu nghị...; rèn luyện cho người học khả năng thực hành dịch nói những nội dung, chủ đề chuyên sâu hơn trên cơ sở năng lực phiên dịch cơ sở đã có. Học phần Phiên dịch nâng cao giúp người học nắm được cách dịch liên từ, từ Hán Việt, từ đa nghĩa, thuật ngữ, thành ngữ, câu nhiều định ngữ, câu dài... sao cho phù hợp với văn phong tiếng Việt và tiếng Trung Quốc. Học phần còn phát triển kỹ năng biểu đạt giúp người học nâng cao khả năng ngôn ngữ của mình, nắm chắc hơn về ngữ pháp, từ vựng trong các lĩnh vực chuyên ngành nhất định. Đồng thời, người học học được các kỹ năng kỹ xảo phục vụ cho công việc phiên dịch nhanh chóng và hiệu quả hơn.

4. Tài liệu học tập

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 赵玉兰 《越汉翻译教程》，北京大学出版社，2002

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. 钱歌钊 《翻译的技巧》，北京联合出版公司，2015

[4.2.2]. 詹成 《会议口译常用语手册》，外语教学与研究出版社，2015

[4.2.3]. 梁远等编著 《实用汉越互译技巧》，民族出版社出版，2005

[4.2.4]. Các trang web: <http://www.luyendichtiengtrung.com>,
<http://www.xinhuanet.cn>, <http://dantiengtrung.com>

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Suru tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm

+ Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức phiên dịch nâng cao được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Kiểm tra vấn đáp/ Bài tập lớn, chuẩn bị các đoạn video theo chủ đề đã học/ Quay video phiên dịch về các nội dung đã học...

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài thi.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần, phương pháp và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
<p>第一课：汉越词的译法</p> <p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: cách dịch từ Hán Việt trong tiếng Trung và tiếng Việt</p> <p>2. Bài khóa</p> <p>2.1 Dịch Trung Việt</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch từ Hán Việt trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau trong</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>
			Bài tập	4	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>2.2 Dịch Việt Trung</p> <p>3. Luyện tập</p>	<p>cách biểu đạt của từ Hán Việt trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch theo chủ đề ngoại giao, kinh tế.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung có chủ đề ngoại giao, kinh tế và cho SV xem rồi luyện dịch.</p>	<p>dịch từ Hán Việt, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>16</p>	
<p>第二课：多定语的译法</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về thứ tự các định ngữ trong câu nhiều định ngữ và</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p>	<p>2</p> <p>4</p>	<p>TL chính: [4.1.1]</p>

<p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: thứ tự các định ngữ trong câu nhiều định ngữ và cách dịch.</p> <p>2 Bài khóa</p> <p>2.1 Dịch Trung Việt</p> <p>2.2 Dịch Việt Trung</p> <p>3 Luyện tập</p>	<p>cách dịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề giáo dục, văn hóa, xã hội và có sử dụng các câu nhiều định ngữ để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau trong thứ tự sắp xếp và cách dịch các định ngữ trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề giáo dục, văn hóa, xã hội.</p>	<p>thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các định ngữ trong câu, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.</p>	Thảo luận	2	TLTK: [4.2.1]
			Thực hành	0	[4.2.2]
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.3]
			Tự học, NC	16	[4.2.4]

	<p>- Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho sinh viên đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của giảng viên, rèn luyện cho sinh viên phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề giáo dục, văn hóa, xã hội cho SV xem rồi luyện dịch.</p>			
<p>第三课：连词的译法</p> <p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: cách dịch liên từ trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch liên từ.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề hợp tác quốc tế và có sử dụng liên từ để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>		

2. Bài khóa 2.1 Dịch Trung Việt 2.2 Dịch Việt Trung 3. Luyện tập	- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau trong cách dùng liên từ, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt của tiếng Trung và tiếng Việt. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề hợp tác quốc tế. - Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch. - Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề hợp tác quốc tế cho sinh viên xem rồi luyện dịch.	- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các liên từ, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.	Lí thuyết	2	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]
			Bài tập	4	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	16	

<p>第四课：多译法 词语的翻译</p> <p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: cách dịch từ đa nghĩa</p> <p>2 Bài khóa</p> <p>2.1 Dịch Trung Việt</p> <p>2.2 Dịch Việt Trung</p> <p>3 Luyện tập</p> <p>4. Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra vấn đáp.</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch từ đa nghĩa</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề thể thao và có sử dụng các từ đa nghĩa để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt các ý nghĩa khác nhau và các cách biểu đạt khác nhau của các từ đa nghĩa trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề thể thao.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch từ đa nghĩa, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra vấn đáp. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức học phần Phiên dịch nâng cao được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]</p>
			Bài tập	4	
			Thảo luận	3	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
Tự học, NC	18				

	<p>- Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề thể thao cho SV xem rồi luyện dịch.</p>				
<p>第五课：成语的译法</p> <p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: cách dịch thành ngữ</p> <p>2 Bài khóa</p> <p>2.1 Dịch Trung Việt</p> <p>2.2 Dịch Việt Trung</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch thành ngữ.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề tin tức, giải trí và có sử dụng các thành ngữ để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau giữa</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, dịch bài trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>2</p> <p>4</p> <p>3</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>

3 Luyện tập	<p>thành ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề tin tức, giải trí.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho sinh viên phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề ngoại giao cho SV xem rồi luyện dịch.</p>	<p>dịch thành ngữ, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>18</p>	
<p>第六课：术语的译法</p> <p>1. Trọng điểm ngôn</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch thuật ngữ kinh tế, thương mại, du lịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, dịch bài</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p>	<p>2</p> <p>4</p> <p>3</p>	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1]</p>

<p>ngữ: cách dịch thuật ngữ kinh tế, thương mại, du lịch.</p> <p>2 Bài khóa</p> <p>2.1 Dịch Trung Việt</p> <p>2.2 Dịch Việt Trung</p> <p>3 Luyện tập</p>	<p>tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề kinh tế, thương mại, du lịch để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau trong cách dùng thuật ngữ kinh tế, thương mại, du lịch trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề kinh tế, thương mại, du lịch.</p>	<p>trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các thuật ngữ kinh tế, thương mại, du lịch, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.</p>	Thực hành	0	[4.2.2]
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.3]
			Tự học, NC	18	[4.2.4]

	<p>- Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề kinh tế, thương mại, du lịch cho SV xem rồi luyện dịch.</p>				
<p>第七课：长句的译法</p> <p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: cách dịch câu dài</p> <p>2 Bài khóa</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cấu trúc và cách phân tích câu dài.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề giao lưu hữu nghị và có sử</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, dịch bài trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>2</p> <p>4</p> <p>3</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>

2.1 Dịch Trung Việt	dụng câu dài để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.	- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.4]
2.2 Dịch Việt Trung	- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau trong				

<p>3 Luyện tập</p>	<p>cách biểu đạt câu dài của tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề giao lưu hữu nghị.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: dùng đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề giao lưu hữu nghị cho SV xem rồi luyện dịch.</p>	<p>GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các câu dài, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>18</p>	
---------------------------	---	--	-----------------------	-----------	--

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài dịch trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, làm bài tập lớp, làm bài tập nhóm, quay video, làm slide thuyết trình,... 	<p>10 %</p>	<p>Đánh giá thường xuyên</p>	<p>Giảng viên</p>

<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá trình quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lý các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: Kiểm tra vấn đáp; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức phiên dịch nâng cao được học đến thời điểm kiểm tra. 	<p>30 %</p>	<p>Trong quá trình học</p>	<p>Giảng viên</p>
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. 	<p>60 %</p>	<p>Cuối học phần</p>	<p>Nhà trường tổ chức thi</p>

	- Phương pháp đánh giá: Thi vấn đáp; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học trong học phần Phiên dịch nâng cao.			
--	--	--	--	--

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: BIÊN DỊCH NÂNG CAO

(Tên tiếng Anh: Advanced Translation)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 04;
- Lý thuyết: 15 tiết;
- Bài tập: 45 tiết;
- Thảo luận, làm việc nhóm: 15 tiết;
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 120 tiết.
- Loại học phần: *Bắt buộc*

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Biên dịch cơ sở
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: Tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Đinh Thị Thảo

Số điện thoại: 0987092698 Email: dtthao@daihocthudo.edu.vn

2. TS. Lê Quang Sáng

Số điện thoại: 0948273622 Email: lequangsang@ftu.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong2@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:

- Người học nhận thức được tầm quan trọng của học phần đối với nghề nghiệp sau này.
- Người học yêu thích, hứng thú, tích cực, tự giác, tích cực chủ động trong các hoạt động do người dạy đề xuất hoặc do người học tự đề xuất để thực hiện.
- Năng lực:
 - Người học được mở rộng vốn từ vựng và các cấu trúc nâng cao để dịch Trung - Việt, Việt - Trung các tài liệu chuyên ngành thuộc nhiều chủ đề khác nhau như phong tục tập quán, ngày lễ truyền thống, danh lam thắng cảnh, hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, thể thao, tin tức, hợp đồng.v.v.
 - Người học nắm được các kỹ năng ngôn ngữ và kỹ thuật cần thiết, các tiêu chí để đánh giá chất lượng biên dịch, làm chủ các chiến lược biên dịch cũng như có cơ hội rèn luyện các kỹ năng này, xử lý tốt các tình huống biên dịch khác nhau.
 - Người học có khả năng tư duy độc lập, khả năng hợp tác, khả năng thuyết trình, khả năng làm việc nhóm, khả năng tìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin liên quan đến học phần thông qua việc tự đọc sách, tự nghiên cứu tài liệu.
 - Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	1	1	1

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第一课：民族风情	Nắm được từ vựng, cấu trúc nâng cao trong các văn bản dịch có nội dung phong tục tập quán	dịch được các đoạn văn trong bài có nội dung phong tục tập quán	Vận dụng thành thạo các kỹ năng dịch văn bản có chủ đề phong tục tập quán, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc
第二课：传统节日	Nắm được từ vựng, cấu trúc nâng cao trong các văn bản dịch có nội dung về ngày lễ truyền thống	dịch được các đoạn văn trong bài có nội dung phong tục tập quán	Vận dụng thành thạo các kỹ năng dịch văn bản có chủ đề ngày lễ truyền thống, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc
第三课：名胜古迹	Nắm được từ vựng, cấu trúc nâng cao trong các văn bản dịch có nội dung về danh lam thắng cảnh	dịch được các đoạn văn trong bài có nội dung danh lam thắng cảnh	Vận dụng thành thạo các kỹ năng dịch văn bản có chủ đề danh lam thắng cảnh, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc
第四课：文化	Nắm được từ vựng, cấu trúc nâng cao trong các văn bản dịch có nội dung về văn hóa	dịch được các đoạn văn trong bài có nội dung về văn hóa	- Vận dụng thành thạo các kỹ năng dịch văn bản có chủ đề văn hóa, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc
第五课：教育	Nắm được từ vựng, cấu trúc	dịch được các đoạn văn	- Vận dụng thành thạo các kỹ năng dịch văn bản có

	nâng cao trong các văn bản dịch có nội dung giáo dục	trong bài có nội dung giáo dục	chủ đề giáo dục, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc
第六课: 体育	Nắm được từ vựng, cấu trúc nâng cao trong các văn bản dịch có nội dung thể thao	dịch được các đoạn văn trong bài có nội dung thể thao	- Vận dụng thành thạo các kỹ năng dịch văn bản có chủ đề thể thao, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc
第七课: 经济合作	Nắm được từ vựng, cấu trúc nâng cao trong các văn bản dịch có nội dung về hợp tác kinh tế	dịch được các đoạn văn trong bài có nội dung hợp tác kinh tế	Vận dụng thành thạo các kỹ năng dịch văn bản có chủ đề hợp tác kinh tế, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc
第八课: 科学技术	Nắm được từ vựng, cấu trúc nâng cao trong các văn bản dịch có nội dung về khoa học kỹ thuật	dịch được các đoạn văn trong bài học có nội dung về khoa học kỹ thuật	Vận dụng thành thạo các kỹ năng dịch văn bản có chủ đề khoa học kỹ thuật, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc
第九课: 新闻	Nắm được từ vựng, cấu trúc nâng cao trong các văn bản dịch có nội dung về tin tức	dịch được các đoạn văn trong bài học có nội dung về tin tức	Vận dụng thành thạo các kỹ năng dịch văn bản lĩnh vực tin tức, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc
第十课: 合同	-Nắm được từ vựng, cấu trúc nâng cao trong các văn bản dịch có nội dung về hợp đồng	- dịch được các đoạn văn trong bài học có nội dung về chủ đề hợp đồng	- Vận dụng thành thạo các kỹ năng dịch văn bản có chủ đề hợp đồng, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Biên dịch nâng cao** tiếp tục rèn luyện cho người học khả năng thực hành dịch trên cơ sở năng lực thực hành tiếng đã có. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về dịch viết. Thông qua nội dung các bài dịch đề cập đến các lĩnh vực phong tục tập quán, ngày lễ truyền thống, danh lam thắng cảnh, hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, thể thao, tin tức, hợp đồng; giúp cho người học làm quen và rèn luyện kỹ năng dịch viết (Trung - Việt và Việt - Trung). Bên cạnh giáo trình chính, người học sẽ được tiếp xúc và làm việc với những văn bản có tính cập nhật cao và hoàn thành các nhiệm vụ mang tính thực tế của công tác dịch thuật. Học phần còn phát triển kỹ năng biểu đạt giúp người học nâng cao khả năng ngôn ngữ của mình, nắm chắc hơn về ngữ pháp, từ vựng tiếng Trung Quốc và có nền tảng để tiếp thu các học phần khác về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1] Giáo trình nội bộ do GV bộ môn tiếng Trung Quốc – ĐHTĐ HN biên soạn

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] 王衍军, 《中国民俗文化》, 暨南大学出版社, 2011 年出版

[4.2.2] 张英、金舒年, 《中国传统文化与现代生活》, 北京大学出版社, 2003 年出版

[4.2.3] *Nhân dân nhật báo Trung Quốc (Báo giấy)*: <http://paper.people.com.cn>

[4.2.4] *Nhân dân nhật báo Trung Quốc (online)*: <http://www.people.com.cn/>

[4.2.5] *Báo tin tức kinh tế Trung Quốc*: <http://www.cet.com.cn/>

[4.2.6] Báo Sài gòn giải phóng online: <http://www.sggp.org.vn/>

[4.2.7] *Báo nhân dân điện tử Việt Nam*: <http://cn.nhandan.com.vn/>

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên

- Hoàn thành các bài tập được giao:

+ Bài tập về nhà

- + Chuẩn bị bài mới
- + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
- + Bài tập thảo luận nhóm
- + Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm
 - Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:
- + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....
- + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức biên dịch cơ sở được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra viết/ Bài tập lớn / Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...
- + Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài thi.
 - Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一课：民族风情 一、汉越翻译 二、越汉翻译	-Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua bài tập dịch Trung - Việt, Việt - Trung	Lí thuyết	1,5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	3	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1,5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	12	
第二课：传统节日 一、汉越翻译 二、越汉翻译	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...	Lí thuyết	1,5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	3	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1,5	
			Thực hành	0	
			Tự học có	0	

	cách dịch bài khoá.	- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	hướng dẫn		
			Tự học, NC	12	
第三课：名胜古迹 一、汉越翻译 二、越汉翻译	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	1,5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	3	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1,5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	12	
第四课：文化 一、汉越翻译 二、越汉翻译	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra	Lí thuyết	1,5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	3	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1,5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	12	

		kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Tự học, NC	12	
第五课：教育 一、汉越翻译 二、越汉翻译 期中考试	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	1,5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	3	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1,5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	12	
第六课：体育 一、汉越翻译 二、越汉翻译	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua	Lí thuyết	1,5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	3	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1,5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	12	

		các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm			
第七课: 经济合作 一、汉越翻译 二、越汉翻译	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	1,5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.4] [4.2.5] [4.2.6] [4.2.7]
			Bài tập	3	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1,5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	12	
第八课: 科学技术 一、汉越翻译 二、越汉翻译	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	1,5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.4] [4.2.5] [4.2.6] [4.2.7]
			Bài tập	3	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1,5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	12	

		nghiệm			
第九课：新闻 一、汉越翻译 二、越汉翻译	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	1,5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.4] [4.2.5] [4.2.6] [4.2.7]
			Bài tập	3	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1,5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn		
			Tự học, NC	12	
第十课：合同 一、汉越翻译 二、越汉翻译	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	1	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.4] [4.2.5] [4.2.6] [4.2.7]
			Lí thuyết	1,5	
			Bài tập	3	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1,5	
			Thực hành	0	
			Tự học, NC	12	

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), quay video, làm slide thuyết trình,... 	10%	Cả học kì	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá qua quan sát hoạt động của nhóm trình học tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của 	10%	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên

<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: Kiểm tra tự luận, trắc nghiệm trên lớp, chấm bài tập về nhà, bài tập theo nhóm 			
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp, thời gian 60 phút.</p>	20%	Giữa kỳ	Giảng viên
		60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: dưới 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, phần mềm,...
- Địa điểm dạy học: tại trường, online.

TÊN HỌC PHẦN: LÝ THUYẾT DỊCH
(Tên Tiếng Anh:)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3 tín chỉ
- Lý thuyết: 30 tiết
- Bài tập, thảo luận nhóm: 15 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết
- Tự học: 90 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng Đọc 3, Kỹ năng Viết 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Đinh Thị Thảo

Số điện thoại: 0987092698 Email: dtthao@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Vũ Thanh Hương

Số điện thoại: 0969617555 Email: vthuong.nn@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.
- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Yêu thích và say mê môn học.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- **Năng lực:**
 - Nắm vững kiến thức cơ bản về hoạt động biên phiên dịch, các phương pháp và kỹ xảo chính trong dịch thuật.
 - Ứng dụng các kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử, xã hội, chính trị, kinh tế, giáo dục, du lịch... vào dịch thuật.
 - So sánh sự khác biệt giữa tiếng Trung và tiếng Việt, từ đó lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp với văn cảnh, ngắn gọn, rõ ràng, đúng ý và hiệu quả.
 - Phản ứng nhanh chóng trong hoạt động dịch thuật, giao tiếp xã hội nhanh nhẹn nhằm nâng cao hiệu quả công việc.
- **Kết quả học tập mong đợi của học phần**
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc			Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành du lịch				Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào trong các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	1	2	2	2	2	1	1	2	1	1	1

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第一章：翻译理论基础知识	- Hiểu được kiến thức lí luận cơ bản về hoạt động dịch thuật, gồm khái niệm, phân loại, quá trình, nguyên tắc, điều kiện...	- Phân biệt sự khác biệt giữa các loại hình dịch thuật	- Trên cơ sở lí luận, áp dụng các bước dịch thuật vào thực tế, gồm: giai đoạn lí giải văn bản gốc, giai đoạn biểu đạt) - Ứng dụng một số kỹ xảo được giới thiệu vào thực tế dịch thuật.
第二章：越语汉语称数法的对比和越语数词翻译	- Hiểu được lí luận cơ bản về cách dùng của số từ trong tiếng Trung và tiếng Việt	- So sánh, phân biệt cách sử dụng số từ trong tiếng Trung và tiếng Việt.	- Ứng dụng lí luận vào thực tiễn dịch số liệu trong văn bản.
第三章：越语汉语人称代词的对比和越语人称代词的翻译	- Hiểu được lí luận cơ bản về cách dùng của đại từ trong tiếng Trung và tiếng Việt.	- So sánh, phân biệt đại từ trong tiếng Trung và tiếng Việt.	- Ứng dụng lí luận vào thực tiễn dịch đại từ trong văn bản.
第四章：越语中汉语借词的词义演变和翻译中对汉语借词的处理	- Hiểu được lí luận cơ bản về ý nghĩa, quá trình biến đổi của từ mượn gốc Hán trong tiếng Việt. - Hiểu được cách thức xử lý khi	- So sánh, phân biệt từ thuần Việt và từ mượn gốc Hán.	- Ứng dụng lí luận vào thực tiễn dịch các từ mượn gốc Hán trong văn bản.

	gặp các từ mượn gốc Hán trong văn bản.		
第五章：虚词的翻译	- Nắm được lí luận cơ bản về cách dùng của hư từ trong tiếng Trung và tiếng Việt.	- So sánh phân biệt hư từ trong tiếng Trung và tiếng Việt.	- Ứng dụng lí luận vào thực tiễn dịch hư từ trong văn bản.
第六章：成语的翻译	- Nắm được lí luận cơ bản về nguồn gốc, ý nghĩa của thành ngữ tiếng Trung và tiếng Việt	- So sánh thành ngữ tiếng Trung và tiếng Việt	- Ứng dụng lí luận vào thực tiễn dịch thành ngữ, quán dụng ngữ, ngôn ngữ trong văn bản.
第七章：越语汉语定语的对 比及翻译	- Nắm được lí luận cơ bản về định ngữ trong tiếng Trung và tiếng Việt	- So sánh vị trí, ý nghĩa, cách dùng của định ngữ trong tiếng Trung và tiếng Việt	- Ứng dụng lí luận vào thực tiễn dịch định ngữ trong văn bản.
第八章：长句的翻译	- Nắm được các thành phần câu, thứ tự sắp xếp trong câu dài	- So sánh vị trí của các thành phần câu trong tiếng Trung và tiếng Việt	- Ứng dụng lí luận và thực tiễn dịch các câu dài trong văn bản.

3. Mô tả tóm tắt nội dung môn học:

Học phần **Lý thuyết dịch** gồm 8 chương, giới thiệu lí luận cơ bản về dịch thuật (khái niệm, phân loại, quá trình, nguyên tắc, điều kiện tiến hành dịch thuật), phân tích so sánh cách sử dụng của số từ, đại từ, từ mượn, hư từ, thành ngữ, định ngữ trong tiếng Trung và tiếng Việt, ứng dụng kiến thức lí luận vào thực tiễn dịch thuật. Cấu trúc một chương gồm lý thuyết, hệ thống ví dụ minh họa, luyện tập. Lý thuyết được giới thiệu đầy đủ, sắp xếp khoa học. Hệ thống ví dụ minh họa điển hình, được chọn lọc từ những văn bản có độ tin cậy cao, có tác dụng làm rõ kiến thức lý thuyết được giới thiệu. Bài tập thiết kế sau mỗi chương, độ khó tăng dần, phù hợp với trình độ người học.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 赵玉兰, 《越汉翻译教程》, 北京大学出版社, 2004

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. 梁远, 《实用汉越翻译技巧》, 民族出版社, 2005

[4.2.2]. Nguyễn Thiện Giáp, Từ và từ vựng học Tiếng Việt, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội

[4.2.3]. GS Nguyễn Lân, Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam, NXB Văn học

5. Nhiệm vụ của người học

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra viết trên lớp tại mỗi buổi học
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Suu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.
 - + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp.

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức dịch thuật tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: tự luận

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và hình thức giảng dạy	Phương pháp và hình thức KTĐG	Thời lượng		
Chương 1: 翻译理论基础知识 1. 什么是翻译 2. 翻译的种类 3. 翻译的过程 4. 翻译的标准 5. 做好翻译工作的基本条件	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về khái niệm phiên dịch, các loại hình phiên dịch, tiêu chuẩn của hoạt động phiên dịch, quá trình tiến hành hoạt động phiên dịch và những điều kiện cơ bản để tiến hành hoạt động phiên dịch. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành hệ thống bài tập cuối chương.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm, ...	Lý thuyết	2	
			Bài tập	0.5	
			Thảo luận	0.5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
Chương 2: 越语汉语称	- Dạy học theo phương pháp	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông	Lý	4	

<p>数法的对比和越语数词的翻译</p> <p>1.系位数词的对比和翻译</p> <p>2.倍数说法的对比和翻译</p> <p>3.百分数说法的对比和翻译</p>	<p>thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về phương pháp dịch số liệu (số thập phân, cấp số nhân, số phần trăm....) trong tiếng Hán và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng dịch thuật thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành hệ thống bài tập cuối chương.</p>	<p>qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	thuyết		
			Bài tập	1	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
Tự học, NC	12				
<p>Chương 3: 越语汉语人称代词的对比和越语人称代词的翻译</p> <p>1.人称代词的感情色彩</p> <p>2.家族称谓名词用做人</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch đại từ nhân xưng trong tiếng Hán và tiếng Việt (sắc thái, cách xưng hô, ý nghĩa của đại từ nhân</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	Lý thuyết	4	
			Bài tập	1	
			Thảo luận	1	
			Thực	0	

<p>称代词</p> <p>3.家族称谓名词与人称代词组合的特殊意义</p> <p>4.两个特殊人称代词的翻译</p> <p>5.特殊人称代词的翻译</p>	<p>xung)</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng dịch thuật thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành hệ thống bài tập cuối chương.</p>		hành		
<p>Chương 4: 越语中汉语借词的词义演变和翻译中对汉语借词的处理</p> <p>1.汉语借词是越语词汇的重要组成部分</p> <p>2.翻译中必须注意汉语借词的词义演变</p> <p>3.汉语借词词义演变的</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về giới từ và cách dịch giới từ trong tiếng Hán và tiếng Việt</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng dịch thuật thông qua hệ thống bài luyện tập.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	Lý thuyết	4	
			Bài tập	1	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng	0	

<p>两种主要模式</p> <p>4.越译汉中对汉语借词的处理</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành hệ thống bài tập cuối chương.</p>		dẫn		
<p>Chương 5: 虚词的翻译</p> <p>1.虚词在越语中的重要作用</p> <p>2.若干常用虚词的译法</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về hư từ và cách dịch hư từ trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng dịch thuật thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành hệ thống bài tập cuối chương.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	Lý thuyết	4	
			Bài tập	1	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	12	
<p>Chương 6: 成语的翻译</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông</p>	Lý	4	

<p>1.用同义的汉语成语翻译越语成语</p> <p>2.尽可能保留原文的形象</p> <p>3.译出原文成语的含义</p> <p>4.对汉根成语的处理</p>	<p>thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về thành ngữ và cách dịch thành ngữ trong tiếng Hán và tiếng Việt</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng dịch thuật thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành hệ thống bài tập cuối chương.</p>	<p>qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<p>thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p></p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>12</p>	
<p>Chương 7: 越语汉语定语的对比较及翻译</p> <p>1.前置定语</p> <p>2.后置定语</p> <p>3.注意分清定语和谓语的界限</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về định ngữ và cách dịch định ngữ trong tiếng Hán và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<p>Lý thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>4</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>0</p>	

4.仔细识别定语修饰的范围或对象	<p>tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng dịch thuật thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành hệ thống bài tập cuối chương.</p>		Tự học có hướng dẫn	0		
Chương 8: 长句的翻译 1.顺序译法 2.逆序译法 3.拆译法	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về phương pháp xử lí và dịch thuật các câu dài trong tiếng Hán và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng dịch thuật thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành hệ thống bài tập cuối chương.</p>	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...	Lý thuyết	4		
			Bài tập	1		
			Thảo luận	1		
			Thực hành	0		
			Tự học có hướng dẫn	0		
			Tự học, NC	12		

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (tự luận) 	10 %	Thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá kỹ năng dịch đại từ nhân xưng, dịch số liệu, dịch giới từ và dịch hư từ trong tiếng Hán và tiếng Việt 	<p>Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: Kiểm tra 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên

<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>viết từ luận</p> <p>Thời gian 60 phút</p> <p>Nội dung: liên quan toàn bộ kiến thức, kỹ năng thực hành dịch thuật được học đến thời điểm</p>			
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học trong toàn học phần. -Đánh giá kỹ năng dịch số liệu, dịch đại từ nhân xưng, dịch giới từ, dịch hư từ, dịch thành ngữ, dịch định ngữ và dịch câu dài trong tiếng Hán và tiếng Việt. 	<p>-Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Hình thức đánh giá: Tự luận</p> <p>Thời gian 60 phút</p> <p>Nội dung: liên quan toàn bộ kiến thức về lý thuyết dịch đã học</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 sinh viên
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: DỊCH THƯƠNG MẠI

(Tên tiếng Anh.....)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3
- Lý thuyết : 15
- Bài tập, thảo luận nhóm : 45 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 120 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Biên dịch cơ sở, phiên dịch cơ sở
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và Tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1.TS.Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886 Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số điện thoại: 0972327976 Email: ntthuy@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thùy Linh

Số điện thoại: 0965293311 Email: nttlinh@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Nắm vững vốn từ để đối dịch trong lĩnh vực thương mại như giá cả, giao hàng, đóng gói, quảng cáo, thoả thuận mua bán, ...
 - Nắm vững để đối dịch các cấu trúc thường dùng trong giao dịch thương mại.
 - Vận dụng để dịch thành thạo lớp từ trong lĩnh vực thương mại.
 - Vận dụng để dịch được các cấu trúc thường gặp trong giao dịch thương mại
 - Thực hành dịch các chủ đề thương mại tự tin, chính xác...
 - Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học
- Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
0	0	2	2	2	2	2	2	1	1	2	0	1	1

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
Nội dung 1: Giá cả	Hiểu được từ vựng các chủ đề: giá cả	Hiểu và dịch được các cấu trúc về chủ đề: giá cả	vận dụng được các từ vựng và cấu trúc đã học để dịch về chủ đề: giá cả
Nội dung 2: Thanh toán	Hiểu được từ vựng các chủ đề: Thanh toán	Hiểu và dịch được các cấu trúc về chủ đề: Thanh toán	vận dụng được các từ vựng và cấu trúc đã học để dịch về chủ đề: Thanh toán
Nội dung 3: Hải quan	Hiểu được từ vựng các chủ đề: Hải quan	Hiểu và dịch được các cấu trúc về chủ đề: Hải quan	vận dụng được các từ vựng và cấu trúc đã học để dịch về chủ đề: Hải quan
Nội dung 4: Thỏa thuận mua bán	Hiểu được từ vựng các chủ đề: Thỏa thuận mua bán	Hiểu và dịch được các cấu trúc về chủ đề: Thỏa thuận mua bán	vận dụng được các từ vựng và cấu trúc đã học để dịch về chủ đề: Thỏa thuận mua bán
Nội dung 5: Bàn về chính sách ngoại thương của Trung Quốc	Hiểu được từ vựng các chủ đề: Bàn về chính sách ngoại thương của Trung Quốc	Hiểu và dịch được các cấu trúc về chủ đề: Bàn về chính sách ngoại thương của Trung Quốc	vận dụng được các từ vựng và cấu trúc đã học để dịch về chủ đề: Bàn về chính sách ngoại thương của Trung Quốc
Nội dung 6: Đòi bồi thường	Hiểu được từ vựng các chủ đề: Đòi bồi thường	Hiểu và dịch được các cấu trúc về chủ đề: Đòi bồi thường	vận dụng được các từ vựng và cấu trúc đã học để dịch về chủ đề: Đòi bồi thường

	đề: Đòi bồi thường	cấu trúc về chủ đề: Đòi bồi thường	cấu trúc đã học để dịch về chủ đề: Đòi bồi thường
Nội dung 7: Quảng cáo	Hiểu được từ vựng các chủ đề: Quảng cáo	Hiểu và dịch được các cấu trúc về chủ đề: Quảng cáo	vận dụng được các từ vựng và cấu trúc đã học để dịch về chủ đề: Quảng cáo
Nội dung 8: Nhãn hiệu thương phẩm và bản quyền sáng chế phát minh	Hiểu được từ vựng các chủ đề: Nhãn hiệu thương phẩm và bản quyền sáng chế phát minh	Hiểu và dịch được các cấu trúc về chủ đề: Nhãn hiệu thương phẩm và bản quyền sáng chế phát minh	vận dụng được các từ vựng và cấu trúc đã học để dịch về chủ đề: Nhãn hiệu thương phẩm và bản quyền sáng chế phát minh
Nội dung 9: Phong tục lễ tiết trong ngoại thương	Hiểu được từ vựng các chủ đề: Phong tục lễ tiết trong ngoại thương	Hiểu và dịch được các cấu trúc về chủ đề: Phong tục lễ tiết trong ngoại thương	vận dụng được các từ vựng và cấu trúc đã học để dịch về chủ đề: Phong tục lễ tiết trong ngoại thương

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Với những hội thoại mẫu câu được người bản địa thực hiện,, học phần **Dịch Thương Mại** rèn luyện chủ yếu kỹ năng dịch và vận dụng các cấu trúc, hội thoại. Học phần giúp người học dần tích lũy và mở rộng nâng cao vốn kiến thức về lĩnh vực thương mại. Sau khi kết thúc học phần, người học có thể tự tin thực hiện các giao dịch thương mại bằng tiếng Trung Quốc.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. Giáo trình dịch thương mại – Tổ biên soạn 2019

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. Trương Văn Giới, Giáp Văn Cường, Phạm Thanh Hằng, Thư tín thương mại Hoa Việt, NXB Tổng hợp TP HCM, 2006

[4.2.2]. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, Giáo trình đàm thoại thương mại Hoa Việt, NXB Tp Hồ Chí Minh, 2012

[4.2.3]. 周红主编《商务汉语写作》学林出版社, 2010

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Suu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm
 - + Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:
 - + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....
 - + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm

kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp/ Bài tập lớn, viết các đoạn văn theo chủ đề đã học/ Quay video hội thoại về các chủ đề đã học/ Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
Nội dung1 Giá cả 1.Từ vựng quan trọng 2.Cấu trúc quan trọng 3.Văn bản đọc dịch 4.Tổng kết và bài tập	- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu,dịch ngược,dịch xuôi. -Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm dịch 1 đoạn văn, sau đó giáo viên sẽ chỉnh sửa và đưa ra bản chuẩn. - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15’-30’ về nội dung đã học	Lí thuyết	1.5	4.1.1
			Bài tập	3	
			Thảo luận	3	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	1.5	
Nội dung 2. Thanh toán	- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh	Lí thuyết	1.5	4.1.1

<p>1.Từ vựng quan trọng 2.Cấu trúc quan trọng 3.Văn bản đọc dịch 4.Tổng kết và bài tập</p>	<p>Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu,dịch ngược,dịch xuôi. -Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm dịch 1 đoạn văn, sau đó giáo viên sẽ chỉnh sửa và đưa ra bản chuẩn. - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15’-30’ về nội dung đã học</p>	<p>Bài tập</p>	<p>3</p>	
<p>Nội dung 3. Hải quan 1.Từ vựng quan trọng 2.Cấu trúc quan trọng 3.Văn bản đọc dịch 4.Tổng kết và bài tập</p>	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu,dịch ngược,dịch xuôi. -Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15’-30’ về nội dung</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>1. 5</p>	<p>4.1.1</p>
			<p>Bài tập</p>	<p>3</p>	
			<p>Thảo luận</p>	<p>3</p>	
			<p>Thực hành</p>	<p>0</p>	
			<p>Tự học, NC</p>	<p>1.5</p>	

	nhóm dịch 1 đoạn văn, sau đó giáo viên sẽ chỉnh sửa và đưa ra bản chuẩn. - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.	đã học	Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	1.5	
Nội dung 4. Thỏa thuận mua bán 1. Từ vựng quan trọng 2. Cấu trúc quan trọng 3. Văn bản đọc dịch 4. Tổng kết và bài tập	- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu, dịch ngược, dịch xuôi. - Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm dịch 1 đoạn văn, sau đó giáo viên sẽ chỉnh sửa và đưa ra bản chuẩn. - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học	Lí thuyết	1. 5	4.1.1
			Bài tập	3	
			Thảo luận	3	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	1.5	
Nội dung 5. Bàn về chính sách ngoại	- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh	Lí thuyết	1. 5	4.1.1

<p>thương của Trung Quốc</p> <p>1.Từ vựng quan trọng 2.Cấu trúc quan trọng 3.Văn bản đọc dịch 4.Tổng kết và bài tập</p>	<p>Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu</p> <p>-Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận về chủ đề học của bài</p> <p>- Phương pháp đóng vai: sinh viên phân vai theo nội dung bài và tiến hành hội thoại theo chủ đề bài</p> <p>- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài.</p>	<p>viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15’-30’ về nội dung đã học</p>	<p>Bài tập</p> <p>3</p>		
<p>Nội dung 6.Đòi bồi thường</p> <p>1.Từ vựng quan trọng 2.Cấu trúc quan trọng 3.Văn bản đọc dịch 4.Tổng kết và bài tập</p>	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm</p> <p>Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu,dịch ngược,dịch xuôi.</p> <p>-Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>1. 5</p>	4.1.1	
			<p>Bài tập</p> <p>3</p>		
			<p>Thảo luận</p> <p>3</p>		
			<p>Thực hành</p> <p>0</p>		
			<p>Tự học, NC</p> <p>1.5</p>		

	nhóm dịch 1 đoạn văn, sau đó giáo viên sẽ chỉnh sửa và đưa ra bản chuẩn. - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.	hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học	Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	1.5	
Nội dung 7.Quảng cáo 1.Từ vựng quan trọng 2.Cấu trúc quan trọng 3.Văn bản đọc dịch 4.Tổng kết và bài tập	- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu,dịch ngược,dịch xuôi. -Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm dịch 1 đoạn văn, sau đó giáo viên sẽ chỉnh sửa và đưa ra bản chuẩn. - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học	Lí thuyết	1. 5	4.1.1
			Bài tập	3	
			Thảo luận	3	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	1.5	
Nội dung 8.Nhãn hiệu	- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh	Lí thuyết	1. 5	4.1.1

<p>thương phẩm và bản quyền sáng chế phát minh</p> <p>1.Từ vựng quan trọng 2.Cấu trúc quan trọng 3.Văn bản đọc dịch 4.Tổng kết và bài tập</p>	<p>Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu,dịch ngược,dịch xuôi.</p> <p>-Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm dịch 1 đoạn văn, sau đó giáo viên sẽ chỉnh sửa và đưa ra bản chuẩn.</p> <p>- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15’-30’ về nội dung đã học</p>	<table border="1"> <tr> <td>Bài tập</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>Thảo luận</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>Thực hành</td> <td>0</td> </tr> <tr> <td>Tự học có hướng dẫn</td> <td>0</td> </tr> <tr> <td>Tự học, NC</td> <td>1.5</td> </tr> </table>	Bài tập	3	Thảo luận	3	Thực hành	0	Tự học có hướng dẫn	0	Tự học, NC	1.5	
Bài tập	3													
Thảo luận	3													
Thực hành	0													
Tự học có hướng dẫn	0													
Tự học, NC	1.5													
<p>Nội dung 9.Phong tục lễ tiết trong ngoại thương</p> <p>1.Từ vựng quan trọng 2.Cấu trúc quan trọng 3.Văn bản đọc dịch 4.Tổng kết và bài tập</p>	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm</p> <p>Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu,dịch ngược,dịch xuôi.</p> <p>-Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm dịch 1 đoạn văn, sau đó giáo viên sẽ chỉnh sửa và đưa ra bản chuẩn.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15’-30’ về nội dung đã học</p>	<table border="1"> <tr> <td>Lí thuyết</td> <td>1. 5</td> </tr> <tr> <td>Bài tập</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>Thảo luận</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>Thực hành</td> <td>0</td> </tr> <tr> <td>Tự học có hướng dẫn</td> <td>0</td> </tr> </table>	Lí thuyết	1. 5	Bài tập	3	Thảo luận	3	Thực hành	0	Tự học có hướng dẫn	0	4.1.1
Lí thuyết	1. 5													
Bài tập	3													
Thảo luận	3													
Thực hành	0													
Tự học có hướng dẫn	0													

	- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.		Tự học, NC	1.5	
			Bài tập	0	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), quay video, làm slide thuyết trình,... 	<p>10 %</p>	<p>Đánh giá thường xuyên</p>	<p>Giảng viên</p>
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu nắm chắc các vấn 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và 	<p>30 %</p>	<p>Trong quá trình học</p>	<p>Giảng viên</p>

<p>đề được học đến thời điểm kiểm tra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích cực, chủ động trong quá trình quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. 			
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức đã học</p>	<p>60 %</p>	<p>Cuối học phần</p>	<p>Nhà trường tổ chức thi</p>

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: DỊCH CHUYÊN ĐỀ
(Tên tiếng Anh: Thematic translation)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3
- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận nhóm: 30 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Biên dịch cơ sở, phiên dịch cơ sở
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Lê Bích Vân

Số điện thoại: 0988298046 Email: lbvan@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Vũ Thanh Hương

Số điện thoại: 0969617555 Email: huongvt@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong2@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- **Phẩm chất:**
 - Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.
 - Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
 - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
 - Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
 - Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- **Năng lực:**
 - Có vốn từ đối dịch về các chuyên đề
 - Có khả năng xử lý nhanh nhạy các vấn đề về dịch qua từng chuyên đề
 - Người học nắm được những kiến thức cơ bản, kết hợp với tư duy để diễn đạt sự hiểu biết của mình về các chuyên đề cụ thể
 - Có thể xử lý nhanh nhạy các vấn đề dịch.
- **Kết quả học tập mong đợi của học phần**
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào trong các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
				2				2					

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
Chuyên đề 1: Văn học	Hiểu được cách dịch các từ, cụm từ và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề văn học.	Dịch các từ, cụm từ và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề văn học.	Dịch được đoạn và bài liên quan đến chủ đề văn học.
Chuyên đề 2: Văn hóa	Hiểu được cách dịch các từ, cụm từ và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề Văn hóa.	Dịch các từ, cụm từ và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề Văn hóa.	Dịch được đoạn và bài liên quan đến chủ đề Văn hóa.
Chuyên đề 3: Lịch sử	Hiểu được cách dịch các từ, cụm từ và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề Lịch sử.	Dịch các từ, cụm từ và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề Lịch sử.	Dịch được đoạn và bài liên quan đến chủ đề Lịch sử.
Chuyên đề 4: Kinh tế	Hiểu được cách dịch các từ, cụm từ và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề Kinh tế.	Dịch các từ, cụm từ và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề Kinh tế.	Dịch được đoạn và bài liên quan đến chủ đề Kinh tế.
Chuyên đề 5: Xã hội	Hiểu được cách dịch các từ, cụm từ và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề Xã hội.	Dịch các từ, cụm từ và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề Xã hội.	Dịch được đoạn và bài liên quan đến chủ đề Xã hội.
Chuyên đề 6: Môi trường	Hiểu được cách dịch các từ, cụm từ và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề Môi trường.	Dịch các từ, cụm từ và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề Môi trường.	Dịch được đoạn và bài liên quan đến chủ đề Môi trường.
Chuyên đề 7: Giao	Hiểu được cách dịch các từ, cụm từ và	Dịch các từ, cụm từ và cấu trúc	Dịch được đoạn và bài liên

thông	cấu trúc câu liên quan đến chủ đề Giao thông.	câu liên quan đến chủ đề Giao thông.	quan đến chủ đề Giao thông.
Chuyên đề 8: Giáo dục	Hiểu được cách dịch các từ, cụm từ và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề Giáo dục.	Dịch các từ, cụm từ và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề Giáo dục.	Dịch được đoạn và bài liên quan đến chủ đề Giáo dục.
Chuyên đề 9: Y tế	Hiểu được cách dịch các từ, cụm từ và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề Y tế.	Dịch các từ, cụm từ và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề Y tế.	Dịch được đoạn và bài liên quan đến chủ đề Y tế.

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Dịch chuyên đề** nhằm cho người học chuyên ngành phiên dịch có một kỹ năng chuyên sâu về biên dịch các chuyên đề cụ thể như văn học, văn hóa, lịch sử, kinh tế... Qua học phần này, người học vừa được hiểu về văn học, văn hóa, lịch sử, kinh tế Trung Quốc... thông qua các tài liệu trích giảng, vừa được nâng cao kỹ năng dịch, mở rộng vốn từ đối dịch về các chuyên ngành giúp người học làm quen với công việc biên tập viên sau khi tốt nghiệp.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. Tài liệu giảng viên tự tổng hợp.

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] 范仲英 《实用翻译教程》，外语教学与研究出版社，1994

[4.2.2] 毛荣贵 《翻译技巧 111 讲》，上海交通大学出版社，1999

[4.2.4] 梁远 《实用汉越互译技巧》，民族出版社出版，2005

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Suru tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên

- Hoàn thành các bài tập được giao:

+ Bài tập về nhà

+ Chuẩn bị bài mới

+ Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học

+ Bài tập thảo luận nhóm

+ Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức biên phiên dịch được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra vấn đáp/ Bài tập lớn / Quay video phiên dịch về các chủ đề đã học/ Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài thi.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và hình thức tổ chức lớp học				Tài liệu học tập
	PP & hình thức giảng dạy	PP & hình thức KTĐG	Thời lượng		
Bài1: Văn học (1)	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p> <p>Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt các cấu trúc, từ vựng lĩnh vực văn học. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.</p>	Lí thuyết	2	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	[4.2.3]
			Tự học có HD	0	
			Tự học, NC	6	
Bài2: Văn học (2)	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p> <p>Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt các cấu trúc, từ vựng lĩnh vực văn học. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.</p>	Lí thuyết	2	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	[4.2.3]
			Tự học có HD	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 3: Văn hóa (1)	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt cấu</p>	Lí thuyết	2	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]

	Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.	trúc, từ vựng lĩnh vực văn hóa Trung Quốc và chuyên ngữ sang tiếng Việt. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Thực hành	0	
			Tự học có HD	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 4: Văn hóa (2)	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu. Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt cấu trúc, từ vựng lĩnh vực văn hóa Trung Quốc và chuyên ngữ sang tiếng Việt. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Lí thuyết	2	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	[4.2.3]
			Tự học có HD	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 5: Lịch sử	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu. Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt cấu trúc, từ vựng lĩnh vực lịch sử Trung Quốc và chuyên ngữ sang tiếng Việt. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Lí thuyết	2	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	[4.2.3]
			Tự học có HD	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 6: Kinh tế (1)	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt các	Lí thuyết	2	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	[4.2.3]

	Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.	mẫu câu, từ vựng lĩnh vực kinh tế, chuyển ngữ sang tiếng Việt. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Tự học có HD	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 7: Kinh tế (2)	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu. Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt các mẫu câu, từ vựng lĩnh vực kinh tế, chuyển ngữ sang tiếng Việt. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Lí thuyết	2	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	[4.2.3]
			Tự học có HD	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 8: Xã hội (1) KTGK	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu. Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt các mẫu câu, từ vựng lĩnh vực xã hội, chuyển ngữ sang tiếng Việt. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Lí thuyết	2	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	[4.2.3]
			Tự học có HD	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 9: Xã hội (2)	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt các	Lí thuyết	2	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]
					[4.2.3]

	Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.	mẫu câu, từ vựng lĩnh vực xã hội, chuyển ngữ sang tiếng Việt. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Thực hành	0	
			Tự học có HD	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 10: Giao thông (1)	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu. Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt các mẫu câu, từ vựng lĩnh vực giao thông, chuyển ngữ sang tiếng Việt. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Lí thuyết	2	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	[4.2.3]
			Tự học có HD	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 11: Giao thông (2)	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu. Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt các mẫu câu, từ vựng lĩnh vực giao thông, chuyển ngữ sang tiếng Việt. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp..	Lí thuyết	2	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.1]
			Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	[4.2.3]
			Tự học có HD	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 12: Giáo dục (1)	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp,	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.	Lí thuyết	2	[4.1.1]
			Bài tập	1	[4.2.2]

	<p>trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p> <p>Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.</p>	<p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt các mẫu câu, từ vựng lĩnh vực giao thông, chuyển ngữ sang tiếng Việt. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp..</p>	<p>Thảo luận</p> <p>0</p> <p>[4.2.3]</p>	<p>0</p>
			<p>Thực hành</p> <p>0</p>	
			<p>Tự học có HD</p> <p>0</p>	
			<p>Tự học, NC</p> <p>6</p>	
<p>Bài 13: Giáo dục (2)</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p> <p>Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt các mẫu câu, từ vựng lĩnh vực giáo dục, chuyển ngữ sang tiếng Việt. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>2</p> <p>[4.1.1]</p>	
			<p>Bài tập</p> <p>1</p> <p>[4.2.1]</p>	
			<p>Thảo luận</p> <p>0</p> <p>[4.2.2]</p>	
			<p>Thực hành</p> <p>0</p> <p>[4.2.3]</p>	
			<p>Tự học có HD</p> <p>0</p>	
			<p>Tự học, NC</p> <p>6</p>	
<p>Bài 14: Y tế</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p> <p>Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.</p>	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt các mẫu câu, từ vựng lĩnh vực y tế, chuyển ngữ sang tiếng Việt. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>2</p> <p>[4.1.1]</p>	
			<p>Bài tập</p> <p>1</p> <p>[4.2.1]</p>	
			<p>Thảo luận</p> <p>0</p> <p>[4.2.2]</p>	
			<p>Thực hành</p> <p>0</p> <p>[4.2.3]</p>	
			<p>Tự học có HD</p> <p>0</p>	
			<p>Tự học, NC</p> <p>6</p>	
<p>Bài 15: Y tế (2)</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>1</p> <p>[4.1.1]</p>	
			<p>Bài tập</p> <p>1</p> <p>[4.2.1]</p>	

Ôn tập	theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu. Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.	việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung về các nội dung đã học. Đánh giá đóng góp của SV trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	[4.2.3]
			Tự học có HD	0	
			Tự học, NC	6	

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
Điểm 1 - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần và thái độ học nghiêm túc - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao	- Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp - Làm các BT nhỏ	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
Điểm 2 Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra.	Bài kiểm tra số 1 (viết 60 phút)	10 %	Trong quá trình học	Giảng viên
	Bài tập lớn, dịch theo chủ đề đã học	10 %		
	Bài tập lớn, viết thu hoạch về các bản dịch mẫu	10 %		
	Tổng	30 %		
Điểm 3 Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học trong toàn học phần.	Bài viết 90 phút	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường.

TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG NGHIỆP VỤ BIÊN PHIÊN DỊCH

(Tên tiếng Anh: Interpreting and Translation skills)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3
- Lý thuyết: 30 tiết;
- Bài tập, thảo luận nhóm: 15 tiết;
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết.
- Loại học phần: Tự chọn

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng Đọc 3, Kỹ năng Viết 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong2@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Vũ Thanh Hương

Số điện thoại: 0969617555 Email: vthuong.nn@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Đinh Thị Thảo

Số điện thoại: 0987092698 Email: dtthao@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Nắm vững kiến thức cơ bản về hoạt động biên phiên dịch, các phương pháp và kỹ xảo chính trong dịch thuật.
 - Ứng dụng các kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử, xã hội, chính trị, kinh tế, giáo dục, du lịch... vào dịch thuật.
 - So sánh sự khác biệt giữa tiếng Trung và tiếng Việt, từ đó lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp với văn cảnh, ngắn gọn, rõ ràng, đúng ý và hiệu quả.
 - Ứng dụng kỹ năng, kỹ xảo vào thực tiễn dịch thuật, phản ứng nhanh chóng, giao tiếp xã hội tốt nhằm nâng cao hiệu quả công việc.

Kết quả học tập mong đợi của học phần

- 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT													
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Kiến thức và lý luận cơ bản về từ vựng học, ngữ nghĩa học, ngữ pháp tiếng TQ.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Kiến thức cơ bản về lý thuyết, thực hành, phương pháp, kỹ xảo dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực dịch vụ hình thức	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp với chuyên ngành	Năng lực nắm bắt, xử lý thông tin đúng, hợp lý trong các tình huống giao tiếp	Năng lực ứng dụng CNTT, KHK T vào dịch thuật	Năng lực tư duy sáng tạo	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	1	2	2	2	2	1	1	2	1	1	1

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
<p>第一章： 导论</p> <p>第二章： 什么是翻译</p> <p>第三章： 翻译的性质</p>	<p>- Nắm được mục tiêu, tính chất, tính cần thiết, nhiệm vụ của hoạt động biên phiên dịch.</p> <p>-Hiểu khái niệm, công năng, tính chất của biên dịch và phiên dịch</p>	<p>- Xác định rõ mục đích, nhiệm vụ và tính cần thiết của học phần.</p> <p>- Phân biệt tính chất của các loại hình biên phiên dịch khác nhau</p>	<p>- Vận dụng kiến thức lí luận vào thực tiễn dịch thuật</p> <p>- Hạn chế các yếu tố ảnh hưởng đến dịch thuật để đưa ra biện pháp khắc phục, nâng cao hiệu quả dịch thuật.</p>
<p>第四章： 翻译与对策</p>	<p>- Nắm được lí luận về kỹ năng dịch từ</p>	<p>- Dịch từ đảm bảo về hình thức, nội dung</p>	<p>- Dịch từ linh hoạt, đảm bảo văn phong</p>
<p>第五章： 翻译的标准</p> <p>四六章： 翻译的原则</p>	<p>- Nắm được lí luận về tiêu chuẩn dịch thuật (nội dung tư tưởng, cách biểu đạt, văn phong, ngôn từ).</p> <p>- Nắm được nguyên tắc biên phiên dịch</p>	<p>- Xác định tiêu chuẩn cao nhất và tiêu chuẩn thấp nhất của dịch thuật</p> <p>-</p>	<p>- Ứng dụng lí luận về tiêu chuẩn và nguyên tắc biên phiên dịch vào thực tiễn, dịch đảm bảo nội dung, văn phong và ngôn từ chọn lọc phù hợp ngữ cảnh.</p>
<p>第七章： 文学翻译</p> <p>第八章： 死译与活译，直译与意译</p>	<p>- Nắm được tính chất, đặc trưng của biên phiên dịch văn học.</p> <p>- Nắm được cơ sở lí luận của kỹ năng dịch thuật cơ bản như dịch cứng, dịch linh hoạt, dịch trực</p>	<p>-So sánh phân biệt giữa dịch cứng, dịch linh hoạt, dịch trực tiếp, dịch ý nghĩa.</p>	<p>- Ứng dụng kỹ năng dịch cứng, dịch linh hoạt, dịch trực tiếp, dịch ý nghĩa vào thực tiễn dịch thuật.</p>

	tiếp, dịch ý nghĩa.		
第十三章：翻译技巧与翻译准则	- Nắm được cơ sở lý luận của một số kỹ xảo dịch thuật cụ thể như thay đổi từ loại, chọn lọc từ ngữ, điều chỉnh trật tự từ, lược bỏ nội dung, tăng từ, lặp từ, sử dụng từ trái nghĩa, sử dụng phần giải nghĩa của từ...	- Phân biệt sự khác biệt giữa các kỹ xảo dịch thuật.	- Ứng dụng các kỹ xảo dịch thuật trên trong những hoàn cảnh thích hợp để nâng cao chất lượng bản dịch.
第十四章：翻译的过程	- Nắm được cơ sở lý luận về quá trình dịch thuật, gồm quá trình nghiên cứu và lí giải bản gốc, cách biểu đạt sang ngôn ngữ mới.	- Bước đầu hình thành tư duy dịch thuật theo đúng quy trình	- Ứng dụng quy trình tư duy dịch thuật vào thực tế.
第十五章：可译性问题	- Nắm được cơ sở lý luận về cách xử lý các tình huống khó khăn trong dịch thuật	- Xác định giới hạn dịch thuật của bản dịch trong thực tế dịch thuật	- Ứng dụng lí luận vào thực tế dịch thuật, sử dụng một số kỹ xảo được giới thiệu trong hoàn cảnh không thể hiểu hoặc biểu đạt được ý nghĩa chính xác của bản dịch.

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch** gồm 11 chương, được chọn lọc từ giáo trình 《实用翻译教程》, giới thiệu về khái niệm, tính chất, tiêu chuẩn, nguyên tắc, kỹ xảo, quy trình của hoạt động biên phiên dịch. Nội dung của một chương gồm lý thuyết, hệ thống ví dụ và câu hỏi hoặc bài tập luyện tập. Phần lý thuyết đầy đủ, sắp xếp khoa học, diễn đạt đơn giản dễ hiểu. Hệ thống ví dụ điển hình, cụ thể, thể hiện rõ nội dung lý thuyết. Hệ thống câu hỏi và bài tập giúp người học củng cố kiến thức, nâng cao kỹ năng trong hoạt động dịch thuật thực tiễn.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 范仲英, 《实用翻译教程》, 外语教学与研究出版社

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. 钱歌川, 《翻译的技能》, 北京联合出版公司

[4.2.2]. 黄忠廉, 《翻译方法论》, 中国社会科学出版社

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên

- Hoàn thành các bài tập được giao:

+ Bài tập về nhà

+ Chuẩn bị bài mới

+ Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học

+ Bài tập thảo luận nhóm

+ Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài tập lớn, trắc nghiệm tự luận kết hợp

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一章：导论 1.翻译课的目的 2.翻译课的性质 3.学习翻译理论的必要性 4.翻译理论的任务	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về mục tiêu, tính chất, tính cần thiết, nhiệm vụ của hoạt động biên phiên dịch. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về phân biệt tính chất của các loại hình biên phiên dịch khác nhau - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thảo luận và trả lời câu hỏi.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra miệng, trả lời câu hỏi theo nội dung bài	Lí thuyết	2	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	0,5	
			Thảo luận	0,5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
	Tự học, NC	8			
第二章：什么是翻译 1.交流思想的过程 1.1.语内交流 1.2.语际交流 1.3.信息传播	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về mục tiêu, tính chất, tính cần thiết, nhiệm vụ của hoạt động biên phiên dịch. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về phân	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn	Lí thuyết	2	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	0,5	
			Thảo luận	0,5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

2.翻译的功能 3.翻译的定义	biệt tính chất của các loại hình biên phiên dịch khác nhau - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thảo luận và trả lời câu hỏi.	bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra miệng, trả lời câu hỏi theo nội dung bài	Tự học, NC	8	
第三章：翻译的性质	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về mục tiêu, tính chất, tính cần thiết, nhiệm vụ của hoạt động biên phiên dịch. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về phân biệt tính chất của các loại hình biên phiên dịch khác nhau - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thảo luận và trả lời câu hỏi.	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra miệng, trả lời câu hỏi theo nội dung bài	Lí thuyết	2	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
1.写作的特点			Bài tập	0,5	
1.1.写什么?			Thảo luận	0,5	
1.2.给谁写?			Thực hành	0	
2.说话的特点			Tự học có hướng dẫn	0	
3.翻译的特点			Tự học, NC	8	
3.1.人云亦云					
3.2.不容更改					
3.3.先理解, 后动笔					
3.4.克服原语的干扰					
第四章：翻译与对策	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về lí luận về kỹ năng dịch từ - Dạy học theo phương pháp thuyết	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp,	Lí thuyết	2	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1]
1.词的对策			Bài tập	0,5	
2.形式对策			Thảo luận	0,5	
			Thực hành	0	

<p>2.1.用词结构相同，意思相同</p> <p>2.2.比喻相同，意思相同</p> <p>2.3.形式相同，意思不同</p> <p>3.灵活对策</p> <p>4.意义对策</p> <p>5.风格对策</p>	<p>trình, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch từ đảm bảo về hình thức, nội dung</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thảo luận và trả lời câu hỏi.</p>	<p>việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra miệng, trả lời câu hỏi theo nội dung bài</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>	<p>[4.2.2]</p>		
<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	<p>第五章：翻译的标准 +KTGHP</p> <p>1.过去的翻译标准</p> <p>2.本书提出的翻译标准</p> <p>3.如何达到大致相同的</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về tiêu chuẩn dịch thuật (nội dung tư tưởng, cách biểu đạt, văn phong, ngôn từ), nguyên tắc biên phiên dịch</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn</p>		<p>Lí thuyết</p>	<p>2</p>
<p>Bài tập</p>	<p>0,5</p>	<p>Thảo luận</p>	<p>0,5</p>				
<p>Thực hành</p>	<p>0</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>				
<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>						

<p>感觉</p> <p>3.1.思想内容</p> <p>3.2.表现手法</p> <p>3.3.文体风格</p> <p>3.4.语言文字</p> <p>3.5.传神达意</p> <p>4.最高标准和最低标准</p> <p>4.1.达不到完全一样的感受的原因</p> <p>4.2.不合格的翻译</p>	<p>trình, hướng dẫn lý thuyết về tiêu chuẩn và nguyên tắc biên phiên dịch vào thực tiễn, dịch đảm bảo nội dung, văn phong và ngôn từ chọn lọc phù hợp ngữ cảnh.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thảo luận và trả lời câu hỏi.</p>	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra miệng, trả lời câu hỏi theo nội dung bài</p> <p>-Hình thức KTGHP: bài kiểm tra trắc nghiệm tự luận kết hợp 30 phút</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	
<p>第六章：翻译的原则</p> <p>1.传意性</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về tiêu chuẩn dịch thuật (nội dung tư tưởng,</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p>	<p>2</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p>

<p>1.1.什么叫传意性 1.2.如何做到传意性 1.3.文学翻译要传神 2.可接受性 2.1.可接受性的重要 2.2.可接受性低劣的主要原因 2.3.如何提高译文的可接受性? 2.4.把可接受性提到新的高度</p>	<p>cách biểu đạt, văn phong, ngôn từ), nguyên tắc biên phiên dịch - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về tiêu chuẩn và nguyên tắc biên phiên dịch vào thực tiễn, dịch đảm bảo nội dung, văn phong và ngôn từ chọn lọc phù hợp ngữ cảnh. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thảo luận và trả lời câu hỏi.</p>	<p>viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra miệng, trả lời câu hỏi theo nội dung bài</p>	<p>Thực hành Tự học có hướng dẫn Tự học, NC</p>	<p>0 0 8</p>	<p>[4.2.1] [4.2.2]</p>
<p>第七章：文学翻译 1.文学翻译的特点 2.神似 3.强调神似还要不要形</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về tính chất, đặc trưng của biên phiên dịch văn học.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp,</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành</p>	<p>2 0,5 0,5 0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1]</p>

<p>似</p> <p>4.怎样做到神似</p> <p>第八章：死译与活译，直译与意译</p> <p>1.死译</p> <p>2.活译</p> <p>3.直译与意译</p> <p>4.死译与活译，直译与意译的比较</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cơ sở lý luận của kỹ năng dịch thuật cơ bản như dịch cứng, dịch linh hoạt, dịch trực tiếp, dịch ý nghĩa.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thảo luận và trả lời câu hỏi.</p>	<p>việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra miệng, trả lời câu hỏi theo nội dung bài</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>0</p>	<p>[4.2.2]</p>
<p>第十三章：翻译技巧与翻译准则</p> <p>1.什么是翻译技巧?</p> <p>2.改变语类</p> <p>3.选词用字</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về một số kỹ xảo dịch thuật cụ thể như thay đổi từ loại, chọn lọc từ ngữ, điều chỉnh trật tự từ, lược bỏ nội dung, tăng từ, lặp từ, sử dụng từ trái nghĩa, sử dụng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>8</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>

4.词序调整 5.省略 6.增词 7.重复 8.反译法 9.分析法 10.翻译的准则	phần giải nghĩa của từ... - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về phân biệt sự khác biệt giữa các kỹ xảo dịch thuật. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thảo luận và trả lời câu hỏi.	bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra miệng, trả lời câu hỏi theo nội dung bài	Tự học, NC	8	
第十四章：翻译的过程 1.理解和表达 2.理解是前提 3.表达是关键 4.阅读——理解——表达——检查	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cơ sở lý luận về quá trình dịch thuật, gồm quá trình nghiên cứu và lí giải bản gốc, cách biểu đạt sang ngôn ngữ mới. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về bước đầu hình thành tư duy dịch thuật theo đúng quy trình. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thảo luận và trả lời câu hỏi.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra miệng, trả lời câu hỏi theo nội dung bài	Lí thuyết Bài tập Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn Tự học, NC	2 0,5 0,5 0 0 8	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
第十五章：可译性问题	- Dạy học theo phương pháp thuyết	- Kiểm tra đánh giá thường	Lí thuyết	2	TL chính:

1.可译性的基础 2.不可译的情况 3.不可译情况的补救	trình, hướng dẫn lý thuyết về cơ sở lý luận về cách xử lý các tình huống khó khăn trong dịch thuật. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về xác định giới hạn dịch thuật của bản dịch trong thực tế dịch thuật. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thảo luận và trả lời câu hỏi.	xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra miệng, trả lời câu hỏi theo nội dung bài	Bài tập	0,5	[4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Thảo luận	0,5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	8	

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần và thái độ học nghiêm túc - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp, đánh giá mức độ tích cực trong các hoạt động của SV - Phương pháp đánh giá: thông qua quan sát theo dõi sự tiến bộ của Sv qua các bài tập, nhiệm vụ theo nhóm - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết, làm các BT nhỏ 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực chủ động trong học tập, có khả năng tự nghiên cứu tài liệu, tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: đánh giá khả năng tiếp thu và sử dụng từ ngữ, đối chiếu ngôn ngữ - Phương pháp đánh giá : đánh giá qua bài tập và nhiệm vụ nhóm - Hình thức: bài viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 30 phút 	30 %	Giữa học phần	Giảng viên

<p>Điểm 3 Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học trong toàn học phần.</p>	<p>- Nội dung: đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>- Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học trong học phần Kỹ năng nghiệp vụ Biên Phiên Dịch</p>	<p>60 %</p>	<p>Cuối học phần</p>	<p>Nhà trường tổ chức thi</p>
--	---	--------------------	----------------------	-------------------------------

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: DỊCH VĂN HỌC
(Tên tiếng Anh.....)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

- Số tín chỉ: 3
- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận: 30 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết.
- Loại học phần: Tự chọn

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Biên dịch cơ sở, Phiên dịch cơ sở
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và Tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm

Số điện thoại: 0989291858 Email: phamngocham.nnvhtq@gmail.com

2. PGS.TS. Cẩm Tú Tài

Số điện thoại: 0982088718 Email: camtutai@vnu.edu.vn

3. TS. Phạm Thị Thanh Vân

Số điện thoại: 0989218880 Email: van.phamthithanh@hust.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.
 - Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.

- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- **Năng lực:**
 - Người học có nền tảng kiến thức về văn học hiện đương đại Trung Quốc, cụ thể là các kiến thức cơ bản về bối cảnh xã hội, tình hình văn học. Người học vừa nắm được những kiến thức khái quát chung, vừa nắm được một số tác giả, tác phẩm cụ thể. Thông qua tìm hiểu về tình hình văn học, tập phân tích một số tác phẩm hoặc đoạn trích, nâng cao trình độ cảm thụ văn học và trình độ ngôn ngữ Trung Quốc.
 - Người học rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; kỹ năng làm việc nhóm và đặc biệt là kỹ năng tập phân tích, nắm bắt nội dung, tư tưởng và đặc điểm nghệ thuật của tác phẩm. Từ đó bổ sung cho khối kiến thức chung trong tổng thể khối kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa, văn học Trung Quốc.
- **Kết quả học tập mong đợi của học phần**
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào trong các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	1	1	1	2	1	2	2	0	1	1	1	2	1

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
<p>第一课 文学翻译概说</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các khái niệm cơ bản có liên quan đến môn học - Đặc điểm của ngôn ngữ văn học - Hiểu được đặc điểm của dịch văn học khác với các loại hình văn bản khác như thế nào. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trên cơ sở hiểu các kiến thức hữu quan, vận dụng để nhận diện một văn bản thuộc lĩnh vực văn học. - Nắm được các yêu cầu của một bản dịch thuộc lĩnh vực văn học 	<ul style="list-style-type: none"> - phân tích đặc điểm từ, ngữ pháp, nhất là các thủ pháp tu từ trong ngôn bản văn học. - Sưu tầm một bản dịch văn học đã được công bố, tập phân tích và rút ra đặc điểm của dịch văn bản thuộc lĩnh vực văn học.
<p>第二课 课文: 鲁迅身世与创作事业汉译越 生词 语法重点 词、句处理 注释</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Dịch được những câu văn, những từ, cụm từ đơn giản, cơ bản về thân thế và sự nghiệp sáng tác của Lỗ Tấn -Dịch tóm lược ý chính về thân thế và sự nghiệp sáng tác của Lỗ Tấn, có thể bỏ qua câu khó, từ hoặc cụm từ khó 	<ul style="list-style-type: none"> -Dịch toàn văn, xử lí bước đầu các câu khó, từ khó trong văn bản về thân thế và sự nghiệp sáng tác của Lỗ Tấn, đảm bảo truyền tải ý nghĩa câu văn (diễn đạt chưa hay) 	<ul style="list-style-type: none"> -Dịch toàn văn về thân thế và sự nghiệp sáng tác của Lỗ Tấn, xử lí được các câu khó, từ khó, diễn đạt uyển chuyển, thoát ý, phù hợp phong cách biểu đạt của ngôn ngữ đích

<p>练习：</p> <p>(一)译成越南语</p> <p>(二)指出译文不足之处并加以改正</p>			
<p>第三课</p> <p>课文：《祝福》摘选汉译越</p> <p>生词</p> <p>语法重点</p> <p>词、句处理</p> <p>文中修辞格处理</p> <p>注释</p> <p>练习：</p> <p>(一)译成越南语</p> <p>(二)指出译文不足之处并加以改正</p>	<p>-Dịch được những câu văn, những từ, cụm từ đơn giản, cơ bản trong đoạn trích tác phẩm “Chúc phúc”</p> <p>-Dịch tóm lược ý chính đoạn trích tác phẩm “Chúc phúc”, có thể bỏ qua câu khó, từ hoặc cụm từ khó</p>	<p>-Dịch toàn văn, xử lí bước đầu các câu khó, từ khó trong đoạn trích tác phẩm “Chúc phúc”, đảm bảo truyền tải ý nghĩa câu văn (diễn đạt chưa hay)</p>	<p>-Dịch toàn văn đoạn trích tác phẩm “Chúc phúc”, xử lí được các câu khó, từ khó, diễn đạt uyển chuyển, thoát ý, phù hợp phong cách biểu đạt của ngôn ngữ đích</p>

<p>第四课</p> <p>课文：鲁迅《孔乙己》摘选汉译越</p> <p>生词</p> <p>语法重点</p> <p>词、句处理</p> <p>文中修辞格处理</p> <p>注释</p> <p>练习：</p> <p>(一)译成汉语</p> <p>(二)指出译文不足之处并加以改正</p>	<p>-Dịch được những câu văn, những từ, cụm từ đơn giản, cơ bản trong đoạn trích tác phẩm “Khổng Ất Kỵ”</p> <p>-Dịch tóm lược ý chính đoạn trích tác phẩm “Khổng Ất Kỵ”, có thể bỏ qua câu khó, từ hoặc cụm từ khó</p>	<p>-Dịch toàn văn đoạn trích tác phẩm “Khổng Ất Kỵ”, xử lí bước đầu các câu khó, từ khó, đảm bảo truyền tải ý nghĩa câu văn (diễn đạt chưa hay)</p>	<p>-Dịch toàn văn đoạn trích tác phẩm “Khổng Ất Kỵ”, xử lí được các câu khó, từ khó, diễn đạt uyển chuyển, thoát ý, phù hợp phong cách biểu đạt của ngôn ngữ đích</p>
<p>第五课</p> <p>课文：巴金《家》摘选汉译越</p> <p>生词</p> <p>语法重点</p>	<p>-Dịch được những câu văn, những từ, cụm từ đơn giản, cơ bản trong đoạn trích tác phẩm “Nhà”</p> <p>-Dịch tóm lược ý chính đoạn trích tác phẩm “Nhà”, có thể</p>	<p>-Dịch toàn văn đoạn trích tác phẩm “Nhà”, xử lí bước đầu các câu khó, từ khó, đảm bảo truyền tải ý nghĩa câu văn (diễn đạt chưa hay)</p>	<p>-Dịch toàn văn trong đoạn trích tác phẩm “Nhà”, xử lí được các câu khó, từ khó, diễn đạt uyển chuyển, thoát ý, phù hợp phong cách biểu đạt của ngôn ngữ đích</p>

<p>词、句处理</p> <p>注释</p> <p>练习：</p> <p>(一)译成汉语</p> <p>(二)指出译文不足之处并加以改正</p>	<p>bỏ qua câu khó, từ hoặc cụm từ khó</p>		
<p>第六</p> <p>课文:《丰乳肥臀》摘选汉译越</p> <p>生词</p> <p>语法重点</p> <p>词、句处理</p> <p>文中修辞格处理</p> <p>语言文化重点处理</p> <p>注释</p> <p>练习：</p>	<p>-Dịch được những câu văn, những từ, cụm từ đơn giản, cơ bản trong đoạn trích tác phẩm “Phong nhũ phì đôn”</p> <p>-Dịch tóm lược ý chính đoạn trích tác phẩm “Báu vật của đời”, có thể bỏ qua câu khó, từ hoặc cụm từ khó</p>	<p>-Dịch toàn văn đoạn trích tác phẩm “Phong nhũ phì đôn”, xử lí bước đầu các câu khó, từ khó, đảm bảo truyền tải ý nghĩa câu văn (diễn đạt chưa hay)</p>	<p>-Dịch toàn văn đoạn trích tác phẩm “Phong nhũ phì đôn”, xử lí được các câu khó, từ khó, diễn đạt uyển chuyển, thoát ý, phù hợp phong cách biểu đạt của ngôn ngữ đích</p>

<p>(一)译成越南语</p> <p>(二)指出译文不足之处并加以改正</p>			
<p>第七课：南高《志漂》摘选越译汉</p> <p>课文：</p> <p>生词</p> <p>语法重点</p> <p>词、句处理</p> <p>注释</p> <p>练习：</p> <p>(一)译成汉南语（南高身世与创作事业）</p> <p>(二)指出译文不足之处并加以改正</p>	<p>-Dịch được những câu văn, những từ, cụm từ đơn giản, cơ bản trong đoạn trích tác phẩm “Chí Phèo”</p> <p>-Dịch tóm lược ý chính đoạn trích tác phẩm “Chí Phèo”, có thể bỏ qua câu khó, từ hoặc cụm từ khó</p>	<p>-Dịch toàn văn đoạn trích tác phẩm “Chí Phèo”, xử lí bước đầu các câu khó, từ khó, đảm bảo truyền tải ý nghĩa câu văn (diễn đạt chưa hay)</p>	<p>-Dịch toàn văn đoạn trích tác phẩm “Chí Phèo”, xử lí được các câu khó, từ khó, diễn đạt uyển chuyển, thoát ý, phù hợp phong cách biểu đạt của ngôn ngữ đích</p>
<p>第八课</p> <p>课文：《胡主席的独立宣言》摘选</p>	<p>-Dịch được những câu văn, những từ, cụm từ đơn giản, cơ bản trong đoạn trích từ</p>	<p>-Dịch toàn văn đoạn trích từ “Tuyên ngôn độc lập”, xử lí bước đầu các câu</p>	<p>-Dịch toàn văn đoạn trích từ “Tuyên ngôn độc lập”, xử lí được các câu khó, từ khó,</p>

<p>生词</p> <p>语法重点</p> <p>汉越借词处理</p> <p>修辞格处理</p> <p>注释</p> <p>练习：</p> <p>(一)译成汉语</p> <p>(二)指出译文不足之处并加以改正</p>	<p>“Tuyên ngôn độc lập”</p> <p>-Dịch tóm lược ý chính, có thể bỏ qua câu khó, từ hoặc cụm từ khó</p>	<p>khó, từ khó, đảm bảo truyền tải ý nghĩa câu văn (diễn đạt chưa hay)</p>	<p>diễn đạt uyển chuyển, thoát ý, phù hợp phong cách biểu đạt của ngôn ngữ đích</p>
<p>第九课</p> <p>课文：《远方的船》摘选</p> <p>生词</p> <p>语法重点</p> <p>词、句处理</p> <p>文中修辞格处理</p>	<p>-Dịch được những câu văn, những từ, cụm từ đơn giản, cơ bản trong đoạn trích tác phẩm “Chiếc thuyền ngoài xa”</p> <p>-Dịch tóm lược ý chính đoạn trích tác phẩm “Chiếc thuyền ngoài xa”, có thể bỏ qua câu khó, từ hoặc cụm từ khó</p>	<p>-Dịch toàn văn đoạn trích tác phẩm “Chiếc thuyền ngoài xa”, xử lí bước đầu các câu khó, từ khó, đảm bảo truyền tải ý nghĩa câu văn (diễn đạt chưa hay)</p>	<p>-Dịch toàn văn đoạn trích tác phẩm “Chiếc thuyền ngoài xa”, xử lí được các câu khó, từ khó, diễn đạt uyển chuyển, thoát ý, phù hợp phong cách biểu đạt của ngôn ngữ đích</p>

注释 练习： (一)译成越南语 (二)指出译文不足之处并加以改正			
---	--	--	--

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Dịch văn học** cung cấp cho người học lí luận về dịch, văn học và ngôn ngữ văn học, tiến trình văn học Trung Quốc. Người học luyện dịch đoạn văn giới thiệu thân thế, sự nghiệp, tư tưởng tác gia, các đoạn trích bình giảng tác phẩm văn học, các đoạn trích trong tác phẩm của một số tác gia tiêu biểu trong nền văn học Trung Quốc và Việt Nam. Quá trình học tập sẽ giúp người học rèn luyện kĩ năng dịch, truyền tải trọn vẹn nội dung, ý nghĩa câu văn, đoạn văn, biết lựa chọn từ ngữ và lối diễn đạt phù hợp ngôn ngữ đích. Từ đó, học phần giúp người học rèn luyện, nâng cao kĩ năng dịch văn học và góp phần nâng cao năng lực biểu đạt ngôn ngữ của bản thân người học.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1] Giảng viên bộ môn tiếng Trung Quốc – ĐH Thủ đô Hà Nội biên soạn

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.1.1] Trần Thị Thanh Liêm - Hoàng Trà, Rèn luyện kỹ năng dịch thuật Việt Hoa Hoa Việt, Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin

[4.1.2] 梁远, 《实用汉越互译技巧》,民族出版社, 2005

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các câu hỏi tương tác khai thác bài học; Tìm hiểu, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của buổi học.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
 - + Đọc bài, tìm hiểu văn bản trước khi học
 - + Kiểm tra miệng/viết trên lớp về bài cũ hoặc về việc chuẩn bị bài mới
 - + Thảo luận nhóm
 - + Dịch các văn bản văn học theo yêu cầu
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.
 - + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%): tham dự đầy đủ các buổi học và tham gia vào các hoạt động học tập, hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao như chuẩn bị bài trước khi lên lớp, thảo luận nhóm...
 - + Kiểm tra đánh giá giữa kì (điểm 30%): làm 01 bài kiểm tra các nội dung đã được học trong học phần. Hình thức kiểm tra: tự luận.

+Kiểm tra đánh giá cuối kì (điểm 60%): thực hiện bài thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá là kết quả bài thi trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và hình thức giảng dạy	Phương pháp và hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一课 文学翻译概说 文学与文学语言概说 中国文学史进程 Bài 1: Khái quát về dịch văn học Khái quát về văn học và ngôn ngữ văn học Tiến trình lịch sử văn học Trung Quốc	-Dạy học theo phương pháp thuyết trình: GV giới thiệu chung về khái niệm dịch văn học, đặc điểm của dịch văn học, ngôn ngữ văn học, sơ lược về tiến trình lịch sử văn học Trung Quốc - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV căn cứ theo nội dung bài học trả lời câu hỏi	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp. -Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra miệng/viết tái hiện kiến thức, tổng hợp đúc kết nội dung.	LT	4	[4.1.1]
			BT	0	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	10	
第二课	-Dạy học theo phương pháp đọc hiểu:	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên	LT	1	

<p>鲁迅《阿 Q 正传》摘选 汉译越</p> <p>Bài 2: Dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt đoạn trích trong tác phẩm “AQ chính truyện” của Lỗ Tấn</p>	<p>người học đọc hiểu văn bản, GV phân tích cấu trúc, giải thích từ ngữ trọng điểm.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV căn cứ theo nội dung bài học trả lời câu hỏi</p> <p>- Dạy học theo phương pháp dịch ngữ pháp: GV giải thích và hướng dẫn SV dịch các cấu trúc ngữ pháp trọng điểm</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đối dịch: GV hướng dẫn và yêu cầu SV dịch tác phẩm sang tiếng Việt</p>	<p>căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp.</p> <p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp.</p> <p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp.</p>	BT	3	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	10	
<p>第三课 巴金《家》摘选汉译越</p> <p>Bài 3: Dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt đoạn</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, giới thiệu về Ba Kim và sự nghiệp sáng tác</p> <p>-Dạy học theo phương pháp đọc hiểu: người học đọc hiểu văn bản, GV phân tích cấu trúc, giải thích từ ngữ trọng</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp.</p> <p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên</p>	LT	1	
			BT	3	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	

trích trong tác phẩm “Nhà” của Ba Kim	điểm. - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV căn cứ theo nội dung bài học trả lời câu hỏi - Dạy học theo phương pháp dịch ngữ pháp: GV giải thích và hướng dẫn SV dịch các cấu trúc ngữ pháp trọng điểm - Dạy học theo phương pháp đối dịch: GV hướng dẫn và yêu cầu SV dịch tác phẩm sang tiếng Việt	căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp. -Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp.	Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	10	
第四课 《志漂》摘选越译汉 Bài 4: Dịch từ tiếng Việt sang tiếng Trung đoạn trích	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, giới thiệu về Nam Cao và sự nghiệp sáng tác -Dạy học theo phương pháp đọc hiểu: người học đọc hiểu văn bản, GV phân tích cấu trúc, giải thích từ ngữ trọng	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp. -Kiểm tra đánh giá thường xuyên	LT	1	
			BT	3	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	

trong tác phẩm “Chí Phèo” của Nam Cao	điểm. - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV căn cứ theo nội dung bài học trả lời câu hỏi - Dạy học theo phương pháp dịch ngữ pháp: GV giải thích và hướng dẫn SV dịch các cấu trúc ngữ pháp trọng điểm - Dạy học theo phương pháp đối dịch: GV hướng dẫn và yêu cầu SV dịch tác phẩm sang tiếng Việt	căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp. -Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp.	Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	10	
第五课 鲁迅《祝福》摘选汉译 越 Bài 5: Dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt đoạn trích trong tác phẩm “Chúc phúc” của Lỗ Tấn	-Dạy học theo phương pháp nhập vai: người đọc nhập vai đọc các đoạn văn được chỉ định trong tác phẩm -Dạy học theo phương pháp đọc hiểu văn bản văn học: người học đọc hiểu, diễn đạt lại, nêu ý chính trong văn bản, dịch nghĩa. -Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm: giảng viên nêu vấn đề cho người học thảo luận nhóm để đưa ra	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp. -Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp.	LT	1	
			BT	3	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>期中考试 Kiểm tra giữa kì</p>	<p>nhận định, đánh giá, giải pháp.</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp. - Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra tự luận 60 phút, nội dung kiến thức đã được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	<p>Tự học, tự nghiên cứu</p>	<p>10</p>	
<p>第六课 莫言《丰乳肥臀》摘选 汉译越 Bài 6: Dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt đoạn trích trong tác phẩm “Báu vật của đời” của</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp nhập vai: người đọc nhập vai đọc các đoạn văn được chỉ định trong tác phẩm -- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, giới thiệu về Ba Kim và sự nghiệp sáng tác -Dạy học theo phương pháp đọc hiểu: người học đọc hiểu văn bản, GV phân tích cấu trúc, giải thích từ ngữ trọng điểm.</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp. -Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp.</p>	<p>LT BT Thảo luận Thực hành Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1 3 1 0 0</p>	

Mạc Ngôn	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV căn cứ theo nội dung bài học trả lời câu hỏi - Dạy học theo phương pháp dịch ngữ pháp: GV giải thích và hướng dẫn SV dịch các cấu trúc ngữ pháp trọng điểm - Dạy học theo phương pháp đối dịch: GV hướng dẫn và yêu cầu SV dịch tác phẩm sang tiếng Việt - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm: giảng viên nêu vấn đề cho người học thảo luận nhóm để đưa ra nhận định, đánh giá, giải pháp. 	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp.	Tự học, tự nghiên cứu	10	
第七课 阮功欢《丢了钱包》摘 选越译汉 Bài 7:	<ul style="list-style-type: none"> -Dạy học theo phương pháp nhập vai: người đọc nhập vai đọc các đoạn văn được chỉ định trong tác phẩm - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, giới thiệu về Ba Kim và sự nghiệp sáng tác 	<ul style="list-style-type: none"> -Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp. -Kiểm tra đánh giá thường xuyên 	<ul style="list-style-type: none"> LT BT Thảo luận Thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> 1 3 1 0 	

Dịch từ tiếng Việt sang tiếng Trung đoạn trích trong tác phẩm “Mắt cái ví” của Nguyễn Công Hoan	<p>-Dạy học theo phương pháp đọc hiểu: người học đọc hiểu văn bản, GV phân tích cấu trúc, giải thích từ ngữ trọng điểm.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV căn cứ theo nội dung bài học trả lời câu hỏi</p> <p>- Dạy học theo phương pháp dịch ngữ pháp: GV giải thích và hướng dẫn SV dịch các cấu trúc ngữ pháp trọng điểm</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đối dịch: GV hướng dẫn và yêu cầu SV dịch tác phẩm sang tiếng Việt</p> <p>-Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm: giảng viên nêu vấn đề cho người học thảo luận nhóm để đưa ra nhận định, đánh giá, giải pháp.</p>	căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp.	Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	10	
第八课	-Dạy học theo phương pháp nhập vai: người đọc nhập vai đọc các đoạn văn	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi	LT	1	
			BT	3	

鲁迅《孔乙己》摘选汉 译越 Bài 8: Dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt đoạn trích trong tác phẩm “Không Ất Kỷ” của Lỗ	được chỉ định trong tác phẩm - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, giới thiệu về Ba Kim và sự nghiệp sáng tác -Dạy học theo phương pháp đọc hiểu: người học đọc hiểu văn bản, GV phân tích cấu trúc, giải thích từ ngữ trọng điểm.	khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp. -Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp.	Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

Tấn	<p>- Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV căn cứ theo nội dung bài học trả lời câu hỏi</p> <p>- Dạy học theo phương pháp dịch ngữ pháp: GV giải thích và hướng dẫn SV dịch các cấu trúc ngữ pháp trọng điểm</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đối dịch: GV hướng dẫn và yêu cầu SV dịch tác phẩm sang tiếng Việt</p> <p>-Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm: giảng viên nêu vấn đề cho người học thảo luận nhóm để đưa ra nhận định, đánh giá, giải pháp.</p>	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp.	Tự học, tự nghiên cứu	10	
第九课 阮明珠《远方的船》摘 选越译汉	<p>-Dạy học theo phương pháp nhập vai: người đọc nhập vai đọc các đoạn văn được chỉ định trong tác phẩm</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, giới thiệu về Ba Kim và sự nghiệp sáng tác</p>	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài và ôn tập bài trước khi lên lớp.	<p>LT</p> <p>BT</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>1</p> <p>3</p> <p>1</p> <p>0</p>	

<p>Bài 9: Dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt đoạn trích trong tác phẩm “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp đọc hiểu: người học đọc hiểu văn bản, GV phân tích cấu trúc, giải thích từ ngữ trọng điểm.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đặt câu hỏi: GV căn cứ theo nội dung bài học đặt câu hỏi, SV căn cứ theo nội dung bài học trả lời câu hỏi</p> <p>- Dạy học theo phương pháp dịch ngữ pháp: GV giải thích và hướng dẫn SV dịch các cấu trúc ngữ pháp trọng điểm</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đối dịch: GV hướng dẫn và yêu cầu SV dịch tác phẩm sang tiếng Việt</p> <p>--Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm: giảng viên nêu vấn đề cho người học thảo luận nhóm để đưa ra nhận định, đánh giá, giải pháp.</p>		Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	10	

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
Điểm 1 - Đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong học tập. - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao. - Năng lực tự học, tự nghiên cứu.	- Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của người học. - Phương pháp đánh giá thường xuyên: căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài, ôn tập bài trước khi lên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao thực hiện trên lớp. - Hình thức: Kiểm tra miệng hoặc viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp).	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
Điểm 2 - Nắm vững các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Năng lực tự học, nghiên cứu - Năng lực sáng tạo, tư duy - Năng lực tìm kiếm tài liệu,	- Bài kiểm tra viết 60 phút - Nội dung: Đánh giá mức độ lĩnh hội kiến thức đã học, năng lực xác định và giải quyết	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên

<p>xử lí các thông tin, các nội dung của học phần.</p>	<p>vấn đề, khả năng vận dụng kiến thức để hoàn thành nhiệm vụ học tập của người học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đánh giá: căn cứ kết quả làm bài kiểm tra tự luận 60 phút. - Hình thức: Kiểm tra Tự luận. Thời gian 60 phút; Nội dung: kiến thức đã được học đến thời điểm kiểm tra. 			
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững các nội dung, vấn đề được học trong toàn học phần. - Năng lực tái hiện kiến thức, năng lực tư duy, phân tích, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>-Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ của người học sau khi học xong học phần. Mục đích đánh giá chủ yếu tập trung vào năng lực vận dụng, giải quyết vấn đề của người học.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Tự luận; Thời gian: 90 phút;</p> <p>Nội dung: kiến thức được học trong học phần.</p>	<p>60 %</p>	<p>Cuối học phần</p>	<p>Nhà trường tổ chức thi</p>

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG QUỐC KHÁCH SẠN – NHÀ HÀNG

(Tên tiếng Anh: Chinese for Hotel - Restaurant)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03;
- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận: 30 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết.
- Loại học phần: *Bắt buộc*

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghệ vụ <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng Nói 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: Tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Đinh Thị Thảo

Số điện thoại: 0987092698 Email: dtthao@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong2@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Vũ Thị Anh Thơ

Số điện thoại: 0906139386 Email: vtatho@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Người học nhận thức được tầm quan trọng của học phần đối với nghề nghiệp sau này.

- Người học yêu thích, hứng thú, tích cực, tự giác, tích cực chủ động trong các hoạt động do người dạy đề xuất hoặc do người học tự đề xuất để thực hiện.
- Năng lực:
 - Người học tự tin giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc với các chủ đề liên quan đến khách sạn - nhà hàng.
 - Người học nắm chắc các lễ nghi trong phục vụ khách sạn - nhà hàng, xử lý tốt các tình huống nghiệp vụ khách sạn – nhà hàng.
 - Người học có khả năng tư duy độc lập, khả năng hợp tác, khả năng thuyết trình, khả năng làm việc nhóm, khả năng tìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin liên quan đến học phần thông qua việc tự đọc sách, tự nghiên cứu tài liệu.
 - Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT

Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Kiến thức và lý luận cơ bản về từ vựng học, ngữ nghĩa học, ngữ pháp tiếng TQ.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Kiến thức cơ bản về lý thuyết, thực hành, phương pháp, kỹ xảo dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực dịch nhiều chủ đề và nhiều hình thức	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp với chuyên ngành	Năng lực nắm bắt, xử lý thông tin đúng, đủ, hợp lý trong các tình huống giao tiếp	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực tư duy sáng tạo	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	2	2	2	2	1	2	0	1	1	2	2

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第一课：预订房间	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được quy trình đặt phòng khách sạn. - Nắm được các lễ nghi cần thiết khi phục vụ đặt phòng khách sạn 	Tiến hành hội thoại với chủ đề đặt phòng khách sạn	xử lý được các tình huống nghiệp vụ điển hình liên quan đến đặt phòng khách sạn
第二课：前厅接待	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được quy trình tiếp đón khách tại tiền sảnh - Nắm được các lễ nghi cần thiết khi tiếp đón khách tại tiền sảnh 	Tiến hành hội thoại với chủ đề tiếp đón khách tại tiền sảnh	xử lý được tình huống nghiệp vụ điển hình liên quan đến tiếp đón khách tại tiền sảnh
第三课：前厅服务	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được quy trình phục vụ tại quầy lễ tân. - Nắm được các lễ nghi cần thiết khi phục vụ tại quầy lễ tân 	Tiến hành hội thoại với chủ đề các dịch vụ tại quầy lễ tân	xử lý được tình huống nghiệp vụ điển hình liên quan đến các dịch vụ tại quầy lễ tân
第四课：电话总计的人员	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được quy trình làm việc của nhân viên trực tổng đài. - Nắm được các lễ nghi cần thiết của nhân viên trực tổng đài điện thoại 	Tiến hành hội thoại với chủ đề trực tổng đài điện thoại	xử lý được tình huống nghiệp vụ điển hình liên quan đến trực tổng đài điện thoại
第五课：客	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được quy 	Tiến hành hội thoại	xử lý được tình

房服务	trình phục vụ tại phòng ở khách sạn. - Nắm được các lễ nghi cần thiết của nhân viên phục vụ phòng khách sạn	với chủ đề phục vụ phòng khách sạn	huống nghiệp vụ điển hình liên quan đến phục vụ phòng khách sạn
第六课: 餐饮部	- Hiểu được quy trình đặt trước bàn ăn. - Nắm được các lễ nghi cần thiết khi tiếp nhận đặt bàn, phục vụ bàn ăn.	Tiến hành hội thoại với chủ đề đặt bàn trước, phục vụ bàn ăn	xử lý được tình huống nghiệp vụ điển hình liên quan đến đặt bàn trước, phục vụ bàn ăn
第七课: 酒吧	- Hiểu được quy trình phục vụ tại quầy bar, có hiểu biết nhất định về đồ uống của Việt Nam và quốc tế. - Nắm được các lễ nghi cần thiết khi phục vụ tại quầy bar.	Tiến hành hội thoại với chủ đề phục vụ tại quầy bar	xử lý được tình huống nghiệp vụ điển hình liên quan đến phục vụ tại quầy bar
第八课: 顾客投诉	- Hiểu được quy trình giải quyết khiếu nại của khách hàng. - Nắm được các lễ nghi cần thiết khi giải quyết các khiếu nại của khách hàng	Tiến hành hội thoại với chủ đề giải quyết khiếu nại của khách hàng	xử lý được tình huống nghiệp vụ điển hình liên quan đến giải quyết khiếu nại của khách hàng
第九课: 付款	- Hiểu được quy trình thanh toán tại khách sạn, nhà	Tiến hành hội thoại với chủ đề thanh toán	xử lý được tình huống nghiệp vụ điển hình liên quan

	hàng. - Nắm được các lễ nghi cần thiết khi thanh toán cho khách hàng		đến phục vụ thanh toán
第十课：送 行客宾	- Hiểu được quy trình đưa tiễn khách. - Nắm được các lễ nghi cần thiết khi tiễn khách	Tiến hành hội thoại với chủ đề đưa tiễn khách	xử lý được tình huống nghiệp vụ điển hình liên quan đến tiễn khách

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Tiếng Trung Quốc Khách sạn – Nhà hàng** gồm 10 bài với nội dung bao trùm nhiều lĩnh vực khác nhau trong nghiệp vụ khách sạn nhà hàng (đặt phòng khách sạn, đón khách, phục vụ tại quầy lễ tân, trực tổng đài, nghiệp vụ buồng phòng, các phục vụ hỗ trợ khách hàng, đặt món, thanh toán...); Người học sẽ được trang bị những lý thuyết cơ bản về nghiệp vụ khách sạn nhà hàng, đồng thời mở rộng vốn từ vựng tiếng Trung Quốc về lĩnh vực khách sạn nhà hàng, rèn luyện kỹ năng giao tiếp ứng xử trong nghiệp vụ khách sạn nhà hàng. Người học được củng cố kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp thông qua hệ thống các bài hội thoại, thực hành xử lý những tình huống cụ thể trong nghiệp vụ khách sạn nhà hàng.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1] Đinh Thị Thảo, Giáo trình tiếng Trung Quốc Khách sạn - Nhà hàng, 2012

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] Nguyễn Ngọc Mai, Bài giảng tiếng Hán chuyên ngành Khách sạn - Nhà hàng, Trường CĐDL Hà Nội, 2008

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần (kể cả thời lượng dạy học trực tuyến, tự học có hướng dẫn...)
- Chuẩn bị thảo luận.

- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Yêu cầu cần đạt đối với các bài thực hành.
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.
- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của người dạy.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一课: 预订房间 第一节: 预订房间 第二节: 酒店客满 第三节: 更改预订资料	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và hội thoại; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên hội thoại về các chủ đề được học. - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên nêu được những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận thông tin đặt phòng.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	1	Tài liệu chính: [4.1.1]
			Bài tập	2	
			Thảo luận, làm việc nhóm	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
Tự học, NC	10				
第二课: 前厅接待 第一节: 接待已订房客人 第二节: 接待未订房客人	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và hội thoại; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên hội thoại về các chủ đề được học. - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên nêu	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức	Lí thuyết	1	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1]
			Bài tập	2	
			Thảo luận, làm việc nhóm	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có	0	

<p>第三节：接待旅行团</p>	<p>được những điểm cần lưu ý khi tiếp đón khách.</p>	<p>của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>hướng dẫn</p>		
<p>第三课：前厅服务 第一节：帮客人提行李 第二节：订票的服务 第三节：换钱</p>	<p>- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và hội thoại; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên hội thoại về các chủ đề được học. - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên nêu được những điểm cần lưu ý khi giúp khách mang hành lý, đặt vé, đổi tiền</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận, làm việc nhóm Thực hành Tự học có hướng dẫn Tự học, NC</p>	<p>1 2 1 0 0 8</p>	<p>Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1]</p>
<p>第四课：电话总计的人员 第一节：接听外来电话 第二节：拨打内线电话 第三节：拔</p>	<p>- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và hội thoại; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên hội thoại về các chủ đề được học. - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên nêu được những điểm cần lưu ý khi</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận,</p>	<p>Lí thuyết Bài tập Thảo luận, làm việc nhóm Thực hành Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1 2 1 0 0</p>	

打外线电话	phục vụ khách gọi điện thoại.	câu hỏi trắc nghiệm	Tự học, NC	8	
第五课: 客房服务	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và hội thoại;	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...	Lí thuyết	1	TL
第一节: 收拾服务	- Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên hội thoại về các chủ đề được học.		Bài tập	2	chính:
第二节: 准备晚床	- Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên nêu được những điểm cần lưu ý khi dọn phòng, nhận đơn giặt là của khách.		Thảo luận, làm việc nhóm	2	[4.1.1]
第三节: 洗衣服			Thực hành	0	TLTK:
期中考试			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.1]
			Tự học, NC	10	
第六课: 餐饮部	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và hội thoại;	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...	Lí thuyết	1	TL
第一节: 订餐	- Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên hội thoại về các chủ đề được học.		Bài tập	0	chính:
第二节: 没有空的餐位	- Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên nêu được những điểm cần lưu ý khi phục vụ đặt bàn, khách gọi		Thảo luận, làm việc nhóm	2	[4.1.1]
第三节: 点菜			Thực hành	0	TLTK:
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.1]
			Tự học, NC	6	

	món.				
第七课: 酒吧 第一节: 越南酒 第二节: 外国酒 第三节: 算账	<p>- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và hội thoại;</p> <p>- Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên hội thoại về các chủ đề được học.</p> <p>- Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên nêu được những điểm cần lưu ý khi giúp khách gọi rượu, thanh toán.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận, làm việc nhóm</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>1</p> <p>2</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>8</p>	<p>TL</p> <p>chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p>
第八课: 顾客投诉 第一节: 房间不整洁 第二节: 遗失物品 第三节: 衣服洗坏	<p>- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và hội thoại;</p> <p>- Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên hội thoại về các chủ đề được học.</p> <p>- Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên nêu được những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận khiếu nại của khách.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận, làm việc nhóm</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>1</p> <p>2</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>10</p>	<p>TL</p> <p>chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p>
第九课: 付	- Dạy học thuyết trình hướng	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua	Lí thuyết	1	TL

<p>款</p> <p>第一节：现金算账</p> <p>第二节：用信用卡算账</p> <p>第三节：公司算账</p>	<p> dẫn về từ vựng và hội thoại;</p> <p>- Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên hội thoại về các chủ đề được học.</p> <p>- Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên nêu được những điểm cần lưu ý khi thanh toán cho khách trả phòng.</p>	<p>quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>Bài tập</p> <p>Thảo luận, làm việc nhóm</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>8</p>	<p>chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p>
<p>第十课：送行客宾</p> <p>第一节：纪念品店</p> <p>第二节：叫醒</p> <p>第三节：送行客宾</p>	<p>- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và hội thoại;</p> <p>- Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên hội thoại về các chủ đề được học.</p> <p>- Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên nêu được những điểm cần lưu ý khi đưa khách mua đồ lưu niệm, tiễn khách.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận, làm việc nhóm</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>1</p> <p>2</p> <p>1</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>8</p>	<p>TL</p> <p>chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.2]</p>

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), quay video, làm slide thuyết trình,... 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá qua quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). 	10%	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên

<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: Kiểm tra tự luận, trắc nghiệm trên lớp, chấm bài tập về nhà, bài tập theo nhóm 			
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp, thời gian 60 phút.</p>	20%	Giữa kỳ	Giảng viên
		60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: dưới 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, phần mềm,...
- Địa điểm dạy học: tại trường, online

TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG QUỐC DU LỊCH

(Tên tiếng Anh: Chinese for tourism)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4;
- Lý thuyết: 15 tiết;
- Bài tập, thảo luận: 45 tiết;
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 120 tiết.
- Loại học phần: *Bắt buộc*

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghệ vụ <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng Nói 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại Ngữ
 - + Bộ môn: Tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số điện thoại: 0972327976 Email: nttthuy@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thùy Linh

Số điện thoại: 0965293311 Email: nttlinh@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Vũ Thanh Hương

Số điện thoại: 0969617555 Email: huongvt@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Góp phần hình thành phẩm chất của một hướng dẫn viên du lịch quốc tế

- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Nâng cao kỹ năng giao tiếp và kiến thức nghiệp vụ du lịch
 - Vận dụng thành thục các cách diễn đạt và từ ngữ thường dùng trong hướng dẫn du lịch
 - Giao tiếp đối thoại với khách du lịch
 - Tìm tòi và mở rộng kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, các chủ điểm du lịch
 - Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học
- Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT

Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Kiến thức và lý luận cơ bản về từ vựng học, ngữ nghĩa học, ngữ pháp tiếng TQ.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Kiến thức cơ bản về lý thuyết, thực hành, phương pháp, kỹ xảo dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực dịch nhiều chủ đề và hình thức	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp với chuyên ngành	Năng lực nắm bắt, xử lý thông tin đúng, đủ, hợp lý trong các tình huống giao tiếp	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực tư duy sáng tạo	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	2	2	2	2	1	2	0	2	2	2	2

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第一课：旅游交通工具	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững lớp từ vựng về các phương tiện du lịch. - Nắm được các kiến thức về phương tiện du lịch hợp lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách hội thoại giao tiếp để lựa chọn, sử dụng các phương tiện du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các khái niệm, chủ đề trong bài học để giải quyết các vấn đề, tình huống giao tiếp về phương tiện du lịch
第二课：办海关手续	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững lớp từ vựng về các thủ tục qua hải quan - Nắm được các kiến thức về làm thủ tục hải quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách hội thoại giao tiếp khi làm thủ tục hải quan. - Nắm được các thủ tục cơ bản của khách du lịch khi qua hải quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các khái niệm, chủ đề trong bài học để giải quyết các vấn đề, tình huống giao tiếp khi qua hải quan
第三课：迎接旅游团	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững lớp từ vựng giao tiếp khi đón đoàn du lịch - Nắm được các kiến thức về đón tiếp khách du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách hội thoại giao tiếp khi đón tiếp các đoàn du lịch ở nhà ga, bến xe, sân bay, khách sạn,... - Nắm vững các bước chuẩn bị, chào đón và tiếp đoàn du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng các khái niệm, chủ đề trong bài học để giải quyết các vấn đề, tình huống giao tiếp đón tiếp đoàn du lịch
第四课：旅游日程	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững lớp từ vựng về lịch trình du lịch 5-7 ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các kiến thức sắp xếp, lên lịch trình du lịch 5-7 ngày và biết cách hội thoại giao tiếp để lên lịch trình du lịch cũng như làm các thủ tục có liên 	<ul style="list-style-type: none"> - vận dụng từ ngữ và kiến thức về du lịch trong giao tiếp hội thoại, hướng dẫn và giới thiệu về lịch trình du lịch

		quan.	
第五课：介绍河内 旅游景点	- Nắm vững lớp từ vựng về chủ điểm du lịch Hà Nội Hà Nội.	- Nắm được các kiến thức về các chủ điểm du lịch Hà Nội và biết cách giới thiệu, thuyết minh cho khách du lịch về các chủ điểm du lịch	Sử dụng các khái niệm, chủ đề trong bài học để giải quyết các vấn đề, tình huống giao tiếp, áp dụng kỹ năng và kiến thức được giảng dạy.
第六课：介绍越南 旅游景点	- Nắm vững lớp từ vựng về chủ điểm du lịch Việt Nam - Nắm được các kiến thức về các chủ điểm du lịch Việt Nam	- Biết cách giới thiệu, thuyết minh cho khách du lịch về các chủ điểm du lịch Việt Nam.	- Vận dụng các khái niệm, từ ngữ trong bài học để giải quyết các vấn đề, tình huống giao tiếp, thuyết trình về cảnh điểm du lịch Việt Nam
第七课：旅游的一天	- Nắm vững lớp từ vựng liên quan đến các thông tin du lịch một ngày - Nắm được các kiến thức về các chủ điểm du lịch, các thông tin cần biết khi đi du lịch	- Biết cách giới thiệu, thuyết minh cho khách du lịch về các danh lam thắng cảnh du lịch, các đặc sản du lịch, chủ yếu là Hà Nội.	- giới thiệu, thuyết minh cho khách du lịch về các danh lam thắng cảnh du lịch, các đặc sản du lịch, chủ yếu là Hà Nội.
第八课：问路	- Nắm vững lớp từ vựng về hỏi đường.	- Nắm được cách thức hội thoại giao tiếp khi hỏi đường.	- Vận dụng các khái niệm, chủ đề trong bài học để giải quyết các vấn đề, tình huống giao

			tiếp về chủ đề hỏi đường
第九课: 购物	- Nắm vững lớp từ vựng về mua sắm.	- Nắm được các kiến thức và biết cách hội thoại giao tiếp khi đi mua hàng.	- Vận dụng các khái niệm, chủ đề trong bài học để giải quyết các vấn đề, tình huống giao tiếp về chủ đề mua sắm

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Tiếng Trung Quốc Du lịch** cung cấp cho người học các từ, cấu trúc câu và các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch. Bên cạnh đó, người học tiếp tục được nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng và được bổ xung thêm các kỹ năng giao tiếp trong nghiệp vụ du lịch

Nội dung của học phần Tiếng Trung Quốc Du lịch được sắp xếp theo trình tự các chủ điểm trong nghiệp vụ hướng dẫn du lịch như: Phương tiện du lịch, qua hải quan, đón đoàn du lịch, lịch trình du lịch, giới thiệu chủ điểm du lịch,... giúp người học không chỉ trang bị được kiến thức tiếng, đồng thời còn hiểu thêm về các kiến thức nghiệp vụ du lịch.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. Vũ Thanh Hương, “Tiếng Trung Du lịch”, Giáo trình nội bộ Trường ĐH Thủ Đô Hà Nội, 2012

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. Nguyễn Thiện Chí, Lâm Gia Bửu Trân, *Đàm thoại tiếng Hoa du lịch*, Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn

[4.2.2]. Trần Thị Thanh Liêm, Chu Quang Thắng, *Đàm Thoại tiếng Hoa du lịch*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin

[4.2.3]. Tống Nghi Trinh, Triệu Thanh Khôi, *Giao tiếp Tiếng Hoa trong mọi tình huống*, NXB Hồng Đức

[4.2.4]. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, *Tiếng Hoa dùng trong Du lịch*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần (*kể cả thời lượng dạy học trực tuyến, tự học có hướng dẫn...*)

- Hoàn thành các bài tập được giao:

- + Bài tập về nhà
- + Chuẩn bị bài mới
- + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
- + Bài tập thảo luận nhóm
- + bài tập Thuyết trình

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.

- + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....
- + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học đến thời điểm kiểm tra. Thuyết trình theo nội dung lựa chọn
- + Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.
 - Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一课：旅游交通工具 一、课文 二、生词 三、练习 阅读：越南交通情况	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề các phương tiện du lịch. Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và trình bày về những điều cần lưu ý khi du lịch bằng các phương tiện như: máy bay, xe hơi, tàu hỏa - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]
			Bài tập	2	
			Thảo luận	3	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	12	
第二课：办海关手续	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1]
			Bài tập	2	

一、课文 二、生词 三、练习 阅读：海关检查	và bài hội thoại - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề hải quan. Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và trình bày về những điều cần lưu ý khi qua hải quan - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập	quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	Thảo luận	3	TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	12	
第三课：迎接旅游团 一、课文 二、生词 三、练习 阅读：迎接服务——赴饭店途中服务	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề đón tiếp du lịch. Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và trình bày về những điều cần lưu ý khi	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở	Lý thuyết	1	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]
Bài tập			2		
Thảo luận			3		
Thực hành			0		
Tự học có hướng dẫn			0		

	<p>đón tiếp đoàn du lịch</p> <p>- Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập</p>	<p>nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>12</p>	
<p>第四课：旅游日程</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、练习</p> <p>阅读：越南旅游签证办理</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề lịch trình du lịch 5-7 ngày. Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và trình bày về thiết kế lịch trình du lịch 5-7 ngày</p> <p>- Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Lí thuyết	1	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>
			Bài tập	2	
			Thảo luận	3	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	12	
<p>第五课：介绍河内旅游</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua</p>	Lí thuyết	1	<p>TL chính: [4.1.1]</p>
			Bài tập	2	

景点 一、课文 二、生词 三、练习 阅读：越南首都——河 内简介	và bài hội thoại - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề cảnh điểm Hà Nội: Văn Miếu, Quảng trường Ba Đình, Hồ Tây, Hồ Hoàn Kiếm... Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và trình bày về cảnh điểm Hà Nội: Văn Miếu, Quảng trường Ba Đình, Hồ Tây, Hồ Hoàn Kiếm... - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập	quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	Thảo luận	3	TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	12	
第六课：介绍越南旅游景点 + KTGHP 一、课文 二、生词	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề cảnh điểm Việt	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện	Lý thuyết	1	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	2	
			Thảo luận	3	
			Thực hành	0	

<p>三、练习</p> <p>阅读：赴越南旅游</p> <p>注意事项</p>	<p>Nam: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Lạt, Hạ Long, Sa pa, Nha Trang...Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và trình bày về cảnh điểm Việt Nam: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Lạt, Hạ Long, Sa pa, Nha Trang...</p> <p>-Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập</p>	<p>các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p> <p>- Kiểm tra giữa học phần: Bài thuyết trình. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	Tự học có hướng dẫn	0	<p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>
			Tự học, NC	12	
<p>第七课：旅游的一天</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、练习</p> <p>阅读：红河一天游</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề lịch trình 1 ngày quanh Hà Nội. Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và trình bày về lịch trình</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở</p>	Lí thuyết	1	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>
			Bài tập	2	

	<p>1 ngày quanh Hà Nội.</p> <p>- Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập</p>	<p>nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>3</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>12</p>	
<p>第八课： 问路</p> <p>一、 课文</p> <p>二、 生词</p> <p>三、 练习</p> <p>阅读： 问路和接受问路有哪些礼仪要求？</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề hỏi đường du lịch (mẫu câu, lễ nghi).</p> <p>Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và trình bày về hỏi đường du lịch (mẫu</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>2</p> <p>3</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>

	<p>câu, lễ nghi).</p> <p>- Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập</p>	<p>lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>12</p>	
<p>第九课：购物</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、练习</p> <p>阅读：北京旅游购物指南</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề hỏi đường du lịch (mẫu câu, lễ nghi).</p> <p>Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>2</p> <p>3</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>

	<p>trình bày về mua sắm du lịch (mẫu câu, cách mặc cả).</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập. Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân</p>	<p>nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>12</p>	<p>]</p>
--	---	---	-----------------------	-----------	----------

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

- Giảng viên giới thiệu cho người học mục tiêu, nội dung học phần, nhiệm vụ học tập, phương pháp, yêu cầu học phần; Nội dung, hình thức, tiêu chí đánh giá các nhiệm vụ học tập; Hình thức kiểm tra, đánh giá; Tài liệu tham khảo.
- Hướng dẫn người học xây dựng kế hoạch học tập dựa trên tiến trình học phần.
- Tổ chức cho người học thực hiện kế hoạch học tập của cá nhân và nhóm.
- Tổ chức thảo luận nhóm/lớp
- Đánh giá và hướng dẫn người học tự đánh giá các nhiệm vụ học tập của cá nhân và nhóm theo từng phần
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá: kiểm tra phần chuẩn bị qua ghi chép, qua trả lời các câu hỏi đã giao, kiểm tra bằng các câu hỏi tổng hợp, khái quát, yêu cầu người học thực hiện thuyết trình tại lớp sau khi đã chuẩn bị bài silde theo nhóm.

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1 Yêu cầu đảm bảo chuyên cần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần và thái độ học nghiêm túc - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> -Nội dung: đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp, đánh giá mức độ tích cực học tập tham gia hoạt động của SV - Phương thức đánh giá thông qua quá trình học tập trên lớp, theo dõi khả năng tiếp thu và tiến bộ của SV, thực hiện các phần bài cá nhân và bài tập theo nhóm - Hình thức đánh giá :kiểm tra miệng, 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên

	kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), làm các BT nhóm			
<p>Điểm 2</p> <p>--Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích cực, chủ động trong quá qua quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - có khả năng tổng hợp vấn đề và thuyết trình - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm, thuyết trình của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: SV thuyết trình theo nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học đến thời điểm kiểm tra. 	30 %	Giữa học phần	Giảng viên
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải 	-Nội dung: đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

<p>quyết vấn đề trong học phần.</p>	<p>sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>- Phương pháp: viết trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học trong học phần Tiếng Trung Du Lịch</p>			
-------------------------------------	--	--	--	--

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, loa đài
- Địa điểm: Phòng học của nhà trường

TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG THUYẾT MINH CẢNH QUAN DU LỊCH

(Tên tiếng Anh: Chinese for tourism presentation)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4
- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận nhóm: 45 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 120 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghị vụ <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng nói 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886 Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

2. TS. Phạm Hữu Khương

Số điện thoại: 0988999236 Email: phkhuong@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Vũ Thanh Hương

Số điện thoại: 0969617555 Email: huongvt@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.
- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Mở rộng vốn từ về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch
 - Tìm hiểu thêm về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, thuyết minh các cảnh điểm du lịch
 - Rèn luyện khả năng giao tiếp đối thoại trong nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, khả năng trình bày, thuyết minh các cảnh điểm du lịch Hà Nội.
 - Bồi dưỡng vốn kiến thức về văn hóa du lịch Hà Nội
 - Vận dụng đúng từ vựng, ngữ pháp và ngữ nghĩa trong giao tiếp hướng dẫn du lịch
 - Vận dụng thành thục các cách diễn đạt và từ ngữ thường dùng trong hướng dẫn du lịch
 - Giao tiếp đối thoại với khách du lịch, giới thiệu, thuyết minh các cảnh quan du lịch Hà Nội
 - Tìm tòi và mở rộng kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, thuyết minh các cảnh điểm du lịch Hà Nội
 - Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học
- Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	2	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
Bài 1: Du lịch Hà Nội	Có vốn từ vựng về chủ điểm Du lịch Hà Nội.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về chủ điểm Du lịch Hà Nội.	Thuyết minh được về chủ điểm Du lịch Hà Nội
Bài 2: Văn Miếu Quốc Tử Giám	Có vốn từ vựng về chủ điểm Văn Miếu Quốc Tử Giám.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về chủ điểm Văn Miếu Quốc Tử Giám.	Thuyết minh được về chủ điểm Văn Miếu Quốc Tử Giám
Bài 3: Lăng chủ tịch Hồ Chí Minh	Có vốn từ vựng về chủ điểm Lăng chủ tịch Hồ Chí Minh.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về chủ điểm Lăng chủ tịch Hồ Chí Minh.	Thuyết minh được về chủ điểm Lăng chủ tịch Hồ Chí Minh
Bài 4: Chùa ở Hà Nội	Có vốn từ vựng về chủ điểm Chùa ở Hà Nội.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về chủ điểm Chùa ở Hà Nội.	Thuyết minh được về chủ điểm Chùa ở Hà Nội
Bài 5: Bảo tàng ở Hà Nội	Có vốn từ vựng về chủ điểm Bảo tàng ở Hà Nội.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về chủ điểm Bảo tàng ở Hà Nội.	Thuyết minh được về chủ điểm Bảo tàng ở Hà Nội
Bài 6: Khu di tích Hoàng Thành	Có vốn từ vựng về chủ điểm Khu di tích Hoàng Thành.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về chủ điểm Khu di tích Hoàng Thành.	Thuyết minh được về chủ điểm Khu di tích Hoàng Thành
Bài 7: Phố cổ Hà Nội	Có vốn từ vựng về chủ điểm Phố cổ Hà Nội.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về chủ điểm Phố cổ Hà Nội.	Thuyết minh được về chủ điểm Phố cổ Hà Nội
Bài 8: Hồ Hoàn	Có vốn từ vựng về chủ điểm Hồ	Lập được các câu và đoạn ngắn giới	Thuyết minh được về chủ điểm

Kiểm	Hoàn Kiếm.	thiệu về chủ điểm Hồ Hoàn Kiếm.	Hồ Hoàn Kiếm
Bài 9: Cổ Loa	Có vốn từ vựng về chủ điểm Cổ Loa.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về chủ điểm Cổ Loa.	Thuyết minh được về chủ điểm Cổ Loa
Bài 10: Bát Tràng	Có vốn từ vựng về chủ điểm Bát Tràng.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về chủ điểm Bát Tràng.	Thuyết minh được về chủ điểm Bát Tràng
Thực tế tại Bảo tàng dân tộc học	Có vốn từ vựng về các chủ điểm nhỏ trong Bảo tàng dân tộc học.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về các chủ điểm nhỏ trong Bảo tàng dân tộc học.	Thuyết minh được về các chủ điểm nhỏ trong Bảo tàng dân tộc học.

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Tiếng Trung Thuyết minh cảnh quan du lịch** nhằm củng cố những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã học ở các học phần trước, đồng thời mở rộng vốn kiến thức về văn hóa du lịch, mở rộng vốn từ về nghiệp vụ du lịch, các cảnh điểm du lịch Hà Nội; rèn luyện kỹ năng thuyết minh cảnh quan du lịch và bồi dưỡng vốn kiến thức về văn hóa du lịch Hà Nội. Học phần **Tiếng Trung Thuyết minh cảnh quan du lịch** tập trung vào thuyết minh những cảnh quan điển hình của Hà Nội như: Lăng Bác, Văn Miếu, Chùa ở Hà Nội, Hồ Hoàn Kiếm, Hoàng Thành Thăng Long, Phố cổ... Trên cơ sở đó người học tiếp tục phát huy tính năng động sáng tạo, tự tìm tòi nghiên cứu để có thể giới thiệu tiếp những cảnh quan khác ở Hà Nội cũng như trên toàn quốc.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. Thuyết minh cảnh quan du lịch Hà Nội (Giáo trình lưu hành nội bộ)

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] Tiếng Hán hướng dẫn du lịch, GT khoa Ngoại Ngữ Du lịch trường CĐ Du lịch Hà Nội biên soạn

[4.2.2] Đàm thoại Tiếng Hoa trong du lịch - thương mại, NXB Văn hoá thông tin.

[4.2.3] Giáo trình Tiếng Trung Du lịch, Thanh Hà, NXB ĐHQG

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm
 - + Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.
- + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp...
- + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGG: thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...
- + Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Hình thức KTĐG: thuyết trình cá nhân về nội dung chủ đề đã học...
- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
Bài 1: Du lịch Hà Nội 1. Bài khóa 2. Từ mới 3. Bài tập	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Du lịch Hà Nội - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Du lịch Hà Nội. Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Bài tập	2	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
Tự học, NC	10				
Bài 2: Văn Miếu Quốc Tử Giám	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát,	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1]
			Bài tập	2	

1. Bài khóa 2. Từ mới 3. Bài tập	và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Văn Miếu Quốc Tử Giám - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Văn Miếu Quốc Tử Giám. Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập	theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	Thảo luận	2	TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	10	
Bài 3: Lãng chủ tịch Hồ Chí Minh 1. Bài khóa 2. Từ mới	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Lãng chủ tịch Hồ Chí Minh	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp,	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1]
			Bài tập	2	
			Thảo luận	2	TLTK: [4.2.1]
			Thực hành	0	

3. Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Lăng chủ tịch Hồ Chí Minh. Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập 	việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.2] [4.2.3]
			Tự học, NC	10	
Bài 4: Chùa ở Hà Nội	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát,	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1]
			Bài tập	2	

1. Bài khóa 2. Từ mới 3. Bài tập	và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Chùa ở Hà Nội - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Chùa ở Hà Nội. Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề -Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập	theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	Thảo luận	2	TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	10	
Bài 5: Bảo tàng ở Hà Nội	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát,	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1]
			Bài tập	2	

1. Bài khóa 2. Từ mới 3. Bài tập	và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Bảo tàng ở Hà Nội - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Bảo tàng ở Hà Nội. Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập	theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	Thảo luận	2	TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	10	
Bài 6: Khu di tích Hoàng Thành 1. Bài khóa 2. Từ mới 3. Bài tập	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Khu di tích Hoàng Thành - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Khu di tích Hoàng	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Bài tập	2	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	<p>Thành. Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập 	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi - Kiểm tra giữa học phần: Bài thuyết trình. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. 	<p>Tự học, NC</p>	<p>10</p>	
--	--	---	-----------------------	-----------	--

Bài 7: Phố cổ Hà Nội 1. Bài khóa 2. Từ mới 3. Bài tập	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Phố cổ Hà Nội - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Phố cổ Hà Nội. Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Bài tập	2	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
Tự học, NC	10				
Bài 8: Hồ Hoàn Kiếm 1. Bài khóa 2. Từ mới	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Hồ Hoàn Kiếm	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp,	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1]
			Bài tập	2	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	

3. Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Hồ Hoàn Kiếm. Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi 	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.2] [4.2.3]
			Tự học, NC	10	
Bài 9: Cổ Loa	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Cổ Loa - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Cổ Loa. Yêu cầu SV tiến 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn 	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
1. Bài khóa			Bài tập	2	
2. Từ mới			Thảo luận	2	
3. Bài tập			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	<p>hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập 	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi 	Tự học, NC	10	
<p>Bài 10: Bát Tràng</p> <p>1. Bài khóa</p> <p>2. Từ mới</p> <p>3. Bài tập</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Bát Tràng - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Bát Tràng. Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi 	Lí thuyết	1	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p>
			Bài tập	2	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
	Tự học, NC	10			
Thực tế tại Bảo tàng	- Dạy học theo phương pháp thảo luận	- Kiểm tra đánh giá thường	Lí thuyết	5	TL chính:

dân tộc học	<p>nhóm. Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề</p> <p>- Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập</p>	<p>xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	Bài tập	2	[4.1.1]
			Thảo luận	3	TLTK:
			Thực hành	0	[4.2.1]
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.2]
			Tự học, NC	20	[4.2.3]

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <p>Yêu cầu đảm bảo chuyên cần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần và thái độ học nghiêm túc - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của SV -Phương pháp đánh giá: thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của SV trong các giờ học, qua các nhiệm vụ học tập: bài tập về nhà, bài tập nhóm trên lớp... -Hình thức: kiểm tra miệng, kiểm tra viết, làm các BT nhỏ 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <p>--Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ 	30 %	Giữa học phần	Giảng viên

<p>tra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích cực, chủ động trong quá qua quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - có khả năng tổng hợp vấn đề và thuyết trình - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Phương pháp: đánh giá trực quan -Hình thức: BT thuyết trình tại lớp; Nội dung: Thuyết minh theo chủ đề được phân công 			
--	---	--	--	--

<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. -Phương pháp: đánh giá trực quan -Hình thức: thuyết trình tại lớp; Nội dung: Thuyết minh cá nhân với nội dung tự chọn 	<p>60 %</p>	<p>Cuối học phần</p>	<p>Nhà trường tổ chức thi</p>
---	---	--------------------	----------------------	-------------------------------

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG QUỐC THƯƠNG MẠI

(Tên tiếng Anh.....)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3
- Lý thuyết: 15
- Bài tập: 30 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng nói 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886 Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số điện thoại: 0972327976 Email: ntthuy@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thùy Linh

Số điện thoại: 0965293311 Email: nttlinh@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Nắm vững vốn từ trong lĩnh vực thương mại như giá cả, giao hàng, đóng gói, quảng cáo, thoả thuận mua bán, ...
 - Nắm vững các cấu trúc thường dùng trong giao dịch thương mại.
 - Vận dụng thành thạo lớp từ trong lĩnh vực thương mại.
 - Vận dụng các cấu trúc thường gặp trong giao dịch thương mại
 - Thực hành các giao tiếp thương mại bằng tiếng Trung Quốc tự tin, chính xác...
 - Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học.
- Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	2	2	2	1	2	2	0	1	2	2	2

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第一课: 欢迎	Hiểu được từ vựng chủ đề: 欢迎	Sử dụng được từ vựng chủ đề: 欢迎	làm được hội thoại về tình huống: 欢迎
第二课: 会见	Hiểu được từ vựng chủ đề: 会见	Sử dụng được từ vựng chủ đề: 会见	làm được hội thoại về tình huống: 会见
第三课: 展销会	Hiểu được từ vựng chủ đề: 展销会	Sử dụng được từ vựng chủ đề: 展销会	làm được hội thoại về tình huống: 展销会
第四课: 价格	Hiểu được từ vựng chủ đề: 价格	Sử dụng được từ vựng chủ đề: 价格	làm được hội thoại về tình huống: 价格
第五课: 包装	Hiểu được từ vựng chủ đề: 包装	Sử dụng được từ vựng chủ đề: 包装	làm được hội thoại về tình huống: 包装
第六课: 运输 + KTGK	Hiểu được từ vựng chủ đề: 运输	Sử dụng được từ vựng chủ đề: 运输	làm được hội thoại về tình huống: 运输
第七课: 交货	Hiểu được từ vựng chủ đề: 交货	Sử dụng được từ vựng chủ đề: 交货	làm được hội thoại về tình huống: 交货
第八课: 支付	Hiểu được từ vựng chủ đề: 支付	Sử dụng được từ vựng chủ đề: 支付	làm được hội thoại về tình huống: 支付
第九课: 海关	Hiểu được từ vựng chủ đề: 海关	Sử dụng được từ vựng chủ đề: 海关	làm được hội thoại về tình huống: 海关
第十课: 成交	Hiểu được từ vựng chủ đề: 成交	Sử dụng được từ vựng chủ đề: 成交	làm được hội thoại về tình huống: 成交

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Với những hội thoại mẫu được người bản địa giọng chuẩn thực hiện, tốc độ sát với thực tế giao tiếp, học phần **Tiếng Trung Quốc Thương Mại** rèn luyện chủ yếu kỹ năng nghe, nói, đàm thoại, đặc biệt bồi dưỡng năng lực diễn đạt khẩu ngữ cho người học. Học phần giúp người học dần tích lũy và mở rộng nâng cao

vốn kiến thức về lĩnh vực thương mại. Sau khi kết thúc học phần, người học có thể tự tin thực hiện các giao dịch thương mại bằng tiếng Trung Quốc.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. Trần Xuân Ngọc Lan- Nguyễn Thị Tân, *30 Bài Khẩu ngữ tiếng Hoa về ngoại thương*, NXB Văn Hóa Sài Gòn, 2010. (Kèm đĩa CD)

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. Trương Văn Giới, Giáp Văn Cường, Phạm Thanh Hằng, *Thư tín thương mại Hoa Việt*, NXB Tổng hợp TP HCM, 2006

[4.2.2]. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, *Giáo trình đàm thoại thương mại Hoa Việt*, NXB Tp Hồ Chí Minh, 2012

[4.2.3]. 周红主编《商务汉语写作》学林出版社，2010

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Suru tâm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm
 - + Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:
 - + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....
 - + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp/ Quay video hội thoại về các chủ đề đã học/ Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...

- + Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.
- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一课: 欢迎 词语 重要句式 会话	- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu -Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận về chủ đề học của bài - Phương pháp đóng vai: sinh viên phân vai theo nội dung bài và tiến hành hội thoại theo chủ đề bài - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học	Lí thuyết	1.5	4.1.1
			Bài tập	2	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	9	

<p>第二课:会见</p> <p>词语</p> <p>重要句式</p> <p>会话</p>	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề:</p> <p>Xác định từ vựng trọng điểm</p> <p>Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu</p> <p>-Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận về chủ đề học của bài</p> <p>- Phương pháp đóng vai: sinh viên phân vai theo nội dung bài và tiến hành hội thoại theo chủ đề bài</p> <p>- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	Lí thuyết	1.5	4.1.1
			Bài tập	2	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	9	
<p>第三课:展销会</p> <p>词语</p> <p>重要句式</p> <p>会话</p>	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề:</p> <p>Xác định từ vựng trọng điểm</p> <p>Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được</p>	Lí thuyết	1.5	4.1.1
			Bài tập	2	

	<p>dụng đặt câu</p> <p>-Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận về chủ đề học của bài</p> <p>- Phương pháp đóng vai: sinh viên phân vai theo nội dung bài và tiến hành hội thoại theo chủ đề bài</p> <p>- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài.</p>	<p>giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	<p>Thảo luận</p> <p>1</p>		
			<p>Thực hành</p> <p>0</p>		
			<p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>0</p>		
			<p>Tự học, NC</p> <p>9</p>		
<p>第四课: 价格</p> <p>词语</p> <p>重要句式</p> <p>会话</p>	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề:</p> <p>Xác định từ vựng trọng điểm</p> <p>Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu</p> <p>-Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận về chủ đề học của bài</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>1.5</p>	4.1.1	
			<p>Bài tập</p> <p>2</p>		
			<p>Thảo luận</p> <p>1</p>		
			<p>Thực hành</p> <p>0</p>		

	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đóng vai: sinh viên phân vai theo nội dung bài và tiến hành hội thoại theo chủ đề bài - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài. 		Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	9	
<p>第五课: 包装 词语 重要句式 会话</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu -Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận về chủ đề học của bài - Phương pháp đóng vai: sinh viên phân vai theo nội dung bài 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học 	Lí thuyết	1.5	4.1.1
			Bài tập	2	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	và tiến hành hội thoại theo chủ đề bài - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài.		Tự học, NC	9	
第六课: 运输 + KTGK 词语 重要句式 会话	- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định nội dung trọng điểm Giải thích các khái niệm quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng ghi chép đầy đủ - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học	Lí thuyết	1.5	4.1.1
			Bài tập	2	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	9	

<p>第七课: 交货 词语 重要句式 会话</p>	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định nội dung trọng điểm Giải thích các khái niệm quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng ghi chép đầy đủ - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	Lí thuyết	1.5	4.1.1
			Bài tập	2	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	9	
<p>第八课: 支付 词语 重要句式 会话</p>	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định nội dung trọng điểm Giải thích các khái niệm quan trọng, yêu cầu sinh viên vận</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được</p>	Lí thuyết	1.5	4.1.1
			Bài tập	2	

	<p>dụng ghi chép đầy đủ</p> <p>- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	<p>Thảo luận</p> <p>1</p>		
			<p>Thực hành</p> <p>0</p>		
			<p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>0</p>		
			<p>Tự học, NC</p> <p>9</p>		
<p>第九课: 海关 词语 重要句式 会话</p>	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định nội dung trọng điểm Giải thích các khái niệm quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng ghi chép đầy đủ</p> <p>- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>1.5</p>	4.1.1	
			<p>Bài tập</p> <p>2</p>		
			<p>Thảo luận</p> <p>1</p>		
			<p>Thực hành</p> <p>0</p>		

			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	9	
第十课: 成交 词语 重要句式 会话	- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định nội dung trọng điểm Giải thích các khái niệm quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng ghi chép đầy đủ - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học	Lí thuyết	1.5	4.1.1
			Bài tập	2	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	9	

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), quay video, làm slide thuyết trình,... 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá trình quan sát hoạt 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên

<p>động của nhóm trình học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. 			
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức đã học</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ VĂN HÓA TRUNG QUỐC

(Tên tiếng Anh: Chinese language and culture)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3
- Lý thuyết: 30 tiết
- Bài tập, thảo luận nhóm: 15 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết
- Loại học phần: Tự chọn

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng Đọc 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong2@daihocthudo.edu.vn

2. PGS. TS. Lê Thời Tân

Số điện thoại: 0983075618 Email: Lttan@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số điện thoại: 0972327976 Email: nttthuy@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực
 - Năng lực nhận diện, hiểu và vận dụng kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, về mối liên hệ chặt chẽ giữa ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, lĩnh hội nội hàm văn hóa trong ngôn ngữ dưới góc nhìn khoa học, hiểu sâu hơn về tư tưởng, tư duy ngôn ngữ và văn hóa của người Trung Quốc.
 - Người học có khả năng phân tích, liên hệ mối tương quan giữa ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, đồng thời rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu tìm hiểu nhằm chỉ ra sự gắn kết mật thiết giữa ngôn ngữ và văn hóa.
 - Có năng lực tự chủ học tập và học tập suốt đời.
- Kết quả học tập mong đợi của học phần

100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	2	1	1	1	0	1	2	1	1	2	1

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第一课 汉语: 汉语文化概述	Nhận diện khái niệm ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc	Hiểu biết khái quát về văn hóa Trung Quốc, nội hàm của ngôn ngữ, văn hóa, khái niệm và đặc điểm của văn hóa Trung Quốc.	Vận dụng hiểu biết về khái niệm văn hóa Trung Quốc để tìm hiểu về khái niệm tương ứng của Việt Nam.
第二课 汉语语音、文字与文化(一)	Nhận diện ngữ âm, văn tự và đặc trưng văn hóa của ngữ âm, văn tự tiếng Trung Quốc	Hiểu biết khái quát về ngữ âm, văn tự và đặc trưng văn hóa của ngữ âm văn tự tiếng Trung Quốc.	Vận dụng kiến thức về ngữ âm, văn tự phân tích được cấu tạo âm tiết tiếng Trung Quốc, phân tích được cấu tạo của chữ Hán, thứ tự viết chữ Hán.
第三课 汉语语音、文字与文化(二)	Nhận diện ngữ âm, văn tự và đặc trưng văn hóa của ngữ âm, văn tự tiếng Trung Quốc	Hiểu biết về đặc trưng của Hán tự, mối quan hệ giữa Hán tự và văn hóa và các trò chơi với Hán tự.	Vận dụng kiến thức về ngữ âm, văn tự phân tích được cấu tạo âm tiết tiếng Trung Quốc, phân tích được cấu tạo của chữ Hán, thứ tự viết chữ Hán. Vận dụng kiến thức về ngữ âm, văn tự tìm hiểu, đề xuất phương pháp học chữ Hán phù hợp với người Việt Nam.
第四课 汉语词汇与文化(一)	- Nhận diện từ vựng và nội hàm văn hóa trong tiếng Trung Quốc.	Hiểu biết khái quát về từ vựng tiếng Trung Quốc, về phân loại nghĩa của từ, về ngữ nghĩa từ góc độ mối quan hệ mật thiết giữa ngôn ngữ và văn	Vận dụng kiến thức nghĩa cơ bản, nghĩa mở rộng của từ để trình bày ý nghĩa ngôn ngữ, ý nghĩa văn hóa, từ đơn nghĩa, đa nghĩa...và nội hàm văn hóa xã hội của nghĩa của một số

		hóa.	từ điển hình.
第五课 汉语词汇与文化 (二) 国俗词语	Nhận diện nhóm từ mang đặc trưng Trung Quốc	Hiểu biết về sự hình thành, khái niệm và đặc điểm của nhóm từ ngữ mang đặc trưng Trung Quốc	Vận dụng kiến thức về từ vựng và văn hóa để hiểu nội hàm của nhóm từ ngữ mang đặc trưng Trung Quốc, điển hình như 仁、礼、中庸、红豆、华表、京剧,
第六课 汉语词汇与文化 (三) 数词及其文化含义	Nhận diện số từ và nội hàm văn hóa tương ứng trong tiếng Trung Quốc	Hiểu biết về các số từ và nội hàm văn hóa của các số từ trong tiếng Trung Quốc	Vận dụng hiểu biết về nội hàm văn hóa của các số từ để phân tích, giới thiệu, trình bày nội hàm văn hóa của các số từ (từ 1 đến 9) Vận dụng hiểu biết về nội hàm văn hóa của các số từ liên hệ thực tiễn việc sử dụng số từ của người Việt Nam, Nhật Bản.
第七课 汉语词汇与文化 (四) 颜色词及其文化含义	Nhận diện từ chỉ màu sắc và nội hàm văn hóa của từ chỉ màu sắc trong tiếng Trung Quốc	Hiểu biết về từ chỉ màu sắc và nội hàm văn hóa của các từ ngữ chỉ màu sắc trong tiếng Trung Quốc	Vận dụng hiểu biết về từ chỉ màu sắc và nội hàm văn hóa của các từ ngữ chỉ màu sắc trong tiếng Trung Quốc để trình bày ý nghĩa của các từ như 黄色、红色、黑色.....
第八课 汉语词汇与文化 (五) 地名人称与新词语	Nhận diện danh từ riêng và từ ngữ mới cũng như nội hàm văn hóa của chúng	Hiểu biết về văn hóa Trung Quốc thể hiện qua tên người tên địa danh Hiểu biết về từ ngữ mới và nội hàm văn hóa của từ ngữ mới	Vận dụng hiểu biết về tên người, tên địa danh, từ ngữ mới của tiếng Trung Quốc để trình bày về văn hóa nội hàm ẩn chứa.
第九课 汉语语法与文化 (一)	Nhận diện về ngữ pháp và nội hàm văn hóa Trung Quốc	Hiểu biết về cách cấu tạo từ và văn hóa thông qua cơ sở ngữ nghĩa, dựa trên phân tích tâm lý văn hóa và các	Vận dụng hiểu biết về cách cấu tạo từ, cấu tạo câu để giới thiệu, trình bày một số từ ngữ cấu tạo dạng ABB, từ láy, cụm từ bốn chữ,

		đặc điểm, thói quen tư duy của dân tộc Hán.	về từ ngữ cấu tạo dạng động tân, hiện tượng Âu hóa từ ngữ,... trong tiếng Trung Quốc.
第十课 汉语语法与文化 (二) 期中考试	Nhận diện ngữ pháp và nội hàm văn hóa Trung Quốc Kiểm tra giữa kỳ	Hiểu biết về cách cấu tạo câu, một số hiện tượng ngôn ngữ đặc sắc và nội hàm văn hóa của chúng	Vận dụng hiểu biết về một số đặc điểm điển hình trong ngữ pháp tiếng Trung Quốc để phân tích tổ hợp từ ngữ cấu tạo dạng động – tân siêu dài, hiện tượng đồng nghĩa, trái nghĩa, hiện tượng Âu hóa
第十一课 汉语修辞与文化	Nhận diện các hình thức tu từ trong tiếng Trung Quốc và nội hàm văn hóa tương ứng.	Hiểu biết về văn hóa thể hiện trong các biện pháp tu từ như tỉ dụ, giả tá, nói quá, song quan.	Vận dụng hiểu biết về các hình thức tu từ trong tiếng Trung Quốc để phân tích, trình bày nội hàm văn hóa thể hiện qua các hình thức tu từ, điển hình như các từ (灯塔、小太阳、米珠薪桂、园丁、火冒三丈.....
第十二课 汉语语用与文化	Nhận diện ngữ dụng trong tiếng Trung Quốc và nội hàm văn hóa tương ứng.	Hiểu biết về nội hàm văn hóa thể hiện trong các ký hiệu ngôn ngữ thường dùng trong giao tiếp	Vận dụng hiểu biết về tu từ cũng như nội hàm văn hóa của ngữ dụng tiếng Trung Quốc để đưa ra ví dụ và phân tích điển hình ngữ dụng cũng như nét văn hóa hàm ẩn, một số dấu hiệu ngôn ngữ thường dùng như 吧、老实说、X不X...
第十三课 跨文化交际 (一)	Nhận diện giao tiếp giao thoa văn hóa	Hiểu biết về giao tiếp giao thoa văn hóa và những điểm cần lưu ý	Vận dụng hiểu biết về giao tiếp giao thoa văn hóa và những điểm cần lưu ý để thực hành giao tiếp với giảng viên người nước ngoài, với bạn bè, đồng nghiệp, thực hiện

			giao tiếp mô phỏng tình huống thực tế với 称谓、问候、寒暄
第十四课 跨文化交际 (二)	Nhận diện giao tiếp giao thoa văn hóa	Hiểu biết về một số hành vi giao tiếp giao thoa văn hóa như xưng hô, chào hỏi, thỉnh cầu, đề nghị,...	Vận dụng hiểu biết về giao tiếp giao thoa văn hóa và những điểm cần lưu ý để thực hành giao tiếp với giảng viên người nước ngoài, với bạn bè, đồng nghiệp, thực hiện giao tiếp mô phỏng tình huống thực tế với 请求、提议、询问
第十五课 Ôn tập, tổng kết	Tổng quát lại nội dung của học phần	Hiểu biết nội dung chính về ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc đã học	Vận dụng hiểu biết về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc để trình bày hiện tượng ngôn ngữ văn hóa mà bạn cảm thấy ấn tượng nhất.

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc** cung cấp cho người học kiến thức về mối liên hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, giúp người học hiểu sâu hơn về đặc điểm ngôn ngữ và đặc điểm văn hóa, đồng thời chỉ ra những nguyên nhân ảnh hưởng, những nhân tố cấu thành dựa trên căn cứ và cơ sở lí luận khoa học. Cụ thể, người học được lĩnh hội về văn hóa tiềm ẩn trong hệ thống ngữ âm, văn tự, từ vựng, ngữ pháp, tu từ, ngữ dụng và giao tiếp giao thoa văn hóa. Người học lĩnh hội được những nét đặc trưng thể hiện qua nhiều bình diện ngôn ngữ, hiểu biết các trò chơi qua chữ, một số cách học chữ Trung Quốc và thưởng thức nghệ thuật thư pháp,... Qua quá trình học tập, người học được phân tích tìm hiểu và khẳng định mối quan hệ mật thiết giữa ngôn ngữ và văn hóa, trên cơ sở đó nghiên cứu mở rộng một số vấn đề liên quan đến chủ đề bài học.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1] Nguyễn Thị Thanh Thủy, Giáo trình tổng quan Trung Quốc. (Tập 2 Ngôn ngữ Văn hóa), Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, 2013.

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] 罗常培, 《语言与文化》, 北京出版社出版, 2011年

[4.2.2] 张健, 《中国语言与文化》, 新时代出版社, 2015年

[4.2.3] 申小龙, 《汉语与中国文化》, 复旦大学出版社, 2008年

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Suu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên.

- Hoàn thành các bài tập được giao:

+ Bài tập về nhà

+ Chuẩn bị bài mới

+ Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học

+ Bài tập thảo luận nhóm

+ Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức Ngôn ngữ Văn hóa Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp/ Bài tập lớn, viết các đoạn văn theo chủ đề đã học/ Quay video hội thoại về các chủ đề đã học/ Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức hoặc làm bài tập lớn. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	PP & hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一课 汉语: 汉语 文化概述	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p> <p>Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>Dạy học theo phương pháp sử dụng sơ đồ tư duy: giao sinh viên vẽ sơ đồ về nội liên quan, chuẩn bị câu hỏi để trao đổi trên lớp.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: bản vẽ sơ đồ tư duy, chuẩn bị bài trình chiếu theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến khái niệm ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc.</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung, sử dụng tiếng TQ thuyết trình liên quan đến nội dung khái quát về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc. Đánh giá qua sản phẩm SV chuẩn bị, quá trình trình chiếu và mức độ sv hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.</p>	Lí thuyết	2	GTC [4.1.1]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
第二课 汉语语音、	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện</p>	Lí thuyết	2	GTC [4.1.1] TLTK
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	

文字与文化 (一)	bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu. Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công và thực hiện nhiệm vụ học tập. Sử dụng phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sử dụng các câu hỏi nhanh, tổng kết nội dung của bài.	các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài trình chiếu theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến đặc trưng văn hóa thể hiện trong ngữ âm tiếng Trung Quốc Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung, sử dụng tiếng TQ thuyết trình liên quan đến nội dung được giao. Đánh giá qua sản phẩm SV chuẩn bị, quá trình trình chiếu và mức độ sv hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Thực hành	0	[4.2.1]
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
第三课 汉语语音、 文字与文化 (二)	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu. Dạy học theo phương pháp làm việc	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài trình chiếu theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan	Lí thuyết	2	GTC [4.1.1] TLTK [4.2.3]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	<p>nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>Sử dụng game quizzzi, tóm tắt nội dung trọng điểm của bài, hỗ trợ sinh viên neo đậu kiến thức.</p>	<p>đến nội hàm văn hóa thể hiện trong Hán tự.</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung, sử dụng tiếng Trung Quốc thuyết trình liên quan đến nội dung được giao miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề chào hỏi, kiểm tra viết chữ Hán.</p> <p>Đánh giá tình trạng sinh viên hoàn thành bài tập đã giao</p>	Tự học, NC	6	
<p>第四课 汉语词汇与文化（一）</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu liên quan đến ngữ pháp và văn hóa nội</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài trình chiếu theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan</p>	Lí thuyết	2	<p>GTC [4.1.1] TLTK [4.2.1] [4.2.2]</p>
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	<p>hàm.</p> <p>Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>Sử dụng phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sử dụng các câu hỏi nhanh, tổng kết nội dung của bài.</p>	<p>đến văn hóa từ vựng tiếng Trung Quốc.</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung, sử dụng tiếng Trung Quốc thuyết trình liên quan đến nội dung được giao, phân tích và bảo vệ được quan điểm cá nhân khi trình chiếu và trả lời câu hỏi.</p>	Tự học/NC	6	
<p>第五课汉语词汇与文化</p> <p>(二) 国俗词语</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p> <p>Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công và thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài trình chiếu theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến đặc trưng văn hóa thể hiện trong nhóm từ đặc trưng Trung Quốc</p> <p>Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng</p>	Lí thuyết	2	<p>GTC</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK</p> <p>[4.2.2]</p>
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	học tập.	nắm bắt nội dung, sử dụng tiếng TQ thuyết trình liên quan đến nội dung được giao. Đánh giá qua sản phẩm SV chuẩn bị, quá trình thực hiện nhiệm vụ trên lớp và mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Tự học/NC	6	
第六课 汉语词汇与文化 (三) 数词及其文化含义	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu. Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công và thực hiện nhiệm vụ học tập. Sử dụng phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sử dụng các câu hỏi nhanh, tổng kết nội dung của bài.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài trình chiếu theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến đặc trưng văn hóa thể hiện trong số từ. Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung, sử dụng tiếng TQ thuyết trình liên quan đến nội dung được giao. Đánh giá qua sản phẩm SV chuẩn bị, quá trình thực hiện nhiệm vụ trên lớp và mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Lí thuyết	2	GTC [4.1.1] TLTK [4.2.1]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học/NC	6	
第七课 汉语	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh	Lí thuyết	2	GTC [4.1.1]
			Bài tập	1	

词汇与文化 (四) 颜色 词及其文化 含义	công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu. Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công và thực hiện nhiệm vụ học tập.	viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài trình chiếu theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến đặc trưng văn hóa thể hiện trong từ ngữ chỉ màu sắc. Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung, sử dụng tiếng TQ thuyết trình liên quan đến nội dung được giao. Đánh giá qua sản phẩm SV chuẩn bị, quá trình thực hiện nhiệm vụ trên lớp và mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.	Thảo luận	0	TLTK [4.2.1]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.2]
			Tự học/NC	6	
第八课 汉语 词汇与文化 (五) 地名 人名与新词 语	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu. Dạy học theo phương pháp làm việc	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài trình chiếu theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan	Lí thuyết	2	GTC [4.1.1]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	[4.2.2]
			Thực hành	0	

	<p>nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công và thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>Sử dụng phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sử dụng các câu hỏi nhanh, tổng kết nội dung của bài.</p>	<p>đến đặc trưng văn hóa thể hiện trong tên người, tên đất.</p> <p>Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung, sử dụng tiếng TQ thuyết trình liên quan đến nội dung được giao. Đánh giá qua sản phẩm SV chuẩn bị, quá trình thực hiện nhiệm vụ trên lớp và mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.</p>	Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học/NC	6	
<p>第九课 汉语语法与文化 (一)</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p> <p>Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công và thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài trình chiếu theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến đặc trưng văn hóa thể hiện qua ngữ pháp.</p> <p>Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng</p>	Lí thuyết	2	<p>GTC [4.1.1] TLTK [4.2.3]</p>
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	<p>học tập.</p> <p>Sử dụng trò chơi trên Quizzi hỗ trợ tổng kết kiến thức bài</p>	<p>nắm bắt nội dung, sử dụng tiếng TQ thuyết trình liên quan đến nội dung được giao.</p> <p>Đánh giá qua sản phẩm SV chuẩn bị, quá trình thực hiện nhiệm vụ trên lớp và mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.</p>	Tự học/NC	6	
<p>第十课 汉语语法与文化 (二) 期中考试</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p> <p>Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công và thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>Sử dụng phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sử dụng các câu hỏi nhanh, tổng kết nội dung của bài</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài trình chiếu theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến đặc trưng văn hóa thể hiện qua ngữ pháp.</p> <p>Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung, sử dụng tiếng TQ thuyết trình liên quan đến nội dung được giao.</p> <p>Đánh giá qua sản phẩm SV chuẩn bị, quá trình thực hiện nhiệm vụ trên lớp và mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.</p>	Lý thuyết	2	<p>GTC [4.1.1]</p> <p>TLTK [4.2.1]</p>
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
第十一课	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh</p>	Lý thuyết	2	GTC [4.1.1]

汉语修辞与文化	<p>công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p> <p>Đạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công và thực hiện nhiệm vụ học tập.</p>	<p>viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài trình chiếu theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến đặc trưng văn hóa thể hiện trong cách tu từ.</p> <p>Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung, sử dụng tiếng TQ thuyết trình liên quan đến nội dung được giao. Đánh giá qua sản phẩm SV chuẩn bị, quá trình thực hiện nhiệm vụ trên lớp và mức độ hoàn thành bài tập sau giờ lên lớp.</p>	Bài tập	1	TLTK [4.2.1]
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
第十二课 汉语语用与文化	<p>Đạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu.</p> <p>Đạy học theo phương pháp làm việc</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài trình chiếu theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan</p>	Lý thuyết	2	GTC [4.1.1] TLTK [4.2.1]
			Bài tập	1	
			Thực hành	0	
			Thảo luận	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.	đến ngữ dụng tiếng Trung Quốc và văn hóa nội hàm. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung, sử dụng tiếng Trung Quốc thuyết trình liên quan đến nội dung được giao, phân tích và bảo vệ được quan điểm cá nhân khi trình chiếu và trả lời câu hỏi	Tự học, NC	6	
第十三课 跨文化交际 (一)	Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu. Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.	Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài trình chiếu theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến văn hóa giao tiếp giao thoa văn hóa. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung, sử dụng tiếng Trung Quốc thuyết trình liên quan đến nội dung được giao, phân tích và bảo vệ được quan điểm khi trình chiếu và trả lời câu hỏi	Lí thuyết	2	GTC [4.1.1]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	0	[4.2.1]
			Thực hành	0	[4.2.1]
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.3]
			Tự học, NC	6	
第十四课	Dạy học theo phương pháp thuyết trình	Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua	Lí thuyết	2	GTC

跨文化交际 (二)	trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu. Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.	quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài trình chiếu theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan đến văn hóa giao tiếp giao thoa văn hóa. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung, sử dụng tiếng Trung Quốc thuyết trình liên quan đến nội dung được giao, phân tích và bảo vệ được quan điểm khi trình chiếu và trả lời câu hỏi	Bài tập	1	[4.1.1]
			Thảo luận	0	TLTK
			Thực hành	0	[4.2.1]
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.1]
			Tự học, NC	6	[4.2.3]
第十五课 复习	Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hỏi đáp. Nhóm SV được phân công chuẩn bị ppt theo nội dung của bài và trình chiếu trên lớp, trả lời câu hỏi các nhóm khác nêu. Dạy học theo phương pháp làm việc	Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài trình chiếu theo nhóm, trả lời câu hỏi liên quan do nhóm khác nêu,... liên quan	Lí thuyết	2	GTC
			Bài tập	1	[4.1.1]
			Thảo luận	0	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	nhóm: sv chia thành các nhóm học tập nhỏ (3-5 sv) tự chủ quản lý, phân công, và thực hiện nhiệm vụ học tập.	đến văn hóa giao tiếp giao thoa văn hóa. - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra khả năng nắm bắt nội dung, sử dụng tiếng Trung Quốc thuyết trình liên quan đến nội dung được giao, phân tích và bảo vệ được quan điểm khi trình chiếu và trả lời câu hỏi	Tự học, NC	6	
--	---	---	---------------	---	--

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - PPĐG thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), viết đoạn văn, quay video, làm slide thuyết trình,... 	<p>10 %</p>	<p>Đánh giá thường xuyên</p>	<p>Giảng viên</p>

<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - PPĐG thông qua quan sát hoạt động của sinh viên trong suốt quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). - Hình thức: - trắc nghiệm; - quay video; - viết luận về chủ đề tự chọn. 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên.</p> <p>Mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>PPĐG: Viết, Bài tập lớn</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG HÁN CỔ ĐẠI

(Tên tiếng Anh.....)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3
- Lý thuyết: 30 tiết;
- Bài tập, thảo luận nhóm: 15 tiết;
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết
- Loại học phần: Tự chọn

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng Đọc 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. TS. Phạm Hữu Khương

Số điện thoại: 0988999236 Email: phkhuong@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số điện thoại: 0972327976 Email: nttthuy@daihocthudo.edu.vn

3. TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886 Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- **Năng lực:**
 - Người học có nền tảng kiến thức văn ngôn (tiếng Hán cổ đại) trên các bình diện ngữ âm (chủ yếu là cách đọc Hán Việt), văn tự (chữ Hán phồn thể), từ vựng, ngữ pháp, nhất là các hư từ thường dùng như *chi, giả, vu, kỳ*... Qua phân tích về mặt ngôn ngữ, tiến tới nắm bắt nội dung tư tưởng của các văn bản văn ngôn được tuyển giảng, thấy được các tri thức lịch sử, văn hóa, xã hội có liên quan.
 - Người học có kỹ năng đọc hiểu, phân tích, liên hệ giữa tiếng Hán cổ đại với tiếng Hán hiện đại và tiếng Việt, đồng thời rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và kỹ năng làm việc theo nhóm.
- **Kết quả học tập mong đợi của học phần**
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào trong các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	2	1	1	1	0	1	1	1	1	2	1

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
Bài 1: Nhập môn tiếng Hán cổ đại	-Làm quen tiếng Hán cổ đại và nắm phương pháp học tập	-Khái quát về tiếng Hán cổ đại	-Thuyết trình, giới thiệu về tiếng Hán cổ đại
Bài 2: Đôi nét về văn tự Hán	-Lĩnh hội về đặc điểm văn tự Hán	-Giới thiệu về văn tự Hán	-Phân tích cấu tạo, quá trình diễn biến và hàm ý văn hóa của chữ Hán
Bài 3: Trích giảng bài “Viễn thủy bất cứu cận hỏa”	-Hiểu nội dung bài “Viễn thủy bất cứu cận hỏa”	-Đọc bài bằng âm Hán Việt - Khái quát, tóm lược nội dung bài “Viễn thủy bất cứu cận hỏa”	-Diễn giải chi tiết bài bằng tiếng Hán hiện đại -Lĩnh hội và phân tích câu phán đoán; Hư từ <i>vu, kỳ</i>
Bài 4: Trích giảng bài “Vi học”	-Hiểu nội dung bài “Vi học”	-Đọc bài bằng âm Hán Việt -Khái quát, tóm lược nội dung bài “Vi học”	-Diễn giải chi tiết bài bằng tiếng Hán hiện đại -Lĩnh hội và phân tích Hư từ <i>chi, giả, dĩ</i>
Bài 5: Trích giảng một số câu trong “Luận ngữ”	-Hiểu các câu trích giảng trong “Luận ngữ”	-Đọc bài bằng âm Hán Việt -Khái quát, tóm lược nội dung các câu trích giảng	-Diễn giải chi tiết bài bằng tiếng Hán hiện đại -Lĩnh hội và phân tích cách dùng linh hoạt về từ loại; bài học về ý nghĩa giáo dục qua “Luận ngữ”; những câu cách ngôn và một số hư từ

Bài 6: “Trâu Kỵ phúng Tề Uy vương nạp gián”	-Hiểu nội dung bài “Trâu Kỵ phúng Tề Uy vương	-Đọc bài bằng âm Hán Việt -Khái quát, tóm lược nội dung bài	-Diễn giải chi tiết bài bằng tiếng Hán hiện đại - Lĩnh hội và phân tích tính chất ngụ ngôn của bài đọc; Các hiện tượng ngữ pháp: ý động, đảo ngữ: tân ngữ đứng trước, trạng ngữ đứng sau...
Bài 7: Trích giảng bài thơ “Quan thư”	-Hiểu đoạn trích giảng của bài thơ “Quan thư”	-Đọc bài bằng âm Hán Việt -Khái quát, tóm lược nội dung đoạn trích	-Diễn giải chi tiết bài bằng tiếng Hán hiện đại - Lĩnh hội cấu trúc, nội dung, cảm thụ về đẹp của bài thơ; -Phân tích thủ pháp nghệ thuật trong thơ cổ
Bài 8: Đôi nét về Câu đối	-Lĩnh hội những kiến thức cơ bản về nội dung và phép đối trong câu đối	-Đọc câu đối bằng âm Hán Việt -Giải nghĩa một số câu đối	-Cảm thụ và phân tích nét độc đáo trong phép đối của một số câu đối

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Tiếng Hán cổ đại** cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tiếng Hán cổ đại, như ngữ âm, văn tự, từ vựng, ngữ pháp, nhất là một số hư từ thường dùng trong tiếng Hán cổ. Đồng thời cung cấp một số bài hoàn chỉnh hoặc đoạn trích trong các tác phẩm văn ngôn. Qua quá trình tập phân tích tìm hiểu nội dung tư tưởng của bài hoàn chỉnh hoặc đoạn trích đó, giúp học sinh nắm được đặc điểm văn tự, ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của các tác phẩm văn ngôn. Trên cơ sở đó liên hệ với tiếng Hán hiện đại.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1] Phạm Ngọc Hàm; *Giáo trình Tiếng Hán cổ đại*; NXB ĐHQG Hà Nội, 2015

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] 朱城, 《古代汉语专题教程》, 中国人民大学出版社, 2010

[4.2.2] 邓启铜, 《论语。大学。中庸》, 南京大学出版社, 2017

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các câu hỏi tương tác khai thác bài học; Tìm hiểu, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của buổi học.
 - Hoàn thành các bài tập được giao.
 - + Đọc bài, tìm hiểu nội dung bài trước khi học
 - + Kiểm tra miệng/viết trên lớp về bài cũ hoặc bài mới
 - + Thảo luận nhóm
 - + Phân tích, trình bày suy nghĩ về nội dung bài học
 - Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.
 - + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%): tham dự đầy đủ các buổi học và tham gia vào các hoạt động học tập, hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao như chuẩn bị bài trước khi lên lớp, thảo luận nhóm...
 - + Kiểm tra đánh giá giữa kì (điểm 30%): làm 01 bài kiểm tra các nội dung đã được học trong học phần. Hình thức kiểm tra: tự luận
 - + Kiểm tra đánh giá cuối kì (điểm 60%): thực hiện bài thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá là kết quả bài thi trên giấy.
 - Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và hình thức giảng dạy	Phương pháp và hình thức KTĐG	Thời lượng		
Bài 1: Nhập môn tiếng Hán cổ đại	-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, giới thiệu chung về khái niệm, đặc điểm tiếng Hán cổ đại	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp. -Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra miệng tái hiện kiến thức, tổng hợp đúc kết nội dung.	LT	2	[4.1.1]
			BT	0	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	6	
Bài 2: Đôi nét về văn tự Hán	-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, giới thiệu về văn tự Hán	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao thực hiện trên lớp.	LT	3	
			BT	0	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

		-Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra miệng/viết tái hiện kiến thức, tổng hợp, phân tích, đúc kết nội dung.	Tự học, tự nghiên cứu	8	
Bài 3: Trích giảng bài “Viễn thủy bát cú cận hỏa”	<ul style="list-style-type: none"> -Dạy học theo phương pháp đối chiếu so sánh, diễn giải -Chuyển văn bản gốc sang phiên âm Hán Việt -Phân tích cấu trúc ngữ pháp, giải thích từ, cụm từ khó -Sử dụng tiếng Hán hiện đại diễn đạt lại nội dung -Phân tích chỉ ra nội dung tư tưởng của bài học 	<ul style="list-style-type: none"> -Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao thực hiện trên lớp. -Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra miệng/viết tái hiện kiến thức, tổng hợp, phân tích, đúc kết nội dung, tư tưởng. 	LT	3	
			BT	0	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
Tự học, tự nghiên cứu	8				
Bài 4: Trích giảng bài “Vi học”	<ul style="list-style-type: none"> -Dạy học theo phương pháp đối chiếu so sánh, diễn giải -Chuyển văn bản gốc sang phiên âm Hán Việt -Phân tích cấu trúc ngữ pháp, giải thích từ, cụm từ khó 	<ul style="list-style-type: none"> -Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao thực hiện trên lớp. 	LT	3	
			BT	0	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	<ul style="list-style-type: none"> -Sử dụng tiếng Hán hiện đại diễn đạt lại nội dung -Phân tích chỉ ra nội dung tư tưởng của bài học sáng tác. 	<ul style="list-style-type: none"> -Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra miệng/viết tái hiện kiến thức, tổng hợp, phân tích, đúc kết nội dung, tư tưởng. 	Tự học, tự nghiên cứu	8	
Bài 5: Trích giảng một số câu trong “Luận ngữ” Kiểm tra giữa kì	<ul style="list-style-type: none"> -Dạy học theo phương pháp đối chiếu so sánh, diễn giải -Chuyển văn bản gốc sang phiên âm Hán Việt -Phân tích cấu trúc ngữ pháp, giải thích từ, cụm từ khó -Sử dụng tiếng Hán hiện đại diễn đạt lại nội dung -Phân tích chỉ ra nội dung tư tưởng của bài học 	<ul style="list-style-type: none"> -Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao thực hiện trên lớp. -Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra miệng/viết tái hiện kiến thức, tổng hợp, phân tích, đúc kết nội dung tư tưởng; phát biểu suy nghĩ, nhận định về tác giả, tác phẩm, nhân vật. 	LT	5	
			BT	0	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
Tự học, tự nghiên cứu	12				
Bài 6: “Trâu Ky phúng Tề Uy vương nạp gián”	<ul style="list-style-type: none"> -Dạy học theo phương pháp đối chiếu so sánh, diễn giải -Chuyển văn bản gốc sang phiên âm Hán Việt 	<ul style="list-style-type: none"> -Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp và thực 	LT	5	
			BT	0	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	

	<p>-Phân tích cấu trúc ngữ pháp, giải thích từ, cụm từ khó</p> <p>-Sử dụng tiếng Hán hiện đại diễn đạt lại nội dung</p> <p>-Phân tích chỉ ra nội dung tư tưởng của bài học</p>	<p>hiện các nhiệm vụ học tập được giao thực hiện trên lớp.</p> <p>-Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra miệng/viết tái hiện kiến thức, tổng hợp, phân tích, đúc kết nội dung tư tưởng, phát biểu suy nghĩ, nhận định về tác giả, tác phẩm, nhân vật.</p>	Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	12	
<p>Bài 7: Trích giảng bài thơ “Quan thư”</p>	<p>--Dạy học theo phương pháp đối chiếu so sánh, diễn giải</p> <p>-Chuyển văn bản gốc sang phiên âm Hán Việt</p> <p>-Phân tích cấu trúc ngữ pháp, giải thích từ, cụm từ khó</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao thực hiện trên lớp.</p>	LT	6	
			BT	1	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	<ul style="list-style-type: none"> -Sử dụng tiếng Hán hiện đại diễn đạt lại nội dung -Phân tích chỉ ra nội dung tư tưởng của bài học 	<ul style="list-style-type: none"> -Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra miệng/viết tái hiện kiến thức, tổng hợp, phân tích, đúc kết nội dung tư tưởng, phát biểu suy nghĩ, nhận định về tác giả, tác phẩm, nhân vật. - Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra tự luận 60 phút, nội dung liên quan kiến thức đã được học đến thời điểm kiểm tra. 	Tự học, tự nghiên cứu	16	
Bài 8: Đôi nét về Câu đối	<ul style="list-style-type: none"> -Dạy học theo phương pháp đối chiếu so sánh, diễn giải -Chuyển văn bản gốc sang phiên âm Hán Việt -Phân tích cấu trúc ngữ pháp, giải thích từ, cụm từ khó 	<ul style="list-style-type: none"> -Kiểm tra đánh giá thường xuyên căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao thực hiện trên lớp. 	LT	4	
			BT	0	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

	<p>-Sử dụng tiếng Hán hiện đại diễn đạt lại nội dung</p> <p>-Phân tích chỉ ra nội dung tư tưởng của bài học</p>	<p>-Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra miệng/viết tái hiện kiến thức, tổng hợp, phân tích, đúc kết nội dung tư tưởng, phát biểu suy nghĩ, nhận định về tác giả, tác phẩm, nhân vật.</p>	<p>Tự học, tự nghiên cứu</p>	<p>10</p>	
--	---	---	------------------------------	-----------	--

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong học tập. - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao. - Năng lực tự học, tự nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của người học. - Phương pháp đánh giá thường xuyên: căn cứ hoạt động trả lời câu hỏi khai thác bài học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị bài trước khi lên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao thực hiện trên lớp. - Hình thức: Kiểm tra miệng hoặc viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp). 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nắm vững các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Năng lực tự học, nghiên cứu - Năng lực sáng tạo, tư 	<ul style="list-style-type: none"> -Bài kiểm tra viết 60 phút - Nội dung: Đánh giá mức độ lĩnh hội kiến thức đã học, năng lực xác định và giải quyết vấn đề, khả năng vận dụng kiến thức để hoàn thành nhiệm vụ 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên

<p>duy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin, các nội dung của học phần. 	<p>học tập của người học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đánh giá: căn cứ kết quả làm bài kiểm tra tự luận 60 phút. - Hình thức: Kiểm tra Tự luận. Thời gian 60 phút; Nội dung: kiến thức đã được học đến thời điểm kiểm tra. 			
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững các nội dung, vấn đề được học trong toàn học phần. - Năng lực tái hiện kiến thức, năng lực tư duy, phân tích, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<ul style="list-style-type: none"> -Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ của người học sau khi học xong học phần. Mục đích đánh giá chủ yếu tập trung vào năng lực vận dụng, giải quyết vấn đề của người học. Phương pháp đánh giá: Tự luận; Thời gian: 90 phút; Nội dung: kiến thức được học trong học phần. 	<p>60 %</p>	<p>Cuối học phần</p>	<p>Nhà trường tổ chức thi</p>

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: PHIÊN DỊCH CHUYÊN NGÀNH
(Tên tiếng Anh: Professional Interpreting)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03
- Lý thuyết, bài tập, thảo luận: 45 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Loại học phần: *thay thế khóa luận tốt nghiệp định hướng biên phiên dịch*

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghị vụ <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Phiên dịch nâng cao
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và Tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại Ngữ
 - + Bộ môn: Tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số điện thoại: 0972327976 Email: nttthuy@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Vũ Thanh Hương

Số điện thoại: 0969617555 Email: huongvt@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong2@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.
 - Tự trọng, tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với khả năng

- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Người học nắm được các kỹ năng, kỹ xảo dịch chuyên sâu hơn và các từ vựng, cấu trúc câu chuyên dùng trong các lĩnh vực chuyên ngành như ngoại giao, kinh tế, du lịch v.v và trong các tình huống giao tiếp thương mại, các hội thảo hay các buổi thăm viếng ngoại giao mang tính chất trang trọng.
 - Người học có khả năng phiên dịch cho các cuộc hội thoại có nội dung thông thường, quen thuộc như tham quan du lịch, tiếp đãi thương mại, triển lãm hội chợ; phiên dịch trong các tình huống đòi hỏi phải nắm được các thuật ngữ chuyên ngành hoặc các khái niệm chuyên ngành phức tạp, đồng thời có nhiều áp lực như dịch trong các buổi thăm viếng ngoại giao, dịch hội thảo; làm phiên dịch trong các tình huống đòi hỏi phải có kiến thức sâu về ngôn ngữ ở cả tiếng Trung Quốc và tiếng Việt, truyền tải được nội dung của thông điệp với mức độ chính xác có thể chấp nhận được và có thể hiểu được đối với người nghe ở ngôn ngữ đích.
 - Người học khả năng nắm bắt thông tin, xử lý thông tin và khả năng phản xạ nhanh, thực hiện các bài dịch trong một thời gian quy định và phù hợp với từng tình huống ngữ cảnh cụ thể.
- Kết quả học tập mong đợi của học phần

100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của bài học	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第一课：展览会的翻译	- Biết được các từ ngữ thường dùng, các cấu trúc câu thường dùng và các nội dung chính thường có trong một buổi triển lãm.	- Nắm được cách dịch từ Trung sang Việt, từ Việt sang Trung được các cụm từ và các cấu trúc câu cơ bản liên quan đến hội chợ, triển lãm. - Vận dụng các kỹ năng, kỹ xảo trong khi dịch.	- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói những đoạn hội thoại liên quan đến hội chợ triển lãm, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề hội chợ triển lãm và phù hợp với văn phong tiếng Trung hoặc tiếng Việt.
第二课：谈判会议的翻译	- Biết được các từ ngữ thường dùng, các cấu trúc câu thường dùng và các nội dung chính, trình tự cơ bản của một buổi đàm phán hoặc hội nghị.	- Nắm được cách dịch từ Trung sang Việt, từ Việt sang Trung được các cụm từ và các cấu trúc câu cơ bản liên quan đến đàm phán hoặc hội nghị. - Vận dụng các kỹ năng, kỹ xảo trong khi dịch.	- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói những đoạn hội thoại liên quan đến đàm phán hoặc hội nghị, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề đàm phán và phù hợp với văn phong tiếng Trung hoặc tiếng Việt.
第三课：外交访问的翻译	- Biết được các từ ngữ thường dùng, các cấu trúc câu thường	- Nắm được cách dịch từ Trung sang Việt, từ Việt sang Trung được các cụm từ và các cấu trúc	- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói những đoạn hội thoại liên quan thăm viếng ngoại giao, chuyển tải thành

	dùng và các nội dung chính, trình tự cơ bản của một buổi thăm viếng ngoại giao.	câu cơ bản liên quan đến thăm viếng ngoại giao. - Vận dụng các kỹ năng, kỹ xảo trong khi dịch.	công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề thăm viếng ngoại giao và phù hợp với văn phong tiếng Trung hoặc tiếng Việt.
第四课：参观旅游的翻译	- Biết được các từ ngữ thường dùng, các cấu trúc câu thường dùng và các nội dung liên quan đến tham quan du lịch.	- Nắm được cách dịch từ Trung sang Việt, từ Việt sang Trung được các cụm từ và các cấu trúc câu cơ bản liên quan đến tham quan du lịch. - Vận dụng các kỹ năng, kỹ xảo trong khi dịch.	- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói những đoạn hội thoại liên quan đến tham quan du lịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề tham quan du lịch và phù hợp với văn phong tiếng Trung hoặc tiếng Việt.
第五课：娱乐节目的翻译	- Biết được các từ ngữ thường dùng, các cấu trúc câu thường dùng và các nội dung liên quan đến chương trình giải trí.	- Nắm được cách dịch từ Trung sang Việt, từ Việt sang Trung được các cụm từ và các cấu trúc câu cơ bản liên quan đến chương trình giải trí. - Vận dụng các kỹ năng, kỹ xảo trong khi dịch.	- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói những đoạn hội thoại liên quan đến chương trình giải trí, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chương trình giải trí và phù hợp với văn phong tiếng Trung hoặc tiếng Việt.
第六课：研讨会的翻译	- Biết được các từ	- Nắm được cách dịch từ Trung	- Vận dụng được các kỹ năng dịch nói

	<p>ngữ thường dùng, các cấu trúc câu thường dùng và các nội dung trong một buổi hội thảo.</p>	<p>sang Việt, từ Việt sang Trung được các cụm từ và các cấu trúc câu cơ bản liên quan đến hội thảo. - Vận dụng các kỹ năng, kỹ xảo trong khi dịch.</p>	<p>những đoạn hội thoại liên quan đến hội thảo, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề hội thảo và phù hợp với văn phong tiếng Trung hoặc tiếng Việt.</p>
--	---	--	--

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Phiên dịch chuyên ngành** cung cấp thêm cho người học lượng từ vựng và các cấu trúc thông dụng, kỹ năng dịch văn bản viết, từ lóng, các từ thịnh hành... phục vụ công tác phiên dịch chuyên ngành và thực hành phiên dịch một số bài dịch nói với nội dung chuyên ngành cụ thể và chuyên sâu hơn như dịch hội thảo, hội chợ triển lãm, thăm viếng ngoại giao, tham quan du lịch...; rèn luyện cho người học khả năng thực hành dịch nói những nội dung, chủ đề chuyên sâu hơn về chuyên ngành thương mại du lịch trên cơ sở năng lực phiên dịch cơ sở và nâng cao đã có. Học phần còn phát triển kỹ năng biểu đạt giúp người học nâng cao khả năng ngôn ngữ của mình, nắm chắc hơn về ngữ pháp, từ vựng trong các lĩnh vực chuyên ngành nhất định. Đồng thời, người học học được các kỹ năng kỹ xảo phục vụ cho công việc phiên dịch nhanh chóng và hiệu quả hơn.

4. Tài liệu học tập

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1].詹成 《会议口译常用语手册》，外语教学与研究出版社，2015

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. 赵玉兰 《越汉翻译教程》，北京大学出版社，2004

[4.2.2]. 刘季春 《实用翻译教程》，中山大学出版社，2014

[4.2.3]. 梁远 《实用汉越互译技巧》，民族出版社出版，2005

[4.2.4]. Các trang web: <http://www.luyendichtiengtrung.com>,
<http://www.xinhuanet.cn>, <http://dantiengtrung.com>

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm
 - + Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:
- + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,....
- + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra vấn đáp giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức phiên dịch chuyên ngành được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Vấn đáp, Bài tập lớn, Quay video dịch về các chủ đề đã học/ Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...
- + Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài thi.
- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần, phương pháp và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
<p>第一课：展览会的翻译</p> <p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: các thuật ngữ và cấu trúc thường dùng trong dịch triển lãm</p> <p>2 Bài khóa</p> <p>2.1 Dịch Trung</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ ngữ, các cấu trúc câu thường dùng và các nội dung chính trong một buổi triển lãm.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau về từ</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch,</p>	Lí thuyết	2	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>
			Bài tập	3	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>Việt 2.2 Dịch Việt Trung 3 Luyện tập</p>	<p>vựng, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt trong các buổi triển lãm trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch theo chủ đề hội chợ triển lãm.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho SV đóng vai để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung có chủ đề hội chợ triển lãm và cho SV xem rồi luyện dịch.</p>	<p>kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch tại hội chợ triển lãm.</p>	<p>Tự học, NC</p>	<p>14</p>	
--	---	---	-----------------------	-----------	--

<p>第二课：谈判会议的翻译</p> <p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: : các thuật ngữ và cấu trúc thường dùng trong dịch hội nghị đàm phán</p> <p>2 Bài khóa</p> <p>2.1 Dịch Trung Việt</p> <p>2.2 Dịch Việt Trung</p> <p>3 Luyện tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về các từ ngữ, cấu trúc câu thường dùng và nội dung chính, trình tự cơ bản của một buổi đàm phán hoặc hội nghị.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề hội nghị đàm phán để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt trong các buổi hội nghị đàm phán trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề hội nghị đàm phán.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch hội nghị đàm phán.</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>2</p>	
--	--	--	------------------	----------	--

<p>- Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho sinh viên đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho sinh viên phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề hội nghị đàm phán cho SV xem rồi luyện dịch.</p>	Bài tập	3	TL
	Thảo luận	2	chính: [4.1.1]
	Thực hành	0	TLTK: [4.2.1]
	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]
	Tự học, NC	14	

<p>第三课：外交访问的翻译</p> <p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: : các thuật ngữ và cấu trúc thường dùng trong thăm viếng ngoại giao</p> <p>2 Bài khóa</p> <p>2.1 Dịch Trung Việt</p> <p>2.2 Dịch Việt Trung</p> <p>3 Luyện tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về các từ ngữ, cấu trúc câu thường dùng và nội dung chính, trình tự cơ bản của một buổi thăm viếng ngoại giao.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề thăm viếng ngoại giao để SV nắm được các kỹ</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p>	<p>Lí thuyết</p>	<p>2</p>	
	<p>năng dịch xuôi, dịch ngược.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt trong các buổi viếng thăm ngoại giao</p>	<p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng</p>	<p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p>	<p>3</p> <p>2</p> <p>0</p>	<p>TL</p> <p>chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1]</p>

	<p>trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề viếng thăm ngoại giao.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho sinh viên đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho sinh viên phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p>	<p>dịch, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch trong các cuộc viếng thăm ngoại giao.</p>	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]
			Tự học, NC	14	
	<p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề viếng thăm ngoại giao cho SV xem rồi luyện dịch.</p>				
<p>第四课：参观旅游的翻译</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về các từ ngữ, cấu trúc câu thường dùng và nội</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc</p>	Lí thuyết	2	
			Bài tập	4	TL

<p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: : các thuật ngữ và cấu trúc thường dùng trong tham quan du lịch.</p> <p>2 Bài khóa</p> <p>2.1 Dịch Trung Việt</p> <p>2.2 Dịch Việt Trung</p> <p>3 Luyện tập</p> <p>4. Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra vấn đáp.</p>	<p>dung chính, trình tự cơ bản của một buổi tham quan du lịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề thăm viếng ngoại giao để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt khi tham quan du lịch trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p>	<p>thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch trong các chuyến tham quan du lịch.</p>	Thảo luận	2	chính: [4.1.1]
			Thực hành	0	TLTK: [4.2.1]
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.2] [4.2.3] [4.2.4]
			Tự học, NC	16	

	<p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề tham quan du lịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho sinh viên đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho sinh viên phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề tham quan du lịch cho SV xem rồi luyện dịch.</p>	<p>- Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra vấn đáp. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức học phần Phiên dịch chuyên ngành được học đến thời điểm kiểm tra.</p>			
<p>第五课：娱乐节 目的翻译 1. Trọng điểm ngôn ngữ: : các</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về các từ ngữ, cấu trúc câu thường dùng và nội dung chính, trình tự cơ bản của chương trình giải trí.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài</p>	Lí thuyết	2	TL chính:
			Bài tập	4	[4.1.1]
			Thảo luận	2	TLTK: [4.2.1]

thuật ngữ và cấu trúc thường dùng trong chương trình giải trí. 2 Bài khóa 2.1 Dịch Trung Việt 2.2 Dịch Việt Trung 3 Luyện tập	<p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chương trình giải trí để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt trong chương trình giải trí trong tiếng Trung và tiếng Việt.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề chương trình giải trí.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho sinh viên đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu Của GV, rèn luyện cho SV phản xạ</p>	tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch trong các chương trình giải trí.	Thực hành	0	[4.2.2] [4.2.3]
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.4]
			Tự học, NC	16	

	<p>nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chương trình giải trí cho SV xem rồi luyện dịch.</p>				
<p>第六课：研讨会的翻译</p> <p>1. Trọng điểm ngôn ngữ: : các thuật ngữ và cấu trúc thường dùng trong buổi hội thảo.</p> <p>2 Bài khóa</p> <p>2.1 Dịch Trung Việt</p> <p>2.2 Dịch Việt</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về các từ ngữ, cấu trúc câu thường dùng và nội dung chính, trình tự cơ bản của buổi hội thảo.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về hội thảo để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu: phân biệt sự khác nhau về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch ,kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>2</p> <p>4</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>16</p>	<p>TL chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK:</p> <p>[4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p> <p>[4.2.3]</p> <p>[4.2.4]</p>

<p>Trung 3 Luyện tập</p>	<p>trong hội thảo tiếng Trung và Tiếng Việt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề hội thảo. - Dạy học theo phương pháp đóng vai: Cho sinh viên đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu Của GV, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch. - Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về hội thảo cho SV xem rồi luyện dịch. 	<p>khi phiên dịch trong các buổi hội thảo.</p>		
-------------------------------------	--	--	--	--

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài dịch trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, quay video, làm slide thuyết trình,... 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá trình quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên

<p>duy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lý các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: Kiểm tra vấn đáp; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức phiên dịch chuyên ngành được học đến thời điểm kiểm tra. 			
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Thi vấn đáp; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học trong học phần Phiên dịch chuyên ngành.</p>	<p>60 %</p>	<p>Cuối học phần</p>	<p>Nhà trường tổ chức thi</p>

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: BIÊN DỊCH CHUYÊN NGÀNH

(Tên tiếng Anh: Professional translation)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03;
- Lý thuyết: 15 tiết;
- Bài tập: 15 tiết;
- Thảo luận, làm việc nhóm: 15 tiết;
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết.
- Loại học phần: *Thay thế khóa luận tốt nghiệp định hướng biên phiên dịch*

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghệ vụ <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Biên dịch nâng cao.
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: Tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:
 1. ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy
Số điện thoại: 0972327976 Email: ntthuy@daihocthudo.edu.vn
 2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương
Số điện thoại: 0965952600 Email: ntthuong2@daihocthudo.edu.vn
 3. ThS. Vũ Thanh Hương
Số điện thoại: 0969617555 Email: huongvt@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:

- Người học nhận thức được tầm quan trọng của học phần đối với nghề nghiệp sau này.
- Người học yêu thích, hứng thú, tích cực, tự giác, tích cực chủ động trong các hoạt động do người dạy đề xuất hoặc do người học tự đề xuất để thực hiện.
- Năng lực:
 - Người học nắm được vốn từ vựng lớn và các cấu trúc phức tạp để dịch Trung - Việt, Việt - Trung các tài liệu chuyên ngành thuộc nhiều chủ đề khác nhau như tài chính ngân hàng, ngoại giao, quân sự, chính trị, luật, y tế, cổ phiếu, kế toán, xuất nhập khẩu, công nghệ số v.v.
 - Người học nắm được các kỹ năng ngôn ngữ và kỹ thuật cần thiết, các tiêu chí để đánh giá chất lượng biên dịch, làm chủ các chiến lược biên dịch cũng như có cơ hội rèn luyện các kỹ năng này, xử lý tốt các tình huống biên dịch khác nhau.
 - Người học có khả năng tư duy độc lập, khả năng hợp tác, khả năng thuyết trình, khả năng làm việc nhóm, khả năng tìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin liên quan đến học phần thông qua việc tự đọc sách, tự nghiên cứu tài liệu.
 - Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	0	1	1

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第一课 外交	Nắm được lượng từ vựng liên quan đến chủ đề ngoại giao	Dịch thành thạo các cấu trúc câu được học trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề ngoại giao.
第二课 军事	Nắm được lượng từ vựng liên quan đến chủ đề quân sự	Dịch thành thạo các cấu trúc câu được học trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề quân sự.
第三课 时政	Nắm được lượng từ vựng liên quan đến chủ đề chính trị	Dịch thành thạo các cấu trúc câu được học trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề chính trị.
第四课 法律	Nắm được lượng từ vựng liên quan đến chủ đề pháp luật	Dịch thành thạo các cấu trúc câu được học trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề pháp luật.
第五课 财政银行	Nắm được lượng từ vựng liên quan đến chủ đề tài chính ngân hàng	Dịch thành thạo các cấu trúc câu được học trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề tài chính ngân hàng.
第六课 会计	Nắm được lượng từ vựng liên quan đến chủ đề kế toán	Dịch thành thạo các cấu trúc câu được học trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn

			bản gốc liên quan đến chủ đề kế toán.
第七课 出入口	Nắm được lượng từ vựng liên quan đến chủ đề xuất nhập khẩu	Dịch thành thạo các cấu trúc câu được học trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề xuất nhập khẩu.
第八课 股票	Nắm được lượng từ vựng liên quan đến chủ đề cổ phiếu	Dịch thành thạo các cấu trúc câu được học trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề cổ phiếu.
第九课 数字化工艺	Nắm được lượng từ vựng liên quan đến chủ đề công nghệ số hóa	Dịch thành thạo các cấu trúc câu được học trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề công nghệ số hóa.
第十课 医务	Nắm được lượng từ vựng liên quan đến chủ đề y tế	Dịch thành thạo các cấu trúc câu được học trong bài khóa.	Vận dụng được các kỹ năng biên dịch, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề y tế.

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Biên dịch chuyên ngành** giúp người học mở rộng vốn từ vựng chuyên ngành chuyên sâu, cấu trúc ngữ pháp phức tạp liên quan đến các chủ đề như ngoại giao, quân sự, chính trị, pháp luật, tài chính ngân hàng, kế toán, xuất nhập khẩu, cô phiếu, công nghệ số, y tế v.v... giúp người học nâng cao kỹ năng biên dịch các chuyên ngành khó, đáp ứng được yêu cầu công việc biên dịch các chuyên ngành chuyên sâu ngay khi tốt nghiệp.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1] Giáo trình nội bộ do GV bộ môn tiếng Trung Quốc – ĐHTĐ HN biên soạn

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] *Nhân dân nhật báo Trung Quốc (Báo giấy)*: <http://paper.people.com.cn>

[4.2.2] *Nhân dân nhật báo Trung Quốc (online)*: <http://www.people.com.cn/>

[4.2.3] *Tin tức Trung Quốc*: <https://xw.qq.com/>

[4.2.4] *Báo tin tức kinh tế Trung Quốc*: <http://www.cet.com.cn/>

[4.2.5] *Báo kinh tế thế kỷ 21 (Trung Quốc)*: <http://www.21jingji.com/>

[4.2.6] *Báo Sài gòn giải phóng online*: <http://www.sggp.org.vn/>

[4.2.7] *Báo nhân dân điện tử Việt Nam*: <http://cn.nhandan.com.vn/>

[4.2.8] *Tạp chí thông tin đối ngoại Việt Nam*: <http://tapchithongtindoingoi.vn/>

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần (*kể cả thời lượng dạy học trực tuyến, tự học có hướng dẫn...*)

- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Yêu cầu cần đạt đối với các bài thực hành.
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.
- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của người dạy.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
第一课 外交 一、汉越翻译 二、越汉翻译	-Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua bài tập dịch Trung - Việt, Việt - Trung	Lí thuyết	1.5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4] [4.2.5] [4.2.6] [4.2.7] [4.2.8]
			Bài tập	1.5	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1.5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	9	
第二课 军事 一、汉越翻译 二、越汉翻译	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ	Lí thuyết	1.5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	1.5	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1.5	
			Thực hành	0	

	và thống nhất cách dịch bài khoá.	học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.3] [4.2.4]
			Tự học, NC	9	[4.2.5] [4.2.6] [4.2.7] [4.2.8]
第三课 时政 一、汉越翻译 二、越汉翻译	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	1.5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1]
			Bài tập	1.5	[4.2.2]
			Thảo luận, làm việc nhóm	1.5	[4.2.3] [4.2.4]
			Thực hành	0	[4.2.5]
			Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.6] [4.2.7] [4.2.8]
			Tự học, NC	9	

第四课 法律 一、汉越翻译 二、越汉翻译	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	1.5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4] [4.2.5] [4.2.6] [4.2.7] [4.2.8]
			Bài tập	1.5	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1.5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	9	
第五课 财政银行 一、汉越翻译 二、越汉翻译 期中考试	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm	Lí thuyết	1.5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4] [4.2.5] [4.2.6]
			Bài tập	1.5	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1.5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	9	

		tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm			[4.2.7] [4.2.8]
第六课 会计 一、 汉越翻译 二、 越汉翻译	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	1.5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4] [4.2.5] [4.2.6] [4.2.7] [4.2.8]
			Bài tập	1.5	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1.5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	9	
第七课 出入口 一、 汉越翻译 二、 越汉翻译	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm	Lí thuyết	1.5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Bài tập	1.5	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1.5	
			Thực hành	0	
			Tự học có	0	

	khoá.	bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...	hướng dẫn		[4.2.4]
		- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Tự học, NC	9	[4.2.5] [4.2.6] [4.2.7] [4.2.8]
第八课 股票 一、汉越翻译 二、越汉翻译	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...	Lí thuyết	1.5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4] [4.2.5] [4.2.6] [4.2.7] [4.2.8]
			Bài tập	1.5	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1.5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	9	
第九课 数字化工 艺	- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp;	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh	Lí thuyết	1.5	Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham
			Bài tập	1.5	
			Thảo luận, làm	1.5	

<p>一、汉越翻译 二、越汉翻译</p>	<p>- Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.</p>	<p>viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>việc nhóm</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p></p> <p>0</p> <p>0</p> <p>9</p>	<p>khảo: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4] [4.2.5] [4.2.6] [4.2.7] [4.2.8]</p>
<p>第十课 医务 一、汉越翻译 二、越汉翻译</p>	<p>- Dạy học thuyết trình hướng dẫn về từ vựng và cấu trúc câu thường gặp; - Dạy học thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên thảo luận và thống nhất cách dịch bài khoá.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận, làm việc nhóm</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>1.5</p> <p>1.5</p> <p>1.5</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>9</p>	<p>Tài liệu chính: [4.1.1] Tài liệu tham khảo: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3] [4.2.4] [4.2.5] [4.2.6] [4.2.7] [4.2.8]</p>

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), quay video, làm slide thuyết trình,... 	10%	Cả học kì	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá qua quan sát hoạt động của nhóm trình học tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của 	10%	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên

<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: Kiểm tra tự luận, trắc nghiệm trên lớp, chấm bài tập về nhà, bài tập theo nhóm 			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá kiến thức sinh viên học được đến thời điểm đánh giá; - Phương pháp đánh giá: thông qua bài kiểm tra viết hoặc làm tiểu luận - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm kết hợp tự luận 60 phút 	20%	Giữa kỳ	Giảng viên
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp, thời gian 60 phút.</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: dưới 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, phần mềm,...
- Địa điểm dạy học: tại trường, online.

TÊN HỌC PHẦN: ĐỐI CHIẾU NGÔN NGỮ TRUNG VIỆT
(Tên tiếng Anh.....)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3
- Lý thuyết: 30
- Bài tập, thảo luận nhóm : 15 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết.
- Loại học phần: thay thế khóa luận tốt nghiệp định hướng biên phiên dịch

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghị vụ <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng đọc 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và Tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886 Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số điện thoại: 0972327976 Email: ntthuy@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thùy Linh

Số điện thoại: 0965293311 Email: nttlinh@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.
- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Hiểu các khái niệm ngôn ngữ học đối chiếu, lý luận đối chiếu, đối chiếu ngữ âm Trung – Việt.
 - Biết phân biệt phạm vi đối tượng cho các loại nghiên cứu với mục đích lý luận và thực tiễn cụ thể
 - Nắm vững kiến thức chuẩn về nghiên cứu, đối chiếu một cách hệ thống, toàn diện về đặc điểm của các trọng điểm ngữ pháp trong tiếng Hán tương quan với Tiếng Việt.
 - Góp phần vào lí thuyết hai ngôn ngữ cùng một loại hình lại có quan hệ mật thiết hình thành trong quá trình tiếp xúc Hán – Việt.
 - Thông qua quá trình học tập nghiên cứu, rút ra những thành quả nghiên cứu đối chiếu Trung – Việt, từ đó sẽ hiểu rõ và vận dụng Tiếng Trung tốt hơn trong học tập và công việc

Kết quả học tập mong đợi của học phần

- 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	0

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第一章：对比语言学概说	Hiểu về khái niệm đối chiếu ngôn ngữ học	Biết cách vận dụng ngôn ngữ học đối chiếu	Vận dụng thành thạo khái niệm ngôn ngữ học đối chiếu
第二章：理论基础	Hiểu về khái niệm lí luận căn bản	Biết cách vận dụng lí luận căn bản vào học phần	Vận dụng thành thạo lí luận căn bản vào học phần
第三章：汉越语音对比	Hiểu về khái niệm đối chiếu ngữ âm Trung – Việt	Biết cách vận dụng đối chiếu ngữ âm Trung – Việt	Vận dụng thành thạo đối chiếu ngữ âm Trung – Việt
第四章：汉越词汇对比	Hiểu về khái niệm đối chiếu từ vựng Trung – Việt	Biết cách vận dụng đối chiếu từ vựng Trung – Việt	Vận dụng thành thạo đối chiếu từ vựng Trung – Việt
第五章：汉越语法对比	Hiểu về khái niệm đối chiếu ngữ pháp Trung – Việt	Biết cách vận dụng đối chiếu ngữ pháp Trung – Việt	Vận dụng thành thạo đối chiếu ngữ pháp Trung – Việt

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu được các vấn đề ngôn ngữ học đối chiếu nghiên cứu các khái niệm ngôn ngữ học đối chiếu, lý luận đối chiếu, đối chiếu ngữ âm Trung – Việt; Nắm vững kiến thức chuẩn về nghiên cứu, đối chiếu một cách hệ thống, toàn diện về đặc điểm của các trọng điểm ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng trong tiếng Hán tương quan với Tiếng Việt; thông qua quá trình học tập nghiên cứu, rút ra những thành quả nghiên cứu đối chiếu Trung – Việt, từ đó sẽ hiểu rõ và vận dụng Tiếng Trung tốt hơn trong học tập và công việc

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. Ngô Thị Huệ; Đối chiếu ngôn ngữ Hán – Việt lý luận và thực tiễn, NXB Khoa học xã hội, 2019

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. 朱德熙《现代汉语语法研究》，商务印书馆，1980

[4.2.2]. Lê Quang Thiêm, Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2004

[4.2.3]. Diệp Quang Ban, Ngữ pháp tiếng Việt Tập hai, NXB Giáo dục, 2000

[4.2.4]. Nguyễn Tài Cẩn, Ngữ pháp tiếng Việt, NXB ĐHQG Hà Nội, 1996

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Suru tâm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm
 - + Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:
 - + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp/ Bài tập lớn, viết các đoạn văn theo chủ đề đã học/ Quay video hội thoại về các chủ đề đã học/ Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
<p>第一章：对比语言学概说</p> <p>1. 对比语言学的定义</p> <p>2. 对比语言学的分类</p> <p>3. 对比语言学的起源</p> <p>4. 对比语言学的历史发展</p>	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định kiến thức trọng điểm và giải thích cho sinh viên, giúp sv vận dụng được</p> <p>-Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận 1 vấn đề, sau đó giáo viên sẽ chỉnh sửa và đưa ra kiến thức chuẩn.</p> <p>- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	Lí thuyết	6	4.1.1
			Bài tập	2	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	18	

<p>第二章：理论基础</p> <p>1. 对比语言学的一般理论</p> <p>2. 汉越语言对比的相关理论基础</p> <p>3. 对比的研究方法</p> <p>4. 对比的步骤</p> <p>5. 汉越对比的价值</p>	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định kiến thức trọng điểm và giải thích cho sinh viên, giúp sv vận dụng được</p> <p>- Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận 1 vấn đề, sau đó giáo viên sẽ chỉnh sửa và đưa ra kiến thức chuẩn.</p> <p>- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	Lí thuyết	6	4.1.1
			Bài tập	2	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	18	
<p>第三章：汉越语音对比</p> <p>1. 汉越元音音位对比</p> <p>2. 汉越辅音音位对比</p>	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định kiến thức trọng điểm và giải thích cho sinh viên, giúp sv vận dụng được</p> <p>- Phương pháp dạy học nhóm:</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được</p>	Lí thuyết	6	4.1.1
			Bài tập	2	

3. 汉越声调音位对比	<p>chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận 1 vấn đề, sau đó giáo viên sẽ chỉnh sửa và đưa ra kiến thức chuẩn.</p> <p>- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	Thảo luận	1		
			Thực hành	0		
			Tự học có hướng dẫn	0		
			Tự học, NC	18		
<p>第四章：汉越词汇对比</p> <p>1.汉越构词特征</p> <p>2. 汉越构词法对比</p>	<p>- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định kiến thức trọng điểm và giải thích cho sinh viên, giúp sv vận dụng được</p> <p>-Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận 1 vấn đề, sau đó giáo viên sẽ chỉnh sửa và đưa ra kiến thức chuẩn.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	Lí thuyết	6	4.1.1	
			Bài tập	2		
			Thảo luận	1		
			Thực hành	0		

			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	18	
第五章：汉越语法对比	- Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định kiến thức trọng điểm và giải thích cho sinh viên, giúp sv vận dụng được -Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận 1 vấn đề, sau đó giáo viên sẽ chỉnh sửa và đưa ra kiến thức chuẩn. - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học	Lí thuyết	6	4.1.1
1.语法的分类			Bài tập	2	
2.语法方式			Thảo luận	1	
3.语法范畴			Thực hành	0	
4.汉越语序对比			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	18	

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), quay video, làm slide thuyết trình,... 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá trình quan sát 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên

<p>hoạt động của nhóm trình học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. 			
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức đã học</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: VĂN HÓA TRUNG QUỐC

(Tên tiếng Anh: Chinese Culture)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02;
- Lý thuyết: 15 tiết;
- Thảo luận, làm việc nhóm: 15 tiết;
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 60 tiết.
- Loại học phần: thay thế khóa luận tốt nghiệp định hướng biên phiên dịch

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghệ vụ <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng đọc 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc và tiếng Việt

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:

- + Khoa: Ngoại ngữ
- + Bộ môn: Tiếng Trung Quốc

- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số điện thoại: 0972327976

Email: ntthuy@daihocthudo.edu.vn

2. TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886

Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

3. TS. Phạm Hữu Khương

Số điện thoại: 0988999236

Email: phkhuong@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:

- Người học nhận thức được tầm quan trọng của học phần đối với nghề nghiệp sau này.

- Người học yêu thích, hứng thú, tích cực, tự giác, tích cực chủ động trong các hoạt động do người dạy đề xuất hoặc do người học tự đề xuất để thực hiện.

- **Năng lực:**

- Người học được củng cố kiến thức đã học về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, đồng thời mở rộng vốn kiến thức về ngữ âm, văn tự, từ vựng, ngữ pháp, ngữ dụng trong tiếng Hán; Tìm hiểu sâu hơn về kiến thức văn hóa Trung Quốc, mở rộng vốn từ về văn hóa Trung Quốc.

- Người học có khả năng tư duy độc lập, khả năng hợp tác, khả năng thuyết trình, khả năng làm việc nhóm, khả năng tìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin liên quan đến học phần thông qua việc tự đọc sách, tự nghiên cứu tài liệu.

- **Kết quả học tập mong đợi của học phần**

- 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.

- Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
				2	2	2		2	1	1			

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
Bài 1: Quan niệm đạo đức truyền thống 1. Hiếu thuận cha mẹ 2. Kính già yêu trẻ 3. Trung thực tín nghĩa 4. Tôn sư trọng đạo	Nắm được kiến thức cơ bản về các quan niệm đạo đức truyền thống của Trung Quốc	Thuyết trình lưu loát các kiến thức cơ bản về các quan niệm đạo đức truyền thống của Trung Quốc	Phân tích, đánh giá được những ảnh hưởng của quan niệm đạo đức truyền thống Trung Quốc đối với Việt Nam
Bài 2: Văn vật Giáp cốt văn Kiến trúc Phật giáo Tượng binh mã	Nắm được kiến thức cơ bản về văn vật của Trung Quốc	Thuyết trình lưu loát các kiến thức về văn vật của Trung Quốc	Phân tích đặc điểm nổi bật của kiến trúc Phật giáo của Trung Quốc.
Bài 3: Kinh tế 1. Nền kinh tế tự cung tự cấp 2. Các loại hình kinh doanh truyền thống 3. Con đường tơ lụa	Nắm được kiến thức cơ bản về nền kinh tế của Trung Quốc	Thuyết trình lưu loát vấn đề về kinh tế Trung Quốc	Phân tích được đặc điểm tự cung tự cấp của nền kinh tế Trung Quốc, ảnh hưởng của kinh tế Trung Quốc đối với khu vực Đông Nam Á và thế giới.
Bài 4: Nghề truyền thống	Nắm được kiến thức cơ bản về các nghề truyền	Thuyết trình lưu loát vấn đề các nghề truyền thống của Trung Quốc	Phân tích những khó khăn của các nghề truyền thống Trung Quốc trong bối cảnh

Gốm sứ Cảnh thái lan Thêu Điêu khắc Tranh dân gian	thống của Trung Quốc		thời đại 4.0
Bài 5: Kiến trúc Kiến trúc cổ đại Kiến trúc dân gian Cung điện Đền miếu Chùa và tháp Vườn cảnh	Nắm được kiến thức cơ bản về kiến trúc của Trung Quốc	Thuyết trình lưu loát vấn đề kiến trúc của Trung Quốc	Đánh giá ảnh hưởng của kiến trúc Trung Quốc đối với kiến trúc Việt Nam
Bài 6: Nhân sinh Tín ngưỡng Họ tên Lễ nghi	Nắm được kiến thức cơ bản về nhân sinh quan của người Trung Quốc	Thuyết trình lưu loát các vấn đề liên quan đến nhân sinh quan của người Trung Quốc	Phân tích đặc điểm chủ yếu của tín ngưỡng, cách đặt họ tên và lễ nghi của Trung Quốc
Bài 7: Ẩm thực 1. Khái quát về “ẩm thực” của người Trung Hoa 2. Trà và rượu	Nắm được kiến thức cơ bản về ẩm thực của Trung Quốc	Thuyết trình lưu loát các vấn đề về ẩm thực của Trung Quốc	Phân tích đặc điểm nổi bật của văn hóa ẩm thực Trung Quốc, văn hóa trà, rượu.

<p>Bài 8: Trang phục</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trang phục thời cổ 2. Trang phục đời nhà Đường 3. Áo dài Thượng Hải 	<p>Nắm được kiến thức cơ bản về trang phục của Trung Quốc</p>	<p>Thuyết trình lưu loát các vấn đề về trang phục của Trung Quốc</p>	<p>Phân tích đặc điểm nổi bật của áo dài Thượng Hải</p>
<p>Bài 9: Võ thuật</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khởi nguồn 2. Chủng loại 3. Các động tác chủ yếu 	<p>Nắm được kiến thức cơ bản về võ thuật của Trung Quốc</p>	<p>Thuyết trình lưu loát các vấn đề về võ thuật của Trung Quốc</p>	<p>Phân tích đặc điểm của võ thuật Trung Quốc, ảnh hưởng của võ thuật Trung Quốc đối với võ thuật Việt Nam</p>
<p>Bài 10: Y học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lịch sử y học Trung Hoa 2. Thuyết âm dương 3. Thuyết ngũ hành 4. Các phương pháp trị liệu 	<p>Nắm được kiến thức cơ bản về y học của Trung Quốc</p>	<p>Thuyết trình lưu loát về y học của Trung Quốc</p>	<p>Phân tích đặc điểm nổi bật của y học Trung Quốc</p>

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Văn hóa Trung Quốc** cung cấp cho người học những hiểu biết khái quát về văn hóa truyền thống Trung Quốc, những quan niệm đạo đức truyền thống, văn vật, kinh tế, nghề truyền thống, kiến trúc, nhân sinh, ẩm thực, trang phục, võ thuật, y học của Trung Quốc.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1] Giáo trình do bộ môn tiếng Trung Quốc – ĐHTĐ Hà Nội biên soạn

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] 张英、金舒年 《中国传统文化与现代生活》，北京大学出版社，2004

[4.2.2] 王衍军, 《中国民俗文化》，暨南大学出版社, 2011 年出版

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Suru tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm
 - + Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:
 - + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....
 - + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài tập lớn/ Quay video phiên dịch về các chủ đề đã học/ Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...
 - + Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài thi.
- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
Bài 1: Quan niệm đạo đức truyền thống 1.1. Hiếu thuận cha mẹ 2. Kính già yêu trẻ 3. Trung thực tín nghĩa Tôn sư trọng đạo	- Dạy học thuyết trình có minh hoạ (sử dụng slide trình chiếu); - Dạy học thảo luận nhóm với kỹ thuật khăn trải bàn. Yêu cầu sinh viên nghiên cứu tài liệu và trình bày về các quan niệm truyền thống của Trung Quốc - Thuyết trình nhận định về kết quả làm việc của sinh viên và tổng kết kết quả. - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh liên quan đến nội dung bài học.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	1.5	Tài liệu chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	0	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1.5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 2: Văn vật 1. Giáp cốt văn 2. Kiến trúc Phật giáo 3. Tượng binh mã	- Sử dụng phương pháp phỏng vấn nhanh để nắm được sơ bộ những hiểu biết của sinh viên về văn tự tiếng Hán;	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực	Lí thuyết	1.5	Tài liệu chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	0	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1.5	

	<p>- Dạy học thuyết trình có minh họa (sử dụng slide, hình ảnh, video): trình bày quá trình hình thành chữ Giáp Cốt; đặc điểm kiến trúc Phật giáo;</p> <p>- Dạy học thảo luận nhóm: yêu cầu sinh viên sưu tầm tư liệu hình ảnh, video giới thiệu về Tượng binh mã; các nhóm cử đại diện nhóm trình bày; giảng viên nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh liên quan đến nội dung bài học.</p>	<p>hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="1458 228 1736 284">Thực hành</td> <td data-bbox="1736 228 1865 284">0</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1458 284 1736 387">Tự học có hướng dẫn</td> <td data-bbox="1736 284 1865 387">0</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1458 387 1736 959">Tự học, NC</td> <td data-bbox="1736 387 1865 959">6</td> </tr> </table>	Thực hành	0	Tự học có hướng dẫn	0	Tự học, NC	6							
Thực hành	0															
Tự học có hướng dẫn	0															
Tự học, NC	6															
<p>Bài 3: Kinh tế</p> <p>1. Nền kinh tế tự cung tự cấp</p> <p>2. Các loại hình kinh doanh truyền thống</p> <p>3. Con đường tơ lụa</p>	<p>- Dạy học thuyết trình có minh họa: trình bày về đặc điểm nền kinh tế của Trung Quốc;</p> <p>- Phương pháp hỏi chuyên gia: chỉ định một sinh viên có kiến thức chuyên sâu về nội dung bài học, dưới sự hướng dẫn của giảng viên tìm hiểu các thông tin liên quan</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="1458 959 1736 1015">Lý thuyết</td> <td data-bbox="1736 959 1865 1015">1.5</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1458 1015 1736 1062">Bài tập</td> <td data-bbox="1736 1015 1865 1062">0</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1458 1062 1736 1174">Thảo luận, làm việc nhóm</td> <td data-bbox="1736 1062 1865 1174">1.5</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1458 1174 1736 1222">Thực hành</td> <td data-bbox="1736 1174 1865 1222">0</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1458 1222 1736 1334">Tự học có hướng dẫn</td> <td data-bbox="1736 1222 1865 1334">0</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1458 1334 1736 1380"></td> <td data-bbox="1736 1334 1865 1380"></td> </tr> </table>	Lý thuyết	1.5	Bài tập	0	Thảo luận, làm việc nhóm	1.5	Thực hành	0	Tự học có hướng dẫn	0			<p>Tài liệu chính:</p> <p>[4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1]</p> <p>[4.2.2]</p>
Lý thuyết	1.5															
Bài tập	0															
Thảo luận, làm việc nhóm	1.5															
Thực hành	0															
Tự học có hướng dẫn	0															

	đến bài học trước khi lên lớp; sinh viên trong lớp đặt câu hỏi trực tiếp hoặc viết ra giấy ghim lên bảng, sinh viên đóng vai chuyên gia trả lời các câu hỏi. Giảng viên tổng kết ngắn gọn, khái quát lại các câu hỏi và câu trả lời.	- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Tự học, NC	6	
Bài 4: Nghề truyền thống 1. Gốm sứ 2. Cảnh thái lan 3. Thêu 4. Điêu khắc 5. Tranh dân gian	- Dạy học thuyết trình có minh họa: trình bày về đặc điểm gốm sứ, ngành thêu, điêu khắc và tranh dân gian của Trung Quốc; - Dạy học thảo luận nhóm: sinh viên làm việc theo nhóm sưu tầm các tranh ảnh, video giới thiệu về gốm sứ, các tác phẩm thêu, điêu khắc, tranh dân gian nổi tiếng của Trung Quốc; đại diện nhóm trình bày.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	1.5	Tài liệu chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	0	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1.5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 5: Kiến trúc 1. Kiến trúc cổ đại 2. Kiến trúc dân gian	- Dạy học thuyết trình có minh họa về kiến trúc cổ đại, dân gian của Trung Quốc;	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên	Lí thuyết	1.5	Tài liệu chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1]
			Bài tập	0	
			Thảo luận, làm	1.5	

<p>3. Cung điện 4. Đền miếu 5. Chùa và tháp 6. Vườn cảnh</p>	<p>- Sử dụng phương pháp mảnh ghép: sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận về cung đình, đền miếu, chùa và tháp, vườn cảnh của Trung Quốc (chia 2 vòng). Kết quả thảo luận: các nhóm trình bày nội dung đã tiếp thu bằng sơ đồ tư duy để trình bày trước lớp. Giảng viên đánh giá nhận xét sản phẩm của các nhóm, tổng kết và đưa ra kết luận bài học.</p>	<p>trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>việc nhóm</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p></p> <p>0</p> <p>0</p> <p>6</p>	<p>[4.2.2]</p>
<p>Bài 6: Nhân sinh 1. Tín ngưỡng 2. Họ tên 3. Lễ nghi</p>	<p>- Dạy học thuyết trình có minh họa về tín ngưỡng, họ tên và lễ nghi của Trung Quốc; - Dạy học làm việc nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ thảo luận về tín ngưỡng, họ tên, lễ nghi Trung Quốc; - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh liên quan đến nội dung bài học.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận,</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận, làm việc nhóm</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>1.5</p> <p>0</p> <p>1.5</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>6</p>	<p>Tài liệu chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]</p>

		câu hỏi trắc nghiệm			
Bài 7: Ẩm thực 1. Khái quát về “ẩm thực” của người Trung Hoa 2. Trà và rượu	- Dạy học thuyết trình có minh họa về ẩm thực của Trung Quốc (sử dụng slide trình chiếu); - Dạy học làm việc nhóm: yêu cầu sinh viên sưu tầm tranh ảnh, video giới thiệu về trà và rượu của Trung Quốc; - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh liên quan đến nội dung bài học.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	1.5	Tài liệu chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	0	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1.5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 8: Trang phục 1. Trang phục thời cổ 2. Trang phục đời nhà Đường 3. Áo dài Thượng Hải	- Dạy học thuyết trình có minh họa bằng hình ảnh, video về trang phục thời cổ của Trung Quốc; - Dạy học thảo luận nhóm: yêu cầu sinh viên sưu tầm tranh ảnh, video giới thiệu về trang phục đời nhà Đường, áo dài Thượng Hải. Giảng viên nhận xét, đánh giá.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm	Lí thuyết	1.5	Tài liệu chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	0	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1.5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	

		tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm			
Bài 9: Võ thuật 1. Khởi nguồn 2. Chúng loại 3. Các động tác chủ yếu	- Dạy học bằng phương pháp hội thảo về vấn đề võ thuật của Trung Quốc; - Dạy học thảo luận nhóm bằng phương pháp khăn trải bàn: yêu cầu mỗi sinh viên ghi ra giấy những hiểu biết của mình về võ thuật của Trung Quốc, nhóm trưởng điều hành nhóm thảo luận và ghi ra kết quả thống nhất chung của nhóm, ghim lên bảng; đại diện nhóm lên trình bày. Giảng viên đánh giá nhận xét sản phẩm của nhóm, tổng kết và đưa ra kết luận bài học.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Lí thuyết	1.5	Tài liệu chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	0	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1.5	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	
Bài 10: Y học. 1. Lịch sử y học Trung Hoa 2. Thuyết âm dương	- Dạy học thuyết trình có minh họa: trình bày về y học của Trung Quốc; - Dạy học thảo luận nhóm: yêu cầu	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực	Lí thuyết	1.5	Tài liệu chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2]
			Bài tập	0	
			Thảo luận, làm việc nhóm	1.5	

3. Thuyết ngữ hành 4. Các phương pháp trị liệu	mỗi nhóm sinh viên tìm hiểu và trình bày về lịch sử y học của Trung Quốc; thuyết ngữ hành; các phương pháp trị liệu (làm slide trình chiếu); - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh liên quan đến nội dung bài học.	hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm	Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	6	

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), quay video, làm slide thuyết trình,... 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá qua quan sát hoạt động của nhóm trình học tập - Có năng lực tự học, nghiên cứu 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm). 	10%	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên

<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: Kiểm tra tự luận, trắc nghiệm trên lớp, chấm bài tập về nhà, bài tập theo nhóm 			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá kiến thức sinh viên học được đến thời điểm đánh giá; - Phương pháp đánh giá: thông qua bài kiểm tra viết hoặc làm tiểu luận - Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm kết hợp tự luận hoặc làm tiểu luận 	20%	Giữa kỳ	Giảng viên
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp, thời gian 60 phút.</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: dưới 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, phần mềm,...
- Địa điểm dạy học: tại trường, online.

TÊN HỌC PHẦN: GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA

(Tên tiếng Anh.....)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2
- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập: 15 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 60 tiết.
- Loại học phần: thay thế khóa luận tốt nghiệp định hướng biên phiên dịch

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng đọc 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và Tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886 Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số điện thoại: 0972327976 Email: ntthuy@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thùy Linh

Số điện thoại: 0965293311 Email: nttlinh@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Hiểu được khái niệm giao tiếp liên văn hóa và từ đó sẽ biết vận dụng trong giao tiếp,biết cách chuyển tải những hành động ngôn từ và phi ngôn từ của mình.
- Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
1	2	2	2	2	1	2	2	2	1	2	2	1	1

2.2. Mục tiêu chi tiết (ghi năng lực cần đạt sau khi học xong 1 chương/bài, năng lực cần đạt được ở mức độ nào thì viết vào cột của mức độ đó)

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
第一章：交际中的文化差异	- Hiểu các khái niệm, sự khác nhau trong giao tiếp văn hóa.	- Biết cách vận dụng các khái niệm, sự khác nhau trong giao tiếp văn hóa.	-Vận dụng thành thạo các khái niệm, sự khác nhau trong giao tiếp văn hóa.
第二章：汉语语言、文字、语法与文化	- Hiểu các nội dung liên quan giữa văn hóa và ngôn ngữ, văn tự và ngữ pháp	- Biết cách vận dụng nội dung liên quan giữa văn hóa và ngôn ngữ, văn tự và ngữ pháp	-Vận dụng thành thạo các nội dung liên quan giữa văn hóa và ngôn ngữ, văn tự và ngữ pháp
第三章：汉、越词汇与文化	- Hiểu các nội dung liên quan giữa văn hóa và từ vựng Việt - Trung	- Biết cách vận dụng nội dung liên quan giữa văn hóa và từ vựng Việt - Trung	-Vận dụng thành thạo nội dung liên quan giữa văn hóa và từ vựng Việt - Trung
第四章：生活情境交际的实际运用	- Hiểu các kiến thức trong giao tiếp văn hóa vào giao tiếp trong cuộc sống	- Biết cách vận dụng các kiến thức trong giao tiếp văn hóa vào giao tiếp trong cuộc sống	-Vận dụng thành thạo các kỹ năng được học trong giao tiếp văn hóa trong cuộc sống

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Giao tiếp liên văn hóa là học phần bổ ích bao gồm 4 nội dung chính, thông qua các nội dung này học sinh sẽ hiểu được khái niệm Văn hóa, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, năng lực giao tiếp liên văn hóa và lồng ghép các yếu tố văn hóa vào quy trình phát triển kỹ năng ngôn ngữ.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 合作编写-杜黄英、王手普、黄彩云, 越-汉跨文化交际概论, 河内国家大学出版社, 2019

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. 田学军《交际镜像中的语言, 文化, 语用》, 天津大学出版社, 2010

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành các bài tập được giao:
 - + Bài tập về nhà
 - + Chuẩn bị bài mới
 - + Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học
 - + Bài tập thảo luận nhóm
 - + Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định:
 - + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,....
 - + Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp/ Bài tập lớn, viết các đoạn văn theo chủ đề đã học/ Quay video hội thoại về các chủ đề đã học/ Làm slide thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...

- + Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá dựa theo kết quả bài làm bài trên giấy.
- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
<p>第一章：交际中的文化差异</p> <p>(一) 跨文化交际概说</p> <p>(二) 跨文化交际的障碍</p> <p>(三) 跨文化交际培养</p>	<p>Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định kiến thức trọng điểm và giải thích cho sinh viên, giúp sv vận dụng được</p> <p>-Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận 1 vấn đề, sau đó giáo viên sẽ chỉnh sửa và đưa ra kiến thức chuẩn.</p> <p>- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	Lí thuyết	3	4.1.1
			Bài tập	2	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	12	

<p>第二章：汉语语言、文字、语法与文化</p> <p>(一) 东西方交际文化的异同</p> <p>(二) 大中华文化圈华人语文与文化差异</p> <p>(三) 越南与中国的交流与文化互动</p>	<p>Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định kiến thức trọng điểm và giải thích cho sinh viên, giúp sv vận dụng được</p> <p>-Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận 1 vấn đề, sau đó giáo viên sẽ chỉnh sửa và đưa ra kiến thức chuẩn.</p> <p>- Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	Lí thuyết	3	4.1.1
			Bài tập	2	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	12	
<p>第三章：汉、越词汇与文化</p> <p>(一) 从汉语语音体会汉民族文化</p> <p>(二) 从汉语文字体会汉</p>	<p>Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định kiến thức trọng điểm và giải thích cho sinh viên, giúp sv vận dụng được</p> <p>-Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài</p>	Lí thuyết	3	4.1.1
			Bài tập	2	

<p>民族文化 (三) 从汉语语法体会汉民族文化</p>	<p>thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận 1 vấn đề, sau đó giáo viên sẽ chỉnh sửa và đưa ra kiến thức chuẩn. - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>ở nhà, làm bài tập BT trên lớp - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	<p>Thảo luận 1</p>	<p>0</p>	
			<p>Thực hành 0</p>		
			<p>Tự học có hướng dẫn 0</p>		
			<p>Tự học, NC 12</p>		
<p>第四章：生活情境交际的实际运用 (一) 富有文化含义的汉语词汇 (二) 汉、越词汇于交际中的进阶表达 (三) 语言文化接触的汉越词以及汉、越文化词语</p>	<p>Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định kiến thức trọng điểm và giải thích cho sinh viên, giúp sv vận dụng được -Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận 1 vấn đề, sau đó giáo viên sẽ chỉnh sửa và đưa ra kiến thức chuẩn. - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài và giao bài tập cho sinh viên.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng hoặc các bài kiểm tra 15'-30' về nội dung đã học</p>	<p>Lí thuyết 3</p>	<p>0</p>	4.1.1
			<p>Bài tập 2</p>		
			<p>Thảo luận 1</p>		
			<p>Thực hành 0</p>		
			<p>Tự học có hướng dẫn 0</p>		
			<p>Tự học, NC 12</p>		

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức: Kiểm tra miệng, kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm tự luận kết hợp), quay video, làm slide thuyết trình,... 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá trình quan sát 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên

<p>hoạt động của nhóm trình học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>thông qua quan sát hoạt động của sinh viên, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, các sản phẩm bài làm của sinh viên (bài tập cá nhân, bài tập nhóm).</p> <p>- Hình thức: Kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra.</p>			
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Viết Trắc nghiệm Tự luận kết hợp; Thời gian 60 phút; Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức đã học</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: HƯỚNG DẪN DU LỊCH VIỆT NAM

(Tên tiếng Anh: Vietnam tour guide)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3
- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận nhóm: 30 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết.
- Loại học phần: thay thế khóa luận tốt nghiệp định hướng du lịch

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Nghịệp vụ <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng nói 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886 Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

2. TS. Phạm Hữu Khương

Số điện thoại: 0988999236 Email: phkhuong@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Vũ Thị Anh Thơ

Số điện thoại: 0906139386 Email: vtatho@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:
 - Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- Năng lực:
 - Mở rộng vốn từ về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch
 - Tìm hiểu thêm về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, thuyết minh các cảnh điểm du lịch
 - Rèn luyện khả năng giao tiếp đối thoại trong nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, khả năng trình bày, thuyết minh các cảnh điểm du lịch Việt Nam.
 - Bồi dưỡng vốn kiến thức về văn hóa du lịch Việt Nam
 - Vận dụng đúng từ vựng, ngữ pháp và ngữ nghĩa trong giao tiếp hướng dẫn du lịch
 - Vận dụng thành thục các cách diễn đạt và từ ngữ thường dùng trong hướng dẫn du lịch
 - Giao tiếp đối thoại với khách du lịch, giới thiệu, thuyết minh các cảnh quan du lịch Việt Nam
 - Tìm tòi và mở rộng kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, thuyết minh các cảnh điểm du lịch Việt Nam
 - Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học
- Kết quả học tập mong đợi của học phần
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	2	2	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của Chương	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
Bài 1: Du lịch Việt Nam	Có vốn từ vựng về chủ điểm Du lịch Việt Nam.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về chủ điểm Du lịch Việt Nam.	Thuyết minh được về chủ điểm Du lịch Việt Nam
Bài 2: Thành phố Hồ Chí Minh	Có vốn từ vựng về chủ điểm Thành phố Hồ Chí Minh.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về chủ điểm Thành phố Hồ Chí Minh.	Thuyết minh được về chủ điểm Thành phố Hồ Chí Minh
Bài 3: Hà Nội	Có vốn từ vựng về chủ điểm Hà Nội.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về chủ điểm Hà Nội.	Thuyết minh được về chủ điểm Hà Nội
Bài 4: Thừa Thiên Huế	Có vốn từ vựng về chủ điểm Thừa Thiên Huế.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về chủ điểm Thừa Thiên Huế.	Thuyết minh được về chủ điểm Thừa Thiên Huế
Bài 5: Quảng Ninh – Vịnh Hạ Long	Có vốn từ vựng về chủ điểm Quảng Ninh – Vịnh Hạ Long.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về chủ điểm Quảng Ninh – Vịnh Hạ Long.	Thuyết minh được về chủ điểm Quảng Ninh – Vịnh Hạ Long
Bài 6: Sa Pa	Có vốn từ vựng về chủ điểm Sa Pa.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về chủ điểm Sa Pa.	Thuyết minh được về chủ điểm Sa Pa
Bài 7: Phố cổ Hội An	Có vốn từ vựng về chủ điểm Phố cổ Hội An.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về chủ điểm Phố cổ Hội An.	Thuyết minh được về chủ điểm Phố cổ Hội An
Bài 8: Đà Lạt	Có vốn từ vựng về chủ điểm Đà Lạt.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về chủ điểm Đà Lạt.	Thuyết minh được về chủ điểm Đà Lạt
Bài 9: Thực tế (dự kiến tại Sơn Tây/ Ba Vì/ Văn Miếu)	Có vốn từ vựng về các chủ điểm nhỏ của địa danh toàn Việt Nam.	Lập được các câu và đoạn ngắn giới thiệu về các chủ điểm nhỏ của địa danh toàn Việt Nam.	Thuyết minh được về các chủ điểm nhỏ của địa danh toàn Việt Nam.

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Hướng dẫn du lịch Việt Nam** nhằm củng cố những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã học ở các học phần trước, đồng thời mở rộng vốn kiến thức về văn hóa du lịch. Mở rộng vốn từ về nghiệp vụ du lịch, các cảnh điểm du lịch Việt Nam. Rèn luyện kỹ năng thuyết minh cảnh quan du lịch và bồi dưỡng vốn kiến thức về văn hóa du lịch Việt Nam.

Học phần **Hướng dẫn du lịch Việt Nam** tập trung vào thuyết minh những cảnh quan điển hình của Việt Nam như: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Huế, Quảng Ninh – Vịnh Hạ Long, Sa Pa, Hội An, Đà Lạt... Trên cơ sở đó người học tiếp tục phát huy tính năng động sáng tạo, tự tìm tòi nghiên cứu để có thể giới thiệu tiếp những cảnh quan khác trên toàn quốc.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. Thuyết minh cảnh quan du lịch Việt Nam (Giáo trình lưu hành nội bộ)

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] Tiếng Hán hướng dẫn du lịch, GT khoa Ngoại Ngữ Du lịch trường CĐ Du lịch Hà Nội biên soạn

[4.2.2] Đàm thoại Tiếng Hoa trong du lịch - thương mại, NXB Văn hoá thông tin.

[4.2.3] Giáo trình Tiếng Trung Du lịch, Thanh Hà, NXB ĐHQG

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên

- Hoàn thành các bài tập được giao:

+ Bài tập về nhà

+ Chuẩn bị bài mới

+ Bài kiểm tra miệng/viết trên lớp tại mỗi buổi học

+ Bài tập thảo luận nhóm

+ Bài tập thuyết trình cá nhân/nhóm

- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%) có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp...

+ Kiểm tra đánh giá giữa kỳ (điểm 30%): Làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung liên quan toàn bộ kiến thức được học đến thời điểm kiểm tra. Hình thức KT GK: Làm bài thuyết trình về nội dung chủ đề đã học...

+ Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (điểm 60%): Tham gia kỳ thi tập trung do nhà trường tổ chức. Làm bài thuyết trình cá nhân về nội dung chủ đề đã học...

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học				Tài liệu học tập
	Phương pháp và Hình thức giảng dạy	Phương pháp và Hình thức KTĐG	Thời lượng		
Bài 1: Du lịch Việt Nam 1. Bài khóa 2. Từ mới 3. Bài tập	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Du lịch Việt Nam - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Du lịch Việt Nam. Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
Tự học, NC	8				
Bài 2: Thành phố Hồ Chí Minh	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát,	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1]
			Bài tập	1	

1. Bài khóa 2. Từ mới 3. Bài tập	vựng và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Thành phố Hồ Chí Minh - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập	theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	Thảo luận	2	TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	8	
Bài 3: Hà Nội 1. Bài khóa 2. Từ mới 3. Bài tập	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Hà Nội	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp,	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1]
			Bài tập	1	TLTK: [4.2.1]
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	

	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Hà Nội. Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi 	Tự học có hướng dẫn	0	[4.2.2] [4.2.3]
			Tự học, NC	8	
Bài 4: Thừa Thiên Huế 1. Bài khóa	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát,	Lí thuyết Bài tập	1 1	TL chính: [4.1.1]

2. Từ mới 3. Bài tập	vựng và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Thừa Thiên Huế - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Thừa Thiên Huế. Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập	theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	Thảo luận	2	TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	8	
Bài 5: Quảng Ninh – Vịnh Hạ Long	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát,	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1]
			Bài tập	1	

<p>1. Bài khóa 2. Từ mới 3. Bài tập</p>	<p>vụng và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Quảng Ninh – Vịnh Hạ Long</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Quảng Ninh – Vịnh Hạ Long. Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề</p> <p>- Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập</p>	<p>theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, NC</p>	<p>2</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>8</p>	<p>TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>
<p>Bài 6: Sa Pa</p> <p>1. Bài khóa 2. Từ mới 3. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Sa Pa</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Sa Pa. Yêu cầu</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn</p>	<p>Lí thuyết</p> <p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>0</p> <p>0</p>	<p>TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>

	<p>SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề</p> <p>- Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập</p>	<p>bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p> <p>- Kiểm tra giữa học phần: Bài thuyết trình. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	Tự học, NC	8	
<p>Bài 7: Phó cổ Hội An</p> <p>1. Bài khóa</p> <p>2. Từ mới</p> <p>3. Bài tập</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Phó cổ Hội An</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Phó cổ Hội An. Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề</p> <p>- Tổng hợp ý kiến SV và thuyết</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời</p>	Lí thuyết	1	<p>TL chính: [4.1.1]</p> <p>TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]</p>
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	

	trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập	câu hỏi	Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	8	
Bài 8: Đà Lạt 1. Bài khóa 2. Từ mới 3. Bài tập	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại, mẫu câu liên quan đến chủ đề Đà Lạt - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề Đà Lạt. Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	Lí thuyết	1	TL chính: [4.1.1] TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Bài tập	1	
			Thảo luận	2	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	8	
Bài 9: Thực tế (dự kiến tại Sơn Tây/ Ba Vì/ Văn	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát,	Lí thuyết	7	TL chính: [4.1.1]
			Bài tập	0	

Miếu) 1. Bài khóa 2. Từ mới 3. Bài tập	vụng liên quan đến một số địa danh nhỏ của Việt Nam (dự kiến Sơn Tây/ Ba Vì/ Văn Miếu) - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề một số địa danh nhỏ của Việt Nam (dự kiến Sơn Tây/ Ba Vì/ Văn Miếu). Yêu cầu SV tiến hành theo nhóm hoặc cá nhân, hội thoại trực tiếp, thuyết trình theo chủ đề - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập	theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	Thảo luận	6	TLTK: [4.2.1] [4.2.2] [4.2.3]
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, NC	26	

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	Trọng số	Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <p>Yêu cầu đảm bảo chuyên cần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học tập - Năng lực tự học, nghiên cứu - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao - Yêu cầu đảm bảo chuyên cần và thái độ học nghiêm túc - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: đánh giá chuyên cần và tinh thần xây dựng bài trên lớp; Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của SV -Phương pháp đánh giá: thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của SV trong các giờ học, qua các nhiệm vụ học tập: bài tập về nhà, bài tập nhóm trên lớp... -Hình thức: Cá nhân thuyết minh theo file movie 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> --Yêu cầu nắm chắc các vấn đề được học đến thời điểm kiểm tra. - Tích cực, chủ động trong quá qua quan sát hoạt động của nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. -Phương pháp đánh giá 	30 %	Giữa học phần	Giảng viên

<p>trình học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực tự học, nghiên cứu - Có năng lực sáng tạo, tư duy - có khả năng tổng hợp vấn đề và thuyết trình - Có khả năng tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin liên quan đến các vấn đề của học phần được giao. 	<p>: đánh giá trực quan</p> <p>-Hình thức: Nhóm chuẩn bị slide và lên thuyết minh theo chủ đề được phân công</p>			
<p>Điểm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nắm chắc các nội dung được học trong toàn học phần. - Có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề trong học phần. 	<p>- Nội dung: đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.</p> <p>-Phương pháp: đánh giá trực quan</p> <p>-Hình thức: thuyết minh cá nhân với nội dung tự chọn</p>	60 %	Cuối học phần	Nhà trường tổ chức thi

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

TÊN HỌC PHẦN: THUYẾT TRÌNH TIẾNG HÁN

(Tên tiếng Anh.....)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

1.1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3
- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận: 30 tiết
- Thực hành trong phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn: 0 tiết;
- Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết;
- Tự học: 90 tiết
- Loại học phần: thay thế khóa luận tốt nghiệp định hướng du lịch

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Nghệ thuật <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng Nói 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung Quốc

1.2. Thông tin về giảng viên

- Đơn vị phụ trách học phần:
 - + Khoa: Ngoại ngữ
 - + Bộ môn: tiếng Trung Quốc
- Họ và tên giảng viên giảng dạy:

1. TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ

Số điện thoại: 0966906886 Email: ntthue@daihocthudo.edu.vn

2. TS. Phạm Hữu Khương

Số điện thoại: 0988999236 Email: phkhuong@daihocthudo.edu.vn

3. ThS. Vũ Thanh Hương

Số điện thoại: 0969617555 Email: vthuong.nn@daihocthudo.edu.vn

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Mục tiêu chung

- Phẩm chất:

- Tôn trọng và yêu quý giảng viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá.

- Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
- **Năng lực:**
 - Mở rộng vốn từ và tích lũy vốn kiến thức về các lĩnh vực giáo dục, tư tưởng, phong tục truyền thống, văn hóa, xã hội, lễ nghĩa, lễ tết ...
 - Có khả năng sử dụng vốn từ vựng, ngữ pháp đã học để thuyết trình về các chủ đề liên quan đến giáo dục, tư tưởng, phong tục truyền thống, văn hóa, xã hội, lễ nghĩa, lễ tết
 - Nắm vững các công đoạn cần chuẩn bị, tuân thủ kỹ năng kỹ xảo thuyết trình
 - Rèn luyện và nâng cao kỹ năng thuyết trình về các lĩnh vực giáo dục, tư tưởng, phong tục truyền thống, văn hóa, xã hội, lễ nghĩa, lễ tết ...
 - Nâng cao năng lực tư duy, phân tích, năng lực thuyết trình, phát triển mở rộng những kiến thức liên quan đến chủ đề đã học
- **Kết quả học tập mong đợi của học phần**
 - 100% sinh viên tham gia đầy đủ các tiết học, hình thành được đầy đủ phẩm chất và năng lực đặt ra để tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. Sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên ngành học và có năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc của mình.
 - Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

0. Không liên quan; 1. Ít liên quan; 2. Rất liên quan

Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Du lịch			Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân		
Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện	Năng lực nắm vững kiến thức và lý luận cơ bản về lý thuyết tiếng.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Năng lực nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào thực hành dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp, nắm bắt, xử lý thông tin hợp lý trong các tình huống dịch	Năng lực ứng dụng CNTT, KHK T vào dịch thuật	Năng lực nắm vững quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch	Năng lực ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống thương mại du lịch	Năng lực kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	Năng lực tư duy sáng tạo, phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
2	2	1	2	0	0	1	0	1	2	2	1	2	1

2.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu của bài	Bậc 1 (hiểu)	Bậc 2 (vận dụng bậc thấp)	Bậc 3 (vận dụng bậc cao)
Thuyết trình về chủ đề Lễ nghĩa 第一节：称呼 第二节：问候 第三节：见面 第四节：请客 第五节：送礼	-Hiểu biết về các hoạt động lễ nghĩa của người Trung Quốc như chào hỏi, làm khách, tặng quà, gặp mặt, hỏi thăm, mời khách. -Giới thiệu khái quát các hoạt động liên quan đến chủ đề Lễ nghĩa	-Thuyết trình ngắn gọn, đơn giản, đảm bảo các ý chính về chủ đề Lễ nghĩa, có trình chiếu PPT cơ bản -Nói to, rõ ràng, lưu loát	-Thuyết trình sinh động, cuốn hút, có sức thuyết phục về chủ đề Lễ nghĩa, phát âm chuẩn, có ngữ điệu ngữ khí, kết hợp ngôn ngữ cơ thể -Trình chiếu PPT minh họa làm sáng rõ, nổi bật ý truyền đạt
Thuyết trình về chủ đề Tư tưởng-Quan điểm 第一节：长幼尊卑 第二节：自谦敬人 第三节：精神物质 第四节：男女有别 第五节：群体个人	-Hiểu biết về tư tưởng, quan điểm của người Trung Quốc về người già, trẻ em, tính khiêm tốn, tôn trọng người khác, mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, giá trị tinh thần và vật chất, quan điểm về sự khác biệt giữa nam và nữ. -Giới thiệu khái quát các vấn	-Thuyết trình ngắn gọn, đơn giản, đảm bảo các ý chính về chủ đề Tư tưởng – Quan điểm, có trình chiếu PPT cơ bản -Nói to, rõ ràng, lưu loát	-Thuyết trình sinh động, cuốn hút, có sức thuyết phục về chủ đề Tư tưởng – Quan điểm, phát âm chuẩn, có ngữ điệu ngữ khí, kết hợp ngôn ngữ cơ thể -Trình chiếu PPT minh họa làm sáng rõ, nổi bật ý truyền đạt

	đề liên quan đến chủ đề Tư tưởng – Quan điểm		
Thuyết trình về chủ đề Lễ tết 第一节：节日概说 第二节：春节 第三节：元宵节 第四节：中秋节 第五节：少数民族节日	-Hiểu biết về ý nghĩa và các hoạt động lễ tết như tết Nguyên đán, tết Nguyên tiêu, tết Trung thu của người Trung Quốc và lễ tết của một vài dân tộc thiểu số ở Trung Quốc -Giới thiệu khái quát chủ đề Văn hóa ẩm thực	-Thuyết trình ngắn gọn, đơn giản, đảm bảo các ý chính về chủ đề Lễ tết, có trình chiếu PPT cơ bản -Nói to, rõ ràng, lưu loát	-Thuyết trình sinh động, cuốn hút, có sức thuyết phục về chủ đề Lễ tết, phát âm chuẩn, có ngữ điệu ngữ khí, kết hợp ngôn ngữ cơ thể -Trình chiếu PPT minh họa làm sáng rõ, nổi bật ý truyền đạt
Thuyết trình về chủ đề Phong tục dân gian 第一节：起名 第二节：祝寿 第三节：结婚 第四节：生子	-Hiểu biết về ý nghĩa và phong tục trong một số hoạt động của người Trung Quốc như đặt tên, chúc thọ, kết hôn, sinh con. -Giới thiệu khái quát chủ đề Phong tục dân gian	-Thuyết trình ngắn gọn, đơn giản, đảm bảo các ý chính về chủ đề Phong tục dân gian, có trình chiếu PPT cơ bản -Nói to, rõ ràng, lưu loát	-Thuyết trình sinh động, cuốn hút, có sức thuyết phục về chủ đề Phong tục dân gian, phát âm chuẩn, có ngữ điệu ngữ khí, kết hợp ngôn ngữ cơ thể -Trình chiếu PPT minh họa làm sáng rõ, nổi bật ý truyền đạt
Thuyết trình về chủ đề Xã hội	-Hiểu biết về một số vấn đề	-Thuyết trình ngắn gọn,	-Thuyết trình sinh động, cuốn hút,

第一节：人民代表大会	chính trị, xã hội, giáo dục của Trung Quốc	đơn giản, đảm bảo các ý chính về chủ đề Xã hội, có trình chiếu PPT cơ bản	có sức thuyết phục về chủ đề XÃ HỘI, phát âm chuẩn, có ngữ điệu ngữ khí, kết hợp ngôn ngữ cơ thể
第二节：政党和政协			
第三节：委员会	-Giới thiệu khái quát chủ đề Phong tục hôn nhân truyền thống	-Nói to, rõ ràng, lưu loát	-Trình chiếu PPT minh họa làm sáng rõ, nổi bật ý truyền đạt
第四节：教育			

(Sử dụng thang đo năng lực của Niemierko, có bảng mô tả kèm theo)

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Thuyết trình tiếng Hán** gồm 5 chủ đề thuyết trình liên bao gồm: Lễ nghĩa, Tư tưởng-Quan điểm, Lễ tết, Phong tục dân gian, Xã hội. Thông qua các chủ đề thuyết trình, người học được bổ sung kiến thức, nâng cao kỹ năng nói, phát triển năng lực thuyết trình về các chủ đề liên quan đến phong tục, văn hóa, xã hội.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1] 张欣,《中国社会文化礼俗》, 上海大学出版社, 2006 年

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1] 黄涛,《语言民俗与中国文化》, 人民出版社,2002 年

[4.2.2] 范慧芳 《走进中华传统节日文化》, 暨南大学出版社,2012 年

5. Nhiệm vụ của người học:

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các câu hỏi tương tác khai thác bài học; Tìm hiểu, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của buổi học.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
 - + Đọc bài, tìm hiểu nội dung bài trước khi học
 - + Kiểm tra miệng/viết trên lớp về bài cũ hoặc bài mới
 - + Thảo luận nhóm
 - + Phân tích, trình bày suy nghĩ về nội dung bài học
- Đảm bảo đủ các đầu điểm theo qui định.
 - + Kiểm tra, đánh giá thường xuyên (điểm 10%): tham dự đầy đủ các buổi học và tham gia vào các hoạt động học tập, hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao như chuẩn bị bài trước khi lên lớp, thảo luận nhóm...
 - + Kiểm tra đánh giá giữa kì (điểm 30%): thực hiện 01 bài thuyết trình theo chủ đề trong học phần. Hình thức kiểm tra: thuyết trình.
 - + Kiểm tra đánh giá cuối kì (điểm 60%): thực hiện bài thi tập trung do nhà trường tổ chức. Kết quả đánh giá là kết quả bài thi..

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Nội dung	Phương pháp và Hình thức tổ chức dạy học			Tài liệu học tập	
	Phương pháp và hình thức giảng dạy	Phương pháp và hình thức KTĐG	Thời lượng		
Thuyết trình về chủ đề Lễ nghĩa 第一节: 称呼 第二节: 问候 第三节: 见面 第四节: 请客 第五节: 送礼	-Dạy học theo phương pháp khái quát, phân tích, tổng hợp: chỉ ra các nội dung chính cần trình bày trong bài thuyết trình, thiết lập góc nhìn tổng thể để đưa ra trình tự giới thiệu, phân tích vấn đề. -Dạy học theo phương pháp kích thích tư duy: người học đưa ra nhiều hơn 01 cách dẫn dắt, giới thiệu, nhấn mạnh nội dung cần thiết -Dạy học theo phương pháp làm mẫu: giảng viên làm mẫu một số công đoạn trong bài thuyết trình, chỉ ra các động tác cần lưu ý và tác dụng của nó -Dạy học theo phương pháp thực hành: người học thực hiện hoạt động thuyết trình, chỉ ra mục đích, dụng ý của người thuyết trình -Dạy học theo nhóm: người học tự đánh	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên: căn cứ hoạt động chuẩn bị bài thuyết trình, mức độ chủ động, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp. -Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra việc thuyết trình trên lớp, việc hoàn thiện bài thuyết trình sau đánh giá.	LT	2	[4.1.1]
			BT	6	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	18	

	giá và đánh giá lẫn nhau, cho điểm lẫn nhau theo các tiêu chí đánh giá thuyết trình do giảng viên xây dựng. Từ đó người học có góc nhìn chủ quan và khách quan, đúc rút kinh nghiệm cho các lần thuyết trình tiếp theo				
Thuyết trình về chủ đề Tư tưởng-Quan điểm 第一节：长幼尊卑 第二节：自谦敬人 第三节：精神物质	-Dạy học theo phương pháp khái quát, phân tích, tổng hợp: chỉ ra các nội dung chính cần trình bày trong bài thuyết trình, thiết lập góc nhìn tổng thể để đưa ra trình tự giới thiệu, phân tích vấn đề. -Dạy học theo phương pháp kích thích tư duy: người học đưa ra nhiều hơn 01 cách dẫn dắt, giới thiệu, nhấn mạnh nội dung cần thiết -Dạy học theo phương pháp làm mẫu:	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên: căn cứ hoạt động chuẩn bị bài thuyết trình, mức độ chủ động, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp. -Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra việc thuyết trình trên lớp, việc hoàn thiện bài thuyết	LT	2	
			BT	6	
			Thảo luận	1	
			Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	

<p>第四节：男女有别 第五节：群体个人</p>	<p>giảng viên làm mẫu một số công đoạn trong bài thuyết trình, chỉ ra các động tác cần lưu ý và tác dụng của nó</p> <p>-Dạy học theo phương pháp thực hành: người học thực hiện hoạt động thuyết trình, chỉ ra mục đích, dụng ý của người thuyết trình</p> <p>-Dạy học theo nhóm: người học tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau, cho điểm lẫn nhau theo các tiêu chí đánh giá thuyết trình do giảng viên xây dựng. Từ đó người học có góc nhìn chủ quan và khách quan, đúc rút kinh nghiệm cho các lần thuyết trình tiếp theo</p>	<p>trình sau đánh giá</p>	<p>Tự học, tự nghiên cứu</p>	<p>16</p>	
<p>Thuyết trình về chủ điểm Lễ tết 第一节：节日概说 第二节：春节</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp khái quát, phân tích, tổng hợp: chỉ ra các nội dung chính cần trình bày trong bài thuyết trình, thiết lập góc nhìn tổng thể để đưa ra trình tự giới thiệu, phân tích vấn đề.</p> <p>-Dạy học theo phương pháp kích thích tư</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên: căn cứ hoạt động chuẩn bị bài thuyết trình, mức độ chủ động, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp.</p>	<p>LT BT Thảo luận Thực hành</p>	<p>1 7 1 0</p>	

<p>第三节：元宵节 第四节：中秋节 第五节：少数民族节日</p> <p>Kiểm tra giữa kì: bài thuyết trình 5 phút/người học</p>	<p>đuy: người học đưa ra nhiều hơn 01 cách dẫn dắt, giới thiệu, nhân mạnh nội dung cần thiết</p> <p>-Dạy học theo phương pháp làm mẫu: giảng viên làm mẫu một số công đoạn trong bài thuyết trình, chỉ ra các động tác cần lưu ý và tác dụng của nó</p> <p>-Dạy học theo phương pháp thực hành: người học thực hiện hoạt động thuyết trình, chỉ ra mục đích, dụng ý của người thuyết trình</p> <p>-Dạy học theo nhóm: người học tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau, cho điểm lẫn nhau theo các tiêu chí đánh gia thuyết trình do giảng viên xây dựng. Từ đó người học có góc nhìn chủ quan và khách quan, đúc rút kinh nghiệm cho các lần thuyết trình tiếp theo</p>	<p>-Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra việc thuyết trình trên lớp, việc hoàn thiện bài thuyết trình sau đánh giá</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ: Người học thực hiện bài thuyết trình 5 phút về nội dung có trong chủ đề đã được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	<p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Tự học, tự nghiên cứu</p>	<p>0</p> <p>18</p>	
<p>Thuyết trình về chủ đề Phong tục dân gian 第一节：起名</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp khái quát, phân tích, tổng hợp: chỉ ra các nội dung chính cần trình bày trong bài thuyết trình, thiết lập góc nhìn tổng thể để đưa ra trình</p>	<p>--Kiểm tra đánh giá thường xuyên: căn cứ hoạt động chuẩn bị bài thuyết trình, mức độ chủ động, tích cực</p>	<p>LT</p> <p>BT</p> <p>Thảo luận</p>	<p>2</p> <p>6</p> <p>1</p>	

第二节：祝寿 第三节：结婚 第四节：生子	tự giới thiệu, phân tích vấn đề. -Dạy học theo phương pháp kích thích tư duy: người học đưa ra nhiều hơn 01 cách dẫn dắt, giới thiệu, nhấn mạnh nội dung cần thiết -Dạy học theo phương pháp làm mẫu: giảng viên làm mẫu một số công đoạn trong bài thuyết trình, chỉ ra các động tác cần lưu ý và tác dụng của nó -Dạy học theo phương pháp thực hành: người học thực hiện hoạt động thuyết trình, chỉ ra mục đích, dụng ý của người thuyết trình -Dạy học theo nhóm: người học tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau, cho điểm lẫn nhau theo các tiêu chí đánh giá thuyết trình do giảng viên xây dựng. Từ đó người học có góc nhìn chủ quan và khách quan, đúc rút kinh nghiệm cho các lần thuyết trình tiếp theo.	tham gia các hoạt động học tập trên lớp. -Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra việc thuyết trình trên lớp, việc hoàn thiện bài thuyết trình sau đánh giá	Thực hành	0	
			Tự học có hướng dẫn	0	
			Tự học, tự nghiên cứu	18	
Thuyết trình về chủ đề Xã hội	-Dạy học theo phương pháp khái quát, phân tích, tổng hợp: chỉ ra các nội dung	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên: căn cứ hoạt động	LT	2	
			BT	6	

第一节：人民代表大会	chính cần trình bày trong bài thuyết trình, thiết lập góc nhìn tổng thể để đưa ra trình tự giới thiệu, phân tích vấn đề.	chuẩn bị bài thuyết trình, mức độ chủ động, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp.	Thảo luận	1	
第二节：政党和政协	-Dạy học theo phương pháp kích thích tư duy: người học đưa ra nhiều hơn 01 cách dẫn dắt, giới thiệu, nhấn mạnh nội dung cần thiết	-Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra việc thuyết trình trên lớp, việc hoàn thiện bài thuyết trình sau đánh giá	Thực hành	0	
第三节：委员会	-Dạy học theo phương pháp làm mẫu: giảng viên làm mẫu một số công đoạn trong bài thuyết trình, chỉ ra các động tác cần lưu ý và tác dụng của nó		Tự học có hướng dẫn	0	
第四节：教育	-Dạy học theo phương pháp thực hành: người học thực hiện hoạt động thuyết trình, chỉ ra mục đích, dụng ý của người thuyết trình		Tự học, tự nghiên cứu	18	
	-Dạy học theo nhóm: người học tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau, cho điểm lẫn nhau theo các tiêu chí đánh giá thuyết trình do giảng viên xây dựng. Từ đó người học có góc nhìn chủ quan và khách quan, đúc rút kinh nghiệm cho các lần thuyết trình tiếp theo				

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Kết quả học tập của người học được đánh giá liên tục trong suốt quá trình bằng các hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

(mỗi đầu điểm được đánh giá theo thang điểm 10)

Năng lực cần đạt và yêu cầu	Nội dung và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá		Thời điểm đánh giá	Người đánh giá
<p>Điểm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo chuyên cần. - Thái độ học nghiêm túc, tích cực, chủ động trong học tập. - Làm đủ và đúng các BT giảng viên giao. - Năng lực tự học, tự nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Đánh giá chuyên cần và công tác chuẩn bị bài thuyết trình trước khi lên lớp. - Phương pháp đánh giá thường xuyên: kiểm tra việc thuyết trình trên lớp mỗi buổi học, sự chủ động tích cực tham gia các hoạt động đánh giá tương tác trên lớp, việc hoàn thiện bài thuyết trình sau đánh giá - Hình thức: thuyết trình. 	10 %	Đánh giá thường xuyên	Giảng viên
<p>Điểm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nắm vững các vấn đề học đến thời điểm kiểm tra. - Năng lực tự học, nghiên cứu - Năng lực sáng tạo, tư duy - Năng lực tìm kiếm tài liệu, xử lí các thông tin, các nội dung 	<ul style="list-style-type: none"> -Bài thuyết trình 5 phút - Nội dung: Đánh giá mức độ lĩnh hội kiến thức đã học, năng lực xác định và giải quyết vấn 	30 %	Trong quá trình học	Giảng viên

<p>của học phần.</p>	<p>đề, khả năng vận dụng kiến thức để hoàn thành nhiệm vụ học tập của người học.</p> <p>- Phương pháp đánh giá: căn cứ kết quả thuyết trình 5 phút.</p> <p>- Hình thức kiểm tra: Thuyết trình Thời gian 5 phút; Nội dung: kiến thức đã được học đến thời điểm kiểm tra.</p>			
<p>Điểm 3</p> <p>- Nắm vững các nội dung, vấn đề được học trong toàn học phần.</p> <p>- Năng lực tái hiện kiến thức, năng lực tư duy, phân tích, giải quyết vấn đề trong học phần.</p>	<p>-Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ của người học sau khi học xong học phần.</p> <p>Mục đích đánh giá chủ yếu tập trung vào năng lực vận dụng, giải quyết vấn đề của người học.</p> <p>Phương pháp đánh giá: Thuyết trình; Thời gian: 5 phút; Nội dung: kiến thức được học trong học phần.</p>	<p>60 %</p>	<p>Cuối học phần</p>	<p>Nhà trường tổ chức thi</p>

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy học học phần

- Qui mô lớp học: tối đa 30 người học
- Thiết bị dạy học: máy chiếu, ti vi, máy vi tính, phần mềm Microsoft Office (word, excel, powerpoint)
- Địa điểm dạy học: tại trường

**THỐNG KÊ GIÁO TRÌNH GIẢNG DẠY
CHƯƠNG TRÌNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC**

T	HỌC PHẦN	C	GIÁO TRÌNH BẮT BUỘC	GIÁO TRÌNH THAM KHẢO
	TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 1		Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình Hán ngữ tập 1 – quyển thượng; NXB Đại học sư phạm, 2003. (kèm đĩa CD)	Trần Thị Thanh Liêm; <i>Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa</i> ; NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2004
				Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục. <i>Sổ tay người học tiếng Hoa</i> ; NXB khoa học xã hội, 2012
				Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Trung Quốc – Đại học Ngoại ngữ, <i>Bài tập tiếng Trung Quốc cơ sở</i> , tập 1-2, NXB Đại học quốc gia Hà Nội
				“ <i>Bài tập luyện viết chữ Hán</i> ”, Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Trung Quốc – Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN.
	TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 2		Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình Hán ngữ tập 1 – quyển hạ; NXB Đại học sư phạm, 2003.	Trần Thị Thanh Liêm; <i>Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa</i> ; NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2004

			(kèm đĩa CD)	
				Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục. <i>Sổ tay người học tiếng Hoa</i> ; NXB khoa học xã hội, 2012
				Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Trung Quốc – Đại học Ngoại ngữ, <i>Bài tập tiếng Trung Quốc cơ sở</i> , tập 1-2, NXB Đại học quốc gia Hà Nội
				“ <i>Bài tập luyện viết chữ Hán</i> ”, Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Trung Quốc – Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN.
	TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 3	4	Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình Hán ngữ tập 2 – quyển thượng; NXB Đại học sư phạm, 2003. (kèm đĩa CD)	Lưu Vân, Thạch Bội Chi; Tài liệu luyện thi năng lực Hán ngữ - Thi trình độ Hán ngữ HSK (Cấp 3)- Tuyển tập đề thi mẫu; NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2015.
				Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục. <i>Sổ tay người học tiếng Hoa</i> ; NXB khoa học xã hội, 2012.
				Quỳnh Thiên; <i>Ngữ pháp tiếng Trung hiện đại</i> ; NXB Đại học Quốc Gia Hà nội, 2011
	TIẾNG	4	Trần Thị Thanh Liêm; Giáo	Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục.

	TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 4		trình Hán ngữ tập 2 – quyển hạ; NXB Đại học sư phạm, 2003. (kèm đĩa CD)	Sổ tay người học tiếng Hoa; NXB khoa học xã hội, 2012.
				Quỳnh Thiên; Ngữ pháp tiếng Trung hiện đại; NXB Đại học Quốc Gia Hà nội, 2011.
				呂叔湘 《现代汉语八百词》，商务印书馆, 2005.
				梅家驹 《现代汉语搭配词典》，汉语大词典出版社, 1999
	TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 5		Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình Hán ngữ tập 3 – quyển thượng; NXB Đại học sư phạm, 2003. (kèm đĩa CD)	Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục. Sổ tay người học tiếng Hoa; NXB khoa học xã hội, 2012.
				Quỳnh Thiên; Ngữ pháp tiếng Trung hiện đại; NXB Đại học Quốc Gia Hà nội, 2011.
				呂叔湘 《现代汉语八百词》，商务印书馆, 2005.
				梅家驹 《现代汉语搭配词典》，汉语大词典出版社, 1999

	TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 6		Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình Hán ngữ tập 3 – quyển thượng; NXB Đại học sư phạm, 2003. (kèm đĩa CD)	Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục. Sổ tay người học tiếng Hoa; NXB khoa học xã hội, 2012.
				Quỳnh Thiên; Ngữ pháp tiếng Trung hiện đại; NXB Đại học Quốc Gia Hà nội, 2011.
				呂叔湘 《现代汉语八百词》，商务印书馆, 2005.
				梅家驹 《现代汉语搭配词典》，汉语大词典出版社, 1999
	KỸ NĂNG NGHE 1		毛悦, 《汉语听力速成-基础篇》, 北京语言大学出版社 + CD, 2010	Khuong Lệ Bình, Giáo trình chuẩn HSK 3, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh
				Khuong Lệ Bình, Giáo trình chuẩn HSK 3 (sách bài tập), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh
	KỸ NĂNG NÓI 1		路志英, 《发展汉语中级口语 (I)》, 北京语言大学出版社, 2011 年	Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, <i>Khẩu ngữ thường dùng trong tiếng Hán hiện đại</i> , Nhà xuất bản tổng hợp HCM, 2009

				马箭飞,《汉语口语速成初级篇》,北京语言大学出版社,2014
	KỸ NĂNG ĐỌC 1		周小兵,《汉语中级阅读教程》I,北京语言大学出版社,2008	彭志平编著,《汉语阅读教程》第三册,北京语言大学出版社,2010
0	KỸ NĂNG VIẾT 1		赵建华,祝秉耀,《汉语写作教程》二年级,上篇,北京语言大学出版社,2015	何立荣,《留学生汉语写作进阶》,北京大学出版社,2003
				陈作宏,《体验汉语写作教程》初级,高等教育出版社第1版,2007
				鹿士义,《汉语写作教程-初级A种本》(上),北京语言大学出版社第5版,2012
				Gia Linh,“Tập viết tiếng Trung - Bài tập luyện viết tiếng Trung theo tranh”,NXB Hà Nội,2009
1	KỸ NĂNG NGHE 2		毛悦,《汉语听力速成-	Khuong Lê Bình, Giáo trình chuẩn HSK 3, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí

			基础篇》,北京语言大学出版社 + CD, 2010	Minh
				Khuong Lê Bình, Giáo trình chuẩn HSK 3 (sách bài tập), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh
2	KỸ NĂNG NÓI 2		路志英, 《发展汉语中级 口语 (I)》, 北京语言大学出 版社, 2011 年	Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, <i>Khẩu ngữ thường dùng trong tiếng Hán hiện đại</i> , Nhà xuất bản tổng hợp HCM, 2009
				马箭飞, 《汉语口语速成初级篇》, 北京语言大学出版社, 2014
3	KỸ NĂNG ĐỌC 2		周小兵, 《汉语中级阅读 教程》II, 北京语言大学出版 社, 2008	吴成年, 《读报纸学中文——中级汉 语报刊阅读》上册, 北京大学出版社, 2004
4	KỸ NĂNG VIẾT 2		赵建华, 祝秉耀, 《汉语 写作教程》二年级, 上篇, 北 京语言大学出版社, 2015	何立荣, 《留学生汉语写作进阶》, 北京大学出版社, 2003
				廖淑华 《名师教你怎样写好作文》, 吉林出版集团有限责任公司, 2011
				陈作宏, 《体验汉语写作教程》初

				级, 高等教育出版社第 1 版, 2007
5	KỸ NĂNG NGHE 3		毛悦, 《汉语听力速成- 基础篇》, 北京语言大学出版社 + CD, 2010	Khuong Lê Bình, Giáo trình chuẩn HSK 3, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh
				Khuong Lê Bình, Giáo trình chuẩn HSK 3 (sách bài tập), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh
6	KỸ NĂNG NÓI 3		章纪孝, 《高级汉语口 语》, 北京语音学院出版社, 1994	李金如,《汉语口语大全》, 华语教学 出版社, 2017
				马箭飞,《汉语口语速成 (中级篇)》, 北京语言文化大学出版社, 2015
7	KỸ NĂNG ĐỌC 3		张丽娜, 《步步高汉语阅 读教程》第五册, 北京语言大 学出版社, 2009	吴成年, 《读报纸学中文——中级汉 语报刊阅读》下册, 北京大学出版社, 2004
				张英, 《中国传统文化与现代生活— —留学生中级文化读本》, 北京大学出版 社, 2003
	KỸ NĂNG		周红, 《商务汉语写	张园《中级汉语阅读与写作教程》,

8	VIẾT 3		作》，学林出版社，2010	北京大学出版社，2007
				郭小红、高春玲，《商务写作》，西北大学出版社，2002
				Trương Văn Giới, <i>Thư tín Thương mại Hoa – Việt</i> , NXB Tổng hợp TP HCM, 2006
9	ĐẤT NƯỚC HỌC TRUNG QUỐC		Tài liệu do Bộ môn biên soạn (lưu hành nội bộ)	王衍军，《中国民俗文化》，暨南大学出版社，2011年出版
				张英、金舒年，《中国传统文化与现代生活》，北京大学出版社，2003年出版
0	LUYỆN THI HSK		Tài liệu giảng viên tự tổng hợp	国家汉办/孔子学院总部编制，许琳主任《新汉语水平考试真题集- HSK（五级）》，商务印书馆，2010
				《决胜 30 天新汉语水平考试 HSK 五级真题集》，北京语言大学出版社，2011
				梁鸿雁《精讲精练》，北京语言大学出版社。
1	TỪ VỰNG HỌC TIẾNG		万艺玲，《汉语词汇教	刘焱、汪如东、周红，《现代汉语概

	TRUNG QUỐC		程》，北京语言大学出版社， 2000	论》，上海教育出版社，2009
				程荣，《同义词大词典》，上海辞书出版社，2010
2	VĂN HỌC TRUNG QUỐC		Giảng viên biên soạn	洪子诚，《中国当代文学史》，北京大学出版社，2010年
				谢冕，洪子诚《中国当代文学作品精选》，北京大学出版社，2002年
3	NGŨ PHÁP TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI		Giáo trình “Nhập môn ngữ pháp Tiếng Hán hiện đại” (Giáo trình nội bộ)	孙德金《汉语语法教程》北京语言文化大学出版社. 2002
				朱德熙《现代汉语汉语语法教程》北京大学出版社，2014
				马真，《简明实用汉语语法教程》，北京大学出版社，2015
				房玉清《实用汉语语法》，北京大学出版社，2001
				丁声树《现代汉语语法讲话》，商务印书馆，2009

				朱德熙《语法讲义》，商务印书馆，2015
4	PHIÊN DỊCH CƠ SỞ		Nguyễn Thị Thanh Huệ, Vũ Thanh Hương, Giáo trình Phiên dịch tiếng Trung Quốc 1, 2016	赵玉兰《越汉翻译教程》，北京大学出版社，2004
				梁远等编著《实用汉越互译技巧》，民族出版社出版，2005
				Trần Thị Thanh Liêm, Hoàng Trà, “Rèn luyện kỹ năng dịch thuật Việt Hoa-Hoa Việt”, NXB văn hóa thông tin, 2008
5	BIÊN DỊCH CƠ SỞ		Nguyễn Thị Thanh Huệ, Đinh Thị Thảo, Giáo trình Biên dịch tiếng Trung Quốc 1, 2016	梁远、温日豪《实用汉越互译技巧》，民族出版社出版，2012
				范仲英《实用翻译教程》，外语教学与研究出版社，2013
				钱歌川《翻译的技巧》，北京联合出版公司，2015
6	NGŨ ÂM VĂN TỰ TIẾNG HÁN		曹文，《汉语语音教程》，北京语言大学出版社，	<u>Chu Quang Thắng, Trần Thị Thanh Liêm. Luyện ngữ âm tiếng Hán. NXB Từ Điển Bách Khoa, 2009.</u>

			2002	
			张静贤, 《汉字教程》, 北京语言大学出版社, 2005	曹文, 《汉语语音训练》, 北京大学出版社, 2008.
				(东汉) 许慎, 图解《说文解字》 (画说汉字: 1000 个汉字的故事), 陕西师范大学出版社, 2010.
7	PHƯƠNG PHÁP NCKH TRONG NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC		Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> , H. NXB Khoa học kỹ thuật, 1996	Phạm Ngọc Hàm, Ngô Minh Nguyệt, <i>Phương pháp luận NCKH</i> , NXB ĐHQGHN, 2016
			文秋芳等《应用语言学研究方法与论文写作》北京, 外语教学与研究出版社, 2004	
8	PHIÊN DỊCH NÂNG CAO		赵玉兰《越汉翻译教程》, 北京大学出版社, 2002	钱歌钊《翻译的技巧》, 北京联合出版公司, 2015
				詹成《会议口译常用语手册》, 外语教学与研究出版社, 2015
				梁远等编著《实用汉越互译技巧》,

				民族出版社出版，2005
9	BIÊN DỊCH NÂNG CAO		Giáo trình nội bộ do GV bộ môn tiếng Trung Quốc – ĐHTĐ HN biên soạn	王衍军,《中国民俗文化》,暨南大学出版社,2011年出版
				张英、金舒年,《中国传统文化与现代生活》,北京大学出版社,2003年出版
0	LÝ THUYẾT DỊCH		赵玉兰,《越汉翻译教程》,北京大学出版社,2004	梁远,《实用汉越翻译技巧》,民族出版社,2005
				Nguyễn Thiện Giáp, Từ và từ vựng học Tiếng Việt, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội
				GS Nguyễn Lân, Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam, NXB Văn học
1	DỊCH THƯƠNG MẠI		Giáo trình dịch thương mại – Tổ biên soạn 2019	Trương Văn Giới, Giáp Văn Cường, Phạm Thanh Hằng, Thư tín thương mại Hoa Việt, NXB Tổng hợp TP HCM, 2006
				Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, Giáo trình đàm thoại thương mại Hoa Việt, NXB Tp Hồ Chí Minh, 2012
				周红主编《商务汉语写作》学林出版

				社, 2010
2	DỊCH CHUYÊN ĐỀ		Tài liệu giảng viên tự tổng hợp	范仲英《实用翻译教程》，外语教学 与研究出版社, 1994
				毛荣贵《翻译技巧 111 讲》，上海交 通大学出版社, 1999
				梁远《实用汉越互译技巧》，民族出 版社出版, 2005
3	KỸ NĂNG NGHIỆP VỤ BIÊN PHIÊN DỊCH		范仲英,《实用翻译教 程》，外语教学与研究出版社	钱歌川,《翻译的技能》，北京联合 出版公司
				黄忠廉,《翻译方法论》，中国社会 科学出版社
4	DỊCH VĂN HỌC		Giảng viên bộ môn tiếng Trung Quốc – ĐH Thủ đô Hà Nội biên soạn	Trần Thị Thanh Liêm - Hoàng Trà, Rèn luyện kỹ năng dịch thuật Việt Hoa Hoa Việt, Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin
				梁远,《实用汉越互译技巧》,民族 出版社, 2005
5	TIẾNG TRUNG QUỐC KHÁCH SẠN –		Đinh Thị Thảo, Giáo trình tiếng Trung Quốc Khách sạn - Nhà hàng, 2012 (giáo trình nội	Nguyễn Ngọc Mai, Bài giảng tiếng Hán chuyên ngành Khách sạn - Nhà hàng, Trường CĐDL Hà Nội, 2008

	NHÀ HÀNG		bộ)	
6	TIẾNG TRUNG QUỐC DU LỊCH		Vũ Thanh Hương, “Tiếng Trung Du lịch”, Giáo trình nội bộ Trường ĐH Thủ Đô Hà Nội, 2012	Nguyễn Thiện Chí, Lâm Gia Bửu Trân, <i>Đàm thoại tiếng Hoa du lịch</i> , Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn
				Trần Thị Thanh Liêm ,Chu Quang Thắng, <i>Đàm Thoại tiếng Hoa du lịch</i> , Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin
				Tổng Nghi Trinh, Triệu Thanh Khôi, <i>Giao tiếp Tiếng Hoa trong mọi tình huống</i> , NXB Hồng Đức
				Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, <i>Tiếng Hoa dùng trong Du lịch</i> , NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh
7	TIẾNG TRUNG THUYẾT MINH CẢNH QUAN DU LỊCH		Thuyết minh cảnh quan du lịch Hà Nội (Giáo trình lưu hành nội bộ)	Tiếng Hán hướng dẫn du lịch, GT khoa Ngoại Ngữ Du lịch trường CĐ Du lịch Hà Nội biên soạn
				Đàm thoại Tiếng Hoa trong du lịch - thương mại, NXB Văn hoá thông tin.
				Giáo trình Tiếng Trung Du lịch, Thanh Hà , NXB ĐHQG

8	TIẾNG TRUNG QUỐC THƯƠNG MẠI		Trần Xuân Ngọc Lan- Nguyễn Thị Tân, <i>30 Bài Khẩu ngữ tiếng Hoa về ngoại thương</i> , NXB Văn Hóa Sài Gòn, 2010. (Kèm đĩa CD)	Trương Văn Giới, Giáp Văn Cường, Phạm Thanh Hằng, <i>Thư tín thương mại Hoa Việt</i> , NXB Tổng hợp TP HCM, 2006
				Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, <i>Giáo trình đàm thoại thương mại Hoa Việt</i> , NXB Tp Hồ Chí Minh, 2012
				周红主编《商务汉语写作》学林出版 社, 2010
9	NGÔN NGỮ VĂN HÓA TRUNG QUỐC		Nguyễn Thị Thanh Thủy, <i>Giáo trình tổng quan Trung Quốc. (Tập 2 Ngôn ngữ Văn hóa)</i> , Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, 2013	张健,《中国语言与文化》, 新时代出 版社, 2015年
				申小龙,《汉语与中国文化》, 复旦大 学出版社, 2008年
0	TIẾNG HÁN CỔ ĐẠI		Phạm Ngọc Hàm; <i>Giáo trình Tiếng Hán cổ đại</i> ; NXB ĐHQG Hà Nội, 2015	朱城,《古代汉语专题教程》, 中国人 民大学出版社, 2010

				邓启铜, 《论语。大学。中庸》, 南京大学出版社, 2017
1	PHIÊN DỊCH CHUYÊN NGÀNH		詹成 《会议口译常用语手册》, 外语教学与研究出版社, 2015	赵玉兰 《越汉翻译教程》, 北京大学出版社, 2004
				刘季春 《实用翻译教程》, 中山大学出版社, 2014
				梁远 《实用汉越互译技巧》, 民族出版社出版, 2005
2	BIÊN DỊCH CHUYÊN NGÀNH		Giáo trình nội bộ do GV bộ môn tiếng Trung Quốc – ĐHTĐ HN biên soạn	<i>Nhân dân nhật báo Trung Quốc (Báo giấy):</i> http://paper.people.com.cn
				<i>Nhân dân nhật báo Trung Quốc (online):</i> http://www.people.com.cn/
				Tin tức Trung Quốc: https://xw.qq.com/
				<i>Báo tin tức kinh tế Trung Quốc:</i> http://www.cet.com.cn/
				<i>Báo kinh tế thế kỷ 21 (Trung Quốc):</i> http://www.21jingji.com/
				Báo Sài gòn giải phóng online:

			http://www.sggp.org.vn/
			<i>Báo nhân dân điện tử Việt Nam:</i> http://cn.nhandan.com.vn/
			Tạp chí thông tin đối ngoại Việt Nam: http://tapchithongtindoingoi.vn/
3	ĐỐI CHIẾU NGÔN NGỮ TRUNG VIỆT	Ngô Thị Huệ ; Đối chiếu ngôn ngữ Hán – Việt lý luận và thực tiễn, NXB Khoa học xã hội, 2019	朱德熙《现代汉语语法研究》，商务 印书馆, 1980
			Lê Quang Thiêm, Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2004
			Diệp Quang Ban, Ngữ pháp tiếng Việt Tập hai, NXB Giáo dục, 2000
			Nguyễn Tài Cẩn, Ngữ pháp tiếng Việt, NXB ĐHQG Hà Nội, 1996
4	VĂN HÓA TRUNG QUỐC	Giáo trình do bộ môn tiếng Trung Quốc – ĐHTĐ Hà Nội biên soạn	张英、金舒年《中国传统文化与现代 生活》，北京大学出版社，2004
			王衍军,《中国民俗文化》，暨南大学出

				版社, 2011 年出版
5	GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA		合作编写-杜黄英、王手普、黄彩云, 越-汉跨文化交际概论, 河内国家大学出版社, 2019	田学军《交际镜像中的语言, 文化, 语用》, 天津大学出版社, 2010
6	HƯỚNG DẪN DU LỊCH VIỆT NAM		Nguyễn Thị Thanh Huệ, Thuyết minh cảnh quan du lịch Việt Nam	Tiếng Hán hướng dẫn du lịch, GT khoa Ngoại Ngữ Du lịch trường CD Du lịch Hà Nội biên soạn
				Đàm thoại Tiếng Hoa trong du lịch - thương mại, NXB Văn hoá thông tin.
				Giáo trình Tiếng Trung Du lịch, Thanh Hà, NXB ĐHQG
7	THUYẾT TRÌNH TIẾNG HÁN		张欣,《中国社会文化礼 俗》, 上海大学出版社, 2006 年	黄涛,《语言民俗与中国文化》, 人民 出版社, 2002 年
				范慧芳《走进中华传统节日文化》, 暨南大学出版社, 2012 年

Hà Nội, ngày 1 tháng 6 năm 2019

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized, cursive letters that appear to be 'H' and 'T'.

Nguyễn Thị Thanh Huệ

